

NGHI THỨC SÁM HỐI

TRƯỚC KHI TỤNG KINH

(Dùng ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh mà tụng Kinh, thời phước đức vô lượng, nên trước khi tụng Kinh cần phải sám hối, sám hối tức là làm cho ba nghiệp thanh tịnh).

Nam mô thập phương tận hư không giới nhứt thiết Chư Phật *(1 lay)*

Nam mô thập phương tận hư không giới nhứt thiết Tôn Pháp *(1 lay)*

Nam mô thập phương tận hư không giới nhứt thiết Hiền Thánh Tăng *(1 lay)*

(Quy, tay cầm hương cúng dường phát nguyện)

Nguyện mây hương mầu này
Khắp cùng mười phương cõi
Cúng dường tất cả Phật
Tôn pháp, các Bồ tát,
Vô biên chúng Thanh Văn
Và cả thầy Thánh Hiền
Duyên khởi đài sáng chói
Trùm đến vô biên cõi,
Khắp xông các chúng sanh
Đều phát lòng Bồ - đề
Xa lìa những nghiệp vọng
Trọn nên đạo Vô thượng.

(Cắm hương vào lư rồi lay 1 lay)

(Đứng chắp tay xướng)

Sắc thân Như Lai đẹp
Trong đời không ai bằng
Không sánh, chẳng nghĩ bàn
Nên nay con đánh lễ.
Sắc thân Phật vô tận
Trí huệ Phật cũng thế,
Tất cả pháp thường trú
Cho nên con về nương.
Sức trí lớn nguyện lớn
Khắp độ chúng quần sanh,
Khiến bỏ thân nóng khổ

Sanh kia nước mát vui.
Con nay sạch ba nghiệp
Quy y và lễ tán
Nguyện cùng các chúng sanh
Đồng sanh nước An Lạc
Án phạ nhựt ra vật (7 lần)

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ

(Câu này thông cả 9 câu dưới, đều xướng ở đầu câu)

- Thường Tịch Quang Tịnh độ
A Di Đà Như Lai
Pháp thân màu thanh tịnh
Khấp pháp giới chư Phật (1 lay)
- Thật Báo Trang Nghiêm độ
A Di Đà Như Lai
Thân tướng hải vi trần
Khấp pháp giới chư Phật (1 lay)
- Phương Tiện Thánh Cư độ
A Di Đà Như Lai
Thân trang nghiêm giải thoát
Khấp pháp giới chư Phật (1 lay)
- Cõi An Lạc phương Tây
A Di Đà Như Lai
Thân căn giới Đại thừa
Khấp pháp giới chư Phật (1 lay)
- Cõi An Lạc phương Tây
A Di Đà Như Lai
Thân hóa đến mười phương
Khấp pháp giới chư Phật (1 lay)
- Cõi An Lạc phương Tây
Giáo hạnh lý ba Kinh
Tột nói bày y chánh
Khấp pháp giới Tôn Pháp (1 lay)

- Cõi An Lạc phương Tây
Quán Thế Âm Bồ Tát
Thân tử kim muôn ức
Khắp pháp giới Bồ Tát (1 lay)

- Cõi An Lạc phương Tây
Đại Thế Chí Bồ Tát
Thân trí sáng vô biên
Khắp pháp giới Bồ Tát (1 lay)

- Cõi An Lạc phương Tây
Thanh tịnh đại hải chúng
Thân Phước, Trí trang nghiêm
Khắp pháp giới Thánh chúng (1 lay)

(Đứng chấp tay nguyện)

“Con nay khắp vì bốn ơn ba cõi cùng chúng sanh trong pháp giới, đều nguyện dứt trừ ba chướng⁽¹⁾ quy mạng⁽²⁾ sám hối⁽³⁾”

(Lay 1 lay, quỳ chấp tay Sám hối)

Chí tâm sám hối:

Đệ tử... và chúng sanh trong pháp giới, từ đời vô thủy đến nay, bị vô minh che đậy nên điên đảo mê lầm, lại do sáu căn ba nghiệp⁽⁴⁾ quen theo pháp chẳng lành, rộng phạm mười điều dữ cùng năm tội vô gián⁽⁵⁾ và tất cả tội khác, nhiều vô lượng vô biên nói không thể hết. Mười phương các Đức Phật thường ở trong đời, pháp âm không dứt, hương màu đầy lấp, pháp vị ngập tràn, phóng ánh sáng sạch chiếu soi tất cả. Lý màu thường trụ đầy đầy hư không.

Con từ vô thủy đến nay, sáu căn che mờ, ba nghiệp tối tăm, chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng hay, chẳng biết, vì non duyên đó trôi lăn trong vòng sanh tử, trải qua các đường dữ⁽⁶⁾, trăm nghìn muôn kiếp trọn không lúc nào ra khỏi. - Kinh dạy : “Đức Tỳ Lô Giá Na thân khắp cả chỗ, chỗ của Phật ở gọi là Thường Tịch Quang, cho nên phải biết cả thấy các pháp đều là Phật pháp, mà con không rõ lại theo dòng vô minh. Vì thế, trong trí Bồ đề, thấy không thanh tịnh, trong cảnh giải thoát mà sanh ràng buộc. Nay mới tỏ ngộ, nay mới chừa bỏ ăn năn, phụng đối trước các Đức Phật và A Di Đà Thế Tôn phát lồ⁽⁷⁾ sám hối, làm cho đệ tử cùng pháp giới chúng sanh, tất cả tội nặng do ba nghiệp sáu căn gây tạo từ vô thủy, hoặc hiện tại cùng vị lai, chính mình tự gây tạo hoặc bảo người, hay thấy nghe người gây tạo mà vui theo, hoặc nhớ hoặc quên, hoặc biết, chẳng biết, hoặc nghi chẳng nghi, hoặc che dấu hoặc chẳng che dấu, thấy đều

được rớt ráo thanh tịnh.

Đệ tử sám hối rồi, sáu căn cùng ba nghiệp trong sạch, không lỗi lầm, căn lành tu tập cũng trọn thanh tịnh, thấy đều hồi hướng dùng trang nghiêm Tịnh độ, cùng với chúng sanh, đồng sanh về nước An Dưỡng.

Nguyện Đức A Di Đà Phật thường đến hộ trì, làm cho căn lành của đệ tử hiện tiền tăng tấn, chẳng mất như duyên Tịnh độ, đến giờ lâm chung, thân an niệm chánh vững vàng, xem nghe rõ ràng, tận mắt thấy Đức A Di Đà cùng các Thánh chúng, tay cầm đài hoa tiếp dẫn đệ tử, trong một khoảnh khắc sanh ra trước Phật, đủ đạo Bồ tát, rộng độ chúng sanh đồng thành Phật đạo.

Đệ tử sám hối phát nguyện rồi quy mạng đánh lễ : Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới, Đại từ Đại bi, A Di Đà Như Lai, biến pháp giới Tam Bảo. (1 lạy)

(Lạy xong tiếp nghi thức tụng Kinh...)

NGHI THỨC TRÌ TỤNG

BÀI TÁN LƯ' HƯƠNG

Lư hương vừa ngùn chiên đàn,
Khói thơm ngào ngạt muôn ngàn cõi xa!
Lòng con kính ngưỡng thiết tha,
Ngửa mong chư Phật thương mà chứng minh.
Nam mô Hương Cúng Đường Bồ tát Ma Ha Tát. (3 lần)

CHƠN NGÔN TỊNH PHÁP GIỚI

Án lam (7 lần)

(Trì chú này thời thân tâm, cảnh vật đều thanh tịnh)

CHƠN NGÔN TỊNH KHẨU NGHIỆP

Tu rị tu rị, ma ha tu rị, tu tu rị ta bà ha.

(3 lần)

(Trì chú này thời hơi miệng trong sạch).

CHƠN NGÔN TỊNH BA NGHIỆP

Án ta phạ, bà phạ thuật đà ta phạ, đạt mạ ta phạ, bà phạ thuật độ hám. (3 lần)

(Trì chú này thời thân, miệng, lòng đều trong sạch)

CHƠN NGÔN PHỔ CÚNG DƯỜNG

Án nga nga nằng, tam bà phạ, phiệt nhựt ra hồng. (3 lần)

(Trì chú này thời hoa hương cùng tiếng tụng niệm sẽ khắp cúng dường cả mười phương)

BÀI VĂN PHÁT NGUYỆN

Nam mô Thập phương Thường trụ Tam Bảo. (3 lần)

Kính lạy Đấng Tam giới Tôn,

Quy mạng cùng mười phương Phật.

Con nay phát nguyện rộng

Thọ trì Kinh Lăng Nghiêm

Trên đền bốn ơn nặng

Dưới cứu khổ tam đồ

Nếu có kẻ thấy nghe

Đều phát lòng Bồ đề

Hết một báo thân này

Sanh qua cõi Cực Lạc.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)

BÀI KỆ KHAI KINH

Pháp vi diệu rất sâu vô thượng

Trăm nghìn muôn ức kiếp khó gặp

Con nay thấy nghe được thọ trì

Nguyện hiểu nghĩa chơn thật của Như Lai.

Nam mô Lăng Nghiêm Hội thượng Phật, Bồ tát. (3 lần)

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Mục lục

- Nghi thức Sám hối
 - Nghi thức Trì tụng
 - **Kinh Thủ Lăng Nghiêm quyển 1**
 - Phần thứ nhất: Tựa
 - Phần thứ hai: Chánh tông
 - Mục I: Chỉ rõ tánh thấy
 - **Kinh Thủ Lăng Nghiêm quyển 2**
 - Mục II: Phật nêu tánh thấy ra ngoài nghĩa phải và chẳng phải
 - Mục III: Phá các thuyết nhơn duyên, tự nhiên để chỉ bày sự thật nhận thấy cái tánh thấy
 - Mục IV: Chỉ ra cái nhận thức sai lầm để hiển bày Tánh Thấy chơn thật
 - Mục V: Tổng thâu bốn khoa, bày đại về Như Lai tạng để phát khởi chơn ngộ
 - **Kinh Thủ Lăng Nghiêm quyển 3**
 - **Kinh Thủ Lăng Nghiêm quyển 4**
 - Mục VI: Chỉ rõ sự tiếp tục giả dối sanh ra và các đại không ngăn ngại lẫn nhau
 - Mục VII: Chỉ tánh Diệu Minh hợp về Như Lai tạng rời cả hai nghĩa: ‘Phi và Tức’
 - Mục VIII: Chỉ mê vọng không có nhơn, hết mê tức là Bồ đề (giác ngộ)
 - Mục IX: Lại bác nghĩa nhơn duyên, tự nhiên và trách chỉ biết nghe nhiều
 - Mục X: Chỉ nghĩa quyết định
 - Mục XI: Đánh chuông nghiệm tánh thường
 - **Kinh Thủ Lăng Nghiêm quyển 5**
 - Chương 1: Nương chỗ ngộ mà viên tu
 - Mục I: Nêu ra căn để chỉ chỗ mê
 - Mục II: Cột khăn để chỉ đầu gút
 - Mục III: Chỉ cách mở gút trước sau.
 - Mục IV: Gạn hỏi đại chúng về chỗ viên thông
 - **Kinh Thủ Lăng Nghiêm quyển 6**
 - Mục V: Chỉ chính chỗ viên tu
 - Chương 3: Để lại khuôn phép tu hành rộng rãi
 - Mục I: Nhân ông A Nan xin cứu độ đời vị lai - Phật nêu chung ra ba nghĩa quyết định
 - Mục II: Chỉ bày bốn lời dạy bảo rõ ràng và quyết định
 - **Kinh Thủ Lăng Nghiêm quyển 7**
 - Mục III: Phật khai thị về Mật giáo thâm giúp những người tu hành
 - Mục IV: Khai thị những phép tắc lập đạo tràng tu trì
 - Mục V: Tuyên nói tâm chú rộng khai thị những lợi ích
 - Mục VI: Khai thị vị trí tu chứng trước và sau
 - **Kinh Thủ Lăng Nghiêm quyển 8**
 - Chương IV: Phân biệt chín chấn nghiệp quả, phân tách kỹ về tà ma ngoại đạo
 - Mục I: Hỏi về vọng tưởng tập khí sẵn có, sanh khởi ra lục đạo
 - Mục II: Hỏi về việc bác không nhơn quả bị sa vào địa ngục và về nghiệp chung, nghiệp riêng
 - Mục III: Khai thị phần trong, phần ngoài của chúng sanh
 - Mục IV: Chỉ ra mười tập nhơn, sáu đường giao báo
 - Mục V: Tu nhơn riêng biệt, thành quả hư vọng
 - Mục VI: Các cõi trời sai khác
 - **Kinh Thủ Lăng Nghiêm quyển 9**
 - Mục VII: Khai thị chỗ hư vọng của bảy loài, để khuyến tu theo chánh pháp
 - Mục VIII: Phân biệt các âm ma
 - **Kinh Thủ Lăng Nghiêm quyển 10**
 - Mục IX: Chỉ rõ các thứ lớp tiêu diệt các âm và giới hạn phạm vi của các âm
- Phần thứ ba: Lưu thông**
- Chương 1: Lưu thông của kinh này**
 - Chương 2: Lưu thông chung**
- **Phần Hồi hướng**
 - **Phần Thích nghĩa**

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Quyển 1

* * *

- Phần thứ nhứt: TỰA

Chương 1: Tựa chung

Đoạn 1 - Sáu thứ chứng tín

Tôi nghe như vậy¹: Một thuở nọ, Phật trụ tại Tinh xá Kỳ Hoàn² trong thành Thất La Phiệt³, câu hội cùng chúng Đại Tỳ Kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Tất cả đều là bậc đã chứng quả vô lậu Đại A La Hán, đều là đại đệ tử của Phật, trụ trì khắp mọi nơi, khéo vượt qua các cõi, khéo ở trong quốc độ thành tựu oai nghi, theo Phật chuyển pháp luân, hay nhận lời di chúc của Phật, giữ giới trong sạch để làm mô phạm cho ba cõi, ứng thân không lường độ thoát chúng sanh, cứu vớt đời vị lai vượt khỏi các điều trần lụy. Các vị ấy là: Đại Trí Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Đại Câu Hi La, Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, Ưu Ba Ni Sa Đà ... làm Thượng thủ⁴.

Lại có vô lượng Bích Chi⁵ vô học và các hàng sơ tâm đồng đến chỗ Phật. Hôm ấy, nhằm ngày chư Tỳ Kheo mãn hạ Tự Tứ, các vị Bồ Tát trong mười phương đến cầu xin giải quyết tâm nghi, đồng kính thỉnh Phật nói pháp yếu.

Bấy giờ, Phật đã ngồi yên trên tòa, vì trong hội chúng tuyên nói nghĩa thâm áo. Chúng hội thanh tịnh được điều chưa từng có. Tiếng Phật vang như tiếng chim Ca Lăng⁶ khắp mười phương cõi nước. Hàng sa Bồ Tát đến nhóm họp nơi đạo tràng, Ngài Văn Thù Sư Lợi làm Thượng thủ.

Chương 2 - Tựa riêng

NGUYÊN DO A NAN MẮC NẠN, PHẬT NÓI KINH

Hôm ấy nhằm ngày kỵ giỗ của vua cha, vua Ba Tư Nặc⁷ thiết lễ trai nghi, sắm sửa nhiều thức ăn ngon lạ quý báu, đích thân thỉnh Phật và các vị Bồ Tát vào cung cúng dường. Đồng thời trong thành có các vị trưởng giả, cư sĩ cũng thiết lễ trai Tăng thỉnh Phật đến cúng. Phật bảo Ngài Văn Thù phân chia các vị Bồ Tát và A La Hán đến nhà trai chủ dự lễ cúng dường.

Riêng Ông A Nan vì trước đã có nhận người thỉnh riêng, đi xa chưa về, nên không kịp dự vào hàng Tăng chúng. Trên đường về ông chỉ đi một mình, không có các vị Thượng Tọa và A Xà Lê.

Vì hôm ấy không được ai cúng dường, nên ông mang bát vào thành theo thứ lớp khát thực. Trong tâm ông chỉ mong cầu được vị Đàn Việt⁸ rót sau cúng dường, ông khởi lòng từ bi không chọn lựa giòng giống, sang hèn, nghèo giàu, chỉ một lòng bình đẳng khát thực, mong sao cho tất cả chúng sanh đều được viên thành vô lượng công đức.

Ông A Nan vốn biết Đức Như Lai Thế Tôn thường quở trách ông Tu Bồ Đề⁹ và Đại Ca Diếp¹⁰ tuy đã chứng quả A La Hán mà tâm không bình đẳng. Ông kính vâng lời dạy

vô giá của Đức Như Lai để khỏi các điều nghi ngờ và chê bai của mọi người. Ông sửa oai nghi nghiêm chỉnh thông thả vào cửa thành theo đúng pháp thức hóa trai.

Khi ấy ông A Nan nhơn theo thứ lớp khát thực ngang qua nhà của một dâm nữ tên Ma Đăng Già, liền bị nàng ta dù ng đại huyễn thuật của Ta Tỳ Ca La Tiên Phạm Thiên¹¹ bắt vào phòng dâm, dựa kê vuốt ve khiến ông A Nan sắp mất giới thể.

Đức Như Lai biết A Nan bị dâm thuật kia gia hại, nên khi thọ trai xong liền về. Vua, Đại thần, Trưởng giả, Cư sĩ đều theo Phật mong được nghe pháp yếu. Khi ấy, trên đánh Đức Thế Tôn phóng hào quang vô úy trăm báu sáng rỡ¹², trong hào quang hện ra hoa sen báu ngàn cánh, có hóa thân Đức Phật ngồi kết già, tuyên nói thần chú, bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi đem thần chú đến cứu hộ A Nan, khiến cho ác chú tiêu diệt, rồi dẫn A Nan và Ma Đăng Già về đến chỗ Phật.

Ông A Nan gặp Phật, liền đánh lễ dưới chân Phật, khóc lóc hỏi hận từ vô thủy đến nay chỉ lo một bề học rộng, nên chưa toàn đạo lực. Ông thiết tha thỉnh Phật dạy cho pháp Xa Ma Tha¹³, Tam Ma¹⁴, Thiên Na¹⁵ là phương tiện ban đầu của mười phương các Đức Như Lai chứng được đạo quả giác ngộ.

Khi ấy có hằng sa Bồ Tát và Đại A La Hán, Bích Chi Phật ... từ mười phương đến thấy đều mong mỗi được nghe pháp yếu, tất cả lui về chỗ ngồi im lặng chờ nghe lời Phật dạy.

- Phần thứ hai: CHÁNH TÔNG

Đoạn 1 - Chỉ ngay chỗ viên ngộ

Phật bảo A Nan: “Ông với ta là anh em đồng một giòng họ, khi mới phát tâm đời trong giáo pháp của ta, ông do thấy tướng thù thắng gì mà bỏ ái ân sâu nặng thế gian để xuất gia?”.

A Nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Do con thấy ba mươi hai tướng tốt của Đức Thế Tôn thù thắng tuyệt vời, hình thể sáng chói như ngọc lưu ly. Con thường tự suy nghĩ, hảo tướng này không phải do ái dục sanh. Vì sao? Vì giống ái dục vốn thô trược, giao cấu như bản, tinh huyết lẫn lộn, không thể sanh được thân thể thù thắng trong sạch sáng suốt như khối vàng tía, do đó mà con khát ngưỡng cạo tóc xuất gia”.

Phật bảo: “Lành thay, A Nan! Các ông phải biết: Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, sanh tử tiếp nối đều do chẳng nhận biết Chơn Tâm Thường Trú tánh thể trong sạch sáng suốt mà chỉ nhận các vọng tưởng; vì các vọng tưởng chẳng phải chơn thật, nên mới bị luân chuyển.

Nay ông muốn nghiên cứu quả vị Vô Thượng Bồ Đề¹⁶, phát minh Chơn tánh, ông phải trực tâm¹⁷ đáp lời ta hỏi. Mười phương các Đức Như Lai được ra khỏi sanh tử đều chỉ một con đường trực tâm. Tâm và lời nói đều ngay chánh, như thế trải qua các địa vị trước, sau, khoảng giữa vẫn không có tướng cong vạy.

A Nan! Nay ta hỏi ông, trong khi phát tâm, do ông thấy ba mươi hai tướng tốt của Như Lai. Vậy ông lấy cái gì để thấy¹⁸ và lấy cái gì để ưa thích¹⁹?”

A Nan bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Sự ưa thích như thế là do tâm và mắt của

con. Do mắt thấy tướng tốt của Như Lai, tâm sanh ưa thích, nên con phát tâm nguyện xả sanh tử.”

Phật bảo: “A Nan! Như ông đã nói, thật chỗ ưa thích là do tâm và mắt, nếu chẳng biết tâm và mắt ở chỗ nào thì không thể hàng phục được trần lao.

Ví như vị Quốc vương bị giặc đến xâm chiếm đất đai, bờ cõi, muốn đem binh dẹp trừ, binh ấy cần phải biết chỗ giặc ở mới dẹp được. Cái khiến cho ông lưu chuyển sanh tử chính là lỗi ở tâm và mắt. Vậy nay ta hỏi ông tâm và mắt hiện ở chỗ nào?”

Đoạn 2 - Chấp tâm ở trong thân

A Nan bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Tất cả mười loài sanh²⁰ trong thế gian đồng cho rằng thức tâm ở trong thân, dù cho con mắt như hoa sen xanh của Đức Như Lai cũng ở trên mặt của Phật. Nay con xem căn thô phù của bốn trần cũng chỉ trên mặt con, cái thức tâm như thế thật ở trong thân con”.

Phật bảo: “A Nan! Ông cùng với đức Như Lai hiện ngồi trong giảng đường, vậy hãy xem rừng Kỳ Đà đang ở chỗ nào?”

- Bạch đức Thế Tôn! Giảng đường lớn có nhiều tầng thanh tịnh này ở trong vườn ông Cấp Cô Độc, rừng Kỳ Đà hiện ở ngoài giảng đường.

- A Nan! Ông đang ở trong giảng đường, trước hết ông thấy cái gì?

- Bạch Thế Tôn! Con ở trong giảng đường trước thấy Như Lai, kế thấy Đại chúng, khi nhìn ra ngoài mới trông thấy rừng cây.

- Này A Nan! Ông xem thấy rừng cây là nhơn đâu ?

- Bạch Thế Tôn! Giảng đường lớn này do cửa mở rộng, con ở trong giảng đường thấy suốt ngoài xa.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ở giữa đại chúng duỗi cánh tay sắc vàng xoa đầu ông A Nan, rồi bảo A Nan và cả đại chúng: “Ta có pháp Tam ma đề²¹ gọi là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Vương đầy đủ muôn hạnh, là một cửa siêu xuất của mười phương các đức Như Lai tiến lên quả vị nhiệm mầu, nay ông phải nghe kỹ.” A Nan đánh lễ kính nhận lời Phật dạy.

Phật bảo: “A Nan! Như ông vừa nói, thân ở trong giảng đường do cửa mở rộng nhìn xa thấy vườn rừng, vậy có người nào ở trong giảng đường này chẳng thấy Như Lai mà lại thấy vật bên ngoài không?”

A Nan thưa: “Bạch Thế Tôn! Ở trong giảng đường chẳng thấy Như Lai mà lại thấy rừng suối bên ngoài là vô lý.”

- Này A Nan! Ông cũng như vậy, tâm linh của ông tất cả đều sáng suốt rõ ràng. Nếu tâm sáng suốt rõ ràng, hiện tiền thật ở trong thân ông, thì trước phải biết trong thân ông. Và lại có người nào trước thấy trong thân sau mới thấy cảnh vật bên ngoài chẳng? Dầu chẳng thấy tim, gan, tỳ, vị, nhưng móng tay ra, tóc dài, gân chuyễn, mạch động lẽ ra phải biết, tại sao không biết? Đã không biết vật trong thân, làm sao biết vật ngoài thân?

Thế nên phải biết, ông nói tâm hay biết này ở trong thân ông, thật không đúng.

Đoạn 3 - Chấp tâm ở ngoài thân

Ông A Nan cúi đầu đánh lễ và bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Con nghe pháp âm

của đức Như Lai như thế nên hiểu biết tâm con thật ở ngoài thân. Tại sao? Thí như ngọn đèn sáng, nếu đốt ở trong nhà, thì đèn trước ắt phải chiếu trong nhà, rồi theo cửa ánh sáng mới chiếu ra ngoài sân. Tất cả chúng sanh sở dĩ chẳng thấy ở trong thân mà chỉ thấy ngoài thân cũng như ngọn đèn sáng để ngoài nhà, nên không soi sáng được bên trong. Nghĩa này hẳn đã rõ ràng, chưa biết có đúng với nghĩa rốt ráo của Như Lai nói hay không?”

Phật bảo A Nan: “Vừa rồi các thầy Tỳ kheo theo ta khát thực trong thành Thất La Phiệt, nay đã trở về rừng Kỳ Đà. Ta thọ trai xong, ông xem các thầy Tỳ kheo, khi một người ăn, các người khác có no chăng?”

A Nan thưa: “Bạch Thế Tôn, không no được, tại sao? Vì các vị Tỳ kheo đây tuy đã chứng quả A La Hán, nhưng thân mạng không đồng, làm sao một người ăn mà tất cả đều no được!”

Phật bảo A Nan: “Nếu tâm thấy nghe hiểu biết thật ở ngoài thân ông, thì thân tâm phải rời nhau tự không liên hệ với nhau. Vậy cái gì tâm biết, ắt thân không biết, cái gì thân biết, thì tâm đâu thể biết. Nay ta đưa cánh tay Đâu La Miên²² cho ông xem, khi mắt ông thấy, tâm có phân biệt chăng?”

Ông A Nan: “Bạch đức Thế Tôn! Có”.

Phật bảo: “A Nan! Nếu thân tâm biết nhau, tại sao ông nói tâm ở ngoài thân? Thế nên phải biết, ông nói tâm thấy nghe hiểu biết ở ngoài thân, thật sai rồi.”

Đoạn 4 - Cháp tâm núp trong con mắt

A Nan bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Như lời Phật dạy, vì chẳng thấy bên trong, nên chẳng phải ở trong thân, vì thân tâm biết nhau chẳng rời, nên chẳng phải ở ngoài thân. Nay con suy nghĩ biết nó ở một chỗ!”

Phật hỏi: “Ông biết nó ở chỗ nào?”

A Nan thưa: “Tâm rõ biết này, nó đã chẳng biết ở trong mà hay thấy bên ngoài, theo con suy nghĩ thì nó núp trong con mắt, ví như có người lấy cái chén bằng lưu ly úp trên hai con mắt, tuy có vật úp mà chẳng bị ngại, mắt kia tùy khi thấy theo đó liền phân biệt. Song tâm hay biết phân biệt của con chẳng thấy được ở trong, là vì nó ẩn trong con mắt, nhưng thấy vật bên ngoài rõ ràng không bị chướng ngại, vì tâm núp sau con mắt”.

Phật bảo A Nan: “Như ông vừa nói tâm núp trong con mắt như con mắt núp sau chén lưu ly. Vậy người kia chính khi dùng chén lưu ly úp trên con mắt thì trong lúc xem thấy núi sông họ có thấy chén lưu ly không?”

Bạch Thế tôn! Đúng thế. Người ấy chính khi úp chén lưu ly trên con mắt, họ vẫn thấy chén lưu ly.

Phật bảo: “A Nan! Nếu tâm ông núp sau con mắt, như con mắt núp sau chén lưu ly, thì chính khi xem thấy núi sông sao chẳng thấy con mắt? Nếu ông cho thấy là con mắt, thì con mắt đồng với cảnh bị thấy, chẳng thành nghĩa tùy thấy. Còn nếu chẳng thấy con mắt, tại sao ông nói tâm hiểu biết này núp trong con mắt như con mắt núp sau chén lưu ly. Thế nên ông nói tâm hiểu biết rõ ràng núp trong con mắt, như con mắt núp sau chén lưu ly là vô lý”.

Đoạn 5 - Mở nhắm sáng tối

A Nan bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Nay con suy nghĩ thế này: thân chúng sinh tạng phủ ở trong, khiêu huyết ở ngoài, có tạng phủ thì tối, có khiêu huyết thì sáng. Nay con đối trước Phật, mở mắt thấy sáng, gọi là thấy ngoài, nhắm mắt thấy tối gọi là thấy trong. Nghĩa ấy có đúng chăng?”

Phật bảo: “A Nan! Khi ông nhắm mắt thấy tối, cảnh tối này là đối trước mắt hay không đối? Nếu đối trước mắt thì cái tối ấy là ở trước mắt, chứ đâu phải ở trong. Nếu thành ở trong, thì khi ông vào nhà tối không mặt trời, mặt trăng và đèn, cái tối trong nhà này đều là tạng phủ của ông sao? Còn nếu chẳng đối trước mắt thì đâu thành nghĩa thấy. Gác lại cái thấy đối bên ngoài, mà cho rằng con mắt đối vào trong nên thấy tối, thì khi nhắm mắt thấy tối gọi là thấy trong thân, mở mắt thấy sáng sao lại chẳng thấy cái mặt? Nếu chẳng thấy được mặt thì nghĩa đối vào trong chẳng lập. Nếu ông cho là thấy được cái mặt, thì tâm rõ biết này và con mắt phải ở ngoài hư không, đâu phải ở trong. Nếu ở ngoài hư không thì tự nó chẳng phải là thể của ông, lẽ ra nay Như Lai thấy mặt của ông cũng là thân của ông sao? Và như thế khi con mắt ông biết thì thân ông phải không biết. Nếu ông cho thân và mắt đều biết, thì phải thành hai cái biết, vậy một thân ông nên thành hai vị Phật. Thế nên phải biết, ông nói thấy tối là thấy trong thân là không đúng”.

Đoạn 6 - Tâm tùy chỗ hòa hợp mà có

A Nan bạch: “Con thường nghe Phật dạy hàng tứ chúng: do tâm sanh nên các pháp sanh, do pháp sanh nên các tâm sanh²³. Nay con suy nghĩ, tức cái thể suy nghĩ ấy là tâm con, tùy chỗ nào hợp, tâm ấy theo đó mà có, chẳng phải ba chỗ trong, ngoài và chặng giữa.

Phật bảo: “A Nan! Nay ông nói, do pháp sanh nên các thứ tâm sanh, tùy hợp chỗ nào, tâm theo đó liền có, tâm ấy nếu không có tự thể, ấy không có chỗ hợp. Nếu không có tự thể mà có thể hợp thì cũng như giới thứ mười chín²⁴ hơn nơi trần thứ bảy²⁵ mà hợp, nghĩa ấy không đúng! Còn nếu có tự thể thì như ông lấy tay gãi trên thân, chỗ tâm ông biết là từ ở trong thân ra, hay từ ở ngoài vào? Nếu từ trong thân ra, thì lại phải trở lại thấy trong thân, nếu từ ngoài vào, thì trước phải thấy mặt của ông.”

A Nan bạch: “Thấy là con mắt, còn tâm thì biết chứ không phải thấy như con mắt. Phật nói tâm thấy là không đúng.”

Phật bảo: “Nếu mắt thấy, vậy khi ông ở trong nhà, cái cửa có thể thấy được chăng? Và lại những người đã chết con mắt họ vẫn còn, đáng lẽ họ đều thấy được vật. Nếu thấy được vật đâu thể gọi là người chết?

Này A Nan! Lại tâm hiểu biết của ông, nếu có tự thể vậy là một thể hay nhiều thể? Nó ở trong thân ông là khắp cả thân, hay chẳng khắp cả thân? Nếu có một thể thì khi ông lấy tay gãi một chỗ trên thân, lẽ ra tất cả chỗ đều có cảm giác. Nếu tất cả chỗ đều có cảm giác, thì chỗ gãi không nhất định. Nếu chỗ gãi có nhất định thì nghĩa một thể của ông không thành. Nếu nhiều thể thì thành nhiều người. Vậy cái nào là thể của ông? Nếu ở khắp thân thì đồng như trước kia không biết được chỗ gãi. Nếu chẳng khắp thân thì khi ông đứng trên đầu đồng thời chạm dưới chân, khi đầu có biết, chân phải không biết, nay ông chẳng phải như vậy. Thế nên phải biết tùy chỗ nào hợp, tâm theo đó mà có, cũng

không đúng.”

Đoạn 7 - Chấp tâm ở chặng giữa

A Nan bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, con được nghe Phật cùng với Ngài Văn Thù và các vị Pháp Vương Tử khi bàn về nghĩa thật tướng. Thế Tôn cũng nói: Tâm chẳng phải ở trong, cũng không phải ở ngoài. Theo con suy nghĩ, ở trong đã không thấy vật bên trong, còn ở ngoài thì thân tâm chẳng biết nhau. Vì tâm không biết trong, nên nghĩa ở trong không thành. Vì thân tâm biết nhau, nên nghĩa ở ngoài cũng sai. Nay vì thân tâm biết nhau, và lại cũng không thấy được bên trong, nên con chấp tâm ở chặng giữa”.

Phật bảo: “A Nan! Ông nói tâm ở chặng giữa, cái chặng giữa ấy nhất định không lẫn lộn, phải có chỗ nơi. Nay ông hãy xét kỹ cái chặng giữa ấy là chỗ nào? Là tại cảnh hay tại thân? Nếu ở nơi thân là ở một bên thì không phải là giữa. Nếu là giữa thân thì đồng như ở trong thân.

Nếu cái giữa ở nơi cảnh thì có chỗ nêu ra được hay không nêu ra được? Nếu không nêu ra được thì cũng như không có. Còn nêu ra được thì chỗ ấy không nhất định. Vì sao? Ví như người lấy một cây nêu, khi nêu một chỗ làm cái giữa, nếu đứng phương Đông trông qua, thì cây nêu ở phương Tây, đứng phương Nam trông qua, thì cây nêu ở phương Bắc, cái nêu ra đã thành lẫn lộn, thì tâm ông cũng thành rối loạn”.

A Nan bạch: “Con nói chặng giữa đó không phải hai thứ ấy. Như lời Phật nói: Con mắt đối với sắc trần làm duyên sanh nhãn thức, con mắt thì có phân biệt, sắc trần thì vô tri, thức sanh trong khoảng giữa ấy, chính là chỗ của tâm”.

Phật bảo: “Tâm ông nêu ở khoảng giữa căn và trần, vậy tâm thể này gồm cả hai bên hay chẳng gồm cả hai bên? Nếu gồm cả hai bên thì vật thể lẫn lộn, vật thì không biết, thể thì có biết, hai thứ đối lập nhau, chỗ nào gọi là chặng giữa? Gồm cả hai bên cũng không được, vì không phải có biết, và cũng không phải không có biết, tức là không có thể tánh, lấy gì làm tướng chặng giữa, lập luận này cũng sai”.

Đoạn 8 - Chấp tất cả không dính mắc

A Nan bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, xưa con thấy Phật cùng bốn vị đệ tử lớn của Phật là Ngài Đại Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Phú Lô Na, Xá Lợi Phất đồng chuyên pháp luận. Phật thường nói: Tâm tánh hiểu biết phân biệt, không phải ở trong, không phải ở ngoài, không phải ở chặng giữa, đều không trụ chỗ nào, tất cả không dính mắc đó gọi là tâm, vậy cái không dính mắc của con có được gọi là tâm không?”.

Phật bảo A Nan: “Ông nói cái tâm hiểu biết phân biệt này nó đều không có ở đâu cả, vậy các vật có hình tướng trên thế gian, như hư không và các loài thủy, lục, không hành, gọi là tất cả, vậy ông không dính mắc đó, là có hay không có? Nếu không thì đồng như lông rùa sừng thỏ, lấy gì mà không dính mắc? Nếu đã có cả cái không dính mắc, thì không thể gọi là không. Không tướng thì không, chẳng phải không thì có. Có tướng thì có chỗ, làm sao gọi là không dính mắc? Thế nên phải biết, tất cả không dính mắc gọi là tâm hiểu biết của ông thật vô lý”.

MỤC I: CHỈ RÕ TÁNH THẤY

Đoạn 1 - Cầu đi đến chỗ chơn thật

Khi ấy, ông A Nan ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo bày vai bên mặt, gồi bên mặt quỳ sát đất chấp tay cung kính bạch Phật: “Con là em út của Như Lai, nhờ Phật thương xót, nay tuy được xuất gia vẫn còn ý lại lòng thương yêu của Phật, do đó chỉ lo học nhiều mà không lo tu tập, nên chưa được quả vô lậu, không chiết phục được chú thuật Ta Tỳ Ca La, bị nó chinh phục phải sa vào nhà dâm. Chính bởi chẳng biết được chỗ chơn thật. Cúi mong đức Thế Tôn mở lòng từ rộng lớn thương xót chỉ dạy cho chúng con con đường Thiên định, khiến kẻ chưa có lòng tin xa được các thứ tà kiến”. Thưa thỉnh như thế xong năm vóc gieo sát đất, và cả đại chúng khát ngưỡng trông chờ được nghe lời chỉ dạy của Phật.

Đoạn 2 - Phật phóng hào quang tiêu biểu căn tánh tròn sáng

Khi ấy đức Thế tôn từ giữa hai chân mà phóng ra các thứ hào quang²⁶. Hào quang ấy sáng chói như trăm ngàn mặt trời, khắp các cõi Phật, sáu thứ chấn động²⁷. Bảy giờ mười phương các cõi nước như vi trần đồng thời hiện ra. Do oai thần của Phật khiến các thế giới hiệp thành một cõi²⁸. Trong cõi ấy, có các vị Bồ tát lớn đều ở nơi nước của mình chấp tay lắng nghe lời Phật dạy.

Đoạn 3 - Chỉ hai thứ cội gốc để phân biệt mê và ngộ

Phật bảo A Nan: “Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, nhiều thứ điên đảo giống nghiệp tự nhiên nhóm lại như chùm trái ác xoa²⁹, những người tu hành không thành được đạo Vô thượng Bồ đề, mà chỉ thành Thanh văn, Duyên giác, hoặc lạc vào ngoại đạo, chư thiên, hay ma vương và quyến thuộc của ma, đều do chẳng biết hai thứ cội gốc, tu tập sai lầm, cũng như nấu cát mà muốn thành cơm, dù trải qua nhiều kiếp như vi trần rốt cuộc vẫn không thể thành được. Thế nào là hai thứ cội gốc? A Nan! Một là cội gốc sanh tử từ vô thủy, tức như ông ngày nay cùng các chúng sanh dùng tâm phan duyên làm tự tánh. Hai là thể bản lai thanh tịnh Bồ Đề Niết Bàn từ vô thủy, tức như thức tinh nguyên minh³⁰ của ông hiện nay hay sanh ra các duyên lại bị bỏ sót. Do chúng sanh bỏ sót tánh bản minh này, nên tuy trọn ngày động dụng mà chẳng tự biết, uổng trôi vào trong các cõi.

Đoạn 4 - Nương cái thấy để gạn tâm

A Nan! Nay ông muốn biết con đường tu thiên định để mong ra khỏi sanh tử, ta lại hỏi ông, liền đó, đức Như Lai đưa cánh tay sắc vàng co năm ngón đi hỏi ông A Nan: “Ông có thấy gì không?”.

A Nan bạch Phật: “Thấy”.

Phật hỏi: “Ông thấy cái gì?”

A Nan bạch: “Con thấy Như Lai đưa cánh tay, co năm ngón lại thành nắm tay sáng

ngồi làm chói tâm và mắt của con”.

Phật hỏi: “Ông lấy cái gì để thấy?”.

A Nan bạch: “Con và cả đại chúng đều dùng mắt để thấy”.

Phật bảo A Nan: “Nay ông trả lời ta rằng: Như Lai co năm ngón tay làm thành năm tay sáng chói, chói tâm và con mắt của ông, con mắt ông thì thấy được, còn ông lấy cái gì làm tâm để biết được năm tay sáng chói của ta?”

A Nan bạch: “Hôm nay đức Như Lai gạn hỏi tâm ở chỗ nào, con dùng tâm suy nghĩ tìm xét, tức cái suy nghĩ đó con cho là tâm của con”.

Đoạn 5 - Chỉ cái hay suy nghĩ có thật thể tánh

Phật bảo: “Sai rồi, A Nan! Cái hay suy nghĩ đó không phải là tâm của ông đâu”.

Ông A Nan giựt mình, rời chỗ ngồi đứng dậy chấp tay bạch Phật: “Nếu nó không phải là tâm của con, vậy phải gọi là gì? ”.

Phật bảo A Nan: “Nó chỉ là những cái tướng tượng, những tướng giả dối của tiền trần, làm cho chơn tánh của ông bị mê lầm. Ông vì từ vô thi đến nay, chỉ nhận giặc làm con, quên sót tánh bản lai thường trú, nên phải chịu luân chuyển.”

Ông A Nan bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Con là em cung của Phật, vì tâm mến Phật khiến con xuất gia. Tâm con chẳng những cúng dường đức Như Lai mà còn trải qua hàng sa quốc độ phụng thờ các đức Phật và các vị thiện tri thức, phát tâm đại đồng mãnh làm tất cả các pháp sự khó làm, con đều dùng tâm này. Dầu cho con có hủy báng chánh pháp, sót mất căn lành cũng do tâm này. Nay Phật phát minh nó chẳng phải tâm, thành ra con không có tâm, đồng như cây đất, vì ngoài cái hay biết này ra con không còn gì nữa. Sao đức Như Lai lại bảo cái ấy chẳng phải là tâm? Con thật kinh sợ và trong đại chúng đây đều nghi ngờ. Xin Phật đủ lòng từ bi chỉ dạy cho những chỗ chưa ngộ”.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn chỉ dạy ông A Nan và đại chúng, khiến cho tâm được vô sanh pháp nhẫn³¹, nên ở trên tòa sư tử vói tay xoa đầu ông A Nan mà bảo rằng: “Như Lai thường nói: Các pháp sanh ra chỉ từ tâm hiện. Tất cả nhơn quả thế giới vi trần, nhơn nơi tâm mà thành thể. Nay A Nan! Như tất cả sự vật có ra trên thế giới, trong ấy từ ngọn cỏ, lá cây, sợi dây, cái gút, tìm nguồn cội của nó đều có thể tánh, dầu cho hư không cũng có tên gọi và tướng mạo, huống chi Tâm Thanh Tịnh Sáng Suốt Nhiệm Màu này hay làm cho hết thấy sự vật có thể tánh mà tự mình không có Thể Tánh hay sao?

Nếu ông chấp chặt cái phân biệt hiểu biết quyết cho là Tâm, thì Tâm này khi rời tất cả các trần sắc, hương, vị, xúc riêng có toàn Tánh. Như nay ông nương nơi nghe pháp của ta, chắc chắn phải nhơn nơi tiếng mà có phân biệt. Dầu cho dứt hết tất cả thấy nghe hay biết, giữ cái tâm âm thầm lặng lẽ bên trong, vẫn còn sự phân biệt bóng dáng của pháp trần.

Chẳng phải ta bảo ông chấp là chẳng phải Tâm, nhưng ông đối với Tâm này phải chín chắn suy xét cho kỹ, nếu rời tiền trần mà có Tánh phân biệt, tức thật là Tâm ông; nếu Tánh phân biệt rời tiền trần không có Thật thể, thì nó chỉ là sự phân biệt bóng dáng của tiền trần. Tiền trần thì chẳng phải thường trú, nếu khi nó biến diệt thì Tâm này đồng như lông rùa sừng thỏ, ắt pháp thân của ông cũng đồng với đoạn diệt. Vậy ông lấy cái gì để tu

chúng Vô sanh Pháp nhân?”.

Đoạn 6 - Chỉ rõ tánh thấy không phải là con mắt

Bấy giờ ông A Nan và đại chúng lặng im ngơ ngác.

Phật bảo, “A Nan! Tất cả người tu hành trong thế gian, hiện tiền tuy được “Cửu Thứ Độ Định”³², mà chẳng được lậu tận thành A La Hán, đều do chấp cái vọng tưởng sanh tử này cho là chơn thật. Thế nên, nay ông tuy được học rộng nghe nhiều mà chẳng thành Thánh quả”.

Ông A Nan nghe xong lại buồn tủi khóc lóc, nắm vốc gieo sát đất, quì gối chấp tay bạch Phật: “Con từ khi phát tâm xuất gia theo Phật, chỉ y lại vào oai thần của Phật, không phải nhọc nhằn tu tập, cứ nghĩ là Như Lai sẽ ban cho con được Chánh định. Nhưng không biết thân tâm vốn chẳng thay nhau, mất đi bản tâm của con, tuy thân xuất gia mà tâm chẳng vào Đạo, thí như chàng cùng tử bỏ cha trốn đi³³. Ngày nay mới biết, tuy được nghe nhiều học rộng, nếu chẳng tu tập thì cũng đồng như người chưa nghe không khác, giống như người nói ăn mà không ăn thì làm sao no bụng được!”

Bạch đức Thế Tôn! Nay chúng con bị hai thứ chướng trói buộc, do chẳng biết tâm tánh vắng lặng thường hằng. Cúi mong đức Như Lai thương xót kẻ nghèo khổ này, phát khởi tâm nhiệm màu sáng suốt để mở tỏ đạo nhãn cho chúng con.”

Khi ấy đức Như Lai từ tướng chũ vạn trên ngực phóng ra hào quang báu,³⁴ hào quang ấy rực rỡ có trăm ngàn màu sắc trong tất cả thế giới của chư Phật mười phương như số³⁵ các cõi nước trong mười phương, rồi xoay về soi đến ông A Nan và cả đại chúng³⁶, đoạn Phật bảo ông A Nan rằng: “Nay ta vì ông dựng pháp tràng lớn, đồng thời cho tất cả chúng sanh trong mười phương được tâm tánh nhiệm màu sâu kín trong sạch sáng suốt và đạo nhãn thanh tịnh.

A Nan! Trước ông đã trả lời với ta là thấy được nắm tay sáng chói, vậy nắm tay ấy nhơn đâu mà có? Vì sao thành nắm tay? Ông lấy cái gì để thấy?”

Ông A Nan bạch: “Do toàn thân của Phật như vàng Diêm Phù Đà chói ngời như núi báu, do đức tánh thanh tịnh sanh ra, nên có hào quang sáng chói. Con thật dùng con mắt xem thấy nắm ngón tay co lại đưa cho người xem, nên có tướng nắm tay”.

Phật bảo: “A Nan! Hôm nay Như Lai xác thật bảo ông: Những người có trí cần do thí dụ mà được khai ngộ. A Nan! Ví như nắm tay của ta, nếu không có bàn tay thì chẳng thành nắm tay ta; nếu không có con mắt của ông thì không thành cái thấy. Lấy con mắt của ông so sánh với nắm tay của ta, nghĩa ấy có đồng chăng?”

A Nan: “Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy. Nếu không có con mắt của con, thì không thành cái thấy của con. Lấy con mắt của con đem so sánh với nắm tay của đức Như Lai nghĩa ấy đồng nhau”.

Phật bảo: “A Nan! Ông nói đồng nhau, nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Như người không có bàn tay thì hẳn là không có nắm tay, còn người không con mắt chẳng phải họ hoàn toàn không có cái thấy. Tại sao? Ông thử ra đường hỏi những người mù mắt: “Anh có thấy gì chăng?” Các người mù kia ắt sẽ đáp với ông: Hiện ở trước mắt, tôi chỉ thấy tối đen, không thấy gì khác. Lấy nghĩa ấy để xét, thì tiền trần tự tối chứ cái thấy đâu có thiếu kém gì?”.

Ông A Nan bạch Phật: “Những người mù trước mắt họ chỉ thấy tối đen, đâu thể gọi là thấy được?”

Phật bảo A Nan: “Những người mù không mắt chỉ thấy tối đen, cùng với người có mắt sáng ở trong nhà tối, hai cái tối đó có khác nhau không?”

- Bạch đức Thế Tôn! Đúng vậy. Người mắt sáng ở trong chỗ tối cùng với người mù mắt, so sánh hai cái tối thật không có khác nhau.

- A Nan! Nếu người mù mắt thấy phía trước hoàn toàn tối đen, bỗng nhiên được sáng mắt lại, đối với tiền trần thấy các sắc tướng thì gọi là mắt thấy, vậy người sáng mắt ở trong nhà tối kia thấy trước hoàn toàn tối đen, bỗng được đèn sáng, cũng thấy các thứ sắc nơi tiền trần, lẽ ra phải gọi là đèn thấy? Nếu như cái đèn thấy thì đèn đã thấy được, tự nhiên không thể gọi là đèn. Nếu đèn thấy được thì đâu dính liếu gì đến ông? Thế nên phải biết đèn hay làm tỏ các sắc, còn cái thấy là mắt chẳng phải đèn. Mắt hay làm tỏ các sắc, như vậy thấy là tâm chẳng phải mắt.

Ông A Nan và đại chúng tuy được nghe lời ấy mà miệng vẫn lặng thinh, tâm chưa khai ngộ, còn mong đức Như Lai từ âm chỉ dạy thêm, nên chấp tay lắng lòng trông chờ Phật thương xót dạy bảo.

Đoạn 7 - Gạn hai nghĩa khách trần, chỉ ông chủ và hư không để chỉ rõ tánh thấy

Khi ấy, đức Thế Tôn duỗi cánh tay Đâu La Miên sáng ngời, xòe năm ngón, hướng về năm vị Tỳ kheo, bảo ông A Nan và cả đại chúng rằng: “Khi ta mới thành đạo ở trong vườn Nai, vì A Nhã Đa... năm vị Tỳ kheo³⁷ và bốn chúng mà nói: “Tất cả chúng sanh chẳng thành Bồ đề và A la hán đều do khách trần³⁸ phiền não mê hoặc. Các ông khi ấy hơn đâu được tỏ ngộ, hiện nay thành tựu được chứng Thánh quả?”

Bây giờ ông Kiều Trần Na đứng dậy bạch Phật: “Nay con là hàng trưởng lão, đối với trong đại chúng riêng được tên là “Giải”, do con ngộ được hai chữ “Khách trần” mà thành tựu Thánh quả. Bạch đức Thế Tôn, ví như người khách đi đường, vào nghỉ nhờ một quán trọ, hoặc ngủ, hoặc ăn. Ăn ngủ xong sửa sang hành lý lên đường, chẳng ở được nữa. Nếu thật là người chủ thì tự nhiên không phải đi đâu. Con nghĩ như vậy: chẳng dùng trụ gọi là khách, ở yên một chỗ là chủ. Do cái chẳng dùng trụ nên có nghĩa là “khách”.

Lại như mưa mới tạnh, mặt trời mọc lên trên cao, ánh sáng soi vào kẽ hở, trong hư không hiện rõ các tướng bụi bặm. Tánh chất của bụi thì diêu động, còn hư không thường lặng lẽ. Như thế, nên con suy nghĩ: Lặng lẽ gọi là hư không, lay động gọi là trần. Do cái diêu động đó nên có nghĩa là “trần”.

Phật bảo: “Đúng thế!”

Khi ấy, đức Như Lai ở trong đại chúng, co năm ngón tay lại rồi xòe ra, xòe rồi lại nắm, đoạn hỏi ông A Nan: “Ông đang thấy cái gì?”

Ông A Nan bạch: “Con thấy bàn tay trăm báu của Đức Như Lai ở trong chúng xòe ra nắm lại”.

Phật bảo A Nan: “Ông thấy cái tay của ta ở trong chúng xòe nắm, đó là cái tay ta có xòe nắm hay là cái thấy của ông có xòe nắm?”

Ông A Nan bạch Phật: “Bàn tay báu của đức Thế Tôn ở trong chúng có xòe nắm, con thấy tay của Như Lai tự có xòe có nắm, chứ chẳng phải tánh thấy của con có xòe, nắm”.

Phật hỏi: “Cái nào động, cái nào tịnh?”.

Ông A Nan bạch: “Bàn tay của Phật không yên, chứ tánh thấy của con còn không có tịnh, thì đâu có gì là động”.

Phật dạy: “Đúng như vậy!”.

Bấy giờ trong lòng bàn tay của đức Như Lai phóng một luồng hào quang báu soi đến vai bên phải ông A Nan, liền khi ấy ông A Nan xoay đầu ngó qua bên phải. Phật lại phóng hào quang qua vai trái của ông A Nan, ông A Nan lại xoay đầu ngó về bên trái.

Phật bảo: “A Nan! Đầu ông hôm nay tại sao lại xoay qua, xoay lại? ”

A Nan bạch: “Con thấy Như Lai phóng hào quang báu đến vai bên phải, bên trái của con, con nhìn qua nhìn lại hai bên để xem, nên đầu con tự lay động”.

- A Nan! Ông nhìn hào quang của Phật, đầu ông xoay qua hai bên vai, vậy đầu của ông động hay cái thấy của ông động?.

- Bạch Thế Tôn! Đầu con tự động, chứ tánh thấy của con còn không có ở đâu, lấy gì mà lay động.

Phật dạy: “Đúng như vậy”.

Khi ấy đức Như Lai bảo khắp đại chúng: “Nếu lại có chúng sanh cho cái lay động đó là “trần”, lấy cái chẳng dừng gọi đó là “khách”, thì các ông hãy xem đầu ông A Nan tự lay động, mà tánh thấy không lay động. Lại các ông xem tay ta có co mở, mà tánh thấy không có co mở. Tại sao nay các ông lấy cái động làm thân, lấy cái động làm cảnh, từ thì chí chung niệm niệm sanh diệt bỏ mất Chơn tánh, làm việc điên đảo, tâm tánh mất chỗ chơn thật, nhận vật làm mình, luân hồi ở trong ấy, tự nhận sự lưu chuyển.

- - Hết quyển 1 - -

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM
Quyển 2

* * *

Đoạn 8 - Chỉ tánh thấy không sanh diệt

Khi Ông A Nan và cả đại chúng nghe lời Phật dạy rồi, thân tâm thư thối, nghĩ mình từ vô thi đến nay bỏ mất bốn tâm, làm nhận sự phân biệt của bóng dáng duyên trần làm tâm. Hôm nay được khai ngộ, như đứa hài nhi khát sữa bỗng gặp mẹ hiền. Ông chấp tay lễ Phật nguyện nghe Đức Như Lai chỉ ra nơi thân tâm cái nào chơn, vọng, hư, thật và hiện tiền phát minh hai tánh sanh diệt cùng chẳng sanh diệt.

Bây giờ, vua Ba Tư Nặc liền đứng dậy, chấp tay bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Khi xưa con chưa được Phật chỉ dạy, nghe bọn Ca Chiên Diên³⁹ và Tỳ La Chi Tử⁴⁰ đều nói thân này sau khi chết sẽ đoạn diệt gọi là Niết Bàn. Con tuy đã gặp Phật, nhưng nay vẫn còn hồ nghi, làm sao cho sáng tỏ để chứng biết tánh không sanh diệt nơi tâm này. Nay những hàng hữu lậu trong Đại chúng đây, đều mong mỏi được nghe điều ấy.”

Phật bảo: “Đại vương! Thân ông hiện đang sống đó, nay ta lại hỏi ông: thân thịt này của ông là đồng như kim cương còn hoại, hay phải bị biến hoại?”

- Bạch Thế Tôn! Thân con hiện nay đây, rốt cuối cũng phải thay đổi và hoại diệt.

Phật bảo: “Đại vương! Thân ông chưa từng hoại diệt, làm sao biết là phải bị hoại diệt?”

- Bạch Thế Tôn! Cái thân vô thường biến hoại của con đây tuy chưa diệt, nhưng con cảm nghe mỗi phút giây đang đời đời mãi không dừng, như củi bị đốt thành tro lần lần tiêu mất, vì sự biến diệt không dừng, nên con biết thân này quyết định rồi phải bị hoại diệt.

Phật bảo: “Đúng vậy. Đại vương! Nay ông tuổi đã già yếu, dung mạo so với lúc còn bé như thế nào?”

- Bạch Thế Tôn! Xưa kia con còn bé thì da dẻ hồng hào, đến tuổi trưởng thành khí huyết sung túc, nay tuổi già hình sắc cũng theo đó mà tiêu tụy khô gầy, tinh thần tối tăm, tóc bạc mặt nhăn, sắp chết chẳng còn bao lâu. Như thế, đâu thể so sánh với khi còn trẻ mạnh!

Phật bảo: “Đại vương! Thân thể của ông đâu phải đương trẻ mà già liền?”

Vua thưa: “Bạch Thế Tôn! Nó biến hóa thay đổi một cách thầm kín, con thật chẳng biết, lạnh nóng đổi dời đến thế này. Vì sao? Vì lúc con hai mươi, tuy tuổi còn nhỏ, nhưng nhan sắc đã già hơn khi lên mười, đến ba mươi tuổi lại già hơn khi lên hai mươi; nay đã sáu mươi hai tuổi so với lúc tuổi năm mươi, rõ ràng khi đó sức lực còn cường tráng hơn. Bạch Thế Tôn! Con thấy nó thay đổi một cách thầm kín, tuy cái già nua này thay đổi giới hạn trong mười năm. Nếu con suy nghĩ kỹ hơn, chẳng những nó thay đổi trong khoảng mười năm, hai mươi năm, mà kỳ thật nó thay đổi từng năm; chẳng những nó thay đổi từng năm, mà nó thay đổi từng tháng; chẳng những nó thay đổi từng tháng, mà nó lại thay đổi từng ngày; chẳng những nó thay đổi từng ngày, mà xét cùng nghĩ kỹ thì nó thay đổi từng sát na⁴¹; trong khoảng một niệm không dừng. Thế nên con biết thân này hoàn toàn phải theo sự biến đổi và hoại diệt”.

Phật bảo: “Đại vương! Ông thấy sự biến diệt đổi thay không đng, nên biết thân ông phải hoại diệt, vậy chính khi thân bị hoại diệt, ông có biết trong thân có cái gì chẳng

hoại diệt chãng?”

Vua Ba Tư Nặc chấp tay bạch Phật: “Thật con không biết”.

Phật bảo: “Nay ta chỉ cho ông cái tánh không sanh diệt. Đại vương, khi ông được bao nhiêu tuổi thì thấy nước sông Hằng?”

Vua thưa: “Khi con được ba tuổi, mẹ con dẫn đến lễ Thần Kỳ Bà Thiên⁴² đi ngang qua dòng sông này, khi ấy con được thấy nước sông Hằng”.

Phật bảo: “Đại vương! Như ông đã nói: Khi hai mươi tuổi đã già hơn lúc mười tuổi, cho đến sáu mươi hai tuổi, năm tháng, ngày giờ, mỗi niệm dời đổi. Vậy khi ông ba tuổi thấy nước sông Hằng, đến mười ba tuổi thì cái thấy nước sông ấy có thay đổi gì không?”

Vua thưa: “Con thấy nước sông ấy như khi ba tuổi không khác, cho đến nay con đã sáu mươi hai tuổi, cái thấy vẫn y nhiên”.

Phật bảo: “Nay ông tự cảm thấy mình đầu bạc, mặt nhăn, mặt ông nhứt định là nhăn hơn lúc trẻ. Vậy cái thấy của ông hiện nay xem thấy nước sông Hằng, cùng với khi xưa còn trẻ xem thấy nước sông Hằng, cái thấy đó có già trẻ chãng?”

Vua thưa: “Bạch Thế Tôn, không”.

Phật bảo: “Đại vương! Mặt ông tuy nhăn, mà tánh thấy này chưa từng bị nhăn. Cái bị nhăn thì biến đổi, còn cái chãng bị nhăn thì không biến đổi. Cái biến đổi thì phải bị hoại diệt, cái chãng biến đổi kia vốn không sanh diệt, làm sao trong ấy lại nhận chịu cái sống cái chết của ông, mà ông còn dẫn lời của bọn Mạt Già Lê kia⁴³ bảo rằng, thân này sau khi chết hoàn toàn mất hẳn?”

Vua nghe lời ấy, tin biết thân này sau khi chết sẽ sanh thân khác, nên cùng với Đại Chúng vui mừng hớn hở, được việc chưa từng có.

Đoạn 9 - Chỉ cái điên đảo hiện tại

Ông A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ Phật xong chấp tay quỳ dài bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Nếu cái thấy nghe này hẳn là không sanh diệt, tại sao Đức Thế Tôn gọi bọn chúng con bỏ mất chơn tánh, làm việc điên đảo. Cúi mong đức Thế Tôn mở lòng từ bi rửa sạch tâm trần cấu cho chúng con.”

Liền khi ấy Đức Như Lai duỗi cánh tay sắc vàng, năm ngón chỉ xuống đất bảo A Nan rằng: “Giờ đây ông thấy cánh tay Mẫu đà la của ta là xuôi hay ngược?”

Ông A Nan bạch: “Mọi người trong thế gian cho đó là ngược, riêng con chẳng biết cái nào là xuôi, cái nào là ngược”.

Phật bảo ông A Nan: “Nếu người thế gian cho đây là ngược. Vậy họ cho thế nào là xuôi?”

Ông A Nan bạch: “Đức Như Lai dựng cánh tay Đâu la miên lên, ngón tay chỉ lên hư không thì gọi là xuôi”.

Phật liền dựng cánh tay lên bảo ông A Nan rằng: “Cái điên đảo là ở chỗ đó. Chỉ có đầu đuôi thay đổi lẫn nhau, mà các người trong thế gian lập đi lập lại xem thấy thế này hay thế khác mà thôi!

Nay lấy thân của ông cùng với Pháp thân Thanh Tịnh của các Đức Như Lai so sánh để phát minh thì thân Như Lai gọi là Chánh Biến Tri, còn thân của các ông gọi là tánh

điên đảo. Ông nên xét kỹ thân ông và thân Phật, cái gọi là điên đảo đó ở chỗ nào?”.

Khi ấy ông A Nan và cả Đại chúng sững sốt nhìn Phật không nháy mắt, chẳng biết nơi thân tâm rày cái điên đảo ở chỗ nào? Phật khởi lòng từ bi thương xót A Nan và cả Đại chúng phát ra tiếng hải triều⁴⁴ bảo khắp hội chúng:

“Này các thiện nam tử! Ta đã thường nói: Sắc⁴⁵, tâm⁴⁶ các duyên⁴⁷ và các tâm sở⁴⁸ cùng các pháp sở duyên⁴⁹ đều do tâm thức biến hiện. Thân, tâm các ông đều là vật ở trong Chơn Tâm Diệu Minh⁵⁰ hiện ra. Tại sao các ông lại bỏ mất Tâm Tánh nhiệm màu sáng suốt ấy, mà nhận cái mê ở trong cái ngộ?

Vì mê ám thành có hư không, trong cái hư không mê ám ấy, kết cái mê ám thành ra có sắc, sắc xen tạp với vọng tưởng, lấy cái tướng của vọng tưởng làm thân. Nhóm các duyên dao động bên trong, dong ruổi theo cảnh vật bên ngoài, rồi lấy cái tướng mờ mịt lằng xằng đó làm tâm tánh. Một khi làm tướng cái tướng ấy là tâm thì quyết định làm cho tâm ở trong thân, mà không biết sắc thân cho đến núi sông, hư không và thế giới bên ngoài đều là vật ở trong Diệu Minh Chơn Tâm. Thí như bỏ trăm ngàn biển lớn trong lạng, chỉ nhận một bọt nổi cho là nước toàn biển cả. Các ông tức là những người mê làm nhiều lớp, như cánh tay ta duỗi xuống, đưa lên không khác. Như Lai nói là những kẻ thật đáng thương xót! ”.

Đoạn 10 - Lừa bỏ tâm phan duyên để chỉ tánh thấy không chỗ trả về

- Tiết 1: Trình bày chỗ ngộ nhưng chưa dám tự nhận

Ông A Nan vâng nghe lời Phật từ bi chỉ dạy, khóc lóc vòng tay bạch Phật: “Tuy con vâng nghe pháp âm nhiệm màu của Phật như thế, ngộ được tâm thanh tịnh sáng suốt viên mãn thường trụ sẵn có, song con chỉ ngộ được pháp âm của Phật vừa dạy, là con hiện lấy tâm phan duyên mà thỏa mãn chỗ ước mong. Con chỉ nhận suông được tâm ấy, nên chưa dám nhận là tâm tánh sẵn có của con. Cúi mong Phật thương xót tuyên bố viên âm⁵¹ chỉ dạy, nhổ sạch gốc nghi đem con trở về Đạo Vô Thượng”.

- Tiết 2: Phật quở A Nan còn nhận làm ngón tay để chỉ ra tâm phân biệt đều có chỗ trả về

Phật bảo ông A Nan: “Các ông còn dùng tâm phan duyên mà nghe pháp, thì pháp nhận được đó cũng là sở duyên (vọng), chưa phải nhận được chơn Pháp Tánh. Ví như có người dùng ngón tay chỉ mặt trăng cho người xem, người xem phải nhìn theo ngón tay để thấy mặt trăng. Nếu như người kia chỉ nhìn ngón tay mà cho đó là mặt trăng, thì người ấy chẳng những bỏ mất mặt trăng mà cũng bỏ luôn cả ngón tay. Vì sao? Bởi cho ngón tay là mặt trăng sáng, thì không những chỉ quên ngón tay mà cũng chẳng phân biệt được tối và sáng. Vì sao? Vì lấy ngón tay tối làm mặt trăng sáng, thì cũng không rõ được hai tánh tối và sáng.

Ông cũng như vậy, nếu lấy cái phân biệt tiếng của ta nói pháp làm tâm của ông, thì cái tâm ấy phải rời cái phân biệt tiếng nói pháp vẫn có tánh phân biệt.

Ví như có người khách đến ngủ nhờ trong quán trọ, ở tạm rồi đi, không ở mãi được;

còn ông chủ quán trọ thì không đi đâu, do không đi đâu nên gọi là chủ. Tâm cũng như vậy, nếu thật là tâm của ông thì không đi đâu cả, làm sao rời tiếng lại không có tánh phân biệt? Nói như thế chẳng những đối với tâm phân biệt các tiếng; cái phân biệt hình dung của ta, rời các sắc tướng cũng không có tánh phân biệt. Như vậy cho đến cái phân biệt đều không, không phải sắc, không phải không, mà bọn Câu Xá Ly ... làm cho là Minh Đế, thì rời các pháp trần, cũng không có tánh phân biệt. Như vậy, tâm tánh của ông đều có chỗ trả về, lấy cái gì làm chủ? ”.

- Tiết 3: Phật khai thị cái thấy không chỗ trả về

Ông A Nan bạch: “Nếu tâm tánh của con đều có chỗ trả về, thì tại sao Đức Như Lai dạy tâm diêu minh sẵn có không trả về đâu? Cúi mong Phật thương xót chỉ dạy cho điều ấy”.

Phật bảo A Nan: “Vả lại, cái tánh thấy vốn sáng suốt của ông thấy ta, tuy cái tánh thấy này chẳng phải là cái diêu tịnh minh tâm, nó như mặt trăng thứ hai, không phải mặt trăng thật”. Ông hãy nghe cho kỹ, giờ ta chỉ cho ông cái nghĩa không thể trả về. A Nan! Giảng đường này cửa mở rộng về phương Đông, khi mặt trời lên thì chiếu sáng, giữa đêm không trăng mù mịt tối tăm, chỗ có các cửa thì thấy thông suốt, khoảng tường ngăn thì thấy bít lấp, chỗ phân biệt được thì thấy cảnh sắc duyên, trong chỗ trống rỗng toàn là hư không, cảnh tượng mịt mù là bị tối, mưa tạnh trời thanh lại thấy trong.

A Nan! Ông hãy xem các tướng biến hóa này, nay ta trả các tướng ấy về chỗ bản nhơn của nó. Thế nào là bản nhơn? A Nan! Các tướng biến hóa này, cái sáng trả về cho mặt trời. Vì sao? Vì không mặt trời thì không sáng. Nguyên nhơn cái sáng thuộc về mặt trời nên trả về cho mặt trời. Cái tối trả về cho đêm tối; thông suốt trả về các cửa; ngăn bít trả về cho tường vách; sắc duyên trả về cho phân biệt; rỗng trống trả về cho hư không; mù mịt trả về cho bụi bặm; trong sáng trả về cho trời tạnh. Trong thế gian có những thứ gì cũng không ngoài các loại ấy.

Còn cái tánh thấy của ông thấy tám thứ kia, thì ông định trả nó về đâu? Vì sao? Nếu trả về cho sáng, thì khi tối đến lại không thấy tối. Tuy sang, tối mỗi thứ đều sai khác, nhưng cái thấy không sai khác. Các thứ có thể trả về được, tự nhiên chẳng phải ông. Cái ông không trả về được, chẳng phải ông thì là ai nữa? Vậy nên biết tâm ông vốn nhiệm màu thanh tịnh sáng suốt mà ông tự mê lầm, bỏ mất tánh bản nhơn, đành chịu luân hồi, thường bị trôi nổi chìm đắm trong biển sanh tử. Thế nên, Như Lai nói là kẻ đáng thương xót!”.

Đoạn 11 - Lựa riêng trần cảnh để nêu ra tánh thấy.

- Tiết 1: Là vật không phải ta

A Nan bạch Phật: “Con tuy biết tánh thấy này không trả về đâu, nhưng làm sao biết được nó là Chơn Tánh của con?”

Phật bảo: “Nan! Nay ta hỏi ông, hiện nay ông chưa được quả Vô Lậu Thanh Tịnh, do nương oai thần của Phật mà thấy được cõi Sơ Thiên, không bị chướng ngại; ông A Na

Luật Đà thì thấy cõi Diêm Phù Đề như xem trái yêm ma la⁵² để trong bàn tay; các vị Bồ Tát thấy cả trăm ngàn cõi thế giới; mười phương Như Lai đều thấy cùng tận các cõi nước thanh tịnh như số vi trần không sót chỗ nào; còn chúng sanh thì thấy chẳng quá gang tấc.

A Nan! Nay ta với ông cùng xem cung điện của Tứ Thiên Vương, khoảng giữa xem khắp những vật dưới nước, trên mặt đất và trong hư không, tuy có nhiều hình tượng tối, sáng khác nhau, nhưng đều là cảnh tiền trần chia cách ngăn ngại. Ông hãy ở nơi đó phân biệt cái gì là mình, cái gì là vật? Nay ta cho ông lựa trong cái thấy, cái gì là Tâm Thể của ông, cái gì là hình tượng của sự vật? A Nan! Cùng tốt sức thấy của ông từ mặt trời, mặt trăng, đều là vật chẳng phải ông; cho đến thất kim sơn xem xét cùng khắp, tuy có những thứ hào quang nhưng cũng là vật chẳng phải ông, lần lần xem đến mây vờn, chim bay, gió động, bụi nổi, cây cối, núi sông, rau cỏ, người, thú, thủy đều là vật chớ chẳng phải ông.

- Tiết 2: Cái thấy không phải là vật

A Nan! Tánh chất của các vật xa gần tuy có sai khác, nhưng đều là vật, do tánh thấy trong sạch của ông xem thấy. Vậy các vật loại kia tự có sai khác, mà tánh thấy của ông không sai khác. Tánh thấy sáng suốt nhiệm màu này quả thật là tánh thấy của ông.

Nếu tánh thấy là vật, thì ông cũng có thể thấy được cái thấy của ta. Nếu khi đồng thấy sự vật mà gọi là thấy cái thấy của ta, vậy khi ta không thấy, sao ông không thấy chỗ không thấy của ta? Nếu nói ông thấy được cái không thấy, thì tự nhiên nó không phải là tướng của cái không thấy kia. Nếu ông không thấy được chỗ không thấy của ta, thì cái thấy bản nhiên không phải là vật, sao lại không phải là ông?

- Tiết 3: Vật và ta không thể lẫn lộn

Lại như cái thấy là vật thì đương khi ông thấy vật đó, ông đã thấy được vật, thì vật cũng thấy được ông. Thế thì thể tánh lẫn lộn, ông và ta cùng các thế gian không thành lập được.

A Nan! Nếu khi ông thấy, là chính ông chứ chẳng phải là ta, vậy tánh thấy trùm khắp đó, không phải là ông thì còn là ai nữa? Tại sao lại tự nghi cái Chơn Tánh của ông. Chơn tánh của ông mà ông chẳng tự nhận lấy, lại cầu ta chỉ dùm?”

- Tiết 4: Nghi cái thấy có lớn, nhỏ, đứt, nối

Ông A Nan bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Tánh Thấy này nhưt định là con chẳng phải ai khác, thì khi con cùng Đức Như Lai xem cung điện thù thắng của Tứ Thiên Vương, cùng xem mặt trời, mặt trăng, cái thấy này trùm khắp cả cõi Ta Bà; khi lui về tinh xá chỉ thấy cảnh vườn chùa, đến khi thanh tâm nơi phòng chái, thì lại chỉ thấy một chái nhà. Bạch Thế Tôn, cái thấy này như thế, thể nó xưa nay khắp giáp một cõi, nay ở trong nhà chỉ thấy nội trong nhà. Vậy cái thấy này rút lớn làm nhỏ, hay bị tường vách ép lại khiến cho đứt đoạn. Nay con chẳng biết nghĩa này thế nào? Cúi mong Thế Tôn mở rộng lòng từ vì con chỉ rõ”.

- Tiết 5: Phật chỉ tiền trần làm ngăn ngại

Phật bảo A Nan: “Tất cả các thứ trong, ngoài, lớn, nhỏ của thế gian đều thuộc về tiền trần, không nên nói Tánh thấy có co, có giãn. Hư không, Tánh Thấy vốn không vuông tròn, do tiền trần, các món đồ làm có vuông tròn. Thí như trong đồ vuông, thì thấy hư không vuông, bây giờ ta lại hỏi ông: cái hư không vuông thấy được trong đồ vuông đó, nhứt định là vuông hay nhứt định là không? Nếu nhứt định là vuông, thì khi thay thế món đồ tròn, hư không đáng lẽ phải tròn. Nếu không nhứt định, thì khi ở trong món đồ vuông, lẽ ra không có hư không vuông. Ông nói chẳng biết nghĩa đó do đâu, nghĩa đó như vậy, sao còn hỏi là do đâu nữa? A Nan! Nếu muốn nhận được tánh không vuông không tròn, chỉ trừ bỏ cái vuông, tròn của đồ vật, chứ bản thể hư không vốn không vuông; không nên nói lại phải trừ cả cái vuông của hư không nữa. Lại như lời ông hỏi: Khi vào trong nhà rút cái thấy làm cho nhỏ lại, thì khi ngẩng mặt xem trời, không lẽ ông lại kéo tánh thấy giãn ra ngang với mặt trời? Nếu bị tường vách ngăn cách, tánh thấy phải đứt đoạn, thì khi soi một lỗ nhỏ sao không thấy dấu nổi? Nghĩa ấy không đúng!

- Tiết 6: Phật khai thị về chuyển được vật

Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, làm mình là vật, bỏ mất bản tâm, bị vật xoay chuyển, cho nên trong đó thấy có lớn, nhỏ.

Nếu hay chuyển được vật⁵³ tức đồng Như Lai, thân tâm tròn sáng chẳng rời đạo tràng, trên đầu sợi lông có thể chứa đựng cả mười phương quốc độ^{54a}.

MỤC II: PHẬT NÊU TÁNH THẤY RA NGOÀI NGHĨA PHẢI VÀ CHẴNG PHẢI (Thị và phi thị)

Đoạn 1 - Nghi tánh thấy hiện ở trước mắt

Ông A Nan bạch Phật : “Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tánh thấy này nhứt định là chơn tánh của con, thì chơn tánh đó phải hiện ở trước mắt con, cái tánh thấy đó đã là chơn tánh của con, vậy thân tâm con hiện nay là vật gì? Mà nay thân tâm ấy thật có phân biệt, còn cái thấy kia không phân biệt được thân con. Nếu thật là tâm con, khiến cho con hiện nay có thấy, vậy tánh thấy ấy thật là con, còn thân này không phải con, có khác nào trước kia Đức Như Lai gạn hỏi: “Vật hay thấy được con”. Cúi mong Đấng Đại Từ chỉ bày cho chỗ chưa ngộ”.

Đoạn 2 - Chỉ ra “không có cái gì tức là cái thấy”^{54b} ”

Phật bảo: “A Nan! Nay ông nói cái thấy ở trước mắt ông, nghĩa ấy không đúng! Nếu thật ở trước mắt ông và ông thật thấy được, thì tánh thấy này đã có chỗ nơi để chỉ ra được. Vậy nay ta cùng ông ngồi trong rừng Kỳ Đà trông khắp rừng, suối, nhà cửa, phía trên đến mặt trời, mặt trăng, phía trước là sông Hằng, nay ông ở trước tòa sư tử của ta, hãy đưa tay chỉ rõ các thứ tướng ấy: chỗ mát là rừng cây, chỗ sáng là mặt trời, chỗ ngăn ngại là vách, chỗ thông suốt là hư không, như thế cho đến cỏ cây nhỏ nhứt tuy có sai khác, nhưng đã có hình tướng, đều có thể chỉ ra được. Nếu nhứt định cái thấy kia hiện trước mắt ông, ông nên lấy tay chỉ cho chính xác cái nào là cái thấy? A Nan! Ông nên biết, nếu hư không là cái thấy, thì hư không đã thành cái thấy rồi, còn cái gì mới là hư không? Nếu vật là cái

thấy, thì vật đã là cái thấy rồi thì còn cái gì nữa là vật? Ông nên chín chắn phân tích trong muôn vật lựa ra tánh thấy sẵn có, sáng suốt thanh tịnh nhiệm mầu để chỉ rõ cho ta, cùng các vật kia một cách rõ ràng không lầm lẫn”.

A Nan bạch: “Nay con ở trong giảng đường này, trông xa thấy sông Hằng, trên thấy mặt trời, mặt trăng, đưa tay chỉ ra, dùng mắt nhìn xem, chỗ chỉ ra được đều là vật, không có cái gì là cái thấy cả. Bạch Thế Tôn, đúng như lời Phật vừa dạy, chẳng những hàng Thanh Văn sơ học hữu lậu như chúng con, cho đến các vị Bồ Tát cũng không thể ở nơi hiện tượng muôn vật, chỉ ra được cái thấy, rời tất cả vật, riêng có Tự tánh”. Phật dạy: “Đúng như vậy!”

Đoạn 3 - Phật chỉ không có cái gì ra ngoài cái thấy

Phật lại bảo A Nan: “Nhu lời ông đã nói, không có cái thấy rời tất cả vật riêng có Tự Tánh, nên trong tất cả các vật ông đã chỉ ra được, không có cái gì là cái thấy cả. Nay ta lại hỏi ông: Ông cùng Như Lai ngồi trong rừng Kỳ Đà, lại xem vườn rừng, cho đến mặt trời, mặt trăng, các thứ hình tượng khác nhau, trong đó, chắc không có cái thấy mà ông có thể chỉ ra được. Vậy ông hãy phát minh trong các vật đó cái gì ngoài cái thấy?”

A Nan bạch: “Thật con thấy khắp trong rừng Kỳ Đà này không biết trong đó có cái gì ngoài cái thấy cả. Vì sao? Nếu cây ra ngoài cái thấy thì sao thấy được cây? Nếu cây là cái thấy thì sao lại gọi là cây? Như thế cho đến nếu hư không chẳng phải là cái thấy, thì làm sao thấy được hư không? Nếu hư không là cái thấy thì sao lại gọi là hư không? Con lại suy nghĩ, trong muôn hình tượng đây chín chắn phát minh không có cái gì ngoài cái thấy cả”.

Phật dạy: “Đúng như vậy!”

Đoạn 4 - Ngài Văn Thù thỉnh Phật phát minh hai nghĩa.

Khi ấy trong đại chúng, những vị chưa chứng quả vô học, nghe Phật dạy như thế, đều mờ mịt chẳng biết nghĩa ấy đầu đuôi thế nào, nên đều lo sợ, không vị nào giữ tâm mình được thanh tịnh.

Đức Như Lai biết tâm niệm của Đại Chúng đang rối loạn, nên sanh lòng thương xót, liền an ủi ông A Nan và cả Đại Chúng rằng: “Các Thiện nam tử! Đấng Vô Thượng Pháp Vương lời nói chơn thật, xứng tánh Chơn Như mà nói, vốn không lừa dối, chẳng phải như bốn thứ luận nghị “rối loạn bất tử”⁵⁵ của bọn Mạt Già Lê. Ông nên chín chắn suy nghĩ, chớ phụ lòng thương mến của ta!”.

Khi ấy, Ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử thương xót trong hàng tứ chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chơn Phật, chấp tay cung kính bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, Đại Chúng đây không nhận được chỗ Đức Như Lai phát minh hai nghĩa “phải và chẳng phải”, nơi hai thứ “cái thấy” và “sắc không”.

Bạch Thế Tôn! Nếu những hiện tượng sắc, không nơi tiền cảnh là cái thấy, thì đáng lẽ có chỗ chỉ ra được; nếu chẳng phải là cái thấy thì đáng lẽ không thể thấy được. Mà nay đại chúng chẳng biết nghĩa ấy về đâu, nên mới lo sợ, chớ chẳng phải vì trước đây căn lành ít ỏi. Cúi mong Đức Như Lai mở lòng từ bi chỉ rõ các vật hiện tượng này, và cái thấy

nguyên là vật gì mà ở trong đó không có cái “phải” và “chẳng phải”⁵⁶.

Đoạn 5 - Chính chỉ cái thấy không có cái “phải” và “chẳng phải”

Phật bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi và cả Đại Chúng: “Mười phương Như Lai và Đại Bồ Tát khi tự trụ trong chánh định⁵⁷, thì cái thấy và cảnh bị thấy cùng với các tướng tượng đều như hoa đốm giữa hư không, vốn không thật có. Cái thấy và cảnh bị thấy này, nguyên là tâm tánh Bồ đề nhiệm màu, thanh tịnh, sáng suốt. Làm sao trong đó lại có các nghĩa “phải” và “chẳng phải”⁵⁸.

Này Văn Thù! Nay ta hỏi ông, như ông là Văn Thù, nơi ông lại có Văn Thù hay không có Văn Thù?”

- Đúng như thế, bạch đức Thế Tôn! Con đây thật là Văn Thù, nơi con không có cái gì tức là Văn Thù. Vì sao? Vì nếu có cái ấy thì thành ra hai Văn Thù, song con hiện nay chẳng phải là không Văn Thù, trong ấy thật không có hai tướng “phải” và “chẳng phải”.

Phật dạy: “Tánh Thấy nhiệm màu sáng suốt này, cùng với hư không và tiền trần cũng lại như vậy. Vốn một chơn tâm giác ngộ vô thượng thanh tịnh tròn sáng nhiệm màu, làm nhận là sắc, không và thấy, nghe; ví như dụi con mắt thấy có mặt trăng thứ hai, thì mặt trăng nào mới là mặt trăng thật? Này Văn Thù! Chỉ có một mặt trăng thật, trong ấy không có cái phải hay không phải mặt trăng. Thế nên hiện nay, các ông phát minh ra cái thấy và trần cảnh, đều gọi là vọng tướng, không thể ở trong đó chỉ ra các nghĩa “phải” và “chẳng phải”. Bởi do Tánh Giác sáng suốt nhiệm màu ấy, hay khiến cho các ông ra ngoài cái nghĩa “chỉ ra được hay không chỉ ra được”.

MỤC III: PHÁ CÁC THUYẾT NHƠN DUYÊN, TỰ NHIÊN ĐỂ CHỈ BÀY SỰ THẬT NHẬN THẤY CÁI TÁNH THẤY.

Đoạn 1 - Nghi tánh giác đồng với tự nhiên như thân ngã

Ông A Nan bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Thật như Đấng Pháp Vương đã dạy, tánh Giác cùng khắp mười phương thế giới vắng lặng thường trụ, không có sanh diệt, điều ấy so với thuyết của Phạm Chí Ta Tỳ Ca La ngày xưa nói về Minh Đế, hay các thuyết ngoại đạo như Đầu Hôi ... nói có chơn ngã đầy khắp cả mười phương, có gì sai khác?⁵⁹ Ở núi Lăng Già, Thế Tôn cũng đã từng vì ngài Đại Huệ Bồ Tát giảng rộng nghĩa này: bọn ngoại đạo kia thường nói tự nhiên, còn Phật nói nhơn duyên, thật chẳng phải cảnh giới của ngoại đạo kia⁶⁰. Nay con xét kỹ tánh giác này tự nhiên, chẳng sanh, chẳng diệt, xa lìa tất cả hư vọng, điên đảo, in tuồng chẳng phải nhơn duyên mà cũng không phải là thuyết tự nhiên của ngoại đạo kia. Xin Thế Tôn chỉ dạy thế nào để chúng con khỏi rơi vào các tà kiến, được Tâm Tánh Chơn Thật Giác Ngộ trong sạch nhiệm màu sáng suốt.”

Đoạn 2 - Chỉ ra chẳng phải tự nhiên

Phật bảo: “A Nan! Nay ta dùng phương tiện chỉ dạy như thế, chơn thật bảo ông, mà ông còn chưa tỏ ngộ, làm cho là tự nhiên. A Nan! Nếu nhứt định là tự nhiên, thì ông phải tự xét rõ có cái thể tự nhiên. A Nan! Ông hãy xét cái tánh thấy sáng suốt nhiệm màu kia,

lấy cái gì làm tự thể. Tánh thấy đó lấy sáng làm tự thể, hay lấy tối làm tự thể? Lấy hư không làm tự thể, hay lấy ngăn bít làm tự thể? A Nan! Nếu lấy cái sáng làm tự thể, thì lẽ ra chẳng thấy tối. Nếu lại lấy hư không làm tự thể, thì lẽ ra chẳng thấy ngăn bít. Như thế cho đến lấy các tướng tối làm tự thể, thì đến khi sáng Tánh Thấy đã diệt mất, làm sao còn thấy được sáng?”.

Đoạn 3 - Nghi là nhơn duyên

Ông A Nan bạch: “Tánh Thấy nhiệm màu này chắc chẳng phải là tự nhiên, bây giờ con nghĩ nó do nhơn duyên mà sanh, nhưng tâm vẫn còn chưa rõ. Xin hỏi Đức Như Lai nghĩa ấy thế nào cho hợp với tánh nhơn duyên?”

Đoạn 4 - Chỉ ra Tánh Thấy không phải nhơn duyên và kết luận Tánh Thấy rời các danh tướng

Phật dạy: “Ông nói nhơn duyên, ta lại hỏi ông, nay ông do nhơn duyên mà có thấy, Tánh Thấy hiện tiền, vậy cái thấy này nhơn nơi sáng mà có, hay nhơn nơi tối mà có, nhơn nơi hư không mà có, hay nhơn nơi bít lấp mà có? Nay A Nan! Nếu nhơn nơi sáng mà có, thì đáng lẽ chẳng thấy được tối. Như nhơn nơi tối mà có, đáng lẽ chẳng thấy được sáng. Như thế cho đến nhơn nơi hư không, nhơn nơi ngăn bít cũng đồng như sáng và tối.

Lại nữa A Nan! Cái thấy này lại duyên nơi sáng mà có, hay duyên nơi tối mà có? Duyên nơi hư không mà có, hay duyên nơi bít lấp mà có? A Nan! Nếu duyên nơi hư không mà có, đáng lẽ chẳng thấy chỗ bít lấp. Nếu duyên chỗ bít lấp mà có, đáng lẽ chẳng thấy hư không. Như thế, cho đến duyên nơi sáng, duyên nơi tối cũng đồng như hư không và bít lấp. Phải biết tánh Thấy nhiệm màu sáng suốt này chẳng phải nhơn, chẳng phải duyên, cũng chẳng phải tự nhiên, chẳng phải chẳng tự nhiên, không có cái không phải và không không phải, không có cái Tức hay Không Tức, rời tất cả tướng, tức tất cả pháp. Nay ông làm sao ở trong ấy làm đem các danh tướng hý luận thế gian mà dùng tâm phân biệt được? Như lấy tay chụp bắt hư không chỉ thêm tự nhọc, hư không làm sao để cho ông nắm bắt!”.

Đoạn 5 - Lại nghi nhơn duyên

Ông A Nan bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Tánh Giác nhiệm màu này như định chẳng phải nhơn, chẳng phải duyên, tại sao Đức Thế Tôn thường chỉ dạy các thầy Tỳ Kheo: Tánh Thấy có đủ bốn nhơn duyên, nghĩa là nhơn hư không, nhơn ánh sáng, nhơn tâm, nhơn mắt. Nghĩa ấy thế nào?”

Đoạn 6 - Phật lại bác nhơn duyên, tự nhiên để nêu Tánh Thấy rời cả bốn tướng

Phật bảo: “A Nan! Ta nói các tướng nhơn duyên trong thế gian, chứ chẳng phải đệ nhưt nghĩa⁶¹.

A Nan! Nay ta lại hỏi ông, các người trong thế gian nói: “Tôi hay thấy”, thế nào gọi là thấy? Thế nào là chẳng thấy?”

A Nan bạch: “Bạch Đức Thế Tôn! Người trong thế gian như có ánh sáng: mặt trời, mặt trăng và đèn mà thấy các tướng gọi là thấy. Nếu không có ba thứ ánh sáng này thì không thể thấy.”

A Nan! Nếu khi không có ánh sáng gọi là không thấy, thì đáng lẽ không thấy tối. Nếu thấy tối thì chỉ là không có ánh sáng, sao gọi là không thấy? A Nan! nếu khi tối vì không thấy sáng mà gọi là không thấy, vậy nay trong lúc sáng không thấy tướng tối, lại cũng phải gọi là không thấy. Như thế thì hai tướng sáng, tối đều gọi là không thấy. Nếu hai tướng sáng, tối tự lẫn át nhau, thì tánh thấy của ông ở trong ấy không phải tạm không. Như thế, ắt biết cả hai đều gọi là thấy, tại sao lại nói là không?

Thế nên, A Nan! Nay ông phải biết, khi thấy sáng cái thấy không phải là sáng; khi thấy tối cái thấy không phải là tối; khi thấy hư không cái thấy không phải là hư không; khi thấy bít lấp cái thấy không phải là bít lấp.

Đoạn 7 - Chỉ thẳng sự thật nhận thấy Tánh Thấy

Bốn nghĩa đó đã thành lập rồi, ông lại nên biết: Khi nhận thấy tánh thấy⁶², thì tánh thấy không phải là cái thấy⁶³. Tánh thấy còn rời cả cái thấy và cái thấy còn không thể đến nơi tánh thấy được; làm sao ông còn nói đến như duyên, tự nhiên và tướng hòa hợp? Hàng Thanh Văn các ông bực hèn không biết, không thông suốt được thật tướng thanh tịnh. Nay ta chỉ dạy cho ông, ông phải khéo léo suy nghĩ, không được trễ nải trên đường giác ngộ nhiệm mầu.

MỤC IV: CHỈ RA CÁI NHẬN THỨC SAI LẦM ĐỂ HIỆN BÀY TÁNH THẤY CHƠN THẬT

Đoạn 1 - Tỉnh Phật chỉ dạy nghĩa: nhận thấy Tánh Thấy không phải là cái thấy

Ông A Nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Như đức Thế Tôn vì chúng con chỉ dạy về nghĩa như duyên, tự nhiên, các tướng hòa hợp và chẳng hòa hợp, tâm còn chưa khai ngộ; nay lại nghe Phật dạy nhận thấy Tánh Thấy không phải là cái thấy, thì càng thêm mơ hồ. Cúi mong Phật mở rộng lòng từ, bố thí con mắt đại trí huệ, chỉ dạy cho chúng con tâm tánh được trong sạch”. A Nan nói lời ấy rồi, khóc lóc đánh lễ, vâng nghe lời chỉ dạy của Phật.

Đoạn 2 - Trước khi dạy pháp tổng trì, dặn bảo phải nghe cho chín chắn

Khi ấy, Đức Thế Tôn thương xót ông A Nan và cả Đại Chúng, định sẽ chỉ dạy pháp Đại Tổng Trì⁶⁴ là con đường tu hành nhiệm mầu của các pháp Tam Ma Đề, nên bảo ông A Nan rằng: “Ông tuy nhớ giỏi chỉ càng thêm phần học rộng, đối với pháp Xa Ma Tha⁶⁵ Vì Mật Quán Chiếu tâm còn chưa tỏ. Nay ông nghe kỹ, ta sẽ vì ông phân tích chỉ bày, cũng khiến cho những kẻ hữu lậu tương lai được quả Bồ Đề.

Đoạn 3 - Chỉ ra hai thứ nhận thức sai lầm

- Tiết 1: Chỉ hai thứ sai lầm

A Nan! Tất cả chúng sanh luân hồi trong thế gian đều do hai thứ nhận thức sai lầm phân biệt trái ngược, chính theo nơi tâm tánh phát sanh nghiệp báo mà luân chuyển. Hai thứ nhận thức ấy là gì? Một là nhận thức sai lầm về nghiệp riêng của chúng sanh, hai là nhận thức sai lầm về nghiệp chung của chúng sanh.

- Tiết 2: Nhận thức sai lầm về nghiệp riêng

Thế nào là nhận thức sai lầm về nghiệp riêng? A Nan! Như người thế gian bị nhắm mắt, ban đêm nhìn ánh sáng ngọn đèn, riêng thấy có vòng tròn ngũ sắc bao phủ. Ý ông nghĩ thế nào? Cái vòng tròn hiện ra nơi ngọn đèn đó là màu sắc của ngọn đèn hay là màu sắc của cái thấy?

A Nan! Nếu như là màu sắc của ngọn đèn, thì sao những người không bệnh mắt lại không cùng thấy, mà chỉ riêng có người bệnh mắt mới thấy? Nếu như là màu sắc của cái thấy, thì cái thấy đã thành màu sắc, còn người bị bệnh mắt kia thấy bóng tròn thì gọi là cái gì? Lại nữa, A Nan! Nếu cái bóng tròn kia ngoài ngọn đèn riêng tự có, thì lẽ ra khi nhìn những vật chung quanh như: bình phong, màn, bàn, ghế đều phải có bóng tròn hiện ra, còn nếu ngoài cái thấy, bóng tròn riêng mình tự có, đáng lẽ chẳng phải con mắt xem thấy. Tại sao chỉ người bệnh mắt mới thấy bóng tròn? Thế nên phải biết, màu sắc thật nơi ngọn đèn, vì cái thấy bệnh nên có bóng tròn, bóng và cái thấy đều do mắt bệnh, chứ cái nhận biết được mắt bệnh kia không phải bệnh. Trọn chẳng nên nói bóng tròn là ngọn đèn hay cái thấy, trong đó còn có bệnh lòa không phải ngọn đèn, không phải cái thấy.

Ví như mặt trăng thứ hai, không phải thật thể mặt trăng và cũng không phải là cái bóng của mặt trăng. Vì sao? Vì khi xem thấy mặt trăng thứ hai là do dục con mắt mà thành. Những người có trí huệ chẳng nên nói mặt trăng do dục con mắt này là có hình tướng, hay không có hình tướng, là ra ngoài cái thấy hay chẳng ra ngoài cái thấy. Bóng tròn cũng như vậy, nó do mắt bệnh hiện ra, nay muốn gọi cái gì là ngọn đèn, cái gì là cái thấy cũng không được, huống chi lại còn phân biệt là không phải ngọn đèn, hay không phải là cái thấy.

- Tiết 3: Nhận thức sai lầm về nghiệp chung

Thế nào gọi là nhận thức sai lầm về nghiệp chung?

A Nan! Cõi Diêm Phù Đề này, trừ nước biển cả ra, trong đó đất bằng có ba ngàn châu. Châu lớn chính giữa bao quát từ đông sang tây có đến hai ngàn ba trăm nước lớn. Ngoài ra còn các châu nhỏ khác ở trong các biển, trong đó có châu có đến hai trăm, ba trăm nước, hoặc mười, hai mươi, cho đến ba mươi, bốn mươi, năm mươi nước. A Nan, nếu trong đó có một châu nhỏ, chỉ có hai nước, mà riêng người trong một nước đồng cảm ác duyên, thì chúng sanh trong nước đó thấy tất cả những cảnh giới không tốt. Hoặc thấy hai mặt trời, hoặc thấy hai mặt trăng, cho đến thấy nhiều ác tướng khác, như vừng, thích, bội, quyết, tuệ, bột, phi lưu, phụ nhĩ, hồng nghê⁶⁶; chỉ nước đó thấy, còn chúng sanh nước bên kia vốn không thấy, cũng không nghe.

Đoạn 4 - So sánh cái thấy hiện tiền để chỉ rõ ý nghĩa: nhận thấy Tánh Thấy không phải là cái Thấy, xa rời tướng hòa hợp, viên mãn đạo Bồ đề.

- Tiết 1: Dùng nhận thức nghiệp riêng để chỉ rõ thế nào là nhận thấy tánh thấy

A Nan! Ta nay vì ông đem hai việc đó, lui tới kết hợp mà chỉ rõ. A Nan! Cái nhận thấy sai lầm do nghiệp riêng của các chúng sanh kia, thấy ngọn đèn hiện ra bóng tròn, tuy giống như tiền cảnh, nhưng rốt cuộc cái thấy đó, trọn do mắt bệnh nhắm mà thành. Mắt bệnh tức cái thấy bị lao nhọc, chứ chẳng phải do màu sắc tạo ra. Song người nhận được mắt bệnh, cái thấy của họ không có lầm lỗi. So với ông hôm nay dùng mắt xem núi sông, cõi nước và các chúng sanh đều do cái thấy bệnh từ vô thi tạo thành. Cái thấy và cảnh vật bị thấy, in tuồng như có cảnh trước mắt, nguyên là cái giác minh của ta do năng kiến, sở kiến thành bệnh⁶⁷. Vọng kiến tức bệnh, chứ Bản Giác Minh Tâm biết được duyên thì không bệnh. Cái nhận biết được cái bị bệnh đó không ở trong phạm vi bệnh. Đây mới là nhận thấy Tánh Thấy, làm sao còn gọi đó là thấy nghe hay biết được. Thế nên, nay ông thấy ta và ông cùng với mười loài chúng sanh trong thế gian đều do mắt bị bệnh nhắm, chứ không phải thấy được cái bệnh nhắm. Vì tánh thấy chân thật kia không phải bệnh nhắm, nên không thể gọi là cái thấy.

- Tiết 2: Lấy nghiệp chung so với nghiệp riêng để nhận rõ sự thật trong mười phương

A Nan! Như các nhận thức sai lầm về nghiệp chung của chúng sanh, so với nhận thức sai lầm về nghiệp riêng của một người, thì một người nhắm mắt cũng đồng như cả một nước kia. Người thấy bóng vòng tròn kia do bệnh mắt mà vọng sanh; còn trong một nước kia, hiện ra những điềm không tốt, là do ác duyên nghiệp chung, nên các chúng sanh đó đồng thấy các điềm ác hiện ra, cả hai đều do nhận thức sai lầm từ vô thi phát sanh. Cũng in như 3000 châu với thế giới Ta Bà và bốn biển lớn trong cõi Diêm Phù Đề, cho đến các nước hữu lậu và các chúng sanh trong mười phương, đồng là tâm tánh nhiệm màu sáng suốt vô lậu⁶⁸. Những cái bệnh duyên thấy, nghe, hay, biết hư dối hòa hợp sanh ra, hòa hợp giả dối diệt mất. Nếu xa lìa được các bệnh duyên hòa hợp và không hòa hợp, thì cũng diệt trừ được các nguyên nhơn sanh tử, viên mãn tánh Bồ Đề không sanh diệt, Bản Tâm thanh tịnh Bản Giác thường trụ.

- Tiết 3: Bác phá nghĩa hòa hợp

A Nan! Ông tuy đã ngộ được Tâm Tánh nhiệm màu sáng suốt, vốn không phải nhơn duyên, không phải tự nhiên mà vẫn còn chưa rõ căn nguyên của Tánh Giác⁶⁹ vốn không phải hòa hợp sanh và cũng không phải là không hòa hợp.

A Nan! Nay ta lại đưa vấn đề tiền trần để hỏi ông, ông còn đem tất cả tư tưởng sai lầm các tánh nhơn duyên hòa hợp của thế gian mà tự nghi ngờ là tu chứng tâm Bồ Đề⁷⁰ cũng do hòa hợp phát khởi. Vậy hiện nay, Tánh Thấy⁷¹ trong sạch nhiệm màu của ông lại

hòa với cái sáng, hay hòa với cái tối, hòa với cái thông, hay hòa với cái bí? Nếu hòa với cái sáng, thì khi ông đang thấy sáng, cái sáng hiện trước mặt, vậy chỗ nào xen lộn với cái thấy? Cái thấy sáng có thể nhận rõ, còn hình trạng xen lộn thì thế nào? Nếu cái sáng kia ra ngoài cái thấy, thì làm sao thấy được sáng? Còn nếu cái sáng tức là cái thấy, thì làm sao lại thấy được cái thấy? Như cái thấy cùng khắp, thì còn chỗ nào hòa được với cái sáng, còn như cái sáng cùng khắp thì lẽ ra chẳng hòa được với cái thấy. Cái thấy đã khác với cái sáng, thì khi xen lẫn vào, ắt phải làm mất tánh chất của cái sáng. Cái thấy xen vào làm mất tánh chất của cái sáng, mà nói hòa với cái sáng là không đúng nghĩa. Đối với cái tối, cái thông và cái bí cũng như vậy.

Lại nữa, A Nan! Hiện nay tánh thấy nhiệm màu sáng suốt của ông lại hợp với cái sáng, hay hợp với tối, hợp với thông, hay hợp với bí? Nếu hợp với cái sáng, thì đến khi tối tương sáng đã mất rồi, cái thấy này đã không hợp với cái tối, thì làm sao thấy được cái tối? Nếu khi thấy tối mà chẳng hợp với cái tối, lại hợp cùng cái sáng, thì đáng lẽ cũng không thấy được sáng. Đã không thấy được sáng, thì làm sao hợp với cái sáng, và rõ biết cái sáng chẳng phải là tối. Đối với cái tối, cái thông, cái bí cũng như vậy.

- Tiết 4: Bác phá nghĩa không hòa hợp

Ông A Nan bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Như con suy nghĩ thì cái tâm tánh nhiệm màu này đối với các trần cảnh và các tâm niệm nhớ nghĩ không hòa hợp chăng?”

Phật bảo: “Nay ông lại nói Tánh Giác không hòa hợp, ta lại hỏi ông: Cái Tánh Thấy gọi là không hòa hợp đó là không hòa với cái sáng, hay không hòa với cái tối, không hòa với cái thông, hay không hòa với cái bí? Nếu không hòa với cái sáng, thì giữa cái thấy và cái sáng phải không có ranh giới. Ông hãy xem kỹ: chỗ nào là cái sáng, chỗ nào là cái thấy? Nơi cái sáng và nơi cái thấy, thì lấy từ đâu làm ranh giới? A Nan! nếu bên cái sáng ắt không có cái thấy, thì hai cái chẳng đến với nhau, cái thấy tự không biết được cái sáng ở đâu, thì làm sao thành lập được ranh giới. Đối với cái tối như thế nào thì cái thông và cái bí cũng như vậy.

Lại cái thấy gọi là không hòa hợp đó là không hợp với cái sáng, hay không hợp với cái tối, không hợp với cái thông, hay không hợp với cái bí? Nếu không hợp với cái sáng thì cái thấy và cái sáng tánh trái ngược nhau, như cái nghe với cái sáng, không đụng chạm gì với nhau cả; thế thì cái thấy còn chẳng biết được cái sáng ở đâu, làm sao phân biệt được những lẽ hợp hay không hợp. Đối với cái tối như thế nào, thì cái thông và cái bí cũng như vậy.

MỤC V: TỔNG THÂU BỐN KHOA, BẢY ĐẠI VỀ NHƯ LAI TẠNG ĐỂ PHÁT KHỞI CHƠN NGỘ

Đoạn 1 - Tổng thâu

A Nan! Ông còn chưa rõ tất cả các tướng huyền hóa nơi tiền trần, chính nơi tâm⁷² sanh ra, rồi theo nơi tâm diệt đi. Cái huyền hóa giả dối đó gọi là tướng, mà cái Tánh của nó vốn là thể giác ngộ nhiệm màu sáng suốt; như thế cho đến năm âm, sáu nhập, mười

hai xứ, mười tám giới, như duyên hòa hợp hư đời sanh ra, như duyên chia lìa hư đời gọi là diệt; mà không biết rằng sanh, diệt, đi, lại đều vốn là Tánh Chơn Như cùng khắp, không lay động, nhiệm màu sáng suốt thường trụ của Như Lai Tạng. Trong tánh chơn thường đó tìm cho ra những cái đi, lại, mê, ngộ, sanh, tử hẳn không thể được.

Đoạn 2 - Thâu năm ấm: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức

- Tiết 1: Thâu Sắc ấm

A Nan! Làm sao biết được năm ấm vốn là Tánh Chơn Như nhiệm màu của Như Lai Tạng? A Nan! Ví như có người dùng con mắt trong sạch xem hư không trong sáng, chỉ thấy một hư không trong sáng, hẳn không thấy gì khác. Người kia vô cớ, nhìn cũng không nháy mắt; nhìn lâu mắt sanh mỏi mệt, thấy ở giữa hư không có hoa đốm lăng xăng và tất cả những tướng giả dối lộn xộn⁷³, nên biết sắc ấm cũng như vậy. A Nan! Các hoa đốm lăng xăng đó, không phải từ hư không đến, cũng không phải từ con mắt ra. Thật vậy, A Nan! Nếu từ hư không đến, hẳn đã từ hư không đến, thì phải trở vào hư không; nếu đã có ra, có vào thì chẳng phải là hư không nữa. Hư không nếu chẳng phải là hư không, thì tự nhiên không dung nạp được tướng hoa đốm kia sanh diệt, như thân thể ông A Nan, chẳng dung nạp được một ông A Nan nào nữa; nếu hoa đốm từ con mắt ra, hẳn đã từ con mắt ra, phải trở vào con mắt. Lại cái Tánh hoa đốm ấy đã từ con mắt ra, thì lẽ ra phải có thấy; nếu như có thấy thì khi đi ra đã làm hoa đốm giữa hư không, đến khi quay trở lại, phải thấy được con mắt. Nếu không thấy thì khi đi ra đã làm mờ hư không, đến khi trở lại phải làm mờ con mắt. Lại khi thấy hoa đốm lẽ ra con mắt không mờ, làm sao chỉ khi thấy hư không trong suốt, mới gọi là con mắt trong sáng? Thế nên phải biết, sắc ấm là giả dối, vốn không phải tánh như duyên, không phải tánh tự nhiên.

- Tiết 2: Thâu Thọ ấm

A Nan! Ví như có người tay chơn yên ổn, thân thể điều hòa⁷⁴, chợt như quên mình, không có gì là nghịch là thuận. Người này vô cớ lấy hai bàn tay xoa vào nhau giữa hư không, trong lòng hai bàn tay giả dối sanh ra những cảm xúc trơn, rít, lạnh, nóng. Nên biết thọ ấm cũng như vậy.

Đúng vậy, A Nan! Các cảm xúc giả dối ấy, không phải từ hư không đến, cũng không phải từ bàn tay ra. A Nan! Nếu từ hư không đến thì đã sanh cảm xúc nơi bàn tay, tại sao lại chẳng sanh cảm xúc nơi thân thể, chẳng lẽ hư không lại biết lựa chọn chỗ để sanh ra cảm xúc? Nếu như từ bàn tay ra thì lẽ ra không cần hai bàn tay hợp lại. Lại, nếu đã từ bàn tay ra, thì khi hai bàn tay hợp lại biết có cảm xúc, đến khi bàn tay rời ra, cảm xúc phải chạy vào, và cánh tay, cổ tay, xương tủy, lẽ ra phải biết đường vào của cảm xúc, lại phải có tâm hay biết, biết ra biết vào và phải có một vật đi lại trong thân, đâu cần phải đợi đến hai bàn tay hợp lại, mới gọi là cảm xúc? Vậy nên biết rằng, thọ ấm giả dối, vốn không phải tánh như duyên, không phải tánh tự nhiên.

- Tiết 3: Thâu Tưởng ấm

A Nan! Ví như có người nghe nói me chua thì trong miệng nước miếng chảy ra; khi nghĩ đến đứng trên dốc cao thì lòng bàn chân cảm giác rờn rợn. Phải biết tướng âm cũng lại như vậy.

A Nan! Câu chuyện me chua như thế, chẳng phải từ trái me sanh ra, chẳng phải từ miệng vào. Thật vậy, A Nan! Nếu từ trái me sanh ra, thì trái me tự nói lấy, sao phải đợi người ta nói. Nếu do miệng vào, thì cái miệng tự nghe lấy, cần gì đến lỗ tai. Nếu riêng mình lỗ tai nghe, thì nước miếng kia sao chẳng từ trong lỗ tai chảy ra. Còn chuyện nghĩ đứng trên dốc cao cũng giống như vậy. Thế nên phải biết tướng âm là hư dối, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

- **Tiết 4: Thâu Hành âm**

A Nan! Ví như dòng nước dốc, sóng mời tiếp nối, lớp trước lớp sau, chẳng vượt khỏi nhau. Nên biết hành âm⁷⁵ cũng lại như vậy.

A Nan! Dòng nước như vậy không hơn hư không sanh, không hơn nước mà có, cũng không phải tánh nước, cũng không ra ngoài hư không⁷⁶ và nước⁷⁷. Thật vậy, A Nan! Nếu hơn hư không mà sanh, thì mười phương hư không vô cùng tận phải thành dòng nước vô tận, thì thế giới sẽ bị chìm đắm cả; nếu hơn nước mà có, thì dòng nước dốc này bản tánh đáng lẽ không phải là nước nữa, và hiện nay có thể chỉ ra hai tướng của nước và của dòng nước khác nhau. Nếu dòng nước này tức là tánh nước, thì khi nước đứng lại, đáng lẽ không phải là thể của nước nữa. Nếu ngoài hư không và nước, thì chẳng có cái gì ngoài hư không và ngoài nước mà có dòng nước. Thế nên phải biết, hành âm giả dối, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

- **Tiết 5: Thâu Thức âm**

A Nan! Ví như có người⁷⁸ lấy bình tần già⁷⁹ bịt cả hai lỗ, chứa đầy hư không⁸⁰, đem đi xa ngàn dặm cho nước khác. Nên biết thức âm cũng lại như vậy. A Nan! Cái hư không đó không phải đến từ phương kia⁸¹, cũng không phải đưa vào phương này⁸². Như thế, A Nan! Nếu hư không đến từ phương kia, thì trong bình này đã đựng hư không đem đi, ở chỗ cũ của cái bình phải thiếu một chút hư không. Nếu đưa hư không từ phương này vào, thì khi mở miệng bình trút ra phải thấy hư không ra. Thế nên phải biết, thức âm giả dối, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Quyển 3

Đoạn 3 - Thâu lục nhập: Nhãn nhập, Nhĩ nhập, Tỷ nhập, Thiệt nhập, Thân nhập và Ý nhập.

- Tiết 1: Thâu Nhãn nhập

- Lại nữa, A Nan! Vì sao bản tánh của sáu nhập⁸³ vốn là Tánh chơn như nhiệm mầu của Như Lai Tạng? A Nan, tức nơi con mắt kia nhìn chăm chú phát ra tướng mỗi một, cả cái thấy và cái mỗi một đó đều là thể tánh Bồ Đề do chăm chú phát ra.

Nhơn hai thứ vọng trần tối và sáng phát sanh ra cái thấy bên trong, thu nạp các trần tướng, gọi là tánh thấy; cái thấy đó rời hai trần tối, sáng kia, rốt ráo không có thật thể. Thật vậy, A Nan! Ông nên biết cái thấy đó, chẳng phải từ nơi sáng hay từ nơi tối mà đến, cũng chẳng phải từ con mắt ra, cũng không phải do hư không sanh. Vì sao? Nếu tánh thấy từ sáng mà đến, thì khi tối đã theo cái sáng mà diệt, lẽ ra không thấy được tối. Nếu từ cái tối đến, thì khi sáng phải theo cái tối mà diệt, nên không thấy sáng. Nếu từ con mắt sanh hẳn không có sáng và tối. Như vậy thì cái thấy vốn không có tự tánh. Nếu từ hư không ra, thì khi nhìn trước thấy trần tướng, xoay trở về phải thấy con mắt; lại hư không tự thấy, nào có quan hệ gì đến con mắt của ông. Thế nên biết rằng, nhãn nhập là giả dối, vốn không phải tánh nhơn duyên, không phải tánh tự nhiên.

- Tiết 2: Thâu Nhĩ nhập

A Nan! Như có người lấy hai ngón tay bịt chặt hai lỗ tai, do lỗ tai mỗi một nên trong đầu tạo thành có tiếng; cả cái nghe và cái mỗi một đều là thể tánh Bồ Đề do chăm chú mà phát ra tướng mỗi một. Nhơn hai thứ vọng trần động, tịnh phát ra cái nghe ở trong, thu nạp trần tướng đó gọi là tánh nghe. Tánh nghe này rời hai trần động, tịnh kia, rốt ráo không có tự thể. Thật vậy, A Nan! Ông nên biết, cái nghe đó không phải từ động, tịnh đến, chẳng phải từ lỗ tai ra, chẳng phải từ hư không sanh. Vì sao? Nếu cái nghe kia từ nơi tịnh mà đến, thì khi động phải theo cái tịnh mà diệt, lẽ ra không nghe được động. Nếu từ nơi động mà đến, thì khi tịnh sẽ theo cái động mà diệt, lẽ ra không biết được tịnh. Nếu từ lỗ tai sanh, hẳn không có động, tịnh, cái nghe như vậy vốn không tự tánh. Nếu từ hư không ra, hư không đã có tánh nghe thì chẳng phải là hư không. Lại hư không đã tự nghe thì đâu có quan hệ gì đến lỗ tai của ông. Thế nên phải biết nhĩ nhập là giả dối, vốn không phải tánh nhơn duyên, cũng không phải tánh tự nhiên.

- Tiết 3: Thâu Tỷ nhập

A Nan! Ví như có người lấy hai ngón tay bịt chặt hai lỗ mũi, bịt lâu sanh ra mỗi một, thì ở trong mũi nghe có cảm xúc lạnh nóng. Nhơn những cảm xúc như thế mà phân

biết được là thông, bí, rộng, đặc, cho đến các mùi thơm, hôi, gồm cả cái mũi và cái môi mỗi một đều là tánh Bồ Đề, do chăm chú mà phát ra tướng mỗi một. Như nơi hai thứ vọng trần thông, bí, phát sanh cái người ở trong, thu nạp trần tướng đó gọi là tánh người. Tánh người này rời hai trần thông, bí kia, rốt ráo không có tự thể. Phải biết cái người ấy chẳng phải từ thông, bí đến, chẳng phải từ lỗ mũi ra, cũng chẳng phải từ hư không sanh. Vì sao? Nếu cái người từ thông mà đến, thì khi bí cái người phải theo cái thông mà diệt, làm sao biết được cái bí. Như như cái bí mà có, thì khi thông không có cái người, làm sao rõ biết được các mùi thơm, hôi. Nếu từ lỗ mũi sanh, hẳn không có thông, bí, như thế, cái người vốn không tự tánh. Nếu từ hư không ra, cái người đó tự phải xoay lại người cái lỗ mũi của ông; lại hư không tự có tánh người, thì đâu có quan hệ gì đến lỗ mũi của ông. Thế nên phải biết, tử nhập là giả dối vốn không phải tánh như duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

- Tiết 4: Thâu Thiệt nhập

A Nan! Ví như có người dùng lưỡi liếm môi, liếm lâu sanh mỗi một. Nếu người đó có bệnh, thì có cảm giác vị đắng, người không bệnh thì cảm giác có chút vị ngọt. Do cảm xúc ngọt, đắng này mà hiển bày tính chất của cái nếm; còn lúc bình thường thì có tánh lạt. Cả cái nếm và cái mỗi một đều là tánh Bồ Đề, chăm chú mà phát ra tướng mỗi một. Như hai thứ vọng trần ngọt, đắng và lạt phát sanh cái biết bên trong, thu nạp trần tướng ấy gọi là tánh biết nếm vị. Tánh biết nếm vị này, rời hai thứ vọng trần ngọt, đắng và lạt rốt ráo không có tự thể. Thật vậy, A Nan! Ông phải biết rằng: cái biết đắng, biết lạt kia, chẳng phải từ nơi vị ngọt, vị đắng mà đến, không phải như vị lạt mà có, lại cũng chẳng phải từ lưỡi ra, chẳng phải từ hư không sanh. Vì sao? Nếu cái biết từ vị ngọt, vị đắng mà đến, thì khi lạt, cái biết nếm đã mất rồi, làm sao biết được vị lạt; nếu từ vị lạt ra, thì khi vị ngọt đến, tức cái biết vị bị mất rồi, lại làm sao biết được hai vị ngọt và đắng? Nếu từ lưỡi sanh, hẳn không có vị ngọt, vị lạt và vị đắng, thì cái căn biết vị này vốn không có tự tánh. Nếu từ hư không ra thì hư không tự có vị, chẳng cần phải lưỡi ông biết vị, lại hư không tự biết vị thì đâu có quan hệ gì đến cái lưỡi của ông. Thế nên phải biết, thiệt nhập là giả dối, vốn không có tánh như duyên và không phải tánh tự nhiên.

- Tiết 5: Thâu Thân nhập

A Nan! Ví như có người lấy một bàn tay lạnh chạm vào một bàn tay nóng; nếu thế bên lạnh nhiều hơn thì cái nóng cũng theo đó mà lạnh; nếu thế bên nóng nhiều hơn, bên lạnh sẽ trở thành ra nóng; như thế do sự xúc chạm nhận biết trong lúc hợp lại mà rõ sự nhận biết trong lúc rời ra. Cái thế chênh lệch nếu thành giữa nóng và lạnh, thì như đó phát ra mỗi một mà có cảm xúc. Cả cái biết cảm xúc và cái mỗi một đồng là tánh Bồ Đề, do chăm chú phát ra tướng mỗi một. Như hai thứ vọng trần ly, hợp phát ra cái hay biết bên trong, thu nạp các trần tượng đó gọi là cái biết cảm xúc. Thế biết cảm xúc đó rời hai thứ trần hợp, ly, trái, thuận, rốt ráo không có tự thể. Thật vậy, A Nan! Ông nên biết, cảm xúc đó chẳng phải từ ly, hợp đến, chẳng phải từ trái thuận mà có, chẳng phải từ thân thể mà ra, lại cũng chẳng phải từ hư không sanh. Vì sao? Nếu khi hợp tánh biết đến, thì khi ly

tánh biết phải bị mất, làm sao biết được ly. Hai tướng trái thuận cũng lại như vậy. Nếu từ nơi thân ra hẳn không có bốn tướng ly, hợp, trái, thuận, thân tri giác của ông nguyên không có tự tánh. Nếu từ hư không ra, thì hư không tự có tri giác, đâu có quan hệ gì đến thân nhập của ông. Thế nên phải biết, thân nhập giả dối, vốn không phải tánh nhơn duyên và không phải tánh tự nhiên.

- Tiết 6: Thân Ý nhập

A Nan! Ví như có người mỗi mệt thì ngủ, ngủ mãi giấc thì thức, khi nhận biết trần cảnh thì nhớ, hết nhớ thì quên⁸⁴. Các món sanh, tử, diệt trái ngược đó, thu nạp chứa nhóm đưa vào trong, không lẫn lộn nhau gọi là ý căn. Cả ý căn và cái mỗi mệt đồng là tánh Bồ Đề, chăm chú mà phát ra tướng mỗi mệt. Nhơn hai thứ vọng trần sanh, diệt, nhóm cái biết bên trong, thu nạp pháp trần bên trong; dòng thấy nghe đi ngược vào trong mà không đến đâu, gọi là cái ý hay biết. Cái ý hay biết này, rời hai trần thức và ngủ, sanh và diệt kia rốt ráo không có tự thể. Thật vậy, A Nan! Nên biết cái ý căn hay biết như thế, chẳng phải từ nơi ngủ nơi thức⁸⁵ mà đến, chẳng phải do cái sanh cái diệt mà có, chẳng phải từ ý căn phát ra, cũng chẳng phải từ hư không mà sanh. Vì sao? Nếu từ nơi thức mà đến, thì khi ngủ đã theo cái thức mà diệt rồi, còn lấy cái gì làm cái ngủ; nếu chắc lúc sanh mới có, thì khi diệt đồng như không có rồi, thì lấy cái gì mà biết là diệt? Nếu do cái diệt mà có, thì khi sanh không có diệt nữa, lấy cái gì mà biết là sanh? Nếu từ ý căn mà ra, thì hai tướng ngủ và thức, thay đổi lẫn nhau nơi thân, nếu hề rời hai tướng đó ra, cái ý hay biết này cũng như hoa đóm hư không, rốt ráo không có tự tánh. Nếu do hư không sanh, thì hư không tự biết, nào có quan hệ gì đến ý nhập của ông? Thế nên phải biết, ý nhập là giả dối, vốn không phải tánh nhơn duyên, không phải tánh tự nhiên.

Đoạn 4: Thân mười hai xứ (6 căn và 6 trần)

- Tiết 1: Thân 2 xứ Sắc trần và Nhãn căn

Lại nữa, A Nan! Vì sao bản tánh của mười hai xứ⁸⁶, vốn là Tánh Chơn Như nhiệm màu của Như Lai Tạng? A Nan! ông hãy xem rừng cây Kỳ Đà và các suối ao trong ấy, ý ông nghĩ sao? Như thế là do sắc trần sanh ra cái thấy, hay cái thấy sanh ra sắc tướng?

A Nan! nếu cái thấy sanh ra sắc tướng, thì khi thấy hư không, không có sắc tướng, lẽ ra tánh thấy sanh ra sắc tướng đã tiêu mất rồi, mà đã tiêu mất thì rõ ràng tất cả đều không; sắc tướng đã không, thì lấy cái gì rõ biết được tướng hư không. Đối với hư không cũng như vậy. Lại nếu sắc trần sanh ra cái thấy, thì khi thấy hư không không có sắc, cái thấy phải tiêu mất, cái thấy tiêu mất thì tất cả đều không, lấy gì rõ được hư không và sắc tướng?

Vậy nên biết, cái thấy cùng sắc, đều không có xứ sở, tức sắc trần và cái thấy, hai xứ đó đều giả dối, vốn không phải tánh nhơn duyên, cũng không phải tánh tự nhiên.

- Tiết 2: Thân 2 xứ Thanh trần và Nhĩ căn

A Nan! ông lại nghe trong vườn Kỳ Đà này, khi dùng cơm thì đánh trống, lúc họp chúng thì đánh chuông, tiếng trống, tiếng chuông trước sau nối nhau. Ý ông nghĩ sao? Như thế, cái tiếng đến bên cái nghe, hay cái nghe đến chỗ cái tiếng?

A Nan! nếu cái tiếng đến bên cái nghe, như khi ta đi khát thực trong thành Thất La Phiệt, tại rừng Kỳ Đà không có ta nữa. Cái tiếng đó nếu đã đến bên cái nghe của ông A Nan, thì ông Mục Kiền Liên, ông Ca Diếp lẽ ra không cùng nghe. Huống chi trong đây có một ngàn hai trăm năm mươi vị Sa Môn, một khi nghe tiếng chuông đều đến chỗ ăn cơm.

Lại như cái nghe của ông đến bên cái tiếng đó, cũng như khi ta đã trở về rừng Kỳ Đà, thì tại thành Thất La Phiệt tất nhiên không có ta; vậy khi ông nghe tiếng trống, cái nghe của ông đã đến chỗ tiếng trống rồi, như vậy khi tiếng chuông cùng phát, lẽ ra ông không thể nghe cả hai bên, huống nữa, còn nghe được cả tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng trâu, tiếng dê và nhiều tiếng khác. Còn nếu không đi đến với nhau, thì lại không nghe.

Vậy nên biết rằng nghe và tiếng đều không có xứ sở; tức là cái nghe và thanh trần cả hai xứ đều giả dối, vốn không phải tánh nhơn duyên, không phải tánh tự nhiên.

- Tiết 3: Thân 2 xứ Hương trần và Tỷ căn

A Nan! Ông hãy nghĩ mùi hương chiên đàn trong lư này. Hương ấy nếu đốt một thù⁸⁷ thì cả thành Thất La Phiệt, đến trong bốn mươi dặm đồng thời đều ngửi mùi thơm. Ý ông nghĩ sao? Mùi thơm ấy sanh ra do cây chiên đàn, do nơi lỗ mũi của ông, hay do nơi hư không? A Nan, nếu như mùi thơm ấy sanh ra do lỗ mũi của ông, đã gọi là do lỗ mũi sanh, thì phải từ lỗ mũi mà ra, nhưng lỗ mũi không phải chiên đàn, làm sao trong lỗ mũi lại có được mùi thơm chiên đàn? Lại đã gọi rằng ông ngửi mùi thơm, thì mùi thơm phải vào trong lỗ mũi của ông. Còn trong lỗ mũi đã phát ra mùi thơm mà nói rằng ngửi được, là không đúng. Nếu từ hư không sanh, tánh hư không thường còn, mùi thơm lẽ ra phải thường có, sao phải nhờ đốt cây khô chiên đàn trong lò mới có mùi thơm? Nếu mùi thơm sanh ra từ cây chiên đàn, thì cái chất thơm ấy như đốt cây chiên đàn thành khói, nếu lỗ mũi ngửi được mùi thơm, lẽ ra khói phải xông đến lỗ mũi. Có sao khi khói bay lên hư không chưa được bao xa mà trong khoảng bốn chục dặm đều ngửi được mùi thơm.

Thế nên phải biết, mùi thơm, lỗ mũi và cái ngửi đều không có xứ sở, tức là cái ngửi và mùi thơm, hai xứ đều giả dối, vốn không phải tánh nhơn duyên, không phải tánh tự nhiên.

- Tiết 4: Thân 2 xứ Vị trần và Thiệt căn

A Nan! Ông thường hai t hời ở trong chúng, ôm bát đi khát thực. Trong đó, hoặc được món tô lạc, đề hồ, gọi là vị quý. Ý ông nghĩ sao? Vị này sanh ra là do hư không, do nơi cái lưỡi, hay do nơi thức ăn?

A Nan! Nếu vị ấy sanh ra nơi lưỡi của ông, thì trong miệng ông chỉ có một cái lưỡi; lưỡi lúc bấy giờ đã thành vị tô lạc hay đề hồ rồi, nếu gặp đường phèn, lẽ ra vị không dờn dỗi chẳng biết vị ngọt, nếu vị không dờn dỗi thì không gọi là biết vị, còn nếu dờn dỗi, thì cái lưỡi không có nhiều thể, làm sao, một cái lưỡi lại biết nhiều vị? Nếu do thức ăn sanh

ra vị trần, thì thức ăn không có tri giác, làm sao tự biết được vị; nếu thức ăn tự biết vị, thì cũng đồng như người khác ăn, nào có liên hệ gì đến ông, mà gọi là ông biết vị? Nếu do hư không sanh ra vị trần, thì ông thử ném hư không coi sẽ có vị gì? Hư không kia nếu hẳn là vị mặn, thì đã làm mặn cái lưỡi của ông, cũng làm mặn cái mặt của ông nữa. Vậy thì người ở trong thế giới này đồng như là cá ở trong biển, đã thường chịu vị mặn, hoàn toàn chẳng biết được vị lạt. Nhưng nếu chẳng biết được vị lạt thì cũng chẳng biết được vị mặn! Mà đã không biết cái gì thì làm sao còn gọi là biết vị? Thế nên phải biết, vị trần, thiệt căn và cái nếm đều không có xứ sở, tức cái nếm vị và vị trần, cả hai đều hư dối, vốn không phải tánh nhơn duyên, không phải tánh tự nhiên.

- Tiết 5: Thân 2 xứ Xúc trần và Thân căn

A Nan! Ông thường sáng sớm lấy tay xoa đầu. Ý ông nghĩ sao? Trong việc biết xoa này, lấy cái gì làm cái biết cảm xúc? Cái biết ấy ở nơi tay hay ở nơi đầu? Nếu cái biết cảm xúc ở nơi tay, mà cái đầu không biết, thì làm sao thành cái cảm xúc? Còn nếu nó ở nơi đầu, mà cái tay vô dụng, thì làm sao gọi là cảm xúc được? Nếu cả cái đầu và cái tay đều có biết, thì một mình A Nan phải có hai cái biết cảm xúc. Nếu đầu và tay đều do một cảm xúc sanh ra, thì tay và đầu chỉ có một tự thể, mà nếu chỉ có một tự thể thì không năng, không sở, cảm xúc không thành lập được. Còn nếu là hai thể, thì cảm xúc ở phía nào? Ở bên năng thì không ở bên sở, ở bên sở thì không ở bên năng, chẳng lẽ hư không tạo thành cảm xúc cho ông? Thế nên phải biết cảm xúc và thân căn đều không có xứ sở, tức thân cùng với cảm xúc, cả hai đều là hư dối, vốn không phải tánh nhơn duyên, không phải tánh tự nhiên.

- Tiết 6: Thân 2 xứ Pháp trần và Ý căn.

A Nan! Trong ý ông thường duyên ba tánh thiện, ác và vô ký⁸⁸ mà sanh ra các pháp trần. Những pháp trần đó là do tâm sanh, hay rời tâm riêng có xứ sở?

A Nan! Nếu tức nơi tâm, thì pháp trần không phải là trần cảnh nữa, và như thế, nó không phải là cái sở duyên của tự tâm, làm sao thành một xứ được? Nếu rời tâm riêng có xứ sở, thì bản tánh của pháp trần là có biết hay không? Nếu có biết thì gọi là tâm, nhưng nếu nó khác với ông và chẳng phải trần cảnh, thì cũng như cái tâm của người khác; còn nếu nó tức là ông và cũng tức là tâm, thì làm sao cái tâm nơi ông lại thành hai được? Lại nếu như không có biết, thì pháp trần đó đã không phải sắc, thanh, hương, vị, ly, hợp, lạnh, nóng và tướng hư không, thì nó sẽ ở chỗ nào? Hiện nay nơi sắc, không, đều không thể chỉ ra được; không lẽ trong nhơn gian này lại có cái ngoài hư không? Không có cảnh sở duyên, ý căn do đâu thành lập? Thế nên phải biết pháp trần và tâm đều không có xứ sở, tức là ý căn và pháp trần cả hai đều hư dối, vốn không phải tánh nhơn duyên, không phải tánh tự nhiên.

Đoạn 5 - Thân 18 giới: 6 căn, 6 trần và 6 thức

- Tiết 1: Thân Nhãn căn, Sắc trần và Nhãn thức giới.

Lại nữa A Nan! Tại sao mười tám giới⁸⁹ lại vốn là Tánh Chơn Như màu nhiệm của Như Lai Tạng?

A Nan! như ông đã rõ: nhãn căn và sắc trần làm duyên sanh ra nhãn thức, thức này như nhãn căn sanh, lấy nhãn căn làm giới, hay như sắc trần sanh, lấy sắc trần làm giới?

A Nan! nếu như nhãn căn sanh mà không có sắc trần và hư không, thì không thể phân biệt được, dầu cho có cái thức của ông thì đem dùng vào việc gì? Cái thấy của ông ngoài những sắc xanh, vàng, đỏ, trắng thì không thể biểu hiện, vậy do đâu mà lập thành ra giới? Nếu như sắc trần sanh ra, trong khi chỉ có hư không, không có sắc, thì cái thức của ông đáng lẽ phải mất, làm sao còn biết được là hư không? Nếu theo sắc trần mà biến đổi, ông cũng biết sắc tướng biến đổi mà cái thức của ông thì không biến đổi, thế thì do đâu mà thành lập sắc trần làm giới? Nếu theo sắc trần mà biến đổi thì tự nhiên sắc trần không thành giới được. Nếu không biến đổi thì thường hằng, cái thức đã do sắc trần sanh ra, lẽ ra không thể biết hư không ở đâu? Nếu gồm hai thứ nhãn căn và sắc trần hợp lại sanh ra, vậy như hợp lại thì ở giữa phải ly, ly thì hai bên lại hợp, thế tánh lẫn lộn, làm sao thành lập được giới? Thế nên phải biết, nhãn căn và sắc trần làm duyên sanh ra nhãn thức giới, ba xứ đều không thì nhãn căn, sắc trần và nhãn thức giới cả ba vốn chẳng phải tánh như duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

- Tiết 2: Thân Nhĩ căn, Thanh trần và Nhĩ thức giới .

A Nan! như ông đã rõ: nhĩ căn và thanh trần làm duyên sanh ra nhĩ thức. Thức đó như nhĩ căn mà sanh ra, lấy nhĩ căn làm giới, hay như thanh trần mà sanh ra, lấy thanh trần làm giới?

A Nan! nếu như nhĩ căn mà sanh ra, không có hai tướng động, tịnh hiện tiền, thì cái biết của nhĩ căn không thành, mà đã không biết gì, thì cái biết còn không thành, huống nữa cái thức phân biệt đâu có hình trạng gì? Nếu như lỗ tai nghe, thì đã không có hai tướng động, tịnh, cái nghe cũng không thành, làm sao lấy hình sắc của lỗ tai đối với xúc trần mà gọi được là nhĩ thức giới, và nhĩ thức giới lại do đâu mà lập ra? Nếu như nơi thanh trần mà sanh, thì cái nhĩ thức như thanh trần mà có, ắt không quan hệ gì đến cái nghe, mà đã không nghe, thì cũng không biết các tướng thanh trần ở đâu. Lại nói nhĩ thức do thanh trần sanh ra, dầu cho thanh trần như cái nghe mà có tướng, thì cái nghe lẽ ra phải nghe được nhĩ thức. Nếu không nghe được nhĩ thức, thì thanh trần không phải là giới của nhĩ thức. Nếu nghe được thì nhĩ thức cũng đồng như thanh trần, và nhĩ thức đã bị nghe, thì lấy cái gì biết được rằng đã nghe cái thức? Còn nếu cái thức không biết, thì cũng như cỏ, cây. Lại không lẽ thanh trần và cái nghe xen lộn thành ra cái giới ở giữa. Cái giới không có vị trí chính giữa, thì tướng nội căn và ngoại trần lại do đâu mà thành lập?

Thế nên phải biết nhĩ căn, thanh trần làm duyên sanh ra nhĩ thức giới, cả ba xứ đều không, thì nhĩ căn, thanh trần và nhĩ thức giới cả ba vốn không phải tánh như duyên, không phải tánh tự nhiên.

- Tiết 3: Thân Tỷ căn, Hương trần và Tỷ thức giới

A Nan! Lại như ông đã rõ: tử căn và hương trần làm duyên sanh ra tử thức. Thức đó là nhơn nơi tử căn sanh, lấy tử căn làm giới, hay nhơn hương trần sanh, lấy hương trần làm giới?

A Nan! Nếu nhơn tử căn sanh, thì trong tâm ông lấy cái gì làm tử căn? Lấy cái hình thịt như tướng hai móng tay, hay lấy cái tánh ngữi biết dao động làm tử căn? Nếu lấy cái hình tướng mũi thịt, chất thịt là thân căn còn cái biết của thân căn là cái biết cảm xúc. Đã gọi là thân căn, thì không phải gọi là tử căn, đã gọi là cảm xúc, thì đó là xúc trần đối với thân căn, vậy còn không có gì đáng gọi là tử căn, do đâu mà lập thành giới? Nếu lấy cái biết ngữi mũi làm tử căn, thì trong tâm ông lấy cái gì làm cái biết ngữi? Nếu lấy cái lỗ mũi thịt làm cái biết, thì cái biết của lỗ mũi thịt là xúc trần, chứ không phải tử căn. Nếu lấy hư không làm cái có ngữi biết, thì hư không ắt tự biết, còn xác thịt của ông lẽ ra không biết. Như thế, đáng lẽ hư không là ông, thân của ông mà không biết, thì ông A Nan hiện nay đáng lẽ không còn nữa. Nếu lấy hương trần làm cái có ngữi biết, thì cái ngữi biết thuộc về hương trần, nào có dính líu gì đến ông? Nếu các mùi thơm, hôi sanh ra do tử căn của ông, thì hai mùi thơm và hôi kia, chẳng sanh do cây y lan⁹⁰ và cây chiên đàn. Nếu hai thứ thơm, hôi chẳng đến, thì ông tự ngữi cái mũi của ông coi là thơm hay là hôi, nếu hôi thì chẳng phải là thơm, thơm thì chẳng phải là hôi; nếu cả hai đều ngữi được cả, thì một người ông phải có hai tử căn, và đứng trước ta hỏi đạo, phải có hai ông A Nan, vậy ông nào là tự thể của ông? Còn nếu tử căn là một, thời mùi thơm, mùi hôi không hai, hôi đã là thơm, thơm lại thành hôi, hai tánh đó đã không có, thì lấy gì mà lập thành giới? Lại, nếu nhơn hương trần mà có thì tử thức đã nhơn hương trần mà có, cũng như nhơn con mắt có thấy, nhưng không thể thấy được con mắt, vì tử thức nhơn hương trần mà có, thì lẽ ra không biết được hương trần. Nếu biết được hương trần, thì chẳng phải do hương trần sanh ra, nếu chẳng biết được hương trần thì không phải là tử thức.

Hương trần thật không do ngữi biết mà có, thì cái giới của hương trần không thể thành lập. Tử thức mà không biết được hương trần thì cái giới của nó không phải do hương trần mà lập. Đã không có cái thức trung gian thì nội căn, ngoại trần cũng không thành, cái tánh ngữi biết kia rốt ráo đều hư dối.

Thế nên phải biết tử căn, hương trần làm duyên sanh ra tử thức giới, ba giới đều không, thì tử căn, hương trần và tử thức cả ba vốn không phải tánh nhơn duyên, không phải tánh tự nhiên.

- Tiết 4: Thâu Thiệt căn, Vị trần và Thiệt thức giới

A Nan! Như ông đã rõ: thiệt căn, vị trần làm duyên sanh ra thiệt thức. Thức đó là nhơn thiệt căn sanh ra, lấy thiệt căn làm giới, hay nhơn vị trần sanh lấy vị trần làm giới?

A Nan! Nếu nhơn thiệt căn sanh ra, thì những thứ trong thế gian, những loại mía ngọt, me chua, hoàng liên đắng, muối mặn, tế tân, gừng, quế cay đều không có vị. Vậy ông tự nếm cái lưỡi xem là ngọt hay đắng? Nếu tánh của lưỡi là đắng, thì lấy cái gì mà nếm cái lưỡi. Cái lưỡi đã không tự nếm được thì lấy cái gì mà có cảm giác. Còn nếu tánh cái lưỡi không đắng, tự nhiên vị trần chẳng sanh thì làm sao mà lập được thành giới? Nếu nhơn vị trần sanh ra, vậy thiệt thức đã là vị rồi thì cũng đồng như thiệt căn, không thể tự

nếm được, làm sao còn biết được là có vị hay không ? Lại, tất cả các vị không phải do một vật sanh ra. Các vị đã do nhiều vật, thì thiết thức do vị trần sanh ra phải có nhiều thể. Thức thể nếu chỉ có một, thì thể ấy phải do vị trần sanh, vậy các vị: mặn, lạt, ngọt, cay, hòa hợp cùng sanh ra đều chỉ là một vị, lẽ ra không có phân biệt; mà đã không có phân biệt thì không thể gọi là thức, làm sao còn gọi là thiết thức giới được? Chẳng lẽ hư không lại sanh được cái thức của ông? Nếu thiết căn, vị trần hòa hợp mà sanh thì cái thức ở giữa vốn không tự tánh, làm sao lập thành giới?

Thế nên phải biết: thiết căn, vị trần làm duyên sanh ra thiết thức giới, ba chỗ đều không, thì thiết căn, vị trần và thiết thức giới cả ba chỗ đều không phải tánh như duyên, không phải tánh tự nhiên.

- Tiết 5: Thân Thân căn, Xúc trần và

Thân thức giới

A Nan! Như ông đã rõ: thân căn và xúc trần làm duyên sanh ra thân thức. Thức này lại như thân căn sanh ra, lấy thân căn làm giới, hay như xúc trần sanh ra, lấy xúc trần làm giới?

A Nan! Nếu như thân căn sanh ra, hẳn không có hai duyên cảm xúc hiệp và ly, vậy thân căn làm sao biết được? Nếu như xúc trần sanh ra, mà không có thân căn của ông, thì có ai không có thân căn mà biết ly, biết hợp không? A Nan, vật thì không biết cảm xúc, thân căn có biết mới có cảm xúc; tức nơi cảm xúc mà biết có thân căn, tức nơi thân căn mà biết có cảm xúc; nhưng đã tức là cảm xúc thì không phải thân căn, mà đã tức là thân căn thì không phải cảm xúc; cả hai tướng thân căn, xúc trần vốn không có xứ sở. Nếu xúc trần hợp một với thân căn, thì tức là tự thể của thân căn rồi, còn nếu rời hẳn với thân căn thì thành không có gì, như các tướng hư không. Nội căn, ngoại trần đã không thành, thì làm sao lập được cái thức ở giữa; cái thức ở giữa đã không lập được, thì nội căn, ngoại trần, bản tánh cũng rỗng không, và cái thức của ông do đâu mà được lập thành giới. Thế nên phải biết: thân căn, xúc trần làm duyên, sanh ra thân thức giới, cả ba chỗ đều không, thì thân căn, xúc trần và thân thức giới cả ba vốn không phải tánh như duyên, không phải tánh tự nhiên.

- Tiết 6: Thân Ý căn, Pháp trần và Ý thức giới.

A Nan! Lại như ông đã rõ: ý căn và pháp trần làm duyên, sanh ra ý thức. Thức đó lại như ý căn sanh ra, lấy ý căn làm giới, hay như pháp trần sanh ra, lấy pháp trần làm giới?

A Nan! Nếu như nơi ý căn sanh ra, thì trong ý ông chắc phải có nghĩ ngợi mới phát minh được cái ý của ông; nếu không có pháp trần thì ý căn không thể sanh ra được. Rồi các pháp trần, ý căn còn không có hình tướng, thì đem ý thức mà dùng vào việc gì? Lại cái thức tâm của ông cùng với các thứ suy tính, nghĩ ngợi, các sự rõ biết là đồng nhau hay khác nhau⁹¹. Nếu đồng với ý căn thì tức là ý căn rồi, làm sao lại do ý căn sanh ra; còn nếu khác với ý căn, lẽ ra không còn biết gì; nếu không biết gì làm sao lại do ý căn sanh ra; nếu còn có biết, làm sao lại chia ra có ý thức và ý căn? Chỉ có hai tánh đồng và khác

còn không thành, làm sao ập được giới? Nếu như nơi pháp trần sanh ra, vậy các pháp trong thế gian không ngoài năm trần, Ông hãy xét các pháp: sắc, thanh, hương, vị, và xúc có tướng trạng rõ ràng đối với năm căn, đều chẳng thuộc về phần thu nạp của ý căn. Nếu ý thức của ông quyết định nương nơi pháp trần mà sanh ra, ông hãy xét kỹ trong mỗi pháp có tướng trạng gì? Nếu rời hẳn các tướng sắc, không⁹³, động, tịnh⁹⁴, thông, bí⁹⁵, hợp, ly⁹⁶, sanh, diệt⁹⁷, rốt ráo không thành một pháp nào cả. Lại, sanh cũng là các pháp như sắc, như không sanh ra; diệt cũng như các pháp như sắc, như không đều diệt. Nguyên như đã không thành, thức do nó sanh ra còn có hình tướng gì; hình tướng còn không có, làm sao lập được thành giới? Thế nên phải biết: ý căn, pháp trần làm duyên sanh ra ý thức giới, cả ba đều không, vậy ý căn, pháp trần và ý thức giới cả ba vốn chẳng phải tánh như duyên, chẳng phải tánh tự nhiên⁹⁷.

Đoạn 6: Thân bảy đại: Địa đại, Thủy đại, Hỏa đại, Phong đại, Không đại, Kiến đại và Thức đại

- Tiết 1: A Nan xin khai thị về tứ đại hòa hợp

Ông A Nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai thường nói về nghĩa như duyên hòa hợp rằng: Tất cả các thứ biến hóa trong thế gian đều như tứ đại hòa hợp phát ra. Tại sao Đức Như Lai lại bác bỏ cả hai nghĩa như duyên và tự nhiên. Nay con chẳng biết nghĩa ấy thế nào, cúi mong Phật rủ lòng thương xót chỉ bày cho chúng sanh nghĩa rốt ráo của trung đạo⁹⁸, không còn các điều hý luận.”

Tiết 2: Chỉ rõ thể tánh tứ đại không phải hòa hợp

Đức Thế Tôn bảo A Nan : “Trước đây ông nhầm chán các pháp Thanh văn, Duyên Giác của tiểu thừa, phát tâm cần cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề, nên ngày nay ta vì ông chỉ bày đệ nhất nghĩa đế⁹⁹. Tại sao ông lại còn đem vọng tưởng như duyên hý luận ở thế gian mà tự ràng buộc? Ông tuy học nhiều mà giống như người nói tên thuốc, đến khi thuốc thật hiện ở trước mắt lại không thể phân biệt. Như Lai nói: thật là đáng thương xót! Nay ông hãy nghe kỹ, ta sẽ vì ông phân tích chỉ dạy và cũng khiến cho người tu pháp Đại thừa ở đời sau thông đạt được thật tướng”.

Ông A Nan im lặng chờ nghe lời Phật chỉ dạy.

Phật bảo: - A Nan! Như ông đã nói, bốn đại hòa hợp phát sanh ra các thứ biến hóa trong thế gian. A Nan! Nếu tánh các đại kia không phải hòa hợp, thì đại này không thể lẫn lộn với đại khác, cũng như hư không không thể hòa hợp được với cả sắc tướng; nếu tánh của các đại là hòa hợp, thì cũng đồng như các thứ biến hóa, trước sau thành nhau, sanh diệt tiếp nối, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, sanh sanh diệt diệt như vòng lửa xoay tròn, chưa có dừng nghỉ. A Nan! như nước thành băng, băng trở lại thành nước.

- Tiết 3: Thân Địa đại

Ông hãy xét cái tánh của địa đại, lớn là đất liền, nhỏ là vi trần, cho đến lân hư trần,

do chẻ chất cực vi, là sắc tướng nhỏ tột ra bảy phần mà thành. Nếu chẻ lân hư trần nữa, thì thật là tánh hư không.

A Nan! Nếu lân hư trần đó, chẻ ra thành được hư không, thì biết hư không cũng sanh ra được sắc tướng. Nay ông hỏi rằng do hòa hợp mà sanh ra các tướng biến hóa trong thế gian, ông hãy xét xem một cái lân hư trần này phải dùng bao nhiêu hư không hợp lại mới có, chẳng lẽ lân hư trần hợp lại thành lân hư trần. Lại, nếu lân hư trần đã chẻ được thành hư không, vậy phải dùng bao nhiêu sắc tướng hợp lại mới thành cả hư không? Nhưng nếu sắc tướng hợp lại, thì hợp sắc tướng lại không thể thành được hư không; còn nếu hư không hợp lại, là hợp hư không lại, không thể thành được sắc tướng; sắc tướng còn có thể chẻ, chứ hư không làm sao mà hợp được? Ông vốn chẳng biết trong Như Lai tạng, tánh sắc là chơn không, tánh không là chơn sắc, bản nhiên thanh tịnh, trùm khắp pháp giới, tùy tâm của chúng sanh đáp ứng với lượng hay biết, theo nghiệp phát hiện; thế gian không biết làm cho là nhơn duyên và tánh tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, chỉ có lời nói, toàn không có nghĩa chơn thật.

- Tiết 4: Thâu Hỏa đại

A Nan! Hỏa đại không có tự thể, do gá vào các duyên mà phát hiện. Ông hãy xem những nhà chưa ăn trong thành, khi muốn nhóm lửa, tay họ cầm kiếng dương toại¹⁰⁰ đưa trước ánh sáng mặt trời để lấy lửa.

A Nan! Phàm gọi hòa hợp thì như ta cùng ông và một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ Kheo hiện nay hợp thành một chúng; tuy chúng chỉ có một, song gạn xét về cội gốc của mỗi người đều có thân thể, đều có danh tự họ hàng của mình, như Ông Xá Lợi Phất thì thuộc dòng Bà La Môn, ông Ưu Lô Tần Loa thì thuộc dòng Ca Diếp Ba, cho đến ông A Nan thì thuộc dòng họ Cù Đàm. . .

A Nan! Nếu lửa đó nhơn hòa hợp mà có, thì khi người kia cầm kiếng lấy lửa nơi ánh sáng mặt trời, lửa đó là từ trong kiếng ra, do bụi nhùi mà có, hay từ mặt trời đến?

A Nan! Nếu lửa từ mặt trời đến, thì lửa ấy tự đốt cháy bụi nhùi trong tay ông, vậy những rừng cây mà ánh sáng mặt trời đi qua, lẽ ra đều bị đốt cả. Nếu từ trong kiếng ra, lửa ấy đã có thể từ trong kiếng ra đốt cháy bụi nhùi, làm sao cái kiếng lại không bị cháy, cho đến cả cái tay cầm kiếng của ông, còn không thấy nóng, làm sao kiếng lại cháy được. Nếu do bụi nhùi sanh ra, thì đâu cần nhờ ánh sáng mặt trời và kiếng tiếp đối với nhau, rồi sau lửa mới sanh ra. Ông hãy xét cho kỹ, cái kiếng do tay người cầm, mặt trời từ trên trời soi đến, còn bụi nhùi từ đất sanh ra, vậy từ phương nào đi đến chỗ đó. Mặt trời và kiếng cách xa nhau, chẳng phải hòa, chẳng phải hợp, không lẽ lửa kia, không do đâu tự có?

Ông còn không biết trong Như Lai tạng, tánh hỏa vốn Chơn không, tánh không là chơn hỏa, bản nhiên thanh tịnh trùm khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh mà đáp ứng với lượng hay biết.

A Nan! Ông nên biết rằng, người đời nếu một chỗ cầm kiếng, một chỗ có lửa sanh, khắp pháp giới đều cầm kiếng, khắp pháp giới bốc lửa. Lửa bốc khắp thế gian, đâu có phương sở, chỉ theo nghiệp phát hiện. Thế gian không biết, làm cho là nhơn duyên và tánh tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, chỉ có lời nói, toàn không có

nghĩa chơn thật.

- Tiết 5: Thâu Thủy đại

A Nan! Tánh nước không nhứt định, khi chảy, khi đứng không chừng. Như trong thành Thất La Phiệt, các vị tu tiên như Ca Tỳ La¹⁰¹, Chước Ca La¹⁰² và các đại huyên thuật như Bát Đầu Ma¹⁰³, Ha Tát Đa¹⁰⁴ muốn cầu tinh Thái âm, để hòa với các thuốc huyên thuật, thì các vị ấy, vào đêm trăng sáng, tay cầm hạt châu phương chư¹⁰⁵, hứng nước trong ánh mặt trăng. Vậy, nước đó từ trong hạt châu ra, do hư không mà có hay từ mặt trăng đến?

A Nan! Nếu nước từ mặt trăng đến, thì ở từ phương xa còn có thể làm cho hạt châu chảy ra nước, vậy những rừng cây mà ánh sáng mặt trăng đi qua, lẽ ra đều phải phun nước; nếu phun ra nước, thì sao lại phải đợi có hạt châu phương chư? Còn nếu không phun nước, thì rõ ràng nước đó không phải từ mặt trăng xuống. Nếu từ hạt châu ra, thì trong hạt châu này thường phải chảy ra nước, đâu cần phải đợi ánh sáng mặt trăng giữa đêm? Nếu do hư không sanh, hư không vốn không có bờ bến, nước cũng không có giới hạn, từ cõi người đến cõi trời đều bị ngập lụt, làm sao lại có thủy, lục, không, hành? Ông hãy xét kỹ, mặt trăng từ trên trời cao, hạt châu do tay cầm, còn cái mâm hứng nước thì do người bày ra. Vậy nước từ nơi nào chảy đến đó? Mặt trăng, hạt châu cách xa nhau, không phải hòa, không phải hợp, không lẽ nước kia không từ đâu mà tự có? Ông còn không biết trong Như Lai tạng, tánh thủy là chơn không, tánh không là chơn thủy, bản nhiên thanh tịnh trùm khắp pháp giới, tùy theo tâm của chúng sanh đáp ứng với lượng hiểu biết. Một chỗ cầm hạt châu, một chỗ có nước ra, khắp pháp giới cầm hạt châu, khắp pháp giới có nước sanh. Tánh nước sanh khắp thế gian, đâu có phương hướng xứ sở, chỉ theo nghiệp phát hiện. Thế gian không biết, lầm cho là nhơn duyên và tánh tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, chỉ có lời nói, toàn không có nghĩa chơn thật.

- Tiết 6: Thâu Phong đại

A Nan! Tánh gió không tự thể, khi động, lúc tịnh không chừng. Ông thường khi sửa y vào trong Đại chúng, góc y Tăng già lê¹⁰⁶ phát đến người bên cạnh, thì có chút gió phát đến mặt người kia. Vậy gió đó là từ góc ca sa¹⁰⁷ ra, hay từ hư không mà có, hay từ mặt người kia sanh? A Nan! Nếu gió đó phát ra từ góc y ca sa, thì ông đã đập cả gió, lẽ ra cái y phải bay tung ra, rời khỏi thân thể ông. Nay ta đang ở trong hội này, rũ cái y xuống, ông hãy xem cái y của ta gió ở chỗ nào? Chẳng lẽ ở trong cái y lại có chỗ chứa gió? Nếu gió đó do hư không sanh ra, thì khi cái y ông không động, vì sao lại không phát gió? Và tánh hư không thường còn, thì gió lại phải thường sanh ra, khi không có gió, hư không phải diệt mất. Gió diệt mất có thể thấy được, còn hư không diệt mất có tướng trạng thế nào? Lại nếu có sanh diệt không gọi là hư không, còn đã gọi là hư không, làm sao lại phát ra gió? Nếu gió sanh ra nơi mặt người bị gió phát, thì gió đã từ mặt người đó sanh ra, đáng lẽ gió phải phát lại ông, sao tự ông sửa y mà gió phát ngược lại người kia?

Ông hãy xét kỹ, sửa y là do nơi ông, cái mặt thì thuộc về người kia, hư không vốn

lặng lẽ, không thể lay động, vậy gió từ phương nào giông ruổi đến đây. Tánh gió, tánh hư không cách xa nhau, không phải hòa, không phải hợp, chẳng lẽ gió kia không do đâu tự có.

Ông thật không biết trong Như Lai Tạng tánh phong là chơn không, tánh không là chơn phong, bản nhiên thanh tịnh trùm khắp pháp giới, tùy theo tâm của chúng sanh mà đáp ứng với lượng hiểu biết.

A Nan! Như một mình ông hơi động cái y thì có một chút gió phát ra, khắp cả pháp giới đều phát, thì đầy cả cõi nước có gió sanh ra. Tánh gió khắp cả thế gian, đâu có phương hướng xứ sở, chỉ theo nghiệp phát hiện. Thế gian không biết, làm cho là nhơn duyên và tánh tự nhiên, đều do ý thức phân biệt so đo, chỉ có lời nói suông, hoàn toàn không có nghĩa chơn thật.

- Tiết 7: Thâu Không đại

A Nan! Hư không không có hình tướng, như sắc tướng mà hiển phát.

Như trong thành Thất La Phiệt, chỗ cách xa sông, những người dòng Sát Lợi¹⁰⁸, dòng Bà La Môn¹⁰⁹, dòng Tỳ Xá Thủ Đà La¹¹⁰, hay dòng Phả La Đọa¹¹¹, dòng Chiên Đà La¹¹² khi dựng nhà mới thì đào giếng lấy nước. Nếu đào đất ra một thước, trong đó có một thước hư không, như vậy cho đến đào đất ra một trượng, trong đó lại được một trượng hư không. Hư không cạn hay sâu, tùy theo chỗ đào nhiều hay ít. Hư không này như đất ra, hay như đào mà có, hay không như đâu tự sanh?

A Nan! Nếu hư không đó không như đâu mà tự sanh, thì trước khi chưa đào đất, sao nơi đó lại không trống không, mà chỉ thấy đất bằng không thông suốt? Nếu như nơi đất ra, thì khi đất ra, phải thấy hư không vào; nếu đất đã ra trước, mà không thấy hư không vào, thì làm sao hư không lại như nơi đất mà ra. Nếu không ra, vào thì đáng lẽ hư không và đất vốn không khác nhau. Không khác thì đồng, vậy khi đất ra, sao chẳng thấy hư không ra? Nếu như đào mà ra, thì đào ra hư không, chứ không phải đào ra đất. Nếu không như đào mà ra, vậy tự đào ra đất, sao lại thấy hư không? Ông hãy xét kỹ, cho thật chín chắn, đào là do tay người, tùy nơi mà vận chuyển, đất thì từ nơi đất liền dời đi, còn hư không như đâu ra? Đào là sự thật, hư không là trống rỗng, một rỗng, một thật, không có tác dụng gì cho nhau, không phải hòa, không phải hợp, không lẽ hư không không từ đâu mà có? Nếu hư không đó, bản tánh viên mãn trùm khắp, vốn không lay động, thì nên biết hiện tiền hư không và bốn thứ địa, hỏa, thủy, phong đều gọi là năm đại, tánh thật viên dung, vốn là tánh Như Lai Tạng không sanh không diệt. A Nan! Tâm ông mê muội không nhận được tứ đại nguyên là tánh Như Lai tạng, ông hãy xét hư không là ra, vào, hay không ra vào? Ông hoàn toàn không biết, trong Như Lai tạng, Tánh Giác là chơn không, tánh không là chơn giác, bản nhiên thanh tịnh trùm khắp pháp giới, tùy theo tâm của chúng sanh đáp ứng với lượng hiểu biết. A Nan! Như một cái giếng trống không, khi hư không sanh trong một giếng, hư không mười phương cũng lại như thế, viên mãn mười phương đâu có phương hướng xứ sở, chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, làm cho là nhơn duyên và tánh tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, chỉ có lời nói, toàn không có nghĩa chân thật.

- Tiết 8: Thâu Kiến đại

A Nan! Kiến đại có giác quan mà không có phân biệt, như các thứ sắc, không mà có¹¹³. Như hiện nay ông ở trong rừng Kỳ Đà, sớm mai thì sáng, ban đêm thì tối, đến lúc giữa đêm có trăng tròn thì sáng, không trăng thì tối. Những tướng sáng, tối ấy, như cái thấy mà phân tích. Cái thấy đó cùng với các tướng sáng, tối và hư không là đồng hay chẳng đồng một thể? Hoặc cũng đồng cũng chẳng phải đồng, hoặc cũng khác cũng chẳng phải khác?

A Nan! Nếu cái thấy đó, cùng với sáng, tối và hư không nguyên là một thể, thì cái sáng và cái tối hai thể nó tiêu diệt lẫn nhau, hễ khi tối thì không có sáng, khi sáng ắt không có tối; nếu cái thấy cùng với cái tối là một thể, thì khi sáng, cái thấy phải mất; nếu cái thấy cùng một thể với cái sáng, thì khi tối cái thấy phải diệt; mà đã diệt, thì làm sao còn thấy được sáng hay thấy được tối. Còn như sáng và tối khác nhau, cái thấy không sanh diệt, làm sao lại thành một thể được? Nếu cái thấy đó không phải đồng một thể với tối, sáng, vậy, ngoài cái sáng, tối và hư không ra, ông hãy phân tích cái thấy thành hình tướng gì, nếu rời cái sáng, tối và hư không, cái thấy đó cũng đồng như lông rùa, sừng thỏ; nếu tách hẳn ba thứ sáng, tối và hư không, do đâu thành lập được cái thấy? Sáng và tối trái ngược lẫn nhau, làm sao hoặc cũng đồng; rời ba thứ sáng, tối và hư không, cái thấy vốn không còn gì, làm sao hoặc cũng là khác? Bên hư không, bên cái thấy vốn không ranh giới, làm sao lại không phải đồng; thấy tối, thấy sáng, tánh thấy không thay đổi, làm sao lại không phải khác?

Ông hãy xét kỹ, chín chắn tường tận, ánh sáng do mặt trời, tối do đêm không trăng, chỗ thông suốt thuộc về hư không, chỗ bít lấp thuộc về đất liền, còn cái thấy như vậy như đâu mà có? Cái thấy có giác quan, hư không không hiểu biết, chẳng phải hòa, chẳng phải hợp, không lẽ cái thấy không do đâu tự phát? Còn như tất cả sự thấy, nghe, hay, biết, bản tánh tròn đầy cùng khắp, vốn không lay động, nên biết kiến đại cùng với hư không không có bờ mé, không lay động và bốn đại địa, thủy, hỏa, phong có lay động, đều gọi là sáu đại, tánh thật là viên dung, vốn là tánh Như Lai tạng không sanh, không diệt.

A Nan! Tánh ông chìm đắm, không ngộ được những sự thấy, nghe, hay, biết của ông vốn là tánh Như Lai tạng; ông hãy xét những thấy, nghe, hay, biết đó là sanh hay diệt, là đồng hay khác, là chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, hay chẳng phải đồng, chẳng phải khác. Ông chưa từng biết, trong Như Lai tạng, cái thấy nơi tâm tánh, là tánh minh của bản giác; tánh minh của bản giác biểu lộ ra nơi cái thấy, bản nhiên thanh tịnh trùm khắp pháp giới, theo tâm của chúng sanh phân biệt thế nào, thì đáp ứng với lượng hiểu biết của chúng sanh như thế ấy. Như một nhãn căn cái thấy cùng khắp cả pháp giới, thì cái biết nghe, biết ngửi, biết nếm, biết xúc, biết các pháp, công năng nhiệm màu sáng suốt cùng khắp pháp giới, tròn đầy cả mười phương hư không, đâu có phương hướng xứ sở, theo nghiệp phát hiện. Thế gian không biết, lầm cho là như duyên, tánh tự nhiên đều là những phân biệt so đo, chỉ có lời nói, toàn không có nghĩa thật.

- Tiết 9: Thâu Thức đại

A Nan! Thức đại¹¹⁴ không có nguồn gốc, như sáu thứ căn trần giả dối sanh ra. Nay ông hãy xem khắp Thá nh chúng trong hội này, dùng con mắt lướt qua, mắt ông nhìn khắp, chỉ như bóng trong gương, không phân tách riêng biệt. Cái thức của ông, trong ấy theo thứ lớp chỉ ra: đây là ông Văn Thù, đây là ông Phú Lô Na, đây là ông Mục Kiền Liên, đây là ông Tu Bồ Đề, đây là ông Xá Lợi Phất. Cái thức nhận biết như thế sanh ra do cái thấy, từ các tướng, từ hư không, hay là không có nguyên như gì đột nhiên phát sanh? A Nan! Nếu thức của ông sanh ra do cái thấy, nếu như không có các tướng tối, sáng, sắc và không, bốn thứ đã chẳng có thì cái thấy của ông vốn cũng không, cái thấy còn không có, do đâu phát ra được cái thức? Nếu thức của ông sanh ra do các tướng, chứ không do cái thấy, thì đã không thấy sáng, cũng không thấy tối, sáng và tối đã không thấy, thì cũng không có sắc và không; các tướng kia còn không có, thức do đâu mà phát? Như thức sanh ra do hư không, thì ngoài các tướng và ngoài cái thấy, không có cảm giác phân biệt, tự nhiên không hay biết được sáng tối, các sắc tướng, hư không. Ngoài các tướng thì không có các duyên của tiền trần, sự thấy, nghe, hay, biết không do đâu thành lập được. Ngoài hai thứ căn trần, nếu là không thì đồng với không có. Còn nếu là có, thì cũng không đồng như các vật, dầu cho phát cái thức của ông, thì đem ra phân biệt cái gì? Nếu thức không có như g, bỗng nhiên phát ra, sao nó không phân biệt được mặt trăng sáng, trong lúc mặt trời đứng bóng? Ông hãy xét cho chín chắn, tường tận, cái thấy gá vào con mắt của ông, các tướng trả về cho tiền cảnh, cái gì có hình trạng mới thành có, cái gì không có hình tướng, thì thành không. Vậy thức như đâu phát ra? Thức thì lay động¹¹⁵, cái thấy thì đứng lặng¹¹⁶, chẳng phải hòa, chẳng phải hợp, cho đến các sự nghe, ngửi, cảm xúc lại cũng như thế, không lẽ thức không do đâu mà tự phát? Nếu thức đó không do đâu, thì nên biết cái thức đại nhận biết và các căn thấy, nghe, hay, biết nó vắng lặng cùng khắp, bản tánh không nương vào đâu mà có; hai đại ấy cùng với hư không, địa, thủy, hỏa, phong đều gọi chung là bẩy đại, tánh thật viên dung, vốn là tánh Như Lai tạng không sanh, không diệt.

A Nan! tâm ông còn nông cạn, chưa ngộ được sự nhận biết từ các điều thấy, nghe vốn là tánh Như Lai Tạng. Ông hãy xét sáu cái thức này là đồng¹¹⁷, hay khác¹¹⁸, là không hay có, là chẳng phải đồng, chẳng phải khác, là chẳng phải không, chẳng phải có?

Ông vốn không biết trong Như Lai Tạng, thức nơi tâm tánh là tác dụng nhận biết của tánh minh bản giác và tánh minh bản giác thật là chơn tánh của thức đại.

Bản giác diệu minh vắng lặng cùng khắp pháp giới hiện mười phương hư không, đâu có phương hướng xứ sở, chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, cho là như duyên và tánh tự nhiên đều làm những so đo phân biệt là của ý thức, chỉ có lời nói, hoàn toàn không có nghĩa chơn thật.

Đoạn 7: Được chứng ngộ và phát nguyện

Lúc bấy giờ, ông A Nan và cả Đại chúng được nhờ Đức Như Lai khéo léo chỉ dạy, khiến cho thân tâm rộng rang được chỗ không ngăn ngại. Cả trong Đại chúng, mỗi người đều tự biết tâm tánh trùm khắp¹¹⁹ mười phương, thấy trong mười phương hư không, như xem một lá cây hay một đồ vật trong bàn tay; tất cả sự vật hiện có trong thế gian, đều là

Tâm tánh Bồ Đề màu nhiệm sáng suốt sẵn có. Tâm tánh viên mãn cùng khắp, trùm chứa mười phương, trở lại xem cái thân do cha mẹ sanh ra, cũng như thổi hạt bụi nhỏ trong mười phương hư không, dầu còn dầu mất, chẳng khác trên mặt biển lớn yên lặng thênh thang nổi lên một hòn bọt, dầu sanh hay diệt cũng không dính dáng gì.

Rõ vậy tự nhận biết được tâm tánh sẵn có nhiệm màu thường trụ không diệt, lẽ Phật chấp tay, vì được việc chưa từng có, nên đối trước đức Như Lai nói bài kệ tán thán Phật:

*“Đấng Diệu Trụ, Tổng trì, Bất động¹²⁰.
Thủ Lăng Nghiêm Vương, trong đời ít có¹²¹
Diệt tướng điên đảo trong ức kiếp,
Chẳng trái A tăng kỳ chứng Pháp Thân¹²²
Nguyện con đắc quả thành Bảo Vương¹²³
Lại cứu độ chúng sanh như hằng sa.
Dem thâm tâm¹²⁴ thờ vô số cõi,
Mới gọi là báo đáp Phật thâm ân.
Cúi mong Thế Tôn chứng minh cho:
Đời ác năm trước con nguyện vào trước.
Như một chúng sanh nào chưa thành Phật,
Trọn không chứng quả An Lạc Niết Bàn.
Đại hùng¹²⁵, đại lực¹²⁶, đại từ bi¹²⁷,
Ngưỡng mong được xét trừ hoặc vi tế¹²⁸.
Khiến con sớm chứng Vô Thượng Giác,
Ngôi đạo tràng hiện khắp cả mười phương.
Tánh hư không có thể tiêu mòn,
Tâm kiên cố không bao giờ lay động”.*

-- Hết quyển 3 --

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Quyển 4

MỤC VI: CHỈ RÕ SỰ TIẾP TỤC GIẢ DỐI SANH RA VÀ CÁC ĐẠI KHÔNG NGĂN NGẠI LẤN NHAU

Đoạn 1 - Ông Mãn Từ Tử khen ngợi Phật và trình bày chỗ nghi

Khi ấy, ông Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử ở trong Đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai áo bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính bạch Phật rằng: “Thế Tôn đại oai đức khéo vì chúng sanh diễn bày nghĩa Đệ Nhứt Chơn Thật¹²⁹. Thế Tôn thường khen trong những người thuyết pháp, con là bậc nhất, song nay nghe pháp âm vi diệu¹³⁰ của Đức Như Lai, giống như người điếc ở cách xa ngoài trăm bước mà nghe tiếng muỗi mồng, vốn đã chẳng thấy, huống chi được nghe. Phật tuy chỉ dạy rõ ràng, khiến cho con trừ được mê lầm, nhưng nay vẫn còn chưa rõ chỗ rốt ráo không nghi lầm của nghĩa ấy.

Bạch Thế Tôn, như nhóm ông A Nan tuy được khai ngộ mà chưa trừ hết tập khí hữu lậu. Còn chúng con ở trong hội đã lên hàng vô lậu, tuy đã dứt hết các lậu¹³¹, nhưng nay nghe pháp âm của đức Như Lai vừa dạy vẫn còn những nghi lầm chưa dứt.

Đoạn 2 - Thiết lập hai điều nạn vấn

Bạch Thế Tôn, lại nếu tất cả các thứ căn, trần, ấm, nhập, xứ, giới ... trong thế gian đều là Như Lai Tạng Bản Nhiên Thanh Tịnh, có sao bỗng sanh ra núi, sông, đất liền và các tướng hữu vi¹³² thứ lớp đời, cuối cùng rồi trở lại chỗ bắt đầu?

Lại nữa, Đức Như Lai nói bốn đại: đất, nước, lửa, gió bản tánh viên dung khắp giáp cả pháp giới, vắng lặng thường trụ. Bạch Thế Tôn, nếu tánh đất trùm khắp, thì làm sao dung chứa được nước? Nếu tánh nước trùm khắp thì lửa không thể sanh, lại làm sao chứng tỏ hai tánh nước và lửa đều khắp giáp cả hư không, mà chẳng lần diệt lẫn nhau? Bạch Thế Tôn, tánh đất thì chướng ngại, hư không thì rộng suốt, làm sao cả hai đều trùm khắp pháp giới?

Nay con không biết nghĩa ấy¹³³ thế nào, cúi mong đức Như Lai mở lòng đại từ vén áng mây mờ cho con và tất cả đại chúng; nói lời ấy rồi, năm vốc gieo xuống đất, kính mong lời dạy từ bi vô thượng của Đức Như Lai”.

Đoạn 3 - Phật hứa sẽ tuyên nói nghĩa thù thắng, bảo đại chúng hãy lắng nghe

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo ông Phú Lô Na và các hàng lậu tận vô học A La Hán trong hội rằng: “Hôm nay Như Lai khắp vì trong hội này tuyên nói tánh chơn thắng nghĩa trong pháp thắng nghĩa¹³⁴, khiến cho hàng Định Tánh¹³⁵ Thỉnh Văn trong hội và hết thảy các bậc A La Hán chưa được hai pháp như không, pháp không, phát tâm hướng về thượng thừa, đều được chỗ tu hành chơn chánh, thiết thật không xao động của cảnh giới tịch diệt nhất thừa. Nay ông hãy lắng nghe kỹ, ta sẽ vì ông mà nói”.

Ông Phú Lô Na ... im lặng cung kính chờ nghe pháp âm của Phật.

Đoạn 4 - Nêu bản tánh để chỉ rõ căn nguyên hư vọng

Phật bảo: “Phú Lô Na, như ông vừa hỏi, đã là tánh bản nhiên thanh tịnh, vì sao

bồng sanh ra núi, sông, đất liền. Ông chẳng thường nghe Như Lai chỉ dạy: tánh giác là diệu minh¹³⁶, bản giác là minh diệu¹³⁷ hay sao?”

Ông Phú Lô Na bạch: “Đúng như thế, bạch Thế Tôn, con thường nghe Phật dạy nghĩa ấy”.

Phật dạy: “Ông bảo cái giác là minh, là vì bản tánh nó tự minh, nên gọi là giác, hay là vì cái giác chẳng minh mà gọi là minh giác?”

Ông Phú Lô Na bạch: “Nếu cái không minh đó gọi là giác, thì nó không minh được cái gì”.

Phật dạy: “Nếu không có sở minh là không có minh giác, còn có sở minh thì không phải là giác; không sở thì không phải minh, không minh lại chẳng phải tánh giác trạm minh. Tánh giác hẳn là minh, do vọng làm thành minh giác”.

Giác không phải là sở minh, nhơn minh mà lập sở, sở đã vọng lập liền sanh cái vọng năng nơi ông.

Đoạn 5 - Chỉ nguyên nhơn có tướng thế giới, hư không và chúng sanh

Trong tánh không “không đồng” “không khác” bỗng nổi dậy thành khác.

Khác với cái “khác” kia, nhơn cái khác đó mà lập thành cái “đồng”. Đã thành cái đồng¹³⁸, cái khác¹³⁹ rồi, nhơn đây lại lập cái “không đồng không khác¹⁴⁰”. Rồi loạn như thế, đối đãi lẫn nhau mà sanh lao lự; lao lự càng lâu phát sanh ra trần tướng, tự làm vẩn đục lẫn nhau, do đó mà đưa đến trần lao phiền não. Nổi lên làm thành thế giới, lặn xuống thì thành hư không. Hư không là đồng, thế giới là khác, cái không đồng, không khác kia, thật là pháp hữu vi¹⁴¹.

Đoạn 6 - Chỉ ba tướng kết quả tiếp tục

Cái giác thì sáng suốt, cái hư không thì không hay biết, hai cái đối đãi nhau thành ra có dao động, nên có phong luân nắm giữ thế giới.

Nhơn hư không sanh ra có dao động, phát minh tánh cứng thành có ngăn ngại; các loại kim bảo kia đều do minh giác lập ra tánh cứng chắc¹⁴² nên có kim luân giữ gìn cõi nước. Biết cái cứng thì thành có kim bảo, rõ cái lay động thì có phong đại phát ra. Phong đại và kim bảo cọ xát với nhau, cho nên có hỏa đại làm thành tánh biến hóa¹⁴³. Ánh sáng kim bảo đượm ướt, lửa sáng xông lên, cho nên có thủy luân trùm khắp mười phương cõi nước. Lửa bốc lên, nước rơi xuống giao nhau phát hiện mà làm thành tánh cứng. Chỗ ướt là biển lớn, chỗ khô là đại lục và cồn đảo. Bởi do nghĩa ấy, nên trong biển lớn có hơi nóng thường bốc lên, trong đại lục và cồn đảo có sông ngòi thường chảy xuống. Thế nước kém hơn thế lửa thì kết thành núi cao. Vậy nên đập đá núi thì tóe lửa, nấu thì chảy ra nước. Thế đất kém hơn thế nước, rút lên làm cỏ cây. Thế nên rừng rậm đốt thì thành đất, vắt ra có nước.

Vọng tưởng giao xen phát sanh, lần lượt làm thành chủng tử cho nhau. Do nhơn duyên ấy, thế giới tiếp nối. Lại nữa, Phú Lô Na! Vọng tưởng không phải gì khác, mà do giác minh hóa ra lầm lỗi, cái sở minh hư vọng đã lập thì cái phạm vi của năng minh không vượt khỏi được. Do nhơn duyên ấy, nên nghe không ngoài tiếng, thấy không ngoài sắc; sáu thứ vọng sắc, hương, vị, xúc... thành lập, do đó mà phân chia ra có thấy, nghe,

hiểu, biết. Đồng nghiệp¹⁴⁴ trói buộc lẫn nhau mà có hợp, có ly, có thành, có hóa. Cái thấy sáng tỏ thì các sắc phát ra, nhận rõ nơi sự thấy thì thành có tư tưởng, ý kiến khác nhau (dĩ kiến) thành ra ghét, tư tưởng đồng nhau (đồng tưởng) thành ra yêu. Dòng ái lan ra làm thành hạt giống, thu nạp tướng thành bào thai, giao cấu phát sanh, hấp dẫn đồng nghiệp, nên có nhơn duyên sanh yết la lam¹⁴⁵, át bồ đàm¹⁴⁶ ...

Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hay hóa sanh, tùy phần của các loài ấy mà ứng hiện. Loài sanh trứng chỉ do tướng mà sanh; loài sanh thai nhơn tình mà ứng; loài thấp sanh do hợp mà cảm; loài hóa sanh do phân ly mà hiện. Khi tình, khi tướng, khi hợp, khi ly, thay đổi lẫn nhau, nên các loài chịu nghiệp báo cũng theo đó mà lên xuống. Do nhơn duyên ấy mà chúng sanh cứ tiếp tục sanh. Phú Lâu Na, tư tưởng yêu thương ràng buộc lẫn nhau, yêu mãi không rời, do đó mà trong thế gian cha mẹ con cháu nương nhau sanh ra tiếp nối không dứt. Những hạng này do dục tham làm gốc. Lòng tham và tình yêu giúp nhau tăng trưởng, tham mãi không dừng, nên trong thế gian các loài noãn sanh, hóa sanh, thấp sanh, thai sanh tùy sức mạnh yếu ăn nuốt lẫn nhau. Những hạng này lấy sát tham làm gốc. Do người ăn thịt dê, dê chết làm người, người chết làm dê, như vậy cho đến mười hai loài chúng sanh¹⁴⁷ chết sống, sống chết ăn nuốt lẫn nhau, ác nghiệp cùng sanh ra tốt đời vị lai, những hạng này do trộm, tham làm gốc. Người này mắc nợ thân mạng người kia, người kia trả nợ cũ cho người này. Do nhơn duyên đó mà trải qua trăm ngàn kiếp thường ở trong sanh tử. Người này yêu cái tâm người kia, người kia ưa cái sắc người này, do nhơn duyên ấy mà trải qua trăm ngàn kiếp thường ở trong vòng ràng buộc. Duy ba thứ: Sát, Đạo, Dâm là cội gốc, và do nhơn duyên ấy mà có nghiệp quả tiếp nối.

Phú Lâu Na, ba thứ điên đảo¹⁴⁸ tiếp nối như thế, đều do tánh rõ biết sáng suốt của giác minh, nhơn ã biết mà phát ra tướng, theo vọng tưởng mà kiến chấp sanh ra các tướng hữu vi núi, sông, đất liền, thứ lớp đời, đều nhơn cái hư vọng đó mà xoay vần sau rồi lại trước.

Đoạn 7 - Thuyết minh giác chẳng sanh mê

Ông Phú Lâu Na bạch: “Nếu cái diệu giác đó bản tánh là diệu minh, cùng với tâm chơn như không thêm, không bớt, vô có bỗng nhiên sanh ra các tướng hữu vi: núi, sông, đất liền; vậy đức Như Lai hiện nay đã chứng được bản giác diệu minh không có phân biệt, thì đến khi nào lại sanh ra núi, sông, đất liền và các tập lậu hữu vi? ”

Phật bảo ông Phú Lâu Na: “Ví như người mê, ở trong một xóm làng, làm hướng Nam là hướng Bắc, thì cái lầm này là nhơn mê mà có hay nhơn ngộ mà ra? ”

Ông Phú Lâu Na bạch: “Người mê như vậy, không phải nhơn mê, mà cũng không phải nhơn ngộ. Vì có sao? Mê vốn không cội gốc, làm sao nói nhơn mê; òn ngộ không phải cái sanh ra mê, làm sao lại nhơn ngộ? ”

Phật bảo: “Người mê kia, chính lúc họ đang mê, bỗng có người ngộ chỉ cho, khiến họ được ngộ. Phú Lâu Na, ý ông nghĩ sao? Người ấy dẫn cho mê mà đối với xóm làng này lại còn sanh mê nữa chẳng? ”

- Bạch Thế Tôn, không.

- Nay Phú Lâu Na, mười phương chư Như Lai cũng đều như vậy. Cái mê ấy không

có cội gốc, tánh nó rất ráo không, xưa vốn không mê, chỉ hình như có mê, có giác. Giác được cái mê, thì mê diệt và giác chẳng sanh mê. Cũng như người lòa, thấy hoa đốm giữa hư không, mắt nhắm nếu lành, hoa đốm trong hư không diệt mất. Bỗng có người ngu, ở chỗ hư không hoa đốm kia đã diệt, mà đợi cho hoa đốm sanh lại. Ông xét người ấy là ngu hay trí?

Ông Phú Lô Na bạch: “Hư không vốn không có hoa đốm, do hư vọng mà thấy có sanh diệt. Thấy hoa đốm diệt mất trong hư không đã là điên đảo rồi, lại còn muốn bảo nó sanh lại, thì thật là điên dại, làm sao còn hỏi người điên cuồng như thế là ngu hay trí?”

Phật dạy: “Ông đã hiểu như vậy, sao còn hỏi tính giác diệu minh không có phân biệt của chư Phật Như Lai, đến lúc nào lại sanh ra núi, sông, đất liền.

Lại như quặng vàng xen lẫn với vàng ròng, một khi đã luyện thành vàng ròng rồi, thì không còn quặng nữa, cũng như cây đã đốt thành tro thì chẳng thành cây được nữa; Bồ Đề, Niết Bàn của chư Phật Như Lai cũng lại như vậy”.

Đoạn 8 - Chỉ các đại có thể dung nhau

Phú Lô Na! ông lại hỏi về đất, nước, lửa, gió bản tánh viên dung cùng khắp pháp giới, sao tánh nước, tánh lửa không lẫn, diệt lẫn nhau, và nêu ra hư không cùng đại địa đều khắp cả pháp giới lẽ ra không dung được nhau.

Phú Lô Na! ví như hư không¹⁴⁹ thể của nó không phải các tướng¹⁵⁰ mà không ngăn cản các tướng phát huy. Vì có sao? Phú Lô Na, nơi hư không kia mặt trời chiếu thì sáng, mây tụ thì tối, gió thổi thì động, trời tạnh thì trong, hơi động thì đục, bụi nhóm thành mù, nước đứng thì soi. Ý ông nghĩ sao? Các tướng hữu vi khác nhau như vậy, hơn các cái kia mà sanh, hay hơn hư không mà có? Phú Lô Na, nếu do các cái kia sanh ra, vậy khi mặt trời soi sáng, đã là mặt trời sáng, thì mười phương thể giới đồng thành sắc của mặt trời, làm sao giữa hư không lại còn thấy mặt trời tròn? Nếu là hư không sáng, thì hư không phải tự soi sáng, vì sao lúc giữa đêm mây mù lại không sanh ra sáng chói? Vậy nên biết cái sáng ấy không phải mặt trời, không phải hư không, và cũng không ra ngoài hư không và mặt trời. Xét về tướng các pháp nguyên là vọng, không thể chỉ bày, cũng như mong hoa đốm giữa hư không kết thành quả hư không, làm sao còn hỏi cái nghĩa lẫn diệt lẫn nhau? Xét về tánh các pháp nguyên là chơn, chỉ là Tánh Giác Diệu Minh. Tánh Giác Diệu Minh vốn không phải là thủy đại và hỏa đại, làm sao lại còn hỏi về nghĩa không dung lẫn nhau. Tánh Giác Diệu Minh chơn thật thì cũng như vậy. Ông phát minh cái hư không thì có hư không hiện ra; địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại mỗi thứ mỗi phát minh thì mỗi thứ hiện ra; nếu cùng phát minh thì cùng hiện ra. Thế nào là cùng hiện ra? Phú Lô Na, như trong một ao nước hiện ra bóng mặt trời. Hai người đồng xem bóng mặt trời trong ao nước, một người đi qua hướng Đông, một người đi qua hướng Tây, thì hai bên đều có mặt trời đi theo mình, một về phương Đông, một về phương Tây, không có chuẩn đích trước. Không nên gan hỏi mặt trời đó chỉ có một, làm sao mỗi cái lại đi theo mỗi người? Mặt trời đã thành hai, làm sao trước kia hiện ra chỉ có một? Hư vọng xoay vần như thế, không thể lấy gì làm bằng cứ.

MỤC VII: CHỈ TÁNH DIỆU MINH HỢP VỚI NHƯ LAI TẠNG RỜI CẢ HAI NGHĨA: “PHI VÀ TỨC”

Đoạn 1 - Chỉ về sự trái với giác tánh hợp với trần tướng

Phú Lô Na! ông đem cái sắc, cái không mà lẫn cướp lẫn nhau nơi Như Lai tạng, thì Như Lai tạng tùy theo ông làm sắc, làm không cùng khắp pháp giới, vậy nên trong ấy gió thì động, hư không thì lặng, mặt trời thì sáng, mây mù thì tối; chúng sanh mê lầm, trái với giác tánh, hợp với trần tướng cho nên phát ra trần lao, có các tướng thế gian.

Đoạn 2 - Chỉ tánh Diệu Minh, hợp với Như Lai tạng

Ta lấy tánh Diệu Minh¹⁵¹ không sanh, không dật hợp với Như Lai Tạng, thì Như Lai tạng chỉ là tánh giác Diệu Minh soi khắp pháp giới; vậy nên trong ấy một¹⁵² là vô lượng¹⁵³, vô lượng là một, trong nhỏ hiện ra lớn, trong lớn hiện ra nhỏ, không rời đạo tràng, hiện khắp mười phương thế giới, thân trùm cả mười phương hư không vô tận; trên đầu một sợi lông hiện ra cõi Bảo vương, ngòi trong hạt bụi chuyển bánh xe đại pháp; diệt trần tướng hợp giác tánh, nên phát ra tánh giác Chơn Như nhiệm màu sáng suốt.

Đoạn 3 - Chỉ Như Lai tạng “Phi” tất cả

Nhưng Như-Lai-Tạng bốn tánh diệu viên, không phải là tâm¹⁵⁴, không phải là hư không, không phải là đất, nước, gió, lửa¹⁵⁵; không phải nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không phải sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không phải nhãn thức giới, như thế cho đến không phải là ý thức giới¹⁵⁶; không phải là minh, là vô minh, là hết minh, là hết vô minh; cho đến không phải là lão, là tử, là hết lão tử¹⁵⁷; không phải là khổ, là tập, là diệt, là đạo, không phải là trí, là đắc¹⁵⁸; không phải là bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ và ba la mật đā¹⁵⁹; cho đến không phải là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri; không phải là Đại Niết Bàn, không phải là bốn đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh¹⁶⁰. Vì đó đều không phải là các pháp thế gian và xuất thế gian.

Đoạn 4 - Chỉ Như Lai tạng đều “Tức” tất cả

Tức cái bản tánh minh diệu Như Lai tạng cũng tức là tâm, là không, là địa, thủy, phong, hỏa; tức là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; tức là nhãn thức giới, như thế cho đến ý thức giới; tức là minh, vô minh, là hết minh, hết vô minh; như thế cho đến tức lão, tử, là hết lão tử; tức là khổ, tập, diệt, đạo, là trí, là đắc; tức bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ, là đến bờ bên kia; như thế cho đến tức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri; tức Đại Niết Bàn, tức bốn đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; do đó cũng đều tức các pháp thế gian và xuất thế gian.

Đoạn 5 - Chỉ ra ngoài các nghĩa “Phi”, “Tức” và phải nhờ đến ngón tay khéo

“Tức cái tánh giác diệu minh Như Lai tạng ra ngoài các nghĩa “tức”¹⁶¹ và “phi”¹⁶², cũng là “tức”, “phi tức”; làm sao chúng sanh trong ba cõi thế gian: hàng Thịnh Vãn,

Duyên Giác xuất thế gian, dùng tâm phân biệt hiểu biết mà đo lường được quả Bồ Đề Vô Thượng của Đức Như Lai lấy ngôn ngữ của thế gian vào được tri kiến của Phật. Ví như những cây đờn cầm, đờn sắt, đờn không hầu, và đờn tỳ bà, tuy có tiếng hay, nếu không nhờ ngón tay khéo, trọn không thể phát ra tiếng hay được; Ông và chúng sanh cũng như vậy, Bản giác chơn tâm mỗi người đều đầy đủ; nhưng khi ta ấn ngón tay thì Hải ấn¹⁶³ phát ra hào quang, còn các ông vừa móng tâm lên thì trần lao đã khởi.

Vì không siêng năng cầu đạo Vô Thượng giác, chỉ ưa thích Tiểu Thừa, được chút ít đã cho là đầy đủ”.

MỤC VIII: CHỈ MÊ VỌNG KHÔNG CÓ NHƠN, HẾT MÊ TỨC LÀ BỒ ĐỀ (GIÁC NGỘ)

Đoạn 1 - Nghi tánh giác nhơn đâu mà có vọng

Ông Phú Lô Na bạch: “Chơn tâm viên giác diệu minh của con và của Như Lai đều viên mãn không hai, mà con trước kia đã bị các vọng tưởng từ vô thủy đành ở mãi trong luân hồi, nay nương nhờ Phật lực vẫn chưa được rớt ráo. Thế Tôn thì tất cả các vọng đều dứt sạch, chỉ còn Tánh Diệu Chơn Thường. Xin hỏi Đức Như Lai, tất cả chúng sanh nhơn đâu có vọng, tự che lấp tánh diệu minh mà phải chịu chìm đắm như vậy?”

Đoạn 2- Chỉ mê vốn không nhơn

Phật bảo ông Phú Lô Na: “Ông tuy trừ được tâm nghi, nhưng còn những điều làm chưa dứt hết. Nay ta lấy việc hiện tiền trong thế gian để hỏi ông, ông há chẳng nghe trong thành Thất La Phiệt có anh Diễn Nhã Đạt Đa, một buổi sáng lấy gương soi mặt¹⁶⁴, bỗng nhiên thích cái đầu¹⁶⁷ trong gương, lông mày, con mắt có thể thấy được, rồi giận trách cái đầu mình, sao lại không thấy được mặt mày, cho là giống yêu quái, rồi không có gì phát cuồng bỏ chạy. Ý ông nghĩ sao? Người này vì nguyên nhơn gì vô cớ phát cuồng bỏ chạy?”

Ông Phú Lô Na bạch: “Chỉ tâm người ấy cuồng chớ không có cớ gì khác!”

Phật bảo: “Tánh Diệu giác sáng suốt vốn là Diệu minh viên mãn cùng khắp, đã gọi là vọng thì làm sao có nhơn; nếu có nguyên nhơn thì sao gọi là vọng? Tự cái vọng tưởng xoay vần, làm nguyên nhơn cho nhau, từ mê chứa chấp cái mê trải qua kiếp số như vi trần, tuy Như lai đã chỉ rõ ra, vẫn còn mê muội không biết trở về. Nguyên nhơn mê như vậy, là nhơn mê tự có. Biết mê không nhơn, vọng không chỗ nương tựa, còn không có sanh, muốn đem cái gì làm cái diệt. Người được đạo Bồ Đề như người tỉnh giấc kể chuyện chiêm bao; tâm dầu rõ ràng nhưng không thể có nhơn duyên gì để lấy vật trong chiêm bao; hống nữa, mê lại không có nhơn, vốn không thật có gì; như Diễn Nhã Đạt Đa trong thành kia, đâu có nhơn duyên, tự sợ đầu mình bỏ chạy, bỗng nhiên hết cuồng, cái đầu đâu phải từ bên ngoài đưa tới; dầu chưa hết cuồng, cái đầu cũng không hề mất. Phú Lô Na, tánh của vọng tưởng là như vậy, làm sao còn có nguyên nhơn được.”

Đoạn 3 - Chỉ dứt các duyên thì hết cuồng, tánh giác vốn trùm khắp

“Ông chỉ không theo ba thứ phân biệt tương tục: thể gian, nghiệp quả, và chúng sanh, ba duyên đã đoạn, rồi ba nhơn không sanh ra nữa, tánh cuồng của Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm ông tự hết, hết cuồng tức là tâm tánh Bồ đề trong sạch sáng suốt, bản lai trùm khắp pháp giới, chẳng phải từ người khác đưa đến, cần gì phải siêng năng, nhọc nhằn, vất vả. Ví như có người tự trong chéo áo có buộc hạt châu Như ý, mà không hay biết, đành chịu nghèo khổ dong ruổi phương xa, tuy thật nghèo khổ nhưng hạt châu không hề bị mất; bỗng nhiên có người trí chỉ cho hạt châu ấy, từ đó mọi mong cầu của anh ta đều toại nguyện, trở nên giàu có lớn, rồi mới biết được hạt châu quý báu ấy, không phải từ bên ngoài đưa đến”.

MỤC IX : LẠI BÁC NGHĨA NHƠN DUYÊN, TỰ NHIÊN VÀ TRÁCH CHỈ BIẾT NGHE NHIỀU

Đoạn 1 - Phát nghi mà hỏi

Lúc bấy giờ, ông A Nan ở trong đại chúng đánh lễ dưới chơn Phật, rồi đứng dậy bạch rằng: “Đức Thế Tôn hiện nói về các nghiệp sát, đạo, dâm, do ba duyên đã đoạn nên ba nhơn không sanh, tánh cùng Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm tự hết, hết tức là Bồ Đề, chẳng phải từ người khác đưa đến. Đây là nghĩa nhơn duyên quá rõ ràng, vì sao đức Như Lai vội bỏ nghĩa nhơn duyên? Chính con cũng do nhơn duyên mà tâm được khai ngộ. Bạch Đức Thế Tôn, nghĩa này chẳng riêng hàng Thanh Văn hữu học ít tuổi như chúng con, mà nay ở trong hội này như các Ngài Đại Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, Tu Bồ Đề ... cũng đã từ lão Phạm Chí nghe lý nhơn duyên của Phật, phát tâm khai ngộ được thành quả vô lậu. Nay Phật dạy Bồ Đề không do nhơn duyên, thì thuyết tự nhiên của bọn Câu Xá Ly ở thành Vương Xá lại thành nghĩa đê nhứt. Cúi mong đáng đại bi khai phát chỗ mê lầm cho chúng con.”

Đoạn 2- Gạn cùng chỗ nghi

Phật bảo: “A Nan! Như tên Diễn Nhã Đạt Đa trong thành, nếu trừ được nhơn duyên tánh cuồng, thì tánh không cuồng tự nhiên hiện ra; cái lý nhơn duyên, tự nhiên cuối cùng chỉ như vậy”.

Đoạn 3- Ví dụ cái đầu không mất để chỉ tánh cuồng và hư vọng

“A Nan! Như cái đầu của Diễn Nhã Đạt Đa vốn là tự nhiên, nó đã tự nhiên như thế, thì có lúc nào đi không tự nhiên, vậy vì nhơn duyên gì lại sợ cái đầu, phát cuồng bỏ chạy? Nếu cái đầu vốn tự nhiên, do nhơn duyên nên phát cuồng, vì sao không tự nhiên vì nhơn duyên mà mất đi, cái đầu vốn không mất, cái cuồng sợ giả dối phát ra, chứ nào có thay đổi gì mà phải nhờ đến nhơn duyên? Nếu tánh cuồng vốn tự nhiên sẵn có tánh cuồng sợ, thì khi không cuồng, cái cuồng núp ở chỗ nào? Nếu tánh không cuồng là tự nhiên, thì cái đầu vẫn không việc gì, sao lại phát cuồng bỏ chạy?

Nếu nhận được cái đầu sẵn có, biết mình vì phát cuồng bỏ chạy, thì nghĩa nhơn

duyên và tự nhiên đều là hý luận”.

Đoạn 4- Phá nhơn duyên, tự nhiên dẫn vào Bồ đề

“Thế nên ta nói: ba duyên đã đoạn tức tâm Bồ Đề. Tâm Bồ Đề sanh, thì tâm sanh diệt diệt, đó cũng chỉ là sanh diệt. Diệt và sanh đều hết, gọi là vô công dụng đạo. Nếu có tự nhiên, như vậy là phát minh tâm tự nhiên sanh, tâm sanh diệt diệt, đây cũng là sanh diệt, và lấy cái không sanh diệt, gọi là tự nhiên. Cũng như trong thế gian, các tướng hòa lẫn với nhau thành ra một thể, gọi là tánh hòa hợp; cái chẳng phải hòa hợp thì gọi là tánh bản nhiên. Bản nhiên không phải bản nhiên, hòa hợp không phải hòa hợp, hòa hợp và bản nhiên đều ly, ly, hợp đều “phi”, câu nói này mới gọi là pháp không hý luận. Bồ Đề, Niết Bàn còn cách xa xôi, nếu ông không trải qua nhiều kiếp siêng năng khó nhọc tu chứng, thì tuy ghi nhớ lý thanh tịnh nhiệm màu trong mười hai bộ kinh của mười phương các đức Như Lai, như cát sông Hằng, cũng chỉ càng thêm hý luận. Ông tuy luận bàn nghĩa nhơn duyên, tự nhiên chắc chắn rõ ràng, người đời gọi ông là đa văn bực nhứt; nhưng với cái huân tập đa văn nhiều kiếp đó, vẫn không khỏi được nạn Ma Đăng Già, phải đợi thần chú Phật đánh của ta, làm cho lửa dâm trong tâm Ma Đăng Già hết đi và chứng được quả A Na Hàm, ở trong Phật pháp thành rừng tinh tấn, sông ái khô cạn mới khiến cho ông được giải thoát. Thế nên A Nan! Ông tuy trải qua nhiều kiếp ghi nhớ những pháp bí mật diệu nghiêm của Như Lai, cũng không bằng một ngày tu nghiệp vô lậu, xa lìa hai cái khổ yêu ghét ở thế gian. Như Ma Đăng Già trước kia là dâm nữ, do nhờ sức của thần chú mà tiêu trừ ái dục, nay ở trong Phật pháp được tên tánh Tỳ Kheo Ni, cùng với mẹ La Hầu La là Da Du Đà La đồng ngộ nhơn đời trước, biết đã trải qua nhiều đời vì tham ái mà khổ, do một niệm huân tu pháp thiện vô lậu, nên người thì được ra khỏi ràng buộc, người thì được Phật thọ ký, sao ông lại còn tự dối mình mà vướng mắc mãi trong vòng thấy nghe”.

MỤC X: CHỈ NGHĨA QUYẾT ĐỊNH

Đoạn 1 - Thuật lại chỗ tỏ ngộ, thỉnh cầu pháp tu hành

Ông A Nan và đại chúng nghe lời Phật dạy, dứt hết nghi lầm, tâm ngộ được thật tướng, thân ý nhẹ nhàng được pháp chưa từng có, nên lại khóc lóc, đánh lễ dưới chơn Phật, quỳ gối chấp tay bạch Phật rằng: “Đức Vô Thượng Đại Bi Thanh Tịnh Bảo Vương khéo khai mở tâm chúng con, hay dùng các thứ nhơn duyên như thế, phương tiện dắt dìu những kẻ chìm đắm ra khỏi biển khổ. Bạch Đức Thế Tôn, nay con tuy được vâng nghe pháp âm như thế, nhận biết Tánh Như Lai tạng nhiệm màu sáng suốt khắp cả mười phương, hàm chứa các cõi bảo nghiêm thanh tịnh trong thập phương quốc độ của chư Phật, đức Như Lai lại trách con nghe nhiều vô dụng không kịp thời tu tập. Nay con giống như kẻ lữ khách phiêu bạt, bỗng được vị thiên vương ban cho ngôi nhà đẹp; tuy được ngôi nhà lớn, cần yếu là phải biết cửa vào, cúi mong Đức Như Lai lại mở lòng đại bi, chỉ bày cho chúng con và những người còn tối tăm trong hội này từ bỏ pháp Tiểu Thừa, trọn nhận được con đường phát tâm tu tập đi đến Vô Dư Niết Bàn của Như Lai; khiến cho hàng Hữu học biết cách nhiếp phục tâm phan duyên lâu đời, được pháp tông trì, chúng

nhập tri kiến của Phật”. A Nan thừa lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất, ở trong hội một lòng trông chờ từ chỉ của Phật.

Khi ấy, đức Thế Tôn thương xót hàng Thanh Văn, Duyên Giác trong hội đối với tâm Bồ Đề chưa được tự tại và những chúng sanh phát Bồ Đề tâm trong đời mạt pháp về sau, khi Phật đã diệt độ, mở ra con đường tu hành nhiệm mầu nơi pháp Vô Thượng Thừa, tuyên dạy ông A Nan và cả đại chúng rằng: “Các ông quyết định phát tâm Bồ Đề, đối với Pháp Tam Ma Đề nhiệm mầu của chư Phật Như Lai không sanh mệt mỏi, trước hết, phải rõ hai nghĩa quyết định, trong lúc bắt đầu phát tâm tự giác.

Đoạn 2 - Xét về phát tâm trong lúc tu nhơn

- Tiết 1: Dùng hư không để ví với chánh nhơn và chia ra bên trong, bên đục

Thế nào là hai nghĩa quyết định trong lúc mới phát tâm? A Nan! Nghĩa thứ nhất là nếu các ông muốn rời bỏ pháp Thanh Văn, tu Bồ Tát thừa vào tri kiến của Phật, nên phải xét kỹ chỗ phát tâm trong lúc tu nhơn và chỗ giác ngộ trong lúc chứng quả là đồng hay khác? A Nan! Nếu trong lúc tu nhơn đem cái tâm sanh diệt làm nhơn tu hành, để cầu cho được quả bất sanh bất diệt của Phật thừa, thật không thể được. Do nghĩa ấy, ông phải xét rõ các pháp có thể tạo tác trong thế gian, đều phải chịu sự đổi dời, tiêu mất. A Nan! Ông xem các pháp có thể tạo tác trong thế gian, có cái gì là không hoại diệt, nhưng không bao giờ nghe hư không tan rã. Vì sao? Vì hư không chẳng phải là pháp tạo tác, do đó, trước sau trọn không hoại diệt. Bởi vậy trong thân ông, tướng cứng là địa đại, thấm ướt là thủy đại, hơi nóng là hỏa đại, lay động là phong đại, do bốn thứ ràng buộc mà chia cái tâm tánh diệu minh vắng lặng, trùm khắp của ông, làm ra cái thấy, nghe, hay, biết, từ đầu đến cuối, tạo thành năm lớp vẫn đục. Thế nào là vẫn đục? A Nan! Dù như nước trong vốn sẵn là trong sạch, lại như các thứ bụi, đất, tro, cát vốn là chất ngăn ngại; hai thể chất vốn sẵn như vậy, không hợp nhau được. Có người thế gian lấy bụi đất kia ném vào nước trong, đất liền mất tánh ngăn ngại, nước mất tánh trong sạch, hình trạng như bản gọi đó là vẫn đục; năm lớp vẫn đục của ông cũng giống như vậy.

- Tiết 2: Khai thị về năm giống vẫn đục

A Nan! Ông thấy hư không khắp cả mười phương thế giới, mà không phân chia được thành hư không và cái thấy, có hư không mà không thật thể, có cái thấy mà không hay biết, hai bên giả dối đan dệt với nhau ra lớp thứ nhất gọi là “kiếp trược”¹⁶⁶.

Thân ông hiện bám lấy tứ đại làm tự thể, che lấp sự thấy, nghe, hay, biết, khiến bị ngăn ngại, và trở lại làm cho các thứ đất, nước, lửa, gió, thành có cái hay, cái biết; các thứ đó đan dệt với nhau giả dối thành ra lớp thứ hai gọi là “kiến trược”¹⁶⁷.

Lại trong tâm ông do những sự nhớ biết, học tập, mà phát ra thấy biết, hiện ra tướng sáu trần, hiện tại rời tiền trần thì không có tướng, rời tri giác thì không có tánh, đan dệt giả dối thành ra lớp thứ ba gọi là “phiền não trược”¹⁶⁸.

Lại tâm ông ngày đêm sanh diệt không dừng; tri kiến thì muốn lưu mãi ở thế gian, nhưng nghiệp báo xoay vần, luôn luôn dời đổi cõi này cõi khác; những điều đó giả dối

đan dệt với nhau thành ra lớp thứ tư gọi là “chúng sanh trước”¹⁶⁹.

Cái thấy, cái nghe của ông, bản tánh vốn không khác nhau, do các trần cách trở, mà không duyên ở gì lại sanh ra khác nhau; trong tánh thì lại vẫn biết nhau, nhưng trong dụng thì trái ngược nhau; cái đồng, cái khác đã mất hẳn chuẩn đích, cùng giả dối đan dệt với nhau thành ra lớp thứ năm gọi là “mạng trước”¹⁷⁰.

- Tiết 3: Kết thành căn bản tu tập

A Nan! Nay ông muốn cho cái thấy, nghe, hay, biết xa hợp với bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Như Lai, thì trước hết, phải lựa ra cái cội gốc sanh tử, nương theo tánh không sanh, không diệt, mà thành tựu tánh yên lặng cùng khắp.

Dùng cái yên lặng, xoay các thứ sanh diệt hư vọng trở về nơi bản giác; được tánh không sanh diệt của bản giác làm cái tâm tu như, nhiên hậu mới thành tựu viên mãn quả vị tu chứng. Như lóng nước đục đựng trong đồ đựng để yên mãi không lay động, thì đất cát tự chìm xuống và nước trong hiện ra, thế gọi là bắt đầu hàng phục khách trần phiền não; kế gạn bỏ đất bùn chỉ còn thuần nước trong, gọi là dứt hẳn căn bản vô minh. Tướng sáng suốt đã rờn rạc, thì tất cả đều biến hiện mà không gây ra phiền não và hợp với đức nhiệm màu thanh tịnh của Niết Bàn.

Đoạn 3 - Xét rõ cội gốc phiền não

- Tiết 1: Xét chỗ điên đảo nơi Căn trần

Nghĩa thứ hai, các ông hẳn muốn phát tâm Bồ Đề, đối với Bồ tát thừa sanh tâm đại đồng mãnh, quyết định rời bỏ các tướng hữu vi, thì nên xét rõ cội gốc phiền não, những cái vô minh phát nghiệp và nhuận sanh từ vô thủy đến nay là ai làm, ai chịu?

A Nan! Ông tu đạo Bồ đề, nếu không suy xét cội gốc phiền não, thì không thể biết những căn, trần hư vọng nó điên đảo ở chỗ nào, chỗ điên đảo còn không biết, làm sao hàng phục được nó và chứng được quả vị Như Lai?

A Nan! Ông hãy xem người trong thế gian mở gút, nếu không thấy chỗ gút thắt làm sao biết mở gút, chớ không hề nghe hư không bị ông phá vỡ bao giờ. Vì sao? Vì hư không không có hình tướng, nên không có thắt và mở. Như hiện nay, sáu thứ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, làm mai mối cho giấc, tự cướp của báu trong nhà; do đó, từ vô thủy, thế giới, chúng sanh sanh ra ràng buộc, không thể vượt khỏi sự vật thế gian.

- Tiết 2: Chỉ rõ sự triển phục và giải thoát của thế giới chúng sanh

A Nan! Thế nào gọi là thế giới chúng sanh? Thế là đời đời, giới là phương hướng. Nay ông nên bắt những phương: Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, phương trên và phương dưới là giới, quá khứ, hiện tại, vị lai là thế. Phương vị có mười, số lưu chuyển của thời gian có ba, tất cả chúng sanh đan dệt hư vọng mà thành như vậy; sự đời đời trong thân, thế và giới gắn bó với nhau. Nhưng tánh của giới đó, thiết lập tuy có mười phương, song có chỗ nhứt định, có thể chỉ ra, thế gian chỉ nhận phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc còn phía trên, phía dưới thì không có vị trí rõ ràng; ở giữa cũng không có chỗ nhứt định. Vậy số bốn đã rõ, như với

số thế, thì ba lần bốn, bốn lần ba, xoay vần là số mười hai, hơn luôn ba búp một chục thành trăm, thành ngàn, thì tổng quát trước sau ở trong sáu căn, mỗi mỗi có thể có đến một ngàn hai trăm công năng.

A Nan! Trong sáu căn đó, ông già xét định chỗ hơn, chỗ kém; như nhãn căn xem thấy phía sau tối, phía trước sáng, phương trước hoàn toàn sáng, phương sau hoàn toàn tối, kể cả ngó qua lại hai bên phải, trái, ba phần chỉ được hai (hai phần ba). Tóm lại, công năng của nhãn căn không đầy đủ, trong ba phần công năng một phần không có. Vậy nên biết nhãn căn chỉ có tám trăm công năng.

Như nhĩ căn nghe khắp mười phương không sót, động thì giống như có xa, có gần, tịnh thì không có bờ mé. Vậy nên biết nhĩ căn viên mãn một ngàn hai trăm công năng.

Như tỉ căn biết người thông cả lúc thở ra thở vào, nhưng thở ra thở vào mà còn thiếu trong lúc hơi thở giao tiếp. Nghiệm xét tỉ căn ba phần thiếu một. Vậy nên biết tỉ căn chỉ có tám trăm công năng.

Như thiệt căn hay diễn nói cùng tốt các trí thế gian, xuất thế gian. Lời nói có chừng hạn, nhưng lý thì không cùng không tận. Vậy nên biết thiệt căn viên mãn một ngàn hai trăm công năng.

Như thân căn cảm biết xúc trần, nhận biết các cảm xúc nghịch, thuận, khi hợp lại thì hay biết, khi rời ra thì không biết. Rời ra chỉ có một, hợp lại thì có hai, nghiệm xét thân căn ba phần thiếu một. Vậy nên biết thân căn chỉ có tám trăm công năng.

Như ý căn tầm lạng dung nạp tất cả pháp thế gian, xuất thế gian trong mười phương ba đời, dù Phạm hay Thánh không pháp nào chẳng bao dung cùng tốt bờ mé. Vậy nên biết ý căn viên mãn một ngàn hai trăm công năng.

A Nan! Nay ông mấn ngược dòng sanh tử, xoay về chỗ cùng tốt cội gốc lưu chuyển, đến chỗ không sanh diệt, thì nên xét trong sáu căn hiện đang thọ dụng này, cái gì hợp, cái gì ly, cái gì sâu, cái gì cạn, cái gì viên thông, cái gì không viên mãn. Nếu hay ngay nơi đây ngộ được căn tánh viên thông, ngược lại dòng nghiệp dật vọng từ vô thủy kia, theo được tánh viên thông, đối với sự tu hành nơi các căn không viên thông, hiệu quả gấp bội, một ngày bằng một kiếp. Nay ta đã chỉ rõ sáu căn viên minh, vốn có những số lượng công năng như thế; tùy ông xét rõ và lựa chọn nơi căn nào có thể nhập đạo được, ta sẽ phát minh, để cho ông được tăng tiến trên bước đường tu hành. Các đức Như Lai trong mười phương đối với mười tám giới, mỗi giới tu hành đều được viên mãn Vô Thượng Bồ Đề; trong các giới đó cũng không có gì là hơn là kém. Chỉ vì ông căn cơ còn thấp kém, chưa thể viên mãn trí huệ tự tại trong ấy được, nên ta mới bảo ông chỉ đi sâu vào một căn, đi sâu đến chỗ không còn vọng tưởng, thì cả sáu căn kia một thời đều thanh tịnh.

- Tiết 3: Chỉ rõ chỗ hư vọng của sáu căn

Ông A Nan bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, làm sao ngược dòng hư vọng đi sâu vào một căn lại có thể khiến cho sáu căn một thời đều thanh tịnh?”

Phật bảo ông A Nan: “Nay ông đã chứng được quả Tu Đà Hoàn, đã diệt hết kiến hoặc¹⁷¹ của ba cõi thế gian chúng sanh, song còn chưa biết những tập khí hư vọng chứa nhóm trong căn ừ vô thủy; các tập khí kia phải hơn tu tập mới đoạn được, huống chi,

trong đó còn có rất nhiều phân loại số mục sanh trụ dị diệt. Bây giờ ông hãy xem sáu căn hiện tiền là một hay là sáu? A Nan, nếu nói là một thì lỗ tai sao không thấy, con mắt sao không nghe, đầu sao không đi, chân sao không nói; còn nếu sáu căn đó quyết định là sáu, thì như trong hội này ta chỉ dạy pháp môn nhiệm màu cho ông, vậy trong sáu căn của ông cái gì lãnh thọ?”.

Ông A Nan bạch: “Con dùng lỗ tai để nghe”.

Phật dạy: “Lỗ tai ông tự nghe, thì đâu quan hệ gì đến thân và miệng; mà miệng ông thì hỏi nghĩa lý, thân ông thì đứng dậy kính vâng. Thế nên biết rằng, không phải một mà cuối cùng thành sáu, không phải sáu mà cuối cùng thành một; rốt cuộc các căn của ông vốn không phải là một, hay là sáu. A Nan! Ông phải biết căn ấy không phải một, không phải sáu, do từ vô thủy đến nay điên đảo chấp trước, nên nơi tánh viên trạch, sanh ra có cái một, cái sáu. Nay ông đã chứng quả Tu đà hoàn, nay tuy đã tiêu được cái sáu, nhưng vẫn chưa quên cái một. Như bầu hư không chung hợp với các vật, do hình trạng các vật có khác; nên gọi là hư không có khác, đến khi bỏ các vật xem hư không, thì nói hư không là một, chứ cái hư không kia, làm sao lại vì ông mà thành đồng hay thành khác, huống chi, lại gọi là một hay chẳng phải một. Sáu căn rõ biết của ông cũng lại như vậy.

Do hai thứ tối, sáng hiển bày lẫn nhau; nơi tánh diệu viên làm dính tánh yên lặng mà phát ra cái thấy; cái thấy ánh hiện ra thành sắc, kết cái sắc lại thành căn; gốc căn thì gọi là tứ đại thanh tịnh; như đó gọi hình thể của con mắt như trái bồ đào; bốn trần¹⁷² của phù căn rong ruổi chạy theo sắc.

Do hai thứ động, tịnh đối chọi lẫn nhau, nơi tánh diệu viên làm dính tánh yên lặng, phát ra cái nghe. Cái nghe ánh hiện ra thành tiếng, cuốn cái tiếng lại thành căn, gốc của căn thì gọi là tứ đại thanh tịnh; như đó gọi hình thể của lỗ tai như lá sen non; bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo tiếng.

Do hai thứ thông, bí phát hiện lẫn nhau, nơi tánh diệu viên làm dính tánh yên lặng, phát ra cái ngửi; cái ngửi ánh hiện ra thành hương, thâm nạp các hương thành căn, gốc của căn thì gọi là bốn đại thanh tịnh; như đó gọi hình thể của lỗ mũi, như hai móng tay duỗi xuống; bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo hương.

Do hai thứ vị lạt và có vị, hai thứ tham trước xen lẫn nhau, nơi tánh diệu viên, làm dính tánh yên lặng, mà phát sanh cái nếm vị. Cái biết nếm vị ánh ra thành vị, kết vị thành căn, gốc của căn gọi là tứ đại thanh tịnh; như đó gọi hình thể của cái lưỡi như mặt trăng lưỡi liềm; bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo vị.

Do hai tướng ly, hợp cộ sát lẫn nhau, nơi tánh diệu viên làm dính tánh yên lặng, phát ra cái biết xúc. Cái biết xúc đó ánh ra thành xúc, ôm nắm cái xúc thành căn, gốc của căn gọi là tứ đại thanh tịnh; như đó gọi thể của thân như dạng trông com; bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo xúc.

Do hai thứ sanh, diệt, tiếp nối lẫn nhau, nơi tánh diệu viên làm dính tánh yên lặng phát ra cái biết, cái biết ánh ra thành các pháp, tóm thu các pháp thành căn, gốc của căn gọi là tứ đại thanh tịnh; như đó gọi ý nghĩ như cái thấy ở trong phòng tối; bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo pháp.

- **Tiết 4: Chỉ rõ hư vọng không thật, phát minh được chơn tánh thì viên thoát**

“A Nan! Sáu căn như ấy do tánh giác minh¹⁷³ kia chuyển thành minh giác, mắt tánh sáng suốt làm dính với cái vọng mà phát ra hay biết. Vậy nên ông nay rời tối và sáng không có cái thể thấy; rời động và tịnh không có cái nghe; không thông, không bít cái ngữi không sanh; không vị không lạt cái nếm không phát ra; không ly, không hợp biết xúc vốn không; không diệt không sanh, thì cái rõ biết không chỗ gá. Ông chỉ đi! Theo những động tịnh, hợp ly, có vị, không vị, thông, bít, sanh, diệt, tối, sáng, cả mười hai tướng hữu vi đó, tùy nhờ một căn ra khỏi cái dính, phục vào bên trong, hàng phục trở về tánh bản chơn, phát ra tánh sáng suốt sẵn có; tánh sáng suốt đó đã phát minh, thì năm chỗ dính khác cũng liền đó được giải thoát. Không do tiền trần mà khởi ra cái thấy biết; thì cái sáng suốt không đi theo căn, chỉ gá với căn mà phát ra, do đó sáu căn có thể dùng thay lẫn nhau. A Nan! ông há không biết, ở trong hội này ông A Na Luật Đà¹⁷⁴ không có mắt mà vẫn thấy, rồng Bạt Nan Đà¹⁷⁵ không có tai mà vẫn nghe, thần nữ Căng Già¹⁷⁶ không có mũi mà ngữi mùi hương; ông Kiều Phạm Ba Đề¹⁷⁷ lưỡi khác với lưỡi người mà vẫn nếm được vị, thần Thuần Nhã Đa¹⁷⁸ không có thân mà biết xúc, do hào quang của Như Lai ánh ra làm cho ông ấy tạm thời hiện ra có thân, chứ bản chất của ông là gió, vốn không có thân; các vị Thanh Văn được tịch diệt trong diệt tận định, như ông Ma Ha Ca Diếp trong hội này, đã diệt ý căn lâu rồi mà vẫn rõ biết cùng khắp, không nhờn nơi tâm niệm. A Nan! Nếu các căn của ông hiện giờ đã hoàn toàn giải thoát, thì cái sáng suốt trong tâm tánh phát ra; như thế, các phù trần và các tướng biến hóa trong thế gian đều tiêu tan như nước nóng làm tiêu băng, ngay đó, con ~~ăn~~ liền hóa thành vô thượng tri giác. A Nan! Như người thế gian kia, gom cái thấy nơi con mắt; nếu bảo họ nhắm kín con mắt thì tướng tối hiện ra, cả sáu căn đều tối; đầu và chơn giống nhau. Người kia lấy tay sờ quanh ngoài thân thể, tuy không thấy nhưng một phen nhận được đầu và chơn rồi, thì cái hay biết vẫn đồng như trước kia.

Duyên vì cái thấy nhờn nơi ánh sáng, nên khi tối thành ra không thấy, chứ không có ánh sáng mà tự phát ra cái thấy, thì các thứ tối hẳn không thể làm mờ được. Căn và trần đã tiêu rồi thì làm sao tánh giác minh lại không thành nhiệm màu cùng khắp”.

MỤC XI: ĐÁNH CHUÔNG NGHIỆM TÁNH THƯỜNG

Đoạn 1: Nghi căn tánh không có tự thể

Ông A Nan bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, như Phật đã dạy; muốn cầu quả thường trụ, chỗ phát tâm tu như cần phải cân xứng với danh mục của quả vị. Bạch Thế Tôn, như trong các quả vị: Bồ Đề¹⁷⁹; Niết Bàn¹⁸⁰; Chơn Như¹⁸¹; Phật Tánh¹⁸²; Yêm Ma La Thức¹⁸³; Không Như Lai Tạng¹⁸⁴; Đại Viên Cảnh Trí¹⁸⁵, bảy thứ danh hiệu ấy tuy có khác nhau mà thể tánh đều thanh tịnh viên mãn vững chắc như kim cương vương, thường trụ không hoại diệt. Nếu cái thấy nghe này ngoài những tướng tối sáng, động tịnh, thông bít, rốt ráo không có tự thể, cũng như tâm niệm, rời tiền trần ra vốn không có gì, tại sao lại đem cái rốt ráo đoạn diệt đó làm như tu hành, để được bày quả thường trụ của Như Lai. Bạch Thế Tôn! Nếu rời sáng tối thì cái thấy rốt ráo là không; nếu không có tiền trần thì tự tánh

của tâm niệm bị diệt mất, tới lui xoay vần suy xét chín chắn, vốn không có tâm và tâm sở của con; vậy con đem cái gì làm nhơn để cầu Vô Thượng Giác? Đức Như Lai trước đã dạy, tánh hay biết yên lặng là viên mãn, thường trụ, thật là lời nói trái với lẽ thường, rốt cuộc chỉ thành hý luận, làm sao nhận được lời nói của Như Lai là chơn thật. Cúi mong đức Như Lai mở lòng đại từ, khai ngộ chỗ mê chấp cho chúng con”.

Đoạn 2: Chỉ tánh nghe là thường trụ

Phật bảo: “A Nan! Ông tuy học rộng, nghe nhiều, vẫn chưa hết các điều lậu lạc, trong tâm chỉ biết suông cái nhơn của điên đảo, mà cái điên đảo hiện thật thì chưa hay biết, ta e cho tâm thành thật của ông vẫn chưa tin phục. Nay ta thử đem những việc thế gian để trừ cái nghi của ông”. Liền khi ấy, Đức Như Lai bảo ông La Hầu La đánh một tiếng chuông và hỏi ông A Nan rằng: “Ông có nghe không?”

Ông A Nan và đại chúng đều đáp: “Dạ có nghe”.

Khi tiếng chuông hết ngân, Phật lại hỏi: “Ông có nghe không?”

Ông A Nan và đại chúng đều đáp: “Dạ không nghe”.

Khi ấy, ông La Hầu La lại đánh một tiếng chuông nữa, Phật lại hỏi: “Giờ ông có nghe không?”

Ông A Nan và đại chúng đều đáp: “Dạ có nghe”.

Phật lại hỏi ông A Nan: “Thế nào thì ông có nghe, còn thế nào thì ông không nghe?”

Ông A Nan và đại chúng đều bạch Phật rằng: “Tiếng chuông nếu đánh lên thì chúng con được nghe; đánh lâu tiếng hết, âm vang đều dứt; thì gọi là không nghe”.

Đức Như Lai lại bảo ông La Hầu La đánh một tiếng chuông nữa và hỏi ông A Nan rằng: “Theo ông bây giờ có tiếng không?”

Ông A Nan và đại chúng đều đáp: “Dạ có tiếng”.

Giây lâu tiếng dứt, Phật lại hỏi: “Theo ông bây giờ có tiếng không?”

Ông A Nan và đại chúng đều đáp: “Dạ không tiếng”.

Lát sau La Hầu La lại đánh một tiếng chuông. Phật lại hỏi ông A Nan: “Bây giờ đối với ông có tiếng không?”

Ông A Nan và đại chúng đều đáp: “Dạ có tiếng”.

Phật hỏi ông A Nan: “Thế nào mà ông gọi rằng có tiếng và thế nào gọi là không tiếng?”

Ông A Nan và đại chúng đều bạch Phật rằng: “Tiếng chuông đánh lên thì gọi là có tiếng; đánh lâu tiếng hết âm vang không còn; thì gọi là không tiếng.”

Phật bảo ông A Nan và đại chúng: “Hôm nay các ông sao nói trái ngược và lộn xộn như thế?”

Ông A Nan và đại chúng đều bạch Phật: “Làm sao Thế Tôn bảo chúng con nói trái ngược, lộn xộn?”

Phật bảo: “Ta hỏi ông về nghe, thì ông nói là nghe, lại hỏi ông về tiếng, thì ông nói là tiếng. Chỉ cái nghe và cái tiếng mà ông trả lời không nhất định; như thế làm sao gọi là không trái ngược lộn xộn? A Nan! Tiếng hết không còn âm và ng, ông nói ằng không

nghe, nếu thật không nghe, thì tánh nghe đã diệt, đồng như cây khô, khi tiếng chuông lại đánh lên thì làm sao ông còn bắt được? Biết có, biết không là tự cái tiếng hoặc không, hoặc có, chứ tánh nghe kia há lại vì ông mà thành có, thành không; nếu tánh nghe thật là không, thì còn cái gì bắt là không nữa. Thế nên A Nan! Cái tiếng ở trong cái nghe tự có sanh, diệt, không phải vì ông nghe cái tiếng sanh, diệt, làm cho tánh nghe của ông thành có, thành không. Ông còn lầm lộn cho cái tiếng là cái nghe, thì đâu có lạ gì chẳng mê mờ lấy cái thường làm cái đoạn. Tóm lại; ông không nên nói rằng rời các tướng: động tịnh, đóng mở, thông bít, thì cái nghe không có tánh. Như có người đang ngủ trên giường, trong nhà có người giã gạo. Người ngủ ở trong chiêm bao nghe tiếng chày giã gạo, làm cho là tiếng gì khác, hoặc cho là tiếng trống, hoặc là tiếng chuông. Tức ngay khi trong mộng, người ấy tự lấy làm lạ sao tiếng chuông lại vang lên như là tiếng cây, tiếng đá, đến khi chợt tỉnh dậy, liền nghe tiếng chày giã gạo, thì người ấy tự bảo người nhà, chính khi tôi chiêm bao làm tiếng chày này cho là tiếng trống. A Nan! Người ấy khi ở trong chiêm bao đâu có nhớ những việc động tịnh, mở đóng, thông bít; thân người ấy tuy nằm ngủ, nhưng tánh nghe không mờ tối; dầu cho thân hình ông có tiêu tan, thân mạng có đời đời diệt mất, làm sao tánh nghe ấy lại vì ông mà tiêu diệt được. Do các chúng sanh từ vô thủy đến nay, chạy theo các thứ sắc thính, rong ruổi theo vọng niệm mà lưu chuyển, chưa từng khai ngộ Bản Tánh Thanh Tịnh Diệu Thường; không theo cái thường, chỉ theo các thứ sanh diệt, do đó, đời đời bị tạp nhiễm, phải chịu lưu chuyển. Nếu bỏ cái sanh diệt, giữ tánh chơn thường, cái Sáng Suốt Chơn Thường hiện tiền, thì các thứ tâm niệm căn, trần, thức đồng thời tiêu mất; tướng vọng tướng là trần, tánh phân biệt là cấu, hai thứ đó đã xa rời, thì pháp nhãn của ông liền được trong suốt, làm sao lại không thành được bậc Vô Thượng Trí Giác? ”.

- - Hết quyển 4 - -

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Quyển 5

* * *

Chương 1: Nương chỗ ngộ mà viên tu

MỤC I: NÊU RA CĂN ĐỀ CHỈ CHỖ MÊ

Đoạn 1 - Xin khai thị cách mở gút

Ông A Nan bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Tuy Như Lai đã dạy nghĩa quyết định thứ hai, song con xem trong thế gian, những người mở gút, nếu không biết đầu gút ở đâu, thì chắc chắn rằng người ấy không thể nào mở được. Bạch Thế Tôn, con và các hàng Thinh Văn Hữu học trong hội này cũng giống như vậy. Từ vô thủy đến nay, chúng con cùng sanh cùng diệt với các thứ vô minh, tuy được thiện căn nghe nhiều Phật pháp thế này, nhưng tiếng là xuất gia mà cũng như người bị bệnh sốt rét cách ngày. Cúi mong đức

Đại từ mở lòng thương xót kẻ trầm luân, chính nơi thân tâm hiện nay, chỉ cho chúng con thể nào là gút và làm sao để mở, cũng khiến cho chúng sanh khổ não đời vị lai, được ra khỏi luân hồi, chẳng rơi vào ba cõi”. Nói lời ấy rồi, ông A Nan và tất cả đại chúng năm vóc gieo sát đất; khóc lóc thành khăn, trông chờ lời khai thị vô thượng của Đức Như Lai.

Đoạn 2 - Mười phương các đức Như Lai phóng hào quang, đồng một lời nêu ra cái căn nguyên

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn thương xót ông A Nan và đại chúng các hàng hữu học trong hội, lại cũng vì chúng sanh đời vị lai tạo nhơn xuất thế và làm đạo nhân cho tương lai; Ngài dùng cánh tay sắc vàng sáng ngời xoa trên đỉnh ông A Nan. Liên khi ấy, khắp tất cả các cõi nước của chư Phật trong mười phương, sáu thứ rung động; các đức Như Lai nhiều như số vi trần trong các cõi ấy; mỗi Ngài đều có hào quang báu từ trên đỉnh phóng ra; hào quang ấy đồng một thời từ các cõi kia đến rừng Kỳ Đà, soi trên đỉnh của đức Như Lai; tất cả đại chúng đều được việc chưa từng có.

Khi ấy, ông A Nan và cả đại chúng đều nghe mười phương các đức Như Lai như số vi trần, tuy khác miệng nhưng đồng một lời bảo với A Nan rằng: “Hay thay A Nan! ông muốn biết câu sanh vô minh là cái đầu gút khiến ông phải luân chuyển sanh tử, thì nó chính là sáu căn của ông, chứ không phải vật gì khác; Ông lại muốn biết tánh vô thượng Bồ Đề, khiến ông mau chứng đạo quả an lạc, giải thoát, tịch tịnh, diệu thường, cũng chính là sáu căn của ông chứ không phải vật gì khác”.

Đoạn 3 - Chỉ rõ căn trần để lựa bỏ cái vọng thức

Ông A Nan tuy được nghe pháp âm như vậy, tâm còn chưa rõ, cúi đầu bạch Phật: “Làm sao cái khiến cho con bị sanh tử, luân hồi, hay được an lạc diệu thường cũng đều do sáu căn, chứ không phải vật gì khác? ”. Phật bảo A Nan: “Căn và trần đồng một nguồn, triền phược hay giải thoát không hai, thức phân biệt là hư vọng như hoa đốm giữa hư không. A Nan! Do trần mà phát ra cái biết của căn; như căn mà có cái tướng của trần; tướng phân sở kiến và kiến phần năng kiến đều không có thật tánh, như những hình cây lau gác vào nhau.

Đoạn 4 - Lựa bỏ cái hư vọng để bày cái chơn thật thanh tịnh

Thế nên, nay ông chính nơi tri kiến¹⁸⁶ mà lập ra tướng tri kiến là cội gốc của vô minh, còn chính nơi tri kiến mà không có tướng tri kiến, thì đó là vô lậu chơn tịnh Niết Bàn, làm sao trong ấy lại còn có vật gì khác.

Đoạn 5 - Phật nói bài kệ chỉ rõ chơn, vọng, không thật tánh, theo tánh viên thông để trở về bản giác

Khi ấy, đức Thế Tôn muốn lập lại nghĩa trên nên nói kệ rằng:
*Chơn tánh, pháp hữu vi là không
Vì duyên sanh, nên giống như huyễn.
Pháp vô vi không sanh, không diệt,*

Không thật, như hoa đốm hư không.
Nói vọng để tỏ bày cái chơn,
Vọng và chơn cả hai đều vọng.
Còn không phải chơn hay phi chơn,
Làm sao có năng kiến, sở kiến.
Thức ở giữa không có thật tánh,
Vậy nên như hình cây lau gác.
Cột và mở đồng một sở nhọn,
Thánh với phàm vốn không hai lối.
Hãy xem tính cây lau gác nhau,
Đâu phải là không hay là có,
Mê mờ nghĩa đó tức vô minh,
Tỏ sáng ra liền thành giải thoát.
Mở gút tụy phải theo thứ lớp,
Sáu đã mở, một cũng không còn.
Nơi các căn chơn tánh viên thông,
Được nhập lưu¹⁸⁷ thì thành Chánh Giác
Thức A Đà Na¹⁸⁸ rất vi tế,
Chúng tử chuyển hành như dòng thác.
E làm là chơn hay phi chơn,
Nên ta thường hay không giảng đến.
Tự tâm trở chấp lại tự tâm,
Không phải huyễn lại thành pháp huyễn
Đừng chấp trước không gì phi huyễn.
Cả cái phi huyễn còn không sanh,
Pháp huyễn làm sao thành lập được.
Áy gọi như huyễn Tam Ma Đề¹⁸⁹,
Chắc như Kim Cang Vương, Bảo giác
Không nhiễm, tịnh như diệu Liên Hoa,
Khảy ngón tay, vượt hàng vô học.
Pháp ấy không gì so sánh được,
Là con đường thẳng đến Niết Bàn,
Của mười phương các Đức Thế Tôn.”

MỤC II: CỘT KHĂN ĐỀ CHỈ ĐÀU GÚT

Đoạn 1 - Thuật chỗ tỏ ngộ

Lúc bấy giờ, ông A Nan và đại chúng được nghe lời từ bi chỉ dạy của Phật, kê tụng tinh tú, diệu lý trong suốt, tâm nhãn khai thông, tỏ sáng, đồng tán thán là pháp chưa từng có.

Đoạn 2 - Cầu Phật khai thị thứ lớp mở gút

Ông A Nan chấp tay đánh lễ và bạch Phật rằng: “Nay con được nghe Phật vì lòng đại bi vô giá dạy cho những pháp cú chơn thật thanh tịnh diệu thường; nhưng tâm con chưa rõ thứ lớp mở gút, cho đến nghĩa sáu gút mở được, một cũng không còn. Cúi mong Phật mở lòng đại bi thương xót trong hội này và chúng sanh đời sau, bô thí pháp âm để rửa sạch những cấu nhiễm trầm trọng của chúng con”.

Đoạn 3 - Cột gút cho xem và gạn hỏi đầu gút

Liền khi ấy, Đức Như Lai nơi tòa sư tử sửa Niết Bàn Tăng¹⁹⁰ và vén y Tăng già lê¹⁹¹, vịn ghế thất bảo đưa tay lấy cái khăn hoa của trời Kiếp Ba La¹⁹² vừa dâng cúng, rồi ở trước đại chúng, cột thành một gút, đưa cho A Nan xem và hỏi rằng: “Cái này gọi là gì?”

Ông A Nan và Đại chúng đều bạch Phật: “Cái này gọi là gút”. Khi ấy đức Như Lai cột cái khăn hoa thành một gút nữa, lại hỏi ông A Nan: “Cái này gọi là gì?”

Ông A Nan và đại chúng đều bạch Phật: “Cái này cũng gọi là gút”. Phật tuần tự cột cái khăn hoa thành sáu gút; mỗi khi cột xong một gút, đều lấy cái gút vừa cột xong trong tay, đưa hỏi ông A Nan: “Cái này gọi là gì?” Ông A Nan và đại chúng cũng lại theo thứ lớp đáp lời Phật hỏi: “Cái này gọi là gút”. Phật bảo ông A Nan: “Khi ta mới cột cái khăn, thì ông gọi là gút; cái khăn hoa này; trước nó chỉ có một cái; có sao lần thứ hai; lần thứ ba; ông cũng gọi là gút?”. Ông A Nan bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Cái khăn lụa thêu dệt quý báu này, tuy vốn là một thể; nhưng theo ý con suy nghĩ: Đức Như Lai cột một lần thì được gọi tên một gút, nếu cột một trăm lần thì gọi là trăm gút; huống chi khăn này chỉ có sáu gút, không lên đến bảy và cũng không dừng ở năm, có sao Đức Như Lai chỉ cho cái đầu là gút còn cái thứ hai, thứ ba, thì không gọi là gút?” Phật bảo ông A Nan: “Cái khăn hoa báu này, ông biết nó vốn chỉ có một cái; khi ta cột sáu lần thì ông gọi là sáu gút; ông hãy xem xét cho chính chắn; thể của cái khăn này là đồ ng; như nơi cái gút mà có khác. Ý ông nghĩ sao? Khi ta cột gút ban đầu gọi là gút thứ nhất, như thế cho đến cột lần thứ sáu, gọi là sáu gút, nay ta muốn gọi gút thứ sáu là gút thứ nhất có được chăng?”

Bạch đức Thế Tôn: không! Nếu còn sáu gút, thì cái gọi là thứ sáu rốt cuộc không phải là cái thứ nhất; dầu cho cố gắng biện bạch suốt đời, cũng không thể làm cho sáu gút đổi tên được.”

Phật dạy: “Đúng thế! Sáu gút không đồng nhau, tuy xét về bản nhơn vẫn do một cái khăn tạo ra, nhưng rốt cuộc không thể làm cho sáu gút xáo trộn lẫn nhau. Sáu căn của ông cũng vậy, trong thể rất ráo “đồng” lại sanh ra rất ráo khác”.

MỤC III: CHỈ CÁCH MỞ GÚT TRƯỚC SAU

Đoạn 1: Gạn hỏi để chỉ rõ đầu gút

Phật bảo ông A Nan: “Chắc hẳn ông không muốn thành ra sáu gút và trông mong chỉ thành một thể, thì ông phải làm thế nào?”

Ông A Nan bạch: “Nếu còn những gút đó, thì phải trái lãng xãng; trong đó, tự sanh ra gút này không phải gút kia, gút kia không phải gút này, nếu hôm nay, Đức Như Lai cởi bỏ tất cả, không cần gút nữa, thì không còn đây kia, không còn gọi là một, làm sao thành sáu được.”

Phật dạy: “Cái nghĩa tháo bỏ cả sáu gút, một gút cũng không còn, cũng như vậy. Do tâm tánh của ông cuồng loạn từ vô thủy mà vọng phát sanh cái thấy biết; cái vọng phát mãi không dừng; làm cho tri kiến sanh bệnh mà phát sanh ra trần tướng; như tròng con mắt bị mỗi mọt, thì thấy có hoa đốm lãng xãng; tất cả những tướng thế gian, sơn hà, đại địa, sanh tử, Niết Bàn vốn không nhơn gì mà rối loạn khởi lên, trong tánh sáng suốt, yên lặng, đều là những tướng hoa đốm điên đảo do bệnh mê làm phát ra.”

Đoạn 2 - Hỏi cách mở gút

Ông A Nan bạch: “Bạch Thế Tôn, bệnh mê làm đó giống như các gút kia làm sao cởi bỏ được?”

Đức Như Lai đưa tay cầm cái khăn có gút kéo mỗi bên trái, rồi hỏi ông A Nan: “Thế này mở được chăng?”

Ông A Nan: “Bạch Thế Tôn, không”. Phật liền lấy tay kéo riêng mỗi bên phải, rồi lại hỏi ông A Nan: “Thế này mở được chăng?”

Ông A Nan: “Bạch Thế Tôn, không”.

Phật hỏi ông A Nan: “Nay ta lấy tay kéo mỗi bên phải, bên trái hai bên mà rốt cuộc không mở được; vậy ông có dùng phương tiện gì để mở được chăng?”

Đoạn 3 - Dạy trừ lòng gút, vọng hết về chơn

Ông A Nan bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Phải mở ngay trung tâm cái gút thì được ngay”.

Phật bảo ông A Nan: “Đúng vậy, đúng vậy!”. Nếu muốn mở gút, phải ngay trung tâm cái gút mà mở.

A Nan! Ta nói Phật Pháp từ nhơn duyên sanh, chẳng phải chấp tướng hòa hợp thô tháo theo thế gian. Như Lai phát minh các pháp thế gian, xuất thế gian biết rõ bản thân của nó theo những duyên gì mà phát ra; cho đến một giọt mưa ở ngoài hàng sa thế giới cũng biết số mục hiện tiền các thứ, cây tùng thì ngay, cây gai thì cong, chim hạt thì trắng, chim quạ thì đen, đều rõ được nguyên do của nó. Thế nên A Nan, tùy tâm ông lựa chọn nơi sáu căn, nếu trừ được cái gút nơi căn ấy rồi, thì trần tướng tự diệt, các vọng đều tiêu hết, chẳng phải chơn là gì?

Đoạn 4 - Chỉ khi cột có thứ lớp, thì khi mở cũng phải có trước sau

A Nan! Nay ta lại hỏi ông: “Cái khăn Kiếp Ba La này hiện có sáu gút, nếu đồng thời mở ra, thì có thể đồng một lúc trừ hết được chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không! Những cái gút này, khi cột có thứ lớp, thì bây giờ cũng phải theo thứ lớp mà mở. Sáu gút tuy đồng một thể, nhưng khi cột không đồng một lúc, thì khi

mở gút làm sao đồng một thời trừ bỏ hết được?”

Phật bảo: “Việc giải trừ cái gút nơi sáu căn cũng giống như vậy. Căn ấy khi bắt đầu mở ra, thì trước hết được nhờn không, đến khi tánh không viên mãn sáng suốt, thì giải thoát pháp chấp. Pháp chấp được giải thoát rồi, cả hai cái nhờn không và pháp không cũng không còn; ấy gọi là Bồ Tát do Tam Ma Đề mà chứng Vô Sanh Nhân.”

MỤC IV: GẶN HỎI ĐẠI CHÚNG VỀ CHỖ VIÊN THÔNG

Đoạn 1 - Trình bày chỗ tỏ ngộ xin chỉ dạy căn viên thông

Ông A Nan và cả đại chúng nhờ Phật khai thị, huệ nhãn được viên dung thông suốt, không còn điều gì nghi hoặc, đồng thời chấp tay đánh lễ nơi chơn Phật mà bạch rằng: “Chúng con ngày nay thân tâm được sáng suốt, vui sướng được vô ngại, tuy nhận biết cái nghĩa một và sáu không còn, nhưng vẫn chưa rõ thấu căn tánh bản lai viên thông. Bạch Thế Tôn, bọn chúng con đã trôi nổi bơ vơ trong nhiều kiếp, ngờ đâu được dự vào dòng giống của Phật, khác nào đưa con mắt sữa bỗng nhiên gặp được mẹ hiền. Nếu nhờn cơ hội này mà được thành đạo, sở ngộ phù hợp với đạo lý vi diệu đã được nghe, thì cùng với người chưa nghe không có sai khác. Xin Phật mở lòng đại bi ban cho chúng con những pháp bí mật diệu nghiêm, thành tựu lời chỉ dạy cuối cùng của Như Lai”. Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo xống đất, lui về an trụ nơi cơ cảm sâu nhiệm, trông mong Phật thâm truyền cho.

Đoạn 2 - Gạn hỏi trong đại chúng

Khi ấy, đức Thế Tôn bảo khắp các vị đại Bồ Tát và các hàng Lưu Tận Đại A La Hán trong chúng rằng: “Các ông là những vị Bồ tát, A La Hán sanh trưởng trong Phật Pháp, đã chứng quả vô học, nay ta hỏi các ông: Lúc ban đầu mới phát tâm trong mười tám giới, ngộ được viên thông ở giới nào và do phương tiện gì mà được vào Tam Ma Địa?”

Đoạn 3 - Do Thanh trần chứng viên thông

Nhóm ông Kiều Trần Na, năm vị Tỳ Kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chơn Phật, bạch Phật rằng: “Ổ Lộc Uyển và nơi Kê Viên, được xem thấy đức Như Lai khi mới thành đạo. Chúng con do nghe pháp âm của Phật, tỏ ngộ pháp Tứ Đế. Phật hỏi trong hàng Tỳ Kheo, thì con được gọi là nhận hiểu trước tiên. Như Lai ấn chứng cho con tên là A Nhã Đa, đi sâu vào bản tánh nhiệm mầu của âm thanh mà được viên dung sâu kín. Con do âm thanh được quả A La Hán. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng được của con do âm thanh là hơn hết”.

Đoạn 4 - Do Sắc trần chứng viên thông

Ông Ưu Ba Ni Sa Đà lên từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chơn Phật, bạch Phật rằng: “Con cũng được thấy Phật trong lúc mới thành Đạo; do con quán tướng bất tịnh mà sanh tâm nhàm chán xa lìa ô nhiễm, tỏ ngộ được thật tánh của các sắc, từ tướng bất tịnh,

đền tướng xương trắng, tướng vi trần, đều tan về hư không; cả hai cái không và sắc cũng không, thành tựu đạo vô học. Như Lai ấn chứng cho con cái tên là Ni Sa Đà; sắc của trần cảnh đã hết, sắc của tinh diệu được mật viên. Con do sắc tướng mà chứng quả A La Hán. Phật hỏi về viên thông như chỗ chứng được của con, do sắc trần là hơn cả.”

Đoạn 5 - Do Hương trần chứng viên thông

Ông Hương Nghiêm Đồng Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chơn Phật, rồi bạch Phật rằng: “Nghe đức Như Lai dạy, con phải quán xét kỹ các tướng hữu vi. Khi ấy con từ giã Phật, đầu hôm đến ngồi yên lặng nơi nhà thanh trai, thấy các thầy Tỳ Kheo đốt hương trầm thủy, mùi thơm lạng lẽ bay vào trong mũi con. Con quán mùi thơm ấy không phải là gỗ, không phải là hư không, không phải là khói, không phải là lửa, đi ra không dính vào đâu, đến cũng không từ đâu, do đó mà ý niệm phân biệt tiêu diệt, phát minh tánh vô lậu. Đức Như Lai ấn chứng cho con hiệu là Hương Nghiêm. Tướng hương tiền trần bỗng diệt, thì diệu tính của hương là mật viên. Con do hương nghiêm mà chứng quả A La Hán. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con hương trần là hơn cả.”

Đoạn 6 - Do Vị trần chứng viên thông

Hai vị Pháp Vương Tử Dược Vương¹⁹³ và Dược Thượng¹⁹⁴ cùng năm trăm vị Phạm Thiên trong hội liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ dưới chơn Phật bạch Phật rằng: “Con từ kiếp vô thủy làm lương y thế gian, miệng thường nếm cỏ, cây, vàng, đá trong cõi Ta Bà này, số mục có đến mười vạn tám ngàn loại, biết hết các vị: đắng, cay, chua, mặn, lạt... cùng với các vị biến đổi do các vị kia hòa hợp, cùng sanh ra thứ nào là nóng, thứ nào là lạnh, thứ nào là có độc, thứ nào không độc, con đều biết cả. Vâng nghe lời dạy của Đức Như Lai rõ biết được bản tánh của vị trần, chẳng phải không, chẳng phải có, chẳng phải tức thân tâm, chẳng phải rời thân tâm phân biệt đúng bản tánh của vị trần mà được khai ngộ. Nhờ Phật ấn chứng cho anh em chúng con hiệu là Bồ Tát Dược Vương, Dược Thượng. Nay ở trong hội làm vị Pháp Vương Tử, chúng con nhờn vị trần mà được giác ngộ sáng suốt lên bậc Bồ Tát. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của chúng con, vị trần là hơn cả”.

Đoạn 7 - Do Xúc trần chứng viên thông

Ông Bạt Đà Bà La¹⁹⁵ và mười sáu vị khai sĩ đồng bạn liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chơn Phật mà bạch Phật rằng: “Trước kia, nơi Phật Oai Âm Vương, chúng con do nghe pháp mà được xuất gia. Khi chư Tăng tắm gội, con theo thứ lớp vào nhà tắm, bỗng nhiên ngộ được chơn tánh của nước, đã chẳng rửa bụi, cũng chẳng rửa thân, trong khoảng giữa yên lặng được chỗ không có gì. Do túc tập¹⁹⁶ chẳng quên, cho đến hôm nay theo Phật xuất gia, mới thành được quả vô học. Đức Phật ấy gọi tên con là Bạt Đà Bà La do phát minh được diệu tính của xúc trần mà thành được bậc Phật tử trụ. Nay Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thì do xúc trần là hơn cả.”

Đoạn 8 - Do Pháp trần chứng viên thông

Ngài Ma Ha Ca Đếp¹⁹⁷ và bà Tỳ Kheo Ni Tử Kim Quang¹⁹⁸ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chơn Phật mà bạch Phật rằng: “Kiếp xưa trong cõi này, có đức Phật ra đời hiệu là Nhứt Nguyệt Đăng, con được gần gũi nghe pháp tu học. Sau khi Phật diệt độ, con thấp đèn sáng mãi cúng dường Xá Lợi¹⁹⁹ và dùng vàng thếp hình tượng Phật. Từ đó đến nay sanh trong mỗi đời thân thể thường viên mãn sáng chói như vàng thếp. Tỳ kheo ni Tử Kim Quang này tức là quyến thuộc của con lúc đó, cũng đồng thời phát tâm như con. Con do quán sát sáu trần ở thế gian đều biến hoại, chỉ dùng pháp không tịch, tu định diệt tận, thân tâm có thể trải qua trăm ngàn kiếp cũng như khảy móng tay. Con quán các pháp là rỗng không mà thành quả A La Hán. Đức Thế Tôn nói con tu hạnh đầu đà là bực nhứt. Diệu tánh của các pháp được tỏ sáng thì tiêu diệt các lậu. Nay Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con do pháp trần²⁰⁰ là hơn cả.”

Đoạn 9 - Do Nhãn căn chứng viên thông

Ông A Na Luật Đà²⁰¹ liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chơn Phật, bạch Phật rằng: “Khi con mới xuất gia thường ưa ngủ nghỉ, nên Như Lai quở con là loài súc sanh, nghe Phật quở, con liền khóc lóc tự trách, thức suốt bảy ngày không ngủ, hư cả hai mắt. Thế Tôn dạy con tu pháp: “Nhạo Kiến Chiếu Minh Kim Cang Tam Muội”²⁰². Con không do con mắt mà thấy khắp cả mười phương, rỗng suốt tinh tường như xem trái Im-la để trong lòng bàn tay. Như Lai ấn chứng cho con thành quả A La Hán. Nay Phật hỏi về viên thông, theo chỗ chứng của con, xoay cái thấy trở về bản tánh là thứ nhứt.”

Đoạn 10 - Do Tỷ căn chứng viên thông

Ông Châu Lợi Bàn Đạc Ca²⁰³ liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chơn Phật bạch Phật rằng: “Do con thiếu trí tuệ, không có trí huệ đa văn, ban đầu được gặp Phật, nghe pháp xuất gia, con cố nhớ một câu kệ của Như Lai, song trong một trăm ngày hề nhớ trước quên sau, nhớ sau quên trước. Phật thương xót con ngu muội mới dạy con pháp an cư điều hòa hơi thở ra vào. Khi con quán hơi thở cùng tột các tướng sanh, trụ, dị, diệt, nhỏ nhiệm từng sát na; tâm con rỗng suốt được đại vô ngại; cho đến hết các lậu thành quả A La Hán, ở dưới tòa của Phật, được Phật ấn chứng thành quả vô học. Nay Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con “xoay hơi thở trở về tánh rỗng không là bực nhứt”.

Đoạn 11 - Do Thiệt căn chứng viên thông

Ông Kiều Phạm Bát Đề²⁰⁴ liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chơn Phật, bạch rằng: “Con mắc khẩu nghiệp thử quá khứ, khinh rẽ chế giễu các vị Sa môn, nên nhiều đời sanh ra có bệnh lưỡi giống như lưỡi trâu. Đức Như Lai dạy con tu pháp môn “Nhứt Vị Thanh Tịnh Tâm Địa”. Nhờ đó mà con diệt được phân biệt, vào Tam Ma Địa, quán cái biết vị chẳng phải thân thể, chẳng phải ngoại vật, liền đó được vượt khỏi các lậu trong thế gian, bên trong giải thoát thân tâm, bên ngoài vượt khỏi thế giới. Xa lìa ba cõi, như chim ra khỏi lồng, lìa hết cấu nhiễm tiêu diệt trần tướng, được pháp nhãn thanh tịnh, thành quả A La Hán, đấng Như Lai ấn chứng cho con lên bậc vô học. Nay Phật hỏi về viên thông,

như chỗ chứng của con xoay các vị trở về tánh biết, đây là bực nhưt.”

Đoạn 12 - Do Thân căn chứng viên thông

Ông Tất Lãng Già Bà Ta²⁰⁵ liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chơn Phật bạch rằng: “Con khi mới phát tâm theo Phật vào đạo, thường nghe đức Như Lai dạy về những việc không vui trong thế gian. Lúc đi khát thực trong thành, tâm con suy nghĩ pháp môn Phật dạy, giữa đường bất ngờ bị gai độc đâm vào chân, toàn thân đều đau nhức. Con tâm niệm: con có cái biết, biết được cái đau nhức ấy, tuy biết được cái biết đau nhức, nhưng đồng thời giác biết nơi tâm thanh tịnh không có cái đau và cái biết đau. Con lại suy nghĩ: Một thân thể này đâu thể có hai tánh biết. Nhiếp niệm chưa bao lâu thân tâm bỗng nhiên không tịch. Trải qua hai mươi một ngày các lậu đều sạch hết, thành quả A La Hán, được Phật ấn chứng lên bậc vô học. Nay Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thuần một tính biết rời nơi thân thể là bực nhưt”.

Đoạn 13 - Do Ý căn chứng viên thông

Ông Tu Bồ Đề²⁰⁶ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chơn Phật, bạch rằng: “Từ nhiều kiếp đến nay tâm con được vô ngại, tự nhớ thọ sanh nhiều đời như cát sông Hằng. Khi còn trong thai mẹ đã biết tánh không tịch, như thế cho đến mười phương đều thành rỗng không và cũng khiến cho chúng sanh chúng được tánh không. Nhờ đức Như Lai chỉ dạy con phát minh được tánh giác chơn không, tánh không được viên mãn sáng suốt, chứng quả A La Hán, liền vào bảo minh không hải của Như Lai, tri kiến đồng như Phật, được Phật ấn chứng cho con thành quả vô học, tánh giải thoát rỗng không, con là trên hết. Nay Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, các tướng đều vào phi tướng. Năng phi, sở phi đều hết, xoay pháp trở về không là bực nhưt.”

Đoạn 14 - Do Nhãn thức chứng viên thông

Ông Xá Lợi Phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chơn Phật, bạch rằng: “Từ nhiều kiếp đến nay, chỗ nhận thấy của con được thanh tịnh. Tuy con thọ sanh nhiều đời như số cát sông Hằng như vậy, mà đối với các pháp biến hóa nơi thế gian và xuất thế gian, một phen thấy liền thông suốt không chướng ngại. Con ở giữa đường gặp anh em ông Ca Diếp Ba cùng đi và nói pháp như duyên, ngộ được tâm không bờ mé. Con theo Phật xuất gia, chỗ nhận thấy sáng suốt viên mãn, được pháp đại vô úy, thành quả A La Hán, làm trưởng tử của Phật, do từ miệng Phật sanh ra, do nơi pháp của Phật hóa sanh. Nay Phật hỏi viên thông, như chỗ chứng của con, tâm thể thấy phát ra sáng suốt, cùng tột các tri kiến, đó là thứ nhưt”.

Đoạn 15 - Do Nhĩ thức chứng viên thông

Bồ Tát Phổ Hiền liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chơn Phật, bạch rằng: “Con đã từng làm Pháp Vương Tử cho các đức Như Lai như số cát sông Hằng. Mười phương Như Lai dạy các đệ tử có căn cơ Bồ Tát, tu hạnh Phổ Hiền, hạnh đó do con mà

đặt tên. Bạch đức Thế Tôn, con dùng tánh nghe của tâm thể phân biệt tất cả tri kiến của chúng sanh. Nếu ở phương khác, cách ngoài hằng sa thế giới, có một chúng sanh nào trong tâm phát được hạnh nguyện Phổ Hiền, thì liền trong khi ấy, con cõi voi sáu ngà, phân thân trăm ngàn, ~~đến~~ chỗ của người đó. Dầu cho người đó nghiệp chướng còn sâu nặng, chưa thấy được con, con cũng thầm kín xoa đảnh người ấy, ủng hộ an ủi, khiến cho họ được thành tựu. Nay Phật hỏi về viên thông, con nói chỗ bồn nhờn của con là phát minh tánh nghe của tâm, phân biệt được tự tại, đó là thứ nhưt.”

Đoạn 16 - Do Tỷ thức chứng viên thông

Ông Tôn Đà La Nan Đà²⁰⁷ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chơn Phật bạch rằng: “Con khi mới xuất gia theo Phật vào đạo, tuy giữ đủ giới luật, nhưng lúc tu Tam Ma Địa, tâm thường tán loạn, chưa được quả vô lậu. Đức Thế Tôn dạy con và ông Câu Hy La quán tướng trắng chót mũi. Khi con bắt đầu tu quán ấy, trải qua hai mươi một ngày, thấy hơi thở trong mũi ra vào như khói, thân tâm bên trong sáng soi thông suốt cả thế giới, khắp nơi thành trống không thanh tịnh, như ngọc lưu ly; tướng khói lần lần tiêu hết, hơi thở hóa thành sắc trắng, đến khi tâm được khai ngộ các lậu hết sạch, thì những hơi thở ra vào hóa thành hào quang soi khắp mười phương thế giới, được quả A La Hán. Đức Thế Tôn thọ ký cho con sẽ được quả Bồ Đề. Nay Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp nhiếp thâu ý niệm nơi hơi thở, yên lặng lâu ngày phát ra sáng suốt, sáng suốt viên mãn, diệt hết các lậu, đó là thứ nhưt”.

Đoạn 17 - Do Thiệt thức chứng viên thông

Ông Phú Lô Na Di Đa La Ni 𑖀²⁰⁸ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chơn Phật mà bạch Phật rằng: “Con từ nhiều kiếp đến nay tài biện thuyết vô ngại, tuyên dương các pháp khổ, không, thấu suốt tướng chơn thật; như thế cho đến các pháp môn bí mật của hằng sa các đức Như Lai, con ở trong chúng khéo léo chỉ bày không chút sợ sệt. Đức Thế Tôn biết con có tài biện thuyết lớn lao nên dùng pháp luân âm thanh dạy con tuyên dương Chánh pháp. Con ở trước Phật, giúp Phật chuyển pháp luân, như nói chánh pháp thành quả A La Hán. Đức Thế Tôn ấn chứng cho con nói pháp hơn cả. Nay Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp âm hàng ~~ph~~ tà ma ngoại đạo, tiêu diệt các lậu, đó là thứ nhưt.

Đoạn 18 - Do Thân thức chứng viên thông

Ông Ưu Ba Ly²⁰⁹ liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chơn Phật, bạch rằng: “Chính con được theo Phật vượt thành xuất gia, xem thấy đức Như Lai sáu năm siêng tu khổ hạnh, thấy đức Như Lai hàng phục bọn tà ma, đối trị các ngoại đạo, giải thoát các lậu tham dục thế gian. Con được nhờ Phật dạy giữ giới, cho đến ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, các tánh nghiệp, giá nghiệp thảy đều thanh tịnh; do đó, thân tâm được tịch diệt, thành quả A La Hán; nay con làm người kỷ cương trong chúng của Như Lai; Phật ấn chứng cho con giữ giới tu thân hơn cả trong chúng. Nay Phật hỏi viên thông, con do gìn

giữ nơi thân mà thân được tự tại, kềm giữ nơi tâm mà tâm được thông suốt, về sau cả thân lẫn tâm, tất cả đều thông suốt, đó là thứ nhất”.

Đoạn 19 - Do Ý thức chứng viên thông

Ông Đại Mục Kiền Liên²¹⁰, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chơn Phật bạch rằng: “Lúc trước con khát thực giữa đường, gặp ba anh em ông Ca Diếp Ba là ông Ưu Lô Tần Loa, ông Già Gia và ông Na Đề giảng nói nghĩa lý nhơn duyên sâu xa của Như Lai; con liền phát tâm, được thông suốt. Đức Như Lai ban cho con áo Ca Sa đắp trên mình, râu tóc tự rụng. Con đi khắp mười phương được không ngăn ngại, thần thông phát sáng, được trong chúng suy tôn là vô thượng, thành quả A La Hán. Không riêng đức Thế Tôn, mà mười phương các đức Như Lai đều khen sức thần thông của con thanh tịnh tròn sáng, tự tại không e sợ. Nay Phật hỏi về viên thông, do con xoay ý niệm trở về với tánh yên lặng, nên tâm tánh phát ra sáng suốt, như lóng nước đục, lóng càng lâu nước càng trong sáng, đó là thứ nhất.”

Đoạn 20 - Do Hỏa đại chứng viên thông

Ông Ô Sô Sát Ma²¹¹ đối trước đức Như Lai, chấp tay đánh lễ dưới chơn Phật bạch rằng: “Con thường nhớ trước kia trong kiếp xa xôi, tánh có nhiều tham dục; lúc ấy, có đức Phật ra đời hiệu là Không Vương, bảo người nhiều dâm dục thành như đồng lửa hừng và dạy con quán khắp những hơi nóng lạnh nơi trăm vóc tứ chi. Con nhờ quán như vậy mà thần quang bên trong lặng đứng, hóa tâm đa dâm thành lửa trí huệ. Từ đó chư Phật đều gọi con tên là Hỏa Đầu, con dùng sức hỏa quang tam muội thành quả A La Hán. Trong tâm phát đại nguyện, khi các đức Phật thành đạo, con làm lực sĩ gần gũi bên Phật hàng phục bọn tà ma không cho quấy phá. Nay Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp quán các hơi ấm nơi thân tâm đều lưu thông không ngăn ngại. Các lậu đã tiêu, sanh ra ngọn lửa quý báu đại trí huệ, lên bực Vô Thượng Giác, đó là thứ nhất.

Đoạn 21 - Do Địa đại chứng viên thông

Ngài Trì Địa Bồ Tát²¹² liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chơn Phật bạch rằng: “Con nhớ kiếp xưa, khi đức Phổ Quang Như Lai ra đời, con làm Tỳ Kheo thường ở nơi các nẻo đường trọng yếu, bến đò, đất đai hiểm trở eo hẹp không được như ý, có thể làm hại đến xe ngựa, con đều đắp bằng; hoặc làm cầu cống, hoặc gánh đất cát. Siêng năng khổ nhọc như vậy, trải qua không lường đức Phật ra đời. Hoặc có chúng sanh ở nơi chợ búa, cần người mang đồ vật, trước tiên con mang hộ, đến nơi đến chốn, để đồ vật xuống liền đi, chẳng nhận thù lao. Cho đến khi Phật Tỳ Xá Phù ra đời, người đời phần nhiều bị nghèo đói, con cũng giúp người không kể xa gần, chỉ lấy một tiền; hoặc có xe trâu sa xuống bùn lầy, con dùng sức mạnh đẩy xe lên cho khỏi khổ não. Vị vua trong nước thuở ấy thiết trai cúng Phật, con liền sửa sang đường đất bằng phẳng chờ Phật đi qua. Đức Tỳ Xá Phù Như Lai xoa đầu con mà bảo rằng: “Nên bình đất tâm thì tất cả đất ngoài thế giới đều bình” con liền khai ngộ, thấy vi trần nơi thân thể và tất cả vi trần tạo thành thế giới đều bình đẳng không sai khác, tự tánh của vi trần không chạm sát lẫn nhau, cho đến

những việc đao binh cũng không đụng chạm gì. Con do nơi pháp tánh ngộ vô sanh pháp nhãn, thành quả A La Hán, xoay tâm về Đại thừa, nên hiện nay, ở trong hàng Bồ Tát; khi nghe đức Như Lai dạy về chỗ tri kiến của Phật như Diệu Liên Hoa thì con chứng ngộ đầu tiên làm bực thượng thủ. Nay Phật hỏi về viên thông, con do quán kỹ hai thứ vi trần nơi căn thân và thế giới đều bình đẳng không sai khác, vốn là Như Lai tạng, giả dối phát sanh ra trần tướng, trần tướng tiêu thì trí huệ được viên mãn, thành đạo Vô Thượng đó là thứ nhất.

Đoạn 22 - Do Thủy đại chứng viên thông

Ngài Nguyệt Quang Đồng Tử²¹³ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chơn Phật bạch rằng: “Con nhớ hằng hà sa số kiếp về trước, có đức Phật ra đời hiệu là Thủy Thiên; dạy chư Bồ Tát tu tập pháp quán nước để vào Tam Ma Địa. Nghĩa là quán tánh nước ở trong thân, không gì ngăn ngại, quán từ nước mũi, nước bọt, cho đến tất cả các thứ tân, dịch, tinh, huyết, đại tiện, tiểu tiện, xoay vần trong thân đều đồng một tánh nước, quán thấy nước trong thân và nước các biển hương thủy²¹⁴ của cõi Phù Tràng Vương ở ngoài thế giới đều bình đẳng nhau không sai khác. Khi ấy, con mới thành tựu được pháp quán này, chỉ thấy nước mà chưa được không có thân. Chính khi làm Tỳ Kheo tọa thiền trong thất, con có đưa đệ tử nhỏ dòm cửa sổ nhìn vào trong thất, chỉ thấy nước trong đầy khắp trong thất, không thấy vật gì khác. Nó nhỏ dại không biết, bèn lấy một miếng ngói ném vào trong nước, đập vào nước phát ra tiếng, ngó quanh rồi bỏ đi. Sau khi con xuất định liền có cảm giác mình bị đau tim, như ông Xá Lợi Phất bị con qui vi hại đập. Con tự suy nghĩ, nay mình đã được đạo A La Hán, từ lâu không còn nhờn duyên mắc bệnh được nữa, làm sao ngày nay lại sanh ra đau tim, không lẽ đã bị thối thất chướng. Khi ấy đệ tử của con đi đến, kể lại cho con những việc như trước, con mới bảo nó, sau này, nếu thấy nước thì nên mở cửa vào phòng lấy miếng ngói trong nước ấy đi. Đệ tử vâng lời con bảo. Sau khi con nhập định, nó lại thấy nước và miếng ngói rõ ràng, nó liền mở cửa lấy miếng ngói bỏ ra. Sau khi xuất định thân thể trở lại như cũ.

Con đã gặp được không lường chư Phật, cho đến Đức Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai, con ~~mi~~ được không thân và cùng các biển hương thủy trong mười phương thế giới các tánh hợp với chân không, không hai, không khác. Hiện nay ở nơi đức Như Lai con được hiệu là Đồng Chơn, được dự vào hội của các vị Bồ Tát. Nay Phật hỏi về viên thông, con do quán tánh nước một mực lưu thông được pháp vô sanh nhãn, viên mãn đạo Bồ Đề, đó là thứ nhất.”

Đoạn 23 - Do Phong đại chứng viên thông

Ngài Lưu Ly Quang Pháp Vương tử²¹⁵ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chơn Phật bạch rằng: “Con nhớ hằng sa kiếp về trước có đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Thịnh. Ngài khai thị tánh bản giác diệu minh cho các hàng Bồ Tát và dạy quán thế giới cùng thân chúng sanh này, đều do sức lay động của vọng duyên chuyển biến ra. Con lúc bấy giờ, quán cái không gian an lập, quán thời gian thiên lưu, quán thân thể khi động,

khi yên, quán thức tâm niệm niệm tất cả đều lay động như nha u, bình đẳng, không sai khác. Khi ấy con giác ngộ các thứ động ấy đến không do đâu, đi không tới đâu, tất cả chúng sanh điên đảo như số vi trần trong mười phương đều đồng một hư vọng. Như thế, cho đến tất cả chúng sanh trong một tam thiên đại thiên thế giới, cũng như hàng trăm loài muỗi mòng đưng trong một cái đồ đưng, vo vo kêu loạn, ở trong gang tấc, ồn ào rối rít. Con gặp Phật chưa bao lâu, thì được pháp vô sanh nhẫn; lúc bây giờ, tâm đã khai ngộ, mới thấy cõi Phật Bất Động ở phương Đông, làm vị Pháp Vương Tử. Con thừa sự chư Phật trong mười phương, thân tâm phát sáng, thấu suốt không ngăn ngại. Nay Phật hỏi viên thông, con dùng trí quán sát sức lay động, không chỗ nương, ngộ được tâm Bồ Đề, vào Tam Ma Địa, hợp với mật diệu tâm mà mười phương chư Phật trụ yên dạy là thứ nhất.”

Đoạn 24 - Do Không đại chứng viên thông

Ngài Hư Không Tạng Bồ Tát²¹⁶ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chơn Phật, bạch rằng: “Con cùng đức Như Lai chứng được thân vô biên nơi Phật Định Quang²¹⁷; khi ấy, tay con cầm bốn hạt châu báu lớn, chiếu sáng các cõi Phật trong mười phương như số vi trần, hóa thành hư không; lại ở nơi tự tâm hiện ra trí đại viên cảnh, trong ấy phóng ra mười thứ hào quang vi diệu quý báu, soi khắp các cõi Phù Tràng Vương, cùng tột hư không trong mười phương đều vào trong viên cảnh ấy, nhập với thân con, và thân con đồng với hư không, không ngăn ngại lẫn nhau. Thân con lại khéo vào các cõi nước như vi trần rộng làm các Phật sự được đại tùy thuận. Thần lực lớn đó là do con quán kỹ thân tứ đại không chỗ nương, do vọng tưởng mà có sanh diệt, hư không không có hai và cõi Phật vốn là đồng, do phát minh được tánh đồng mà chứng được vô sanh nhẫn. Nay Phật hỏi viên thông, con do quán xét hư không không chỗ nương, vào Tam Ma Địa, sức nhiệm màu được viên mãn sáng suốt, đó là thứ nhất.”

Đoạn 25 - Do Thức đại chứng viên thông

Ngài Di Lặc Bồ Tát²¹⁸ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chơn Phật, bạch rằng: “Con nhớ trải qua vi trần kiếp về trước, có đức Phật ra đời hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh; con được xuất gia theo đức Phật kia, nhưng tâm nặng về danh lợi thế gian, ưa giao du với các người quyền quý. Lúc ấy đức Thế Tôn dạy con tu tập “Định Duy Tâm Thức”, con được vào Tam Ma Địa, trải qua nhiều kiếp đến nay, dùng pháp tam muội này mà phụng thờ hằng sa chư Phật; tâm cầu danh lợi thế gian đã diệt hết không còn. Đến khi đức Phật Nhiên Đăng ra đời, con mới thành tựu được chánh định Vô Thượng Diệu Viên Thức Tâm, cho đến tất cả cõi nước Như Lai nào tịnh, uế, có, không, cho đến tột bờ mé hư không, đều do tâm con biến hiện ra. Bạch Thế Tôn, do con rõ được duy tâm thức như thế, nên nơi thức tánh lưu xuất vô lượng Như Lai, và hiện nay con được Phật thọ ký, sau đây sẽ bỏ xứ thành Phật nơi cõi này. Nay Phật hỏi về viên thông, con do quán sát mười phương đều duy thức, thức tâm được viên mãn sáng suốt, chứng nhập tánh “viên thành thật” xa lìa tánh “y tha khởi” và tánh “biến kế chấp”, được pháp vô sanh nhẫn, đó là thứ nhất.”

Đoạn 26 - Do Kiến đại chứng viên thông

Ngài Đại Thế Chí Pháp Vương Tử²¹⁹ cùng với năm mươi hai vị Bồ Tát đồng tu một pháp môn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chơn Phật, bạch rằng: “Con nhớ hằng sa kiếp trước, có đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Quang; lúc ấy mười hai đức Như Lai tiếp tục ra đời trong một kiếp, Đức Phật rốt sau hiệu là Siêu Nhứt Nguyệt Quang dạy con tu pháp: “Niệm Phật Tam Muội”. Ví như có hai người, một đàng chuyên nhớ, một đàng chuyên quên, thì hai người ấy, dù gặp cũng là không gặp, dù thấy cũng là không thấy; nếu cả hai người đều nhớ nhau, hai bên nhớ mãi khắc sâu vào tâm niệm, thì đồng như hình với bóng, cho đến từ đời này sang đời khác, không bao giờ cách xa nhau. Mười phương Như Lai thương tưởng chúng sanh như mẹ nhớ con; nếu con trốn tránh thì tuy có nhớ nào có ích gì. Nếu con nhớ mẹ, như mẹ nhớ con, thì đời đời mẹ con không cách xa nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, tưởng Phật, thì hiện nay hoặc về sau nhất định thấy Phật, cách Phật không xa, không cần phương tiện, tâm tự được khai ngộ”. Như người ướp hương thì thân thể có mùi thơm, đây gọi là hương quang trang nghiêm. Căn bản tu tập của con là dùng tâm niệm Phật, mà vào pháp vô sanh nhẫn, nay ở cõi này tiếp dẫn những người niệm Phật về cõi Tịnh Độ: Phật hỏi về viên thông, con không lựa chọn, chỉ thu nhiếp sáu căn, tịnh niệm liên tục, được vào Tam Ma Địa, đó là thứ nhất.”.

-- Hết quyển 5 --

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Quyển 6

* * *

Đoạn 27: Do Nhĩ căn chứng viên thông

- Tiết 1: Thuật lại chỗ tu chứng

Lúc bấy giờ, Bồ Tát Quán Thế Âm liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chơn Phật, bạch rằng: “Bạch đức Thế Tôn, con nhớ vô số hằng hà sa kiếp về trước, có vị Phật

ra đời, hiệu là Quán Thế Âm; từ đức Phật kia, con phát tâm Bồ Đề. Đức Phật kia dạy con do từ nghe, suy nghĩ và tu mà vào Tam Ma Địa”²²⁰. Ban đầu ở trong tánh nghe, vào được dòng viên thông không còn tướng bị nghe nữa: trần tướng đã vắng lặng, hai tướng động, tịnh rõ thật không sanh.

Như vậy tăng dần, các tướng năng văn²²¹, sở văn đều hết. Không dừng lại chỗ dứt hết năng văn, sở văn mà tiến lên nữa, thì năng giác²²², sở giác đều không. Giác không tột bực viên mãn, các tướng năng không, sở không đều diệt. Sanh diệt đã diệt thì bốn tánh tịch diệt hiện tiền. Bỗng nhiên, vượt ra ngoài thế và xuất thế gian, sáng suốt cùng khắp mười phương, được hai pháp thù thắng: một là, trên hợp với Bản Giác Diệu Tâm của thập phương chư Phật, cùng với chư Phật Như Lai đồng một từ lực; hai là, dưới hợp với tất cả lực đạo chúng sanh trong mười phương đồng một bi nguyện.

- Tiết 2: Do từ lực hiện ra 32 ứng thân

Bạch đức Thế Tôn! Do con cúng dường đức Quán Thế Âm Như Lai, nhờ Ngài truyền dạy cho con phép

Như huyền văn huân văn tu Kim Cang Tam muội mà được cùng với Như Lai đồng một từ lực, nên làm cho thân con thành tựu được ba mươi hai ứng thân vào các cõi nước.

Bạch Thế Tôn! Nếu các vị Bồ Tát vào Tam Ma Địa, tấn tu pháp vô lậu, thắng giải đã viên mãn, con hiện ra thân Phật mà thuyết pháp, khiến cho họ được giải thoát.

Nếu các hàng hữu học được pháp diệu minh vắng lặng, chỗ thắng diệu đã viên mãn, con ở trước người ấy hiện thân Độc Giác²²³ mà thuyết pháp, khiến cho họ được giải thoát.

Nếu các hàng hữu học, đoạn mười hai nhân duyên, do các nhân duyên đã đoạn mà phát ra thắng tánh và thắng tánh đó đã viên mãn, con ở trước người ấy hiện thân Duyên giác²²⁴, mà thuyết pháp, khiến cho họ được giải thoát.

Nếu các hàng hữu học được pháp không của Tứ Đế, tu đạo đế và diệt đế, thắng tánh đã viên mãn, con ở trước người kia, hiện thân Thanh Văn²²⁵ mà thuyết pháp khiến cho họ được giải thoát. Nếu các chúng sanh muốn tâm được tỏ ngộ không phạm vào cảnh ngũ dục và muốn cho thân được thanh tịnh, con ở trước người kia hiện thân Phạm Vương²²⁶ mà nói pháp, khiến cho họ được giải thoát.

Nếu các chúng sanh, muốn làm Thiên chủ, thống lãnh chư Thiên, con ở trước người kia hiện thân Đế Thích²²⁷ mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu. Nếu các chúng sanh muốn thân được tự tại, dạo đi khắp mười phương, con ở trước người kia hiện thân Trời Tự Tại²²⁸ mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu. Nếu có chúng sanh muốn thân được tự tại, bay đi trong hư không, con ở trước người kia hiện thân Trời Đại Tự Tại²²⁹ mà thuyết pháp khiến cho họ được thành tựu. Nếu các chúng sanh muốn thống lãnh quỷ thần, cứu hộ cõi nước, con ở trước người kia hiện thân Thiên Đại Tướng Quân²³⁰ mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu các chúng sanh ưa thống lãnh thế giới bảo hộ chúng sanh, con ở trước người kia hiện thân Tứ Thiên Vương²³¹ mà nói pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu các chúng sanh ưa sanh thiên cung để sai khiến quỷ thần, con ở trước người kia hiện thân thái tử con của Tứ Thiên Vương mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu các chúng sanh muốn làm Vua trong cõi người, con ở trước người kia, hiện thân Vua mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu các chúng sanh thích làm chủ trong gia đình danh tiếng, người đời kính nhường, con đối trước người kia hiện thân trưởng giả mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu có chúng sanh thích đàm luận những lời hay, giữ mình trong sạch, con ở trước người kia hiện thân Cư sĩ mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu các chúng sanh ưa trị cõi nước, chia đoán các ban, các cấp, con ở trước người kia hiện làm thân Tể Quan mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu các chúng sanh thích các số thuật tự mình nhiếp tâm giữ thân, con ở trước người kia, hiện thân Bà La Môn²³² mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu có người nam ưa hạnh xuất gia giữ giới luật, con ở trước người kia hiện thân Tỳ Kheo mà thuyết pháp khiến cho họ được thành tựu.

Nếu có người nữ ưa theo hạnh xuất gia, giữ gìn các giới cấm, con ở trước người kia, hiện thân Tỳ Kheo Ni mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu có người nam ưa giữ năm giới, con ở trước người kia hiện thân Ưu Bà Tắc²³³ mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu có người nữ tự giữ gìn năm giới, con ở trước người kia hiện thân Ưu Bà Di²³⁴ mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu có người nữ, lập thân trong nội chính²³⁵ để tu sửa nhà nước. Con ở trước người kia hiện thân Nữ Chúa hay thân Quốc Thái phu nhân, Mệnh phụ, Đại cô mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu có chúng sanh, không phá nam căn²³⁶, con ở trước người kia, hiện thân Đồng nam mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu có người nữ trinh bạch²³⁷ ưa thích thân trinh bạch, không cầu sự xâm bạo, con ở trước người kia, hiện thân Đồng nữ mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu có chư Thiên muốn ra khỏi loài trời²³⁸, con hiện thân Trời mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu có các rồng muốn ra khỏi loài rồng con hiện thân rồng²³⁹, mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu có Dược Xoa²⁴⁰, muốn ra khỏi loài Dược Xoa, con hiện thân Dược Xoa mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu có Càn Thát Bà²⁴¹ muốn thoát khỏi loài Càn Thát Bà, con hiện thân Càn

Thát Bà mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu có A Tu La²⁴² muốn thoát khỏi loài A Tu La, con ở trước họ hiện thân A Tu La mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu có Khẩn Na La²⁴³ muốn thoát khỏi thân loại Khẩn Na La, con ở trước bọn kia hiện thân Khẩn Na La mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu có Ma Hô La Già²⁴⁴ muốn thoát khỏi loài này, con liền hiện thân Ma Hô La Già mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu các chúng sanh thích làm người, tu cho được thân người, con hiện ra thân người mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Nếu có loài phi nhơn, hoặc có hình, hoặc không hình, hoặc có tướng, hoặc không tướng, muốn thoát khỏi loài mình, con ở trước họ đều hiện ra thân như họ mà thuyết pháp, khiến cho họ được thành tựu.

Ấy gọi là ba mươi hai ứng thân thanh tịnh nhiệm màu vào trong các quốc độ. Những thân ấy đều do chánh định Văn huân văn tu vô tác diệu lực mà được, tự tại thành tựu.

- Tiết 3: Do bi ngưỡng bố thí 14 công đức bố thí

“Bạch Thế Tôn! Lại do con dùng vô tác diệu lực của tam muội, kim cang văn huân văn tu ấy cùng với mười phương ba đời tất cả chúng sanh trong sáu đường đồng một bi ngưỡng, nên khiến cho các chúng sanh ở nơi thân tâm con được mười bốn món công đức vô úy:

Một, do con không tự quán tiếng, mà chỉ quán tâm năng quán, khiến cho chúng sanh khổ não trong mười phương kia, quán âm thanh liền được giải thoát.

Hai, tri kiến đã xoay trở lại, khiến cho chúng sanh dù vào trong lửa dữ, lửa không thể đốt.

Ba, quán cái nghe đã xoay trở lại, khiến cho các chúng sanh, dù bị nước lớn cuốn đi, vẫn không bị chết chìm.

Bốn, do con diệt hết các vọng tưởng, tâm không sát hại, khiến cho các chúng sanh vào các nước quỷ, quỷ không hại được.

Năm, huân tập và thành tựu được tánh nghe, cả sáu căn đều tiêu về bản tánh, đồng như cái nghe và cái tiếng, có thể khiến cho các chúng sanh đương lúc bị hại, đao gãy từng đoạn, khiến các binh khí chạm vào thân người, như cắt dòng nước, như thổi ánh sáng, bản tánh không hề lay động.

Sáu, huân tập tánh nghe được sáng suốt thấu khắp cả pháp giới, các tánh tối tăm không thể an toàn, khiến cho chúng sanh, tuy quý Dạ Xoa, La Sát²⁴⁵, Cưu bàn trà²⁴⁶, Tỳ xá giá²⁴⁷, Phú đon na²⁴⁸ ở gần bên cạnh mắt chúng vẫn không thể thấy được.

Bảy, các tiếng tăm đã hoàn toàn tiêu diệt, bấy giờ xoay thấy, nghe vào tự tánh, rời các trần cảnh hư vọng, có thể khiến cho chúng sanh, những thứ cùm, trói, gông, xiềng không thể dính vào mình được.

Tám, diệt hết tướng âm thanh, viên thông tánh nghe, phát sanh cùng khắp, có thể làm cho chúng sanh đi qua đường hiểm nạn, giặc không cướp hại.

Chín, huân tập phát ra tánh nghe, rời các trần tướng, sắc dục không thể lôi kéo được, có thể khiến cho tất cả chúng sanh có tánh đa dâm, xa lìa lòng tham dục.

Mười, thuần một thật tướng²⁴⁹ của âm thanh không dính líu với trần tướng, căn và cảnh đều viên dung, không có năng sở đối đãi, có thể khiến cho tất cả chúng sanh nóng giận lìa bỏ các oán thù.

Mười một, tiêu diệt trần tướng, xoay về tánh bản minh, thì pháp giới, thân tâm đều như ngọc lưu ly sáng suốt không ngăn ngại, có thể khiến cho những kẻ ngu ngốc, u mê, xa lìa hẳn sự si mê tối tăm.

Mười hai, tiêu các hình tướng, xoay tánh nghe trở về đạo tràng²⁵⁰ bất động, hòa lẫn vào thế gian, không hủy hoại thế giới²⁵¹, cúng dường chư Phật Như Lai như số vi trần, khắp mười phương, làm vị Pháp Vương Tử, ở bên mỗi đức Phật, có thể khiến cho những chúng sanh trong pháp giới không có con, muốn cầu con trai, liền sanh được con trai có đủ phước đức trí huệ.

Mười ba, là sáu căn viên thông soi sáng không hai, trùm khắp mười phương thế giới, thành lập Đại Viên Cảnh Không Như Lai tạng, vâng lãnh pháp môn bí mật của vi trần Như Lai không thiếu sót, có thể khiến cho trong pháp giới, những chúng sanh không có con gái, muốn cầu con gái, liền sanh con gái có tướng tốt đoan chính phước đức, dịu dàng được mọi người yêu kính.

Mười bốn, trong tam thiên đại thiên thế giới này, có trăm ức mặt trời, mặt trăng hiện ở thế gian, các vị Pháp Vương Tử hiện trong thế gian số lượng có đến sáu mươi hai số cát sông Hằng, đều tu theo Phật pháp, nêu gương mẫu, giáo hóa chúng sanh, tùy thuận chúng sanh, mà phương tiện và trí huệ mỗi vị không đồng nhau. Do con được bốn căn viên thông, phát sanh diệu tánh của nhĩ căn, cho đến thân tâm nhiệm mầu bao trùm cùng khắp pháp giới, nên có thể khiến cho chúng sanh chấp trì danh hiệu của con, so với những người chấp trì danh hiệu của tất cả các vị Pháp Vương Tử số lượng bằng sáu mươi hai số cát sông Hằng kia, phước đức hai bên bằng nhau không sai khác.

Bạch Thế Tôn! Một danh hiệu của con cùng với rất nhiều danh hiệu kia không khác là do con tu tập được tánh viên thông chơn thật.

Ấy gọi là mười bốn sức vô úy đem phước khắp cho chúng sanh.

- Tiết 4: Tùy cơ hiện bốn Diệu Đức không thể nghĩ bàn

“Bạch Thế Tôn! Do con được đạo vô thượng tu chứng viên thông đó, nên lại khéo được bốn vô tác diệu đức không thể nghĩ bàn:

Một, do con ban đầu chứng được tánh nghe chí diệu, nơi tâm tánh không còn có tướng năng vãn, các sự thấy nghe hiểu biết không còn cách biệt và thành một Bảo Giác Viên Dung Thanh Tịnh, nên con có thể hiện ra rất nhiều hình dung nhiệm mầu,

nói ra vô số thần chú bí mật. Trong đó hoặc hiện ra một đầu, ba đầu, năm đầu, bảy đầu, chín đầu, mười một đầu, như vậy cho đến một trăm tám đầu, một ngàn đầu, mười ngàn đầu, tám muôn bốn ngàn đầu, đủ các thần thủ, hai tay, bốn tay, sáu tay, mười tám tay, hai mươi tay, hai mươi bốn tay, như thế cho đến một trăm tám tay, một ngàn tay, mười ngàn tay, tám muôn bốn ngàn tay bất ấn; hai mắt, ba mắt, bốn mắt, chín mắt, như thế cho đến một trăm tám mắt, một ngàn mắt, mười ngàn mắt, tám muôn bốn ngàn mắt báu thanh tịnh; hoặc hiện từ, oai, định, huệ cứu hộ chúng sanh được đại tự tại.

Hai, do cái nghe, cái nghĩ của con thoát ra ngoài sáu trần, như tiếng qua tường vách không bị ngăn ngại, nên diệu dụng của con có thể hiện mỗi mỗi hình, tụng mỗi mỗi chú; hình đó, chú đó có thể đem sức vô úy thí cho các chúng sanh; thế nên cõi nước mười phương như vi trần đều gọi con là vị Thí Vô Úy.

Ba, do con tu tập phát ra căn tánh diệu viên thông thanh tịnh, nên đi qua thế giới nào, đều khiến cho chúng sanh xả thân, xả đồ trần bảo, cầu con thương xót.

Bốn, do con được tâm Phật, chứng đến chỗ rốt ráo, nên có thể đem các thứ quý báu cúng dường mười phương Như Lai, cả đến lục đạo chúng sanh trong pháp giới, ai cầu vợ thì được vợ, cầu con thì được con, cầu tam muội thì được tam muội, cầu sống lâu thì được sống lâu; như thế cho đến cầu Đại Niết Bàn thì được Đại Niết Bàn.

- Tiết 5: Kết về Nhĩ căn viên thông

Phật hỏi về viên thông, con do viên chiếu tam muội nơi nhĩ căn mà duyên tâm được tự tại; nhơn tướng nhập lưu mà được Tam Ma Địa, thành tựu quả Bồ Đề, đó là thứ nhất.

Bạch Thế Tôn! Đức Phật Như Lai kia khen con khéo được pháp môn viên thông, ở trong Đại hội thọ ký cho con hiệu là Quán Thế Âm; do con quán tánh nghe thấu suốt mười phương, nên danh tiếng Quán Thế Âm cùng khắp cả mười phương thế giới.

MỤC V: CHỈ CHÍNH CHỖ VIÊN TU

Đoạn 1 - Phóng hào quang hiển diêm lành

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nơi tòa sư tử, từ năm vóc đồng thời phóng ra hào quang báu, rọi xa đến trên đánh mười phương các đức Như Lai như số vi trần và trên đánh các vị Pháp Vương Tử, các vị Bồ Tát. Các đức Như Lai kia năm vóc cũng đồng phóng ra hào quang báu, từ các thế giới số như vi trần đến rọi trên đánh Phật và trên đánh các vị đại Bồ Tát cùng A La Hán trong hội; rừng cây, ao hồ đều diễn ra pháp âm; ánh hào quang giao xen lẫn nhau cùng như lưới tơ báu. Cả trong đại chúng đây được việc chưa từng có, tất cả đều được Kim Cang Tam Muội²⁵². Liền khi ấy, trời mưa hoa sen trăm báu: màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng xen lẫn nhau, mười phương hư không hóa thành ắc bầy báu. Đất liền, núi, sông của cõi Ta Bà này, cùng một lúc

không hiện ra, chỉ thấy các cõi nước như số vi trần trong mùi hương hợp thành một cõi, tiếng hát ca, ngợi khen tự nhiên nổi lên.

Đoạn 2 - Phật bảo Ngài Văn Thù Bồ tát tuyển chọn căn viên thông

Lúc bảy giờ, đức Như Lai bảo ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử! “Ông hãy xét trong hai mươi lăm vị vô học gồm các vị Đại Bồ Tát và A La Hán, mỗi mỗi đều trình bày phương tiện hành đạo lúc ban đầu, đều nói tu tập tánh viên thông chân thật; chỗ tu hành của các vị kia, thật không có hơn kém, trước sau khác nhau. Nay ta muốn khiến cho ông A Nan được kh ai ngộ, thì trong hai mươi lăm pháp tu ấy, pháp nào hợp với căn cơ của ông ta; và gồm sau khi ta diệt độ, chúng sanh trong thế giới này muốn vào Bồ Tát thừa để cầu đạo Vô Thượng, sẽ do pháp môn phương tiện nào dễ được thành tựu hơn?

Đoạn 3 - Lựa ra những căn không viên thông

- Tiết 1: Tán thán tánh giác vốn nguyên diệu và chỉ rõ mê vọng vốn không

Ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử vâng từ chỉ của Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chơn Phật, nương vào oai thần của Phật, nói bài kệ đáp lại:

*Tánh của biển giác khắp đứng lặng
Tánh khắp đứng lặng vốn nhiệm màu.
Tánh bản minh chiếu hình như sở
Lập tướng sở mất tánh bản minh.
Do mê vọng mà có hư không.
Nương hư không mà thành thế giới.
Tư tưởng lóng lạng thành cõi nước,
Phân biệt hiểu biết là chúng sanh.
Hư không sanh trong biển Đại Giác,
Như hòn bọt nổi trên biển cả.
Các cõi hữu lậu như vi trần.
Đều nương hư không mà phát sanh.
Bọt nổi diệt, hư không vốn không,
Huống nữa là hình tướng ba cõi.*

- Tiết 2: Nêu rõ phương tiện có chậm, mau

*Trở về nguồn tánh vốn không hai,
Phương tiện tu chứng có nhiều cách,
Cách nào cũng thông vào bản tánh,
Nói thuận, nói nghịch đều phương tiện;
Do hàng sơ tâm vào tam muội.*

Bên mau, bên chậm không đồng nhau.

- Tiết 3: Lựa ra Sáu Trần

*Vọng tưởng kết lại thành sắc trần,
Hay biết không thể thông suốt được;
Làm sao chính chỗ không thông suốt,
Tu hành, lại được tánh viên thông?
Âm thanh xen lộn với lời nói,
Chỉ nương theo ý vị danh từ,
Nếu một, không trùm được tất cả
Thì làm sao được tánh viên thông?
Hương, chỉ lúc hợp, mới rõ biết,
Lúc rời ra, thì vốn là không.
Nếu chỗ biết không được thường hằng,
Thì làm sao được tánh viên thông?
Vị không phải bản nhiên tự có,
Cần phải nếm, mới biết có vị;
Nếu giác quan, không thường duy nhất,
Thì làm sao, được tánh viên thông?
Xúc, do các vật chạm mà biết,
Không vật chạm, thì không thành xúc;
Khi hợp, khi ly không nhất định,
Thì làm sao được tánh viên thông?
Pháp cũng có tên là nội trần,
Nương theo trần, tất phải có sở;
Năng sở, không viên dung thành một,
Thì làm sao được tánh viên thông?*

- Tiết 4: Lựa ra Năm Căn

*Cái thấy tuy rộng suốt được xa,
Nhưng thấy trước mà chẳng được sau;
Bốn bề, còn thiếu mất một nửa,
Thì làm sao được tánh viên thông?
Mũi, có thở ra và thở vào,
Chặng giữa hiện không có hơi thở,
Nếu không viên dung sự cách bức,
Thì làm sao được tánh viên thông?
Ngoài sở nhập, tánh nếm không thành,
Nhơn các vị mà sanh hay biết,*

*Không có vị, cái biết không có,
Thì làm sao được tánh viên thông?
Thân biết xúc đồng cảnh sở xúc,
Đều có hạn không phải cùng khắp,
Nếu không nhận tánh vốn không bờ,
Thì làm sao được tánh viên thông?
Ý căn xen lộn các loạn tướng,
Đứng lặng, rốt cuộc không thấy gì;
Nếu không thoát được các tướng niệm,
Thì làm sao được tánh viên thông?*

- Tiết 5: Lựa ra Sáu Thức

*Nhãn thức phát khởi nhờ căn trần,
Gạn cùng, vốn không có tự tướng;
Cả tự thể còn không nhứt định,
Thì làm sao được tánh viên thông?
Tâm nghe thông suốt cả mười phương,
Là do sức thệ nguyện rộng sâu,
Sơ tâm không đến được chỗ đó,
Thì làm sao được tánh viên thông?
Tướng chót mũi, chỉ là hơi thở,
Để nhiếp tâm cho được trụ an;
Nếu cảnh quán lại thành sở trụ,
Thì làm sao được tánh viên thông?
Nói pháp, khéo dùng các danh từ,
Cốt phải đã được khai ngộ trước,
Nếu lời nói không là vô lậu,
Thì làm sao được tánh viên thông?
Giữ giới, chỉ cầu thức cái thân,
Ngoài cái thân lấy gì cầu thức,
Vốn không phải cùng khắp tất cả,
Thì làm sao được tánh viên thông?
Thần thông bởi tập thành từ trước,
Nào dính gì ý thức phân biệt,
Tướng niệm, không thoát ly sự vật,
Thì làm sao được tánh viên thông?*

- Tiết 6: Lựa ra Bảy Đại

Nếu quán về tánh của địa đại,

Thì nó ngăn ngại, không thông suốt,
Pháp hữu vi, không phải chơn tánh,
Thì làm sao, được tánh viên thông?
Nếu quán về tánh của thủy đại,
Quán tướng đâu phải là chơn thật,
Thế như như không do giác quán,
Thì làm sao được tánh viên thông?
Nếu quán hỏa đại, trừ dâm dục,
Chán cái có, không phải thật ly;
Phương tiện, không hợp với sơ tâm,
Thì làm sao, được tánh viên thông?
Nếu quán cái tánh của phong đại,
Động, tịnh đâu phải không đối đãi;
Đối đãi, trái với Vô Thượng Giác,
Thì làm sao, được tánh viên thông?
Nếu quán cái tánh của không đại,
Hư không vô tri, không hay biết;
Không biết, khác hẳn với Bồ Đề,
Thì làm sao, được tánh viên thông?
Nếu quán cái tánh của thức đại,
Thức sanh diệt, đâu phải thường trụ.
Để tâm trong phân biệt hư vọng,
Thì làm sao, được tánh viên thông?
Tất cả các hành đều vô thường,
Tướng niệm vốn trong vòng sanh diệt.
Nhơn, quả khác nhau như thế đó,
Thì làm sao được tánh viên thông?

Đoạn 4 - Chọn Căn viên thông

- Tiết 1: Hợp với giáo thể cõi Ta bà

Nay con kính bạch đức Thế Tôn,
Phật ra đời nơi cõi Ta bà,
Trong cõi này lời dạy chơn thật,
Thanh tịnh do chỗ nói và nghe,
Nay muốn tu chứng Tam Ma Đề,
Thật nên do cái nghe mà vào.

- Tiết 2: Xưng tán Đức Quán Thế Âm

Xa rời khổ não, được giải thoát,
Hay thay! Chỉ Ngài Quán Thế Âm.
Trong niêu kiếp như cát sông Hằng,
Vào cõi Phật như số vi trần,
Được sức tự tại rất to lớn,
Bồ thí vô úy cho chúng sanh,
Ngài Quán Thế Âm, tiếng nhiệm màu,
Tiếng trong sạch và tiếng hải triều,
Cứu đời, mọi việc thấy an lành,
Xuất thế gian, được quả thường trụ.

- Tiết 3: Xưng tán Nhĩ căn

Nay con kính bạch Đức Như Lai,
Như lời ngài Quán Âm vừa nói:
Thí như có người ở chỗ vắng,
Chung quanh mười phương đều đánh trống,
Mười chỗ đồng thời đều được nghe,
Thế mới là viên thông chơn thật.
Mắt bị ngăn che, không thấy được.
Thiệt căn, tỷ căn cũng như vậy,
Thân căn lúc họp mới biết xúc,
Ý căn lãng xãng không mỗi manh
Cách vách nhĩ căn vẫn nghe tiếng,
Dầu xa, dầu gần đều nghe được;
Năm căn so sánh thật không bằng,
Như thế mới viên thông chơn thật.
Tánh thanh trần có động, có tĩnh,
Trong tánh nghe thành có, thành không,
Khi không tiếng gọi là không nghe,
Đâu phải thật không còn tánh nghe,
Không tiếng, tánh nghe đã không diệt.
Có tiếng, tánh nghe đâu phải sanh.
Trọn rời cả hai thứ sanh diệt,
Như thế mới là thường chơn thật.
Dầu cho trong lúc đang ngủ mê,
Không vì chẳng nghĩ mà không nghe.
Tánh nghe ra ngoài sự suy nghĩ,

Thân, ý không thể so lường được.

- Tiết 4: Chuyển mê khai ngộ

*Hiện nay, trong cõi Ta Bà này,
Các thứ thanh luận được truyền bá,
Do chúng sanh sót mắt tánh nghe,
Theo thính trần nên bị lưu chuyển.
A Nan tuy có tánh nhớ dai,
Vẫn không khỏi mắc các tà niệm;
Há không phải tùy chỗ đắm chìm,
Xoay ngược dòng thoát khỏi hư vọng.
Thanh luận vốn dùng chỉ tánh nghe.
A Nan, ông hãy chín chắn nghĩ,
Nay ta nương oai lực của Phật,
Tuyên nói pháp Tam Muội Chơn Thật,
Chắc như Kim Cang Vương, như
huyền,
Không nghĩ bàn, xuất sanh chư Phật,
Ông nghe tất cả pháp bí mật,
Của chư Phật số như vi trần,
Nếu trước hết không trừ dục lậu,
Nghe nhiều chứa chấp thành làm lỗi.
Dùng cái nghe thọ trì Phật pháp.
Sao ông không tự nghe cái nghe,
Tánh nghe không phải tự nhiên sanh,
Nhơn thanh trần mà có danh hiệu,
Xoay cái nghe, thoát ly thanh trần,
Cái thoát ly ấy gọi là gì?
Một căn đã trở về bản tánh,
Thì cả sáu căn thành giải thoát.
Thấy, nghe như bệnh lòa huyền hóa.
Ba cõi tợ hoa đóm trong không.
Xoay tánh nghe, gốc lòa tiêu dứt,
Trần tướng tiêu giác tánh viên tịnh.
Tột thanh tịnh, trí quang thông suốt,
Thể tịch chiếu cùng khắp hư không,
Trở lại xem các việc thế gian,
Thật giống như chiêm bao không khác.
Nàng Ma Đăng Già trong mộng kia,*

Thì còn ai bắt ông được nữa?
Như các huyền sư khéo trong đời,
Làm trò hóa ra các trai gái;
Tuy thấy các căn đều cử động,
Cốt yếu do cái máy đứt dây,
Máy dừng tất cả đều yên lặng,
Các trò huyền trở thành không tánh,
Cả sáu căn cũng giống như thế,
Vốn đều nương một tánh Tinh minh,
Chia ra thành sáu thứ hòa hợp,
Một nơi, đã rời bỏ quay về,
Thì cả sáu, đều không thành lập;
Trong một niệm trần cấu đều tiêu,
Chuyển thành tánh viên minh tịch diệu.
Còn trần cấu tức còn học vị.
Sáng suốt cùng tột tức Như Lai
Hồi A Nan, và cả đại chúng!
Nên xoay lại cái nghe điên đảo,
Hãy quay về nghe tự tánh nghe,
Nhận tự tánh thành đạo vô thượng.
Thật tánh viên thông là như thế.

- Tiết 5: Chọn Nhĩ căn làm phương tiện

thích hợp

Đây chính là một đường thẳng tiến;
Vào Niết Bàn của vi trần Phật.
Các đức Như Lai thưở quá khứ;
Đều đã thành tựu pháp môn này;
Các vị Bồ Tát trong hiện tại,
Nay mỗi vị đều vào viên minh.
Những người tu học đời vị lai,
Đều phải nương theo pháp môn này,
Tôi cũng do pháp ấy mà chứng,
Không riêng gì ngài Quán Thế Âm,
Thật như lời đức Phật Thế Tôn,
Đã hỏi con về các phương tiện,
Để cứu giúp trong đời mạt pháp,
Những người cầu ra khỏi thế gian,
Thành tựu được tâm tánh Niết Bàn,
Ngài Quán Âm chính là hơn cả.

*Ngoài ra tất cả phương tiện khác,
Đều nhờ oai thần của Thế Tôn!
Từ sự tướng rời bỏ trần lao,
Không phải phép tu học thường xuyên.
Cạn hay sâu cũng đồng nghe được.*

- Tiết 6: Lễ Phật cầu gia bị

*Xin đánh lễ tánh Như Lai Tạng,
Vô lậu, không còn sự nghi bàn.
Nguyện cầu gia bị cho đời sau.
Nơi pháp môn này không làm lẫn.
Đây là phương tiện để thành tựu,
Nên đem dạy cho ông A Nan,
Cùng những kẻ trầm luân mạt kiếp,
Chỉ dùng nhĩ căn mà tu tập,
Thì viên thông chóng hơn pháp khác.
Tâm tánh chơn thật là như thế.*

Đoạn 4 - Nghe pháp được chứng ngộ

Khi ấy, ông A Nan cùng tất cả đại chúng thân tâm tỏ rõ, nhận được sự chỉ dạy rộng lớn, xem quả Bồ Đề và Đại Niết Bàn của Phật, cũng như người nhơn có việc đi xa, chưa trở về; song đã biết rõ con đường về nhà. Khắp trong hội chúng Thiên, Long, Bát bộ cùng hàng Nhị Thừa hữu học và tất cả các vị Bồ tát mới phát tâm, số lượng bằng mười số cát sông Hằng đều nhận ra bản tâm, xa lìa trần cấu được pháp nhãn thanh tịnh. Bà Tát Khê Ni nghe nói bài kệ xong thành quả A La Hán, không lường chúng sanh đều phát tâm vô đẳng đẳng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Chương 3: Để lại khuôn phép tu hành rộng rãi

MỤC I: NHÂN ÔNG A NAN XIN CỨU ĐỘ ĐỜI VỊ LAI - PHẬT NÊU CHUNG RA BA NGHĨA QUYẾT ĐỊNH

Ông A Nan sửa pháp y chỉnh tề, ở trong đại chúng chấp tay đánh lễ, tâm tánh tròn sáng, vừa mừng vừa tủi; vì muốn làm lợi ích cho chúng sanh đời sau nên cúi đầu bạch Phật: “Bạch đức đại bi Thế Tôn, con nay đã ngộ được pháp môn thành Phật, trong đó tu hành không còn nghi lẫn. Con thường nghe đức Như Lai dạy: “Tự mình chưa được độ trước muốn độ người là chỗ phát tâm của các vị Bồ Tát; tự mình giác ngộ viên mãn, mà hay giác ngộ cho người khác là sự ứng thế của Như Lai. Con tuy chưa được độ, song nguyện độ cho tất cả chúng sanh trong đời mạt pháp. Bạch đức Thế Tôn, các chúng sanh đó cách Phật ngày càng xa, những tà sư nói pháp như cát sông Hằng, nếu muốn họ nhiếp tâm vào Tam Ma Địa, thì nên khiến họ dựng lập đạo

tràng như thế nào, để xa lìa các ma sự, đối với tâm Bồ Đề không lui sụt?”

Khi ấy, đức Thế Tôn ở trong đại chúng, khen ngợi ông A Nan: “Hay lắm! Hay lắm! Như ông đã hỏi về phương pháp kiến lập đạo tràng, cứu độ chúng sanh trầm luân trong đời mạt pháp, ông hãy nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông mà nói.”

Ông A Nan và cả đại chúng kính vâng nghe lời Phật dạy.

Phật bảo ông A Nan: “Ông thường nghe ta trong Tỳ Nại Gia²⁵³ tuyên nói ba nghĩa quyết định của sự tu hành, đó là nhiếp tâm làm Giới, như Giới sanh Định, như Định phát Huệ, ấy gọi là ba pháp vô lậu học²⁵⁴ .

MỤC II: CHỈ BÀY BỐN LỜI DẠY BẢO RÕ RÀNG VÀ QUYẾT ĐỊNH

Đoạn 1 - Dạy nghĩa quyết định đoạn tâm

A Nan! “Thế nào thu nhiếp tâm gọi là Giới? Nếu lục đạo chúng sanh trên các thế giới, chẳng khởi tâm dục, cái tâm không tâm thì không đi theo giòng sanh tử tiếp tục.

Ông tu tam muội cốt để ra khỏi trần lao, tâm tâm dục nếu không trừ, thì không thể ra khỏi được. Dầu có được nhiều trí huệ hiện tiền, nếu không đoạn lòng tâm, cũng chắc lạc vào ma đạo, hạng trên thành ma vương, hạng giữa làm ma dân, hạng dưới làm ma nữ; các loài ma kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi đều tự xưng là thành đạo vô thượng. Sau khi ta diệt độ, trong đời mạt pháp có nhiều bọn ma này thanh hành trong thế gian, gây nhiều việc tham tâm, lại giả làm người thiện tri thức khiến cho chúng sanh rơi vào lầm ái kiến bỏ mất con đường Bồ đề. Ông dạy người đời tu pháp Tam Ma Đề, trước hết phải đoạn tâm tâm. Ấy gọi là lời dạy bảo rõ ràng, thanh tịnh, quyết định thứ nhất của các đức Như Lai Tiên Phật Thế Tôn.

Thế nên, A Nan! Nếu người không đoạn tâm tâm mà tu thiền định, cũng như người nấu cát, đá mà muốn thành cơm, dù trải qua nhiều kiếp cũng chỉ gọi là cát nóng, đá nóng. Vì sao? Vì đó là giống cát, giống đá, không phải là như của cơm . Ông đem tâm tâm này mà cầu diệu quả Phật, dầu được diệu ngộ, cũng chỉ là gốc tâm, cội gốc đã thành tâm, thì phải trôi lăn trong tam đồ chắc không ra khỏi, còn đường nào mà tu chứng quả Niết Bàn của Như Lai? Chắc phải khiến cho tâm tâm đều đoạn hết giống tâm, tánh biết đoạn cũng không còn, thì mới có thể trông mong chứng quả Bồ Đề của Phật. Như lời ta nói đây, gọi là lời của Phật; không như lời nói đó, là lời nói của ma Ba Tuần²⁵⁵ ”.

Đoạn 2 - Dạy nghĩa quyết định đoạn tâm giết hại

A Nan! “Lại các chúng sanh sáu đường trong các thế giới, nếu không tâm sát hại thì chẳng theo dòng sanh tử tiếp nối. Ông tu pháp Tam Muội, cốt ra khỏi trần lao, nếu không từ bỏ tâm giết hại, thì không thể nào ra khỏi trần lao được. Dầu có nhiều trí huệ Thiền định hiện tiền, nếu không đoạn tâm giết hại, ắt phải lạc vào thần đạo; người bậc trên thì thành đại lực quỷ, bậc giữa làm phi hành dạ xoa, các quỷ soái...; bậc dưới thì thành địa hành la sát. Các loài quỷ thần kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi đều tự nói là

thành đạo Vô Thượng. Sau khi ta diệt độ, trong đời mạt pháp, các loài quỷ thần này phần nhiều thanh hành ở thế gian, tự nói ăn thịt được đạo Bồ đề. A Nan! Ta cho các thầy Tỳ Kheo ăn năm thứ thịt gọi là ngũ tịnh nhục đó²⁵⁶, đều do thần lực của ta hóa ra, vốn không có mạng sống. Xứ Bà La Môn các ông phần nhiều đất đai khô, nóng, lại thêm đầy sỏi, cát, rau, cỏ khó sanh, ta dùng thần lực đại bi gia bị. Nhơn sức đại từ bi giả gọi là thịt, và các ông cũng nhận được cái vị như thịt. Tại sao, sau khi đức Phật diệt độ, người ăn thịt chúng sanh lại gọi là Phật tử! Các ông phải biết những người ăn thịt đó, dầu tâm được khai ngộ, giống như chúng Tam Ma Đề, nhưng đều là loài đại la sát, quả báo hết ắt chìm đắm trong biển khổ sanh tử, không phải là đệ tử của Phật. Những người như thế sát hại ăn nuốt lẫn nhau chưa thôi dứt, thì làm sao lại được ra khỏi ba cõi. Ông dạy người đời tu pháp Tam Ma Đề, kẻ phải dạy dứt tâm sát hại. Ấy gọi là lời dạy rõ ràng, thanh tịnh, quyết định thứ hai của các đức Như Lai Tiên Phật Thế Tôn. Vậy nên A Nan, nếu người không dứt tâm giết hại mà tu thiền định, thì cũng ví như có người tự bịt lỗ tai, cả tiếng kêu to, mà muốn cho người khác không nghe, hạng này gọi là muốn dấu lại càng lộ ra.

Hàng Tỳ Kheo thanh tịnh và các vị Bồ Tát đi trên đường tẻ, không đập cỏ tươi, huống là lấy tay nhỏ cỏ, vì lòng đại bi sao lại lấy máu thịt của chúng sanh để ăn cho ngon. Nếu các hàng Tỳ Kheo không mặc những đồ tơ lụa, nhiều gấm phurong Đông, và không dùng những giày dép, áo lông cừu, áo len, hay các thứ sữa, phó mát, đề hồ cõi này, thì những Tỳ Kheo như thế, đối với thế gian thật là giải thoát, đền trả nợ cũ xong không vào trong ba cõi nữa. Vì sao? Vì dùng những bộ phận thân thể của chúng sanh, thì đều bị ảnh hưởng của chúng sanh, cũng như con người ăn giống bách cốc trong đất, thì chân không rời khỏi đất. Quyết phải khiến cho thân tâm đối với thân thể hay bộ phận thân thể của chúng sanh đều không ăn không mặc, những người như thế ta mới gọi thật là giải thoát. Như lời ta nói đây gọi là Phật nói, không như lời nói đây tức là lời nói của ma Ba Tuần”.

Đoạn 3 - Dạy nghĩa quyết định đoạn tâm trộm cắp

A Nan! “Lại sáu đường chúng sanh trong thế gian, tâm nếu không trộm cắp, thì không theo giòng sanh tử tiếp nối. Ông tu pháp Tam Muội cốt ra khỏi trần lao, tâm trộm cắp nếu không diệt trừ thì không thể ra khỏi trần lao, dấu hiện tiền có nhiều Thiền định, Trí huệ, nếu không dứt bỏ tâm trộm cắp chắc phải rơi vào tà đạo, hạng trên làm loài tinh linh, hạng giữa làm loài yêu mị, hạng dưới làm người theo tà đạo, bị các quỷ mị nhập vào. Các bọn tà đạo kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng là thành đạo Vô Thượng. Sau khi ta diệt độ, trong đời mạt pháp, có nhiều những hạng yêu mị, tà đạo thanh hành trong thế gian, chúng lén lút gian dối, tự xưng là thiện hữu tri thức, mỗi người đều tự xưng đã được pháp thượng nhơn, lừa gạt người không biết, dọa dẫm khiến cho mất lòng chánh tín, chúng đi qua đến đâu, nhà người ta đều bị hao tổn tan nát. Ta dạy hàng Tỳ Kheo theo thứ lớp khát thực, để bỏ lòng tham, thành tựu đạo Bồ

Đề. Các Tỳ Kheo không tự nấu ăn, gởi cái sống thừa, tạm bợ trong ba cõi, thị hiện chỉ đi về một phen, đã đi rồi không trở lại nữa. Tại sao bọn giặc, mượn y phục của ta để mua bán Như Lai, tạo các thứ nghiệp mà đều gọi là Phật pháp; lại còn chê bai các vị Tỳ Kheo đầy đủ giới luật xuất gia là đạo Tiểu Thừa; do đó làm cho vô lượng chúng sanh mắc phải nghi lầm, nên sẽ bị đọa vào địa ngục vô gián. Sau khi ta diệt độ, nếu có Tỳ Kheo phát tâm quyết định tu Tam Ma Đề, có thể đối trước hình tượng đức Như Lai, chính mình tấp một cây đèn, đốt một lóng tay, hay ở trên thân đốt một liều hương, ta nói người ấy, những nợ đã vay từ vô thủy, một lúc đã trả xong, cáo từ thế gian, thoát hẳn các lậu. Người ấy tuy chưa hiểu rõ được con đường giác ngộ vô thượng, nhưng đối với Phật pháp đã có tâm quyết định; nếu không làm được cái nhỏ nhỏ mọn mọn xả thân ấy, thì dầu thành tựu được pháp vô vi, cũng phải sanh lại làm người để đền trả nợ cũ, như quả báo mã mạch của ta thật không sai khác. Ông dạy người đời tu pháp Tam Ma Đề, sau nữa, phải đoạn tâm trộm cắp. Ấy gọi là lời dạy rõ ràng thanh tịnh quyết định thứ ba của các đức Như Lai Tiên Phật Thế Tôn. Thế nên, A Nan! Nếu không đoạn tâm trộm cắp mà tu thiên định, ví như có người rót nước vào chén lũng mà muốn nước đầy, dù trải qua nhiều kiếp cũng không đầy được. Nếu các hàng Tỳ kheo ngoài y bát ra, nầy may không tích trữ, xin ăn có dư, thì bố thí cho chúng sanh đói, ở chỗ chúng Tăng hội họp đông người chấp tay lễ chúng, có người đánh mắng tưởng đồng như khen ngợi, quyết định rời bỏ cả thân và tâm, coi cả thân, thịt, xương, máu thành sở hữu chung của chúng sanh. Không đem những lời dạy bất liễu nghĩa của Như Lai làm chỗ hiểu của mình, khiến cho kẻ sơ học lầm lạc; thì Phật ấn chứng cho người ấy, được tam muội chơn thật. Như lời ta nói đây gọi là lời của Phật nói, nếu không như lời nói đó tức là lời nói của ma Ba Tuần.”

Đoạn 4 - Dạy nghĩa quyết định đoạn đại vọng ngữ

A Nan! “Chúng sanh sáu đường trong thế giới, như thế tuy thân tâm không sát, đạo, dâm, ba hạnh đã viên mãn, nếu còn mắc đại vọng ngữ, tức Tam Ma Đề không được thanh tịnh, thành giống ma ái kiến, mắt giống Như Lai, tức là chưa được nói đã được, chưa chứng nói đã chứng, hoặc cầu thế gian tôn trọng tốt bụng, bảo người khác rằng: Nay tôi đã được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, đạo A La Hán, thừa Bích Chi Phật, hoặc các vị Bồ Tát trong Thập Địa hay trước Thập Địa, trông mong người kia lễ bái, cúng dường. Ấy là những người ngu si, tự tiêu diệt giống Phật, như người lấy dao chặt cây Đa la; Phật ấn chứng người ấy, mắt hẩn căn lạnh, không còn chánh tri kiến, chìm đắm trong ba biển khổ, không thành tựu pháp Tam Muội. Ta bảo các hàng Bồ Tát và A La Hán, sau khi ta diệt độ ứng hiện thân sanh trong đời mạt pháp, hiện ra nhiều hình tướng khác nhau, để độ những chúng sanh còn trong vòng luân hồi; hoặc hiện làm Sa Môn, bạch y cư sĩ, vua chúa, quan lại, đồng

nam, đồng nữ, cho đến dâm nữ, quả phụ, kẻ gian dối, trộm cắp, người hàng thịt, buôn bán, cùng làm một việc với họ để tán thán Phật thừa, khiến cho thân tâm của họ được vào Tam Ma Địa; nhưng rốt ráo không được tự bảo tôi thật là Bồ Tát, A La Hán, làm tiết lộ mật nhơn của Phật, khinh xuất nói với người chưa học; chỉ trừ khi lâm chung âm thầm có những lời di chúc; làm sao người ấy lại còn có tâm lừa gạt chúng sanh để thành tội đại vọng ngữ! Ông dạy người đời tu pháp Tam Ma Đề, sau rốt phải đoạn trừ các đại vọng ngữ. Ấy gọi là lời dạy rõ ràng thanh tịnh quyết định thứ tư của đức Như Lai Tiên Phật Thế Tôn.” Thế nên, A Nan! “Nếu không đoạn trừ đại vọng ngữ, thì cũng như khắc phân người làm thành hình cây chiên đàn mà muốn cầu được hương thơm, thật là vô lý. Ta dạy các vị Tỳ Kheo lấy trực tâm làm đạo tràng, trong tất cả mọi hành động nơi bốn oai nghi, còn không giả dối, làm sao lại có kẻ tự xưng là đã được pháp thượng nhơn! Thí như người cùng dân mà tự xưng là Đế Vương, để tự chuốc lấy tội tru diệt, huống là vị Pháp Vương làm sao lại dám xưng cang! Nhơn đã không chơn chánh, thì phải chuốc lấy quả cong vạy; thế mà mong cầu quả Bồ Đề của Phật, như người muốn cắn cái rún của mình, làm sao cắn được. Nếu các Tỳ kheo tâm như dây đàn thẳng, tất cả chơn thật mà vào Tam Ma Đề, thì hẳn không có các ma sự, ta ấn chứng người ấy thành tựu quả Vô Thượng Tri Giác của các hàng Bồ Tát. Như lời ta nói đây gọi là lời nói của Phật, không như lời nói đó, tức là lời nói của ma Ba Tuần”.

-- Hết quyển 6 --

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Quyển 7

* * *

MỤC III: PHẬT KHAI THỊ VỀ MẬT GIÁO THÂM GIÚP NHỮNG NGƯỜI TU HÀNH

A Nan! Ông hỏi phương pháp nhiếp giữ tâm niệm. Như ta đã nói: “Người muốn vào Tam Ma Địa tu học pháp môn nhiệm màu cầu đạo Bồ Tát, trước hết cần phải giữ gìn bốn món luật nghi đó cho trong sạch như băng tuyết tự không thể sanh ra tất cả cành lá; ba nghiệp ác của ý, bốn nghiệp ác của khẩu ắt không còn hơn mà sanh được. A Nan! Nếu giữ bốn việc như vậy không thiếu sót, tâm còn không duyên sắc, hương, vị, xúc thì tất cả việc ma làm sao phát sanh? Như nếu có những tập khí đời trước không thể dứt trừ, ta dạy người ấy nhứt tâm tụng thần chú “Vô Thượng Phật Đảnh Quang Minh Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát Ra” của ta. Đó là tâm chú của tâm Phật vô vi, tướng vô kiến đảnh của Như Lai từ trên đảnh hiện ra, ngồi trên hoa sen báu mà nói.

Vả lại đời trước ông cùng nàng Ma Đẳng Già có nhân duyên trải qua nhiều kiếp, thành tập khí ân ái không phải một đời hay một kiếp. Song một phen ta tuyên dương thần chú, thì nàng Ma Đẳng Già thoát hẳn dâm ái thành quả A La Hán. Nàng dâm nữ kia là kẻ không có tâm tu hành, do nhờ sức thần chú của ta thâm giúp mà còn mau chứng bậc vô học. Thế thì các ông những hàng Thanh Văn trong hội này cầu Tồi Thượng Thừa quyết định thành Phật, ví như bụi bay gặp gió thuận, vậy có gì là khó khăn? Nếu có người trong đời mạt pháp muốn ngồi đạo tràng tu hành, trước cần giữ gìn giới cấm thanh tịnh của Tỳ kheo. Cốt phải lựa một vị Sa Môn giữ giới thanh tịnh bậc nhất để làm thầy mình. Nếu tìm không gặp được tăng chúng thật thanh tịnh, thì giới thể luật nghi của người ấy chắc không được thành tựu. Sau khi giới thành tựu, người đó đắp y mới sạch sẽ, đốt hương, ở một mình, tụng thần chú do tâm Phật nói đây một trăm lễ tám biến, sau đó mới kết giới, dựng lập đạo tràng cầu mười phương các đức Vô Thượng Như Lai hiện ở trong các cõi nước. Mười phương Phật phóng hào quang đại bi đến rọi nơi đảnh đầu mình.

A Nan! Như thế trong đời mạt pháp có hàng Tỳ kheo thanh tịnh, hoặc Tỳ kheo Ni, bạch y, đàn việt dứt tâm tham dâm, giữ giới cấm thanh tịnh của Phật, ở nơi đạo tràng phát nguyện Bồ Tát, khi ra vào, tắm gội, cả trong sáu thời hành đạo như vậy, chẳng ngủ nghỉ, trải qua hai mươi một ngày, ta tự hiện thân đến trước người ấy, xoa đầu an ủi, khiến cho khai ngộ”.

MỤC IV: KHAI THỊ NHỮNG PHÉP TẮC LẬP ĐẠO TRÀNG TU TRÌ

Đoạn 1 - Thừa hỏi quy tắc lập đạo tràng

Ông A Nan bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn, con nhờ lời từ bi dạy bảo vô thượng của đức Như Lai, giờ tâm đã khai ngộ, tự biết con đường tu chứng thành quả vô học. Song đối với những người tu hành trong đời mạt pháp, muốn kiến lập đạo tràng phải kết giới thế nào để phù hợp với quy tắc thanh tịnh của chư Phật Thế Tôn?”

Đoạn 2 - Khai thị nghi thức kiến lập đạo tràng

Phật bảo A Nan: “Nếu trong đời mạt pháp, người muốn lập đạo tràng, trước phải dùng phân con lạch ngu có sức mạnh ở núi tuyết. Con trâu trắng này ăn cỏ thơm

ngon tốt trong núi tuyết, và chỉ uống nước trong núi tuyết, phân nó rất mịn nhuyễn, nên lấy phân bạch ngưu hòa hợp với hương chiên đàn để quét lên mặt đất. Nếu không phải bạch ngưu ở núi tuyết thì phân nó hôi như không thể tô quét trên đất được. Phải riêng ở nơi bình nguyên, đào bỏ các lớp đất trên mặt, đào lấy thứ đất màu vàng từ năm thước trở xuống. Rồi lấy mười thứ hương là chiên đàn, trầm thủy, tô hiệp, huân lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc, linh lăng, cam tùng và kê thiết nghiền nhỏ thành bột trộn với đất ấy thành bùn, dùng để tô lên trên mặt đất. Nơi đạo tràng mỗi bề một trượng sáu thành cái đàn bát giác. Chính giữa đàn tràng nên đặt một cái hoa sen làm bằng vàng, bạc, đồng, gỗ. Giữa hoa sen để cái bát, trong bát nước đựng đầy nước mù sương tháng tám và trong nước ấy tùy ý cắm hoa lá hiện có. Rồi lấy tám mặt gương tròn, mỗi cái để một phía, xung quanh hoa sen và bát hoa. Bên ngoài những gương ấy để mười sáu hoa sen, và giữa các hoa sen để mười sáu lư hương cho trang nghiêm. Trong lư hương đốt thuần hương trầm thủy không cho thấy lửa. Lấy sữa bạch ngưu để trong mười sáu bồn sứ; lấy sữa làm bánh nướng các thứ với đường cát, bánh rán bột sữa, tô hiệp, mật gừng, bơ tốt, mật tốt, mỗi thứ mười sáu bồn sứ đặt ở ngoài vòng quanh hoa sen để cúng dường chư Phật và chư đại Bồ Tát. Trong mỗi thời ăn cơm và lúc giữa đêm, lấy nửa thặng mật và ba cáp bơ, trước đàn để riêng một lò lửa nhỏ, dùng hương đàn lâu bà, rầu lấy nước thơm rửa than cho sạch rồi đốt than đỏ hồng trong lư và rót mật, bơ vào, đốt đến hết khói để cúng dường chư Phật, Bồ Tát. Bốn phía bên ngoài treo khắp phan và hoa, trong phòng đàn tràng an trí hình tượng hiện có của mười phương Như Lai và chư Bồ Tát nơi bốn phía vách. Giữa đàn để hình tượng Phật Lô Xá Na²⁵⁷, Phật Thích Ca, Phật Di Lặc, Phật A Súc, Phật A Di Đà, và hình tượng đại biến hóa của đức Quán Thế Âm, lại thêm các vị Kim Cang Tạng Bồ Tát để hai bên; những tượng của Đế Thích, Phạm Vương, Ô Sô Sát Ma²⁵⁸, Lam Địa Ca²⁵⁹, Quân Trà Ri²⁶⁰, Tỳ Câu Chi²⁶¹ và Tứ Thiên Vương, Tàn Na²⁶², Dạ Ca²⁶³... treo ở hai bên cửa. Lại lấy tám tấm gương treo úp trên hư không. Mặt gương đối chiếu với tám gương trước đã đặt trong đàn, làm cho các hình ảnh lớp lớp lồng nhau.

Đoạn 3 - Khai thị tu trì được chứng

Trong bảy ngày đầu chí thành đánh lễ danh hiệu mười phương Như Lai, chư vị đại Bồ Tát và A La Hán, thường trong sáu thời tụng chú đi quanh đàn, chí tâm hành đạo, mỗi thời thường tụng một trăm lễ tám biến. Trong bảy ngày thứ hai, một bề chuyên tâm phát nguyện Bồ Tát, tâm không gián đoạn, ta khi trước ở Tỳ Nại Da có dạy phát nguyện. Trong bảy ngày thứ ba, trong cả mười hai thời một bề trì chú Bát Đạt Ra của Phật, đến ngày thứ bảy thì mười phương Như Lai đồng thời xuất hiện, trong chỗ ánh sáng các mặt gương giao xen và được Phật xoa đánh.

Liên ở nơi đạo tràng đó tu pháp Tam Ma Địa, có thể khiến cho người tu học như vậy trong đời mạng pháp, thân tâm được sáng suốt, trong sạch như ngọc lưu ly.

A Nan! Nếu trong các thầy truyền giới cho vị Tỳ Kheo đó, hay trong mười vị Tỳ

kheo đồng hội, trong ấy có một người giới hạnh không được thanh tịnh, thì những đạo tràng như thế phần nhiều là không được thành tựu.

Từ hai mươi một ngày về sau ngồi trang nghiêm, an cư trải qua một trăm ngày, nếu người lợi căn không rời khỏi chỗ ngồi liền được quả Tu Đà Hoàn. Mặc dù thân tâm người ấy đối với quả thánh chưa được thành tựu, nhưng đã quyết định tự biết sẽ thành Phật không sai chạy.

Ông hỏi phương pháp kiến lập đạo tràng là như vậy”.

MỤC V: TUYÊN NÓI TÂM CHÚ RỘNG KHAI THỊ NHỮNG LỢI ÍCH

Đoạn 1 - Phật phóng quang khắp khai thị

Ông A Nan đánh lễ dưới chân Phật bạch Phật rằng: “Từ khi xuất gia, con y lại lòng thương yêu của Phật, chỉ lo học nhiều nên không chứng được pháp vô vi, mới gặp tà thuật của Phạm thiên kia bắt giữ. Tâm con tuy sáng suốt rõ ràng, nhưng đạo lực chưa được tự do, nhờ ngài Văn Thù khiến con được giải thoát. Tuy con thâm nhờ sức thần chú Phật đánh của Như Lai, nhưng chính mình chưa được nghe, cúi mong Phật mở lòng đại từ, nói lại thần chú ấy, để cứu giúp những người tu hành trong hội này và đời mạt pháp ở tương lai còn trong luân hồi, nhờ mật âm của Phật mà thân ý được giải thoát”. Khi ấy tất cả Đại chúng trong hội thấy đều làm lễ chờ nghe những câu chú bí mật của Như Lai.

Khi ấy, từ trên nhục kế của đức Thế Tôn phóng ra hào quang trăm báu, trong hào quang hiện ra hoa sen báu ngàn cánh có hóa thân đức Như Lai ngồi trong hoa sen báu, trên đánh phóng ra mười đạo hào quang trăm báu, mỗi mỗi đạo hào quang đều hiện ra những vị Kim Cang mật tích, số lượng bằng mười số cát sông Hằng, bung núi, cầm chày khắp cả hư không. Đại chúng ngược lên xem, trong lòng vừa mừng vừa sợ, cầu xin Phật thương xót che chở, một lòng lắng nghe đức Như Lai phóng quang nơi tướng vô kiến đánh²⁶⁴ tuyên nói thần chú.

Đoạn 2 - Đọc thần chú Phật đánh Thủ Lăng Nghiêm

Đệ NHỨT

Nam mô tát đất tha tô già đa gia a ra ha ॐ tam miệu tam bồ đà tóa. Tát đất tha Phật đà câu chi sắt ni sam.

Nam mô tát bà bột đà bột địa tát đa bệ tệ.

Nam mô tát đa ầm tam miệu tam bồ đà câu chi năm. Ta xá ra bà ca tăng già năm.

Nam mô lô kê a la hán đa năm.

Nam mô tô rô đa ba na năm.

Nam mô ta yết rị đà già di năm.

Nam mô lô kê tam miệu già đa năm. Tam miệu già ba ra đề ba đa na năm.

Nam mô đề bà ly sắt nỏ.

Nam mô tất đà gia tỳ địa gia đà ra ly sắt nỏ. Xá ba noa yết ra ha ta ha ta ra ma tha nẫm.

Nam mô bạt ra ha ma ni.

Nam mô nhờn đà ra da.

Nam mô bà già bà đế, lô đà ra da. Ô ma bát đế, ta hê dạ da.

Nam mô bà già bà đế.

Na ra dả noa da. Bàn giá ma ha tam mộ đà ra.

Nam mô tất yết rị đa da.

Nam mô bà già bà đế, ma ha ca ra da. Địa rị bát lạc noa già ra. Tỳ Đà ra ba noa ca ra da. A địa mục đế. Thi ma xá na nê bà tất nê. Ma đất rị già noa.

Nam mô tất yết rị đa da.

Nam mô bà già bà đế. Đa tha già đa câu ra da.

Nam mô bát đầu ma câu ra da.

Nam mô bạt xà ra câu ra da.

Nam mô ma ni câu ra da.

Nam mô già xà câu ra da.

Nam mô bà già bà đế, đế rị trà du ra tây na, ba ra ha ra noa ra xà da, đa tha già đa da.

Nam mô bà già bà đế.

Nam mô a di đa bà da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, a sô bệ da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, bệ sa xà gia câu lô phệ trụ rị da, bát ra bà ra xà da, đa tha già đa da.

Nam mô bà già bà đế, tam bồ sư bí đa, tát lân nại ra lạc xà da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, xá kê dã mẫu na duệ, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, lạc đác na kê đô ra xà da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da, đế biêu nam mô tất yết rị đa, ế đàm bà già bà đa, tát đất tha già đô sắt ni sam, tát bát đa bát đất lam.

Nam mô a bà ra thị đăm, bát ra đế dương kỳ ra, tát ra bà bộ đa yết ra ha, ni yết ra ha yết ca ra ha ni, bạt ra bí địa gia sắt đà nễ, a ca ra mật rị trụ, bát rị đất ra gia nẫm yết rị, tát ra bà bàn đà noa mục xoa ni, tát ra bà đột sắt tra, đột tất pháp bát ba nễ phạt ra ni, giả đô ra thất đế nẫm, yết ra ha ta ha tát ra nhã xà, tỳ đa băng ta noa yết rị, a sắc tra băng sa đế nẫm, na xoa sát đất ra nhã xà, ba ra tát đà na yết rị, a sắt tra nẫm, ma ha yết ra ha nhã xà, ỳ đa băng tát noa yết rị, tát bà xá đô rô nễ bà ra nhã xà, hô lam đột tất pháp nan giá noa xá ni, bí sa xá ất đất ra, a kiết ni ô đà ca ra nhã xà, a bát ra

thị đa câu ra ma ha bác ra chiến trì, ma ha điệp đa, ma ha đế xà, ma ha thuế đa xà bà ra, ma ha bạt ra bàn đà ra bà tất nễ, a rị gia đa ra, tỳ rị câu chi, thệ bà tỳ xà gia, bạt xà ra ma lễ đế, tỳ xá rô đa, bột đầng đồng ca, bạt xà ra chế hát na a giá, ma ra chế bà bát ra chất đa, bạt xà thiện trì, tỳ xá ra giá, phiến đa xá bệ đề bà bồ thị đa, tô ma rô ba, ma ha thuế đa, a rị gia đa ra, ma ha bà ra, a bát ra, bạt xà ra thương yết ra chế bà, bạt xà ra câu ma rị, câu lam đà rị, bạt xà ra hát tát đa giá tỳ địa gia kiền giá na ma rị ca, khuất tô mẫu bà yết ra đá na, bệ rô giá na câu rị gia, dạ ra thố sắt ni sam, tỳ chiết lam bà ma ni giá, bạt xà ra ca noa ca ba ra bà, lô xà na bạt xà ra đôn trĩ giá, thuế đa giá ca ma ra, sát xa thi ba ra bà, ế đế di đế, mẫu đà ra yết noa, ta bệ ra sám, quật phạm đô, ấn thố na mạ mạ tóa.

ĐỆ NHỊ

Ô hồng, rị sắt yết noa, bát lặc xá tất đa, tát đất tha già đô sắt ni sam. Hổ hồng, đô lô ung chiêm bà na. Hổ hồng, đô lô ung, tất đăm bà na. Hổ hồng, đô lô ung, ba ra sắt địa gia tam bát xoa noa yết ra. Hổ hồng, đô rô ung, tát bà dược xoa hắc ra sát ta, yết ra ha nhã xà, tỳ đầng băng tát na yết ra. Hổ hồng, đô lô ung, giả đô ra thi đế năm, yết ra ha ta ha tát ra năm, tỳ đầng băng tát na ra. Hổ hồng, đô lô ung, ra xoa, bà già phạm, tát đất tha già đô sắt ni sam, ba ra điềm xà kiết rị, ma ha ta ha tát ra, bột thọ ta ha tát ra thất rị sa, câu chi ta ha tát nê đế lệ, a tề đề thị bà rị đa, tra tra anh ca ma ha bạt xà lô đà ra, đế rị bồ bà na, man trà ra, ô hồng, ta tất đế bạc bà đô, mạ mạ ấn thố na mạ mạ tóa.

ĐỆ TAM

Ra xà bà dạ, chủ ra bạt dạ, a kỳ ni bà dạ, ô đà ca bà dạ, tỳ sa bà dạ, xá tát đa ra bà dạ, bà ra chước yết ra bà dạ, đột sắt xoa bà dạ, a xá nễ bà dạ, a ca ra mật rị trụ bà dạ, đà ra ni bộ di kiếm ba già ba đà bà dạ, ô ra ca bà đa bà dạ, lặc xà đàn trà bà dạ, na già bà dạ, tỳ điều đất bà dạ, tô ba ra noa bà dạ, dược xoa yết ra ha, ra xoa tư yết ra ha, tất rị đa yết ra ha, tỳ xá giá yết ra ha, bộ đa yết ra ha, curu bàn trà yết ra ha, bồ đon na yết ra ha, ca tra bồ đon na yết ra ha, tất kiền độ yết ra ha, a bá tất ma ra yết ra ha, ô đàn ma đà yết ra ha, xoa dạ yết ra ha, hê rị bà đế yết ra ha, xã đa ha rị năm, yết bà ha rị năm, lô địa ra ha rị năm, mang ta ha rị năm, mê đà ha rị năm, ma xà ha rị năm, xà đa ha rị nữ, thị tử đa ha rị năm, tỳ đa ha rị năm, bà đa ha rị năm, a du giá ha rị nữ, chất đa ha rị nữ, đế sam tát bệ sam, tát bà yết ra ha năm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ba rị bạt ra giả ca hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, trà diễn ni hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma ha bát du bát đất dạ, lô đà ra hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na ra dạ noa hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, đất đòa già lô trà tây hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma ha ca ra ma đất rị già noa hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ca ba rị ca hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, xà gia yết ra ma độ yết ra, tát bà ra tha

ta đạt na hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, giả đôt ra bà kỳ nễ hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ rị dương hát rị tri, nan đà kê sa ra già noa bát đế, sách hê dạ hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
Kê ra dạ di, na yết na xá ra bà noa hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di
Kê ra dạ di, a la hán hát rị đờm tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ đa ra già hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, bạt xà ra ba nễ, câu hê dạ câu hê dạ, ca địa bát đế hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ra xoa võng, bà già phạm, ấn thố na mạ mạ tủa.

ĐỆ TỨ

Bà già phạm, tát đất đa bát đất ra, nam mô túy đô đế, a tát đa na ra lật ca, ba ra bà tát phổ tra, tỳ ca tát đất đa bát đế rị, thập Phật ra, thập Phật ra, đà ra đà ra, tần đà ra tần đà ra, sân đà sân đà. Hổ hồng. Hổ hồng, phần tra, phần tra, phần tra, phần tra, phần tra, ta ha, hê hê phần, a mâu ca gia phần, a ba ra đề ha đa phần, bà ra bà ra đà phần, a tô ra tỳ đà ra ba ca phần, tát bà đề bệ tộ phần, tát bà na già tộ phần, tát bà dược xoa tộ phần, tát bà càn thát bà tộ phần, tát bà bồ đon na tộ phần, ca tra bồ đon na tộ phần, tát bà đôt lang chỉ đế tộ phần, tát bà đôt sáp tử lê hát sát đế tộ phần, tát bà thập bà rị tộ phần, tát bà a bá tát ma lê tộ phần, tát tà xá ra bà noa tộ phần, tát bà địa đế kê tộ phần, tát bà đất ma đà kê tộ phần, tát bà tỳ đà gia ra thệ giá lê tộ phần, xà dạ yết ra ma độ yết ra, tát bà ra tha ta đà kê tộ phần, tỳ địa dạ giá rị tộ phần, giả đô ra phược kỳ nễ tộ phần, bạt xà ra câu ma rị, tỳ đà dạ ra thệ tộ phần, ma ha ba ra đình hương xoa, kỳ rị tộ phần, bạt xà ra thương yết ra dạ, ba ra trượng kỳ ra xà gia phần, ma ha ca ra dạ, ma ha mặt đất rị ca noa.

Nam mô ta yết rị đa dạ phần, tử sắc noa tỳ duệ phần, bột ra ha mâu ni duệ phần, a kỳ ni duệ phần, ma ha yết rị duệ phần, yết ra đàn trì duệ phần, miệt đất rị duệ phần, lao đất rị duệ phần, giá văn trà duệ phần, yết la ra đất rị duệ phần, ca bát rị duệ phần, a địa mục chất đa ca thi ma xá na, bà tư rễ duệ phần, diễn kiết chất, tát đũa bà tủa, mạ mạ ấn thố na mạ mạ tủa.

ĐỆ NGŨ

Đột sắt tra chất đa, a mặt đất rị chất đa, ô xà ha ra, già bà ha ra, lô địa ra ha ra, bà ta ha ra, ma xà ha ra, xà đa ha ra, thỉ tử đa ha ra, bạt lược dạ ha ra, càn đà ha ra, bồ sử ba ha ra, phủ ra ha ra, bà tủa ha ra, bát ba chất đa, đột sắc tra chất đa, lao đà ra chất đa, dược xoa yết ra ha, ra sát ta yết ra ha, bệ lệ đa yết ra ha, tỳ xá giá yết ra ha, bệ đa yết ra ha, cuu bàn trà yết ra ha, tát càn đà yết ra ha, ô đất ma đà yết ra ha, sa dạ yết ra ha, a bá tát ma ra yết ra ha, trạch Khê cách trà kỳ ni yết ra ha, rị Phật đế yết ra ha, xà di ca yết ra ha, xá câu ni yết ra ha, lao đà ra nan địa ca yết ra ha, a lam bà yết ra ha, càn độ ba ni yết ra ha, thập phạt ra yên ca hê ca, truy đế dược ca, đất lệ đế dược ca, giả đôt thác ca, ni đề thập phạt ra tử sam ma thập phạt ra, bạc đế ca, tử đế ca, thát lệ sắt mặt ca,

ta nễ bát đê ca, tát bà thập phạt ra, thất lô kiết đế, mặt bà bệ đạt lô chế kiếm, a ý lô kiếm, mục khô lô kiếm, yết rị đột lô kiếm, yết ra ha yết lam, yết noa du lam, đản đa du lam, hất rị dạ du lam, mặt mạ du lam, bạt rị thất bà du lam, bí lật sát tra du lam, ô đà ra du lam, yết tri du lam, bạt tất đế du lam, ô lô du lam, thường già du lam, hất tất đa du lam, bạt đà du lam, ta phòng án già bát ra trượng gia du lam, bộ đa tử đa trà, trà kỳ ni thập bà ra, đà đột lô ca kiến đột lô kiết tri bà lộ đa tỳ, tát bát lô ha lăng già, du sa đát ra ta na yết ra, tỳ sa dụ ca, a kỳ ni ô đà ca, mặt ra bệ ra kiến đa ra, a ca ra mặt rị đột đát liêm bộ ca, địa lật lạc tra, tử rị sắc chất ca, tát bà na câu ra, tứ dẫn già tộ yết ra rị được xoa đát ra sô, mặt ra thị phệ đế sam ta bệ sam, tát đát đa bát đát ra, ma ha bạt xà lô sát ni sam, ma ha bát lạc trượng kỳ lam, dạ ba đột đà xá dụ xà na, biện đát lệ noa, tỳ đà gia bàn đàm ca lô di, đế thù bàn đàm ca lô di, bát ra tỳ đà bàn đàm ca lô di, đác điệt tha.

Án, a na ệt, tỳ xá đê, bệ ra bạt xà ra đà rị, bàn đà bàn đà nễ, bạt xà ra báng ni phần. Hổ hồng, đô lô ung phần, ta bà ha.

Đoạn 3 - Khai thị về xuất sanh chư Phật hàng ma và rộng gia bị

A Nan! Những câu nhiệm mầu, những kệ bí mật “Tát Đát Đa, Bát Đát Ra” của hóa thân nơi hào quang trên đảnh Phật đó, vốn sanh ra tất cả mười phương chư Phật. Mười phương Như Lai như chú tâm này được thành Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác. Mười phương Như Lai từ chú tâm này trừ dẹp các ma, chế phục ngoại đạo. Mười phương Như Lai vận chú tâm này ngồi hoa sen báu ứng hiện trong cõi nước như số vi trần. Mười phương Như Lai ngâm chú tâm này ở trong các cõi nước như số vi trần chuyên đại pháp luân. Mười phương Như Lai từ chú tâm này hay ở trong mười phương xoa đánh thọ ký, tự mình chưa thành quả vị cũng có thể nơi mười phương nhờ Phật thọ ký. Mười phương Như Lai nương chú tâm này có thể ở trong mười phương cứu vớt các khổ như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đui, điếc, câm, ngọng, các khổ về oán hờn gặp gỡ, các khổ về yêu thích chia lìa, các khổ về cầu không được toại nguyện, khổ về năm âm xí thanh; những tai nạn hoặc lớn hoặc nhỏ đồng thời giải thoát. Nạn giặc, nạn bệnh, nạn vua, nạn tù giam, nạn gió, lửa, nước, cho đến đói, khát, nghèo thiếu liền được tiêu tan. Mười phương Như Lai tùy theo chú tâm này, có thể ở trong mười phương phụng sự thiện tri thức, trong bốn oai nghi cúng dường đều như ý. Ở trong pháp hội hàng sa Như Lai được suy tôn làm vị đại pháp vương tử. Mười phương Như Lai thật hành chú tâm này, hay ở trong mười phương nhiếp thọ các thân nhân, khiến cho các hàng Tiểu Thừa nghe tạng bí mật không sanh kinh sợ. Mười phương Như Lai tụng chú tâm này thành đạo Vô Thượng Giác, ngồi dưới cây Bồ Đề vào đại Niết Bàn. Mười phương Như Lai truyền tâm chú này, sau khi diệt độ rồi phó chúc pháp sự của Phật được trụ trì rốt ráo, giới luật nghiêm tịnh thủy đều trong sạch.

Đoạn 4 - Khai thị chú tâm nói rộng không cùng tột

Nếu ta nói chú “Phật Đảnh Quang Tụ Tát Đát Đa Bát Đát Ra”, ừ sáng đến tối, các tiếng nối nhau trong đó những chữ, những câu cũng không trùng lặp, trải qua kiếp số như cát sông Hằng trọn không thể hết, chú này cũng gọi tên là Như Lai Đảnh.

Đoạn 5 - Khai thị sức của thần chú thành tựu được thế gian và xuất thế gian, thêm trí huệ, tiêu nghiệp chướng.

Các ông là hàng hữu học, chưa hết luân hồi phát tâm chí thành tu chứng quả A La Hán, nếu không trì chú tâm này, khi ngồi đạo tràng khiến cho thân tâm xa rời các ma sự, thì không thể được.

A Nan! Nếu các thế giới có những chúng sanh tùy chỗ những cõi nước mình sanh ra có các thứ như cỏ cây hoa lá, cây bói, giấy trắng, bạch điệp, dùng để chép viết chú này đựng trong dây thơm. Nếu người ấy tối tăm chưa thể nhớ tụng được, thì hoặc đeo trên thân, hoặc viết trong nhà ở, phải biết người ấy trọn đời tất cả các thứ độc không thể hại được.

A Nan! Nay ta vì ông tuyên ại chú này để cứu giúp trong thế gian được đại vô úy và thành tựu trí huệ xuất thế gian cho chúng sanh. Nếu sau khi ta diệt độ, chúng sanh đời mạt pháp, có người hay tự mình tụng, hoặc dạy người khác tụng chú này, phải biết những chúng sanh trì tụng chú như vậy, lửa không thể đốt cháy, nước không thể nhận chìm, các thứ độc lớn, độc nhỏ đều không thể hại được. Như thế cho đến các hàng thiên, long, quỷ, thần, tinh kỳ, ma mị, có những thú dữ đều không thể nhập. Nếu tâm người ấy được chánh thọ thì tất cả thần chú nguyên rửa, ếm cổ, thuốc độc, kim độc, ngân độc, và độc khí muôn vật, như cỏ cây, sâu, rắn, khi vào miệng người đó đều thành vị cam lộ, tất cả sao dữ và các quỷ thần lòng dữ hại người, đối với người ấy cũng không thể khởi tâm ác được. Tần Na²⁶⁵, Dạ ca²⁶⁶, các quỷ vương dữ khác cùng với quyền thuộc đều nhận lãnh ân sâu thường giữ gìn ủng hộ.

A Nan! Nên biết chú này thường có tám muôn bốn ngàn na do tha hằng hà sa câu chi chủng tộc Kim Cang Tạng Vương Bồ Tát. Mỗi mỗi đều có những chúng Kim Cang làm quyền thuộc ngày đêm theo hầu. Giả sử có chúng sanh với tâm tán loạn chưa được vào Tam Ma Đề, tâm ghi nhớ, miệng trì tụng chú này, thì Kim Cang Vương đó thường theo bên thiện nam tử kia, hướng nữa là người có tâm Bồ Đề quyết định, thì đối với những người này Kim Cang Tạng Vương Bồ Tát đó dùng tịnh tâm thâm xúc tiến, phát huy thần thức họ, người ấy liền khi đó tâm nhớ lại được tám muôn bốn ngàn hằng hà sa kiếp, rõ biết cùng khắp không nghi lầm.

Từ kiếp thứ nhứt cho đến thân cuối cùng, trong mỗi đời người ấy không sanh trong loài Dược xoa, La sát và Phú đon na²⁶⁷, Ca tra phú đon na²⁶⁸, Cưu bàn trà, Tỳ xá giá ... và các loài Ngạ quỷ có hình, không hình, có tướng, không tướng, cả thấy những chỗ dữ như thế, thiện nam tử, hoặc tụng, hoặc đọc, hoặc viết, hoặc chép, hoặc đeo, hoặc giữ, hoặc cúng dường chú này bằng nhiều cách, thì kiếp kiếp không sanh vào những nơi bần cùng hạ tiện, những chỗ không ưa thích.

Các chúng sanh rầy dẫu tự thân không tạo phước nghiệp, mười phương Như Lai có các công đức thầy đều cho họ hết. Do đó, họ được ở trong những kiếp hằng hà sa số không thể nói, không thể nói hết, thường cùng với chư Phật đồng sanh một chỗ, không lường công đức nhóm lại như trái ác xoa, đồng chỗ huân tu, hằng không phân tán.

Vậy nên, có thể khiến người phá giới, giới căn được thanh tịnh, người chưa được giới, khiến cho được giới, người chưa tinh tấn khiến cho tinh tấn, người không trí huệ khiến được trí huệ, người không thanh tịnh khiến mau thanh tịnh, người không trì trai giới, tự thành có trai giới.

A Nan! Thiện nam tử ấy, khi trì chú này giả sử có phạm cấm giới đối với lúc chưa thọ giới, khi trì chú về sau các tội phá giới không luận nhẹ hay nặng một thời đều tiêu diệt. Dù đã uống rượu, ăn năm thứ cay hôi, các thứ không sạch, tất cả chư Phật, Bồ Tát, Kim Cang, Thiên tiên, qũ thần, không cho là có lỗi. Dù mặc y phục rách nát không sạch, thì một đi, một đứng thầy đồng như thanh tịnh. Dẫu không lập đàn, không vào đạo tràng, cũng không hành đạo, trì tụng chú này, lại đồng như vào đạo tràng, hành đạo, công đức không khác. Dù tạo những tội trọng ngũ nghịch vô gián²⁶⁹ và tội “tứ khí”²⁷⁰, “bát khí”²⁷¹ của Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, tụng chú này rồi cũng như gió mạnh thổi tan đồng cát, những nghiệp nặng như vậy đều diệt trừ không còn sót một mảy may.

A Nan! Nếu có chúng sanh, từ vô lượng vô số kiếp đến nay, có tất cả các tội chướng hoặc nặng, hoặc nhẹ từ đời trước đến giờ chưa kịp sám hối, nếu hay đọc tụng biên chép chú này đeo trên thân, hặc để chỗ ở như trang trại, nhà vườn, quán xá, thì những nghiệp chướng nhóm từ trước, cũng như nước nóng tan băng, không bao lâu đều được ngộ vô sanh pháp nhãn.

Đoạn 6 - Khai thị trì chú được mãn nguyện sanh chỗ thù thắng

Lại nữa, A Nan! Như có người nữ chưa sanh con trai con gái, muốn cầu mang thai, nếu hay chí tâm nhớ niệm hoặc đeo chú Tát Đát Đa Bát Đát Ra này trên thân, thì liền sanh những con trai con gái có phước đức trí huệ; hoặc cầu sống lâu được sống lâu; cầu quả báo mau viên mãn, được mau viên mãn, cho đến thân mạng sắc lực cũng lại như thế, sau khi mạng chung tùy nguyện vãng sanh trong mười phương quốc độ, chắc chắn không sanh nơi biên địa hạ tiện, huống nữa là các tạp hình.

Đoạn 7 - Khai thị chú lực có thể tiêu quốc nạn

A Nan! Nếu các quốc độ như các châu, huyện, làng, xóm có những tai nạn như đói khát, dịch lệ, hoặc ở những nơi có nạn giặc cướp, đao binh, đấu tranh cùng tất cả những chỗ có ách nạn khác, nên viết thần chú này để nơi bốn cửa thành và các tháp hoặc trên các đài cao để cho các chúng sanh hiện có trong cõi nước kính thờ chú này lễ bái, cung kính nhứt tâm cúng dường, lại khiến trong nhân dân mỗi người đều đeo chú trên thân, hoặc mỗi người đều để nơi chỗ mình ở, thì tất cả những tai ách thầy đều

tiêu diệt.

A Nan! Chúng sanh trong nước, tùy chỗ nào có thần chú này, thì thiên, long hoan hỷ, mưa gió thuận thời tiết, ngũ cốc trúng mùa, dân chúng đều an vui. Lại cũng hay trấn giữ tất cả các thứ ác tinh, tùy nơi biến ra những điều kỳ lạ, tai chướng không khởi lên, người không chết yểu. Gông cùm, xiềng xích không dính vào thân được, ngày đêm ngủ yên, được thường không có mộng dữ.

A Nan! Cõi Ta Bà này có tám muôn bốn ngàn tai biến ác tinh, hai mươi tám đại ác tinh làm thượng thủ, lại có tám đại ác tinh làm chủ, khi hiện ra trong đời với nhiều hình trạng có thể sanh ra các thứ tai nạn khác lạ cho chúng sanh. Nếu chỗ nào có thần chú này, thì tất cả đều tiêu diệt. Lấy mười hai do tuần làm vòng kết giới, các tai biến hung dữ hẳn không thể vào được.

Đoạn 8 - Khai thị để bảo hộ sơ tâm là ma chướng tâm chướng khai ngộ

Vậy nên, Như Lai tuyên dạy chú này, vì để bảo hộ hàng sơ học tu hành đời vị lai được vào Tam Ma Địa. Thân tâm thơ thối, được rất an ổn, lại không bị tất cả các ma, quỷ thần và những oan khiên đời trước, nghiệp cũ, nợ xưa, từ vô thủy đến nay, thường khuấy hại nhau. Ông và các người hữu học trong chúng cùng các người tu hành đời vị lai y như lời dạy của ta mà lập đàn tràng, đứng theo pháp trì giới, gặp được tăng thanh tịnh chủ trì trong việc thọ giới, đối với chú tâm này không sanh lòng nghi hối, thời những thiện nam tử ấy, chính nơi thân cha mẹ sanh ra đây, mà không được tâm thông, há mười phương các đức Như Lai đã nói dối rồi sao!

Đoạn 9 - Kim Cang thiên thân trong hội phát nguyện bảo hộ rộng rãi

Phật dạy lời ấy rồi, không lường Kim Cang trong hội, một lúc đứng trước Phật chấp tay đánh lễ bạch Phật: “Như lời Phật dạy, chúng con sẽ thành tâm bảo hộ người tu hành đạo Bồ Đề”.

Lúc bấy giờ, trời Phạm Vương và Đê Thích, Tứ Thiên Vương cũng đối trước Phật đồng thời đánh lễ bạch Phật rằng: “Xét có người lành tu học như vậy, chúng con phải hết lòng chí thành bảo hộ, khiến cho họ trong một đời tu hành được như nguyện”.

Lại có vô lượng đại tướng Dược Xoa, các La sát, Phú đơn na, Cưu bàn trà, Tỳ xá giá, các đại quỷ vương như Tần na, Dạ ca và các quỷ soái cũng đối trước Phật chấp tay đánh lễ bạch Phật: “Chúng con cũng thệ nguyện hộ trì người ấy, khiến cho tâm Bồ Đề mau được viên mãn”.

Lại có vô lượng nhứt, nguyệt thiên tử, phong sư, vũ sư, vân sư, lô sư, độn bá và các viên tuế tuần quan, chư tinh quyến thuộc ... cùng ở trong hội chấp tay đánh lễ dưới chơn Phật bạch rằng: “Chúng con nguyện bảo hộ người tu hành ấy an lập đạo tràng được không sợ sệt”.

Lại có vô lượng sơn thần, hải thần, tất cả tinh kỳ đất đai muôn vật, thủy, lục, không,

hành, với phong thần vương và chư thiên Vô sắc giới ở trước đức Như Lai đồng thời cúi đầu bạch Phật: “Chúng con nguyện bảo hộ người tu hành ấy được thành tựu Bồ Đề, hằng không có Ma sự”.

Lúc bấy giờ, tám vạn bốn ngàn na do tha, hằng hà sa câu chi Kim Cang Tạng Vương Bồ Tát ở trong đại hội, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật bạch rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Như bọn chúng con công đức và sự nghiệp tu hành thành đạo Bồ Đề đã lâu, mà không nhận lấy Niết Bàn, thường theo chú này để cứu hộ người chân chánh tu hành pháp Tam Ma Đề trong đời mạt pháp. Bạch Thế Tôn! Những người tu tâm cầu vào chánh định như thế, nếu ở tại trong đạo tràng hay những lúc kinh hành, cho đến tâm tán loạn, dạo chơi nơi xóm làng, chúng con và đồ chúng sẽ thường theo để hộ vệ người ấy. Dầu cho ma vương Đại Tự Tại Thiên muốn có phương tiện quấy phá trọn không thể được. Các quỷ thần nhỏ đi cách xa người ấy mười do tuần, trừ khi họ phát tâm thích người tu thiền. Bạch Thế Tôn! Những ác quỷ như thế, hoặc các quyền thuộc muốn đến xâm phạm và nhiễu hại người lành ấy, thì con dùng bảo xứ đập nát đầu như bụi nhỏ, thường khiến cho người tu hành ấy được như nguyện.”

MỤC VI: KHAI THỊ VỊ TRÍ TU CHỨNG TRƯỚC VÀ SAU

Đoạn 1 - Ông A Nan thỉnh Phật khai thị về những danh mục thứ bậc tu hành

Ông A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chơn Phật bạch rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Bọn chúng con ngu đần, chỉ ưa thích nghe nhiều, đối với tâm hữu lậu chưa được ra khỏi, nhờ lời từ bi chỉ dạy của Phật mới được lối huân tu chân chánh, thân tâm thư thái, được lợi ích lớn. Bạch Thế Tôn! Người tu chứng Tam Muội của Phật như thế, khi chưa đến Niết Bàn, thế nào gọi là “Cần huệ địa²⁷²”, trong bốn mươi bốn tâm²⁷³ đến thứ bậc nào mới được danh mục tu hành, đến phương sở nào mới gọi là nhập địa²⁷⁴, thế nào gọi là Bồ Tát Đẳng Giác?”. Thưa thỉnh lời ấy rồi năm vóc gieo sát đất, trong đại chúng nhứt tâm chăm chú trông đợi từ âm của Phật.

Đoạn 2 - Phật khen và hứa chỉ trước

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ông A Nan: “Lành thay! Lành thay! Các ông lại biết vì cả Đại chúng và tất cả chúng sanh tu Tam Ma Địa cầu pháp Đại Thừa trong đời mạt pháp, xin ta xa chỗi cho con đường tu hành vô thượng chân chánh, từ phạm phu đến Niết Bàn. Nay ông hãy nghe kỹ ta sẽ vì ông mà nói.

Ông A Nan và đại chúng chấp tay, sạch lòng, im lặng nhận nghe lời Phật dạy.

Đoạn 3 - Khai thị hai nhơn điên đảo

Phật bảo: “A Nan phải biết, diêu tánh vốn viên minh rời các danh tướng, xưa nay không có thể giới và chúng sanh.

Nhơn vọng mà có sanh, nhơn sanh có diệt, sanh diệt gọi là vọng, diệt vọng gọi là

chơn, ấy gọi là hai hiệu Chuyển Y Vô Thượng Bồ Đề và Niết Bàn của Như Lai.

A Nan! Nay ông muốn tu chơn Tam Ma Địa thẳng đến Đại Niết Bàn của Như Lai, thì trước phải biết hai nhơn điên đảo của thế giới và chúng sanh này. Nếu điên đảo không sanh, đó là chơn thật Tam Ma Địa của Như Lai.

A Nan! Thế nào gọi là chúng sanh điên đảo? A Nan! Do tâm bản tánh là minh, và tánh minh ấy viên mãn cùng khắp, nên nhơn tánh minh phát ra hình như có tánh, mà vọng kiến nhận là có tánh sanh ra, từ chỗ rốt ráo là không, lại thành rốt ráo là có.

Cái năng hữu và sở hữu này, chẳng phải năng nhơn, sở nhơn và những tướng năng trụ, sở trụ rốt ráo không có cội gốc. Từ gốc vô trụ đó mà kiến lập ra thế giới và các chúng sanh. Do mê không nhận được tánh viên minh sẵn có, nên sanh ra hư vọng, tánh hư vọng không có tự thể, không phải thật có chỗ nương. Toan muốn trở lại chơn tánh, thì cái muốn chơn đó đã chẳng phải tánh chơn như chơn thật. Cầu trở lại không đúng chơn lý, thì liền thành ra những phi tướng; không phải sanh gọi là sanh, không phải trụ gọi là trụ, không phải tâm gọi là tâm, không phải pháp gọi là pháp. Xoay vần phát sanh, sanh lực phát huy huân tập thành ra nghiệp báo. Đồng nghiệp thì cảm với nhau. Nhơn đó lại cảm ra cái nghiệp diệt nhau sanh nhau, do đây mà có điên đảo và chúng sanh.

A Nan! Thế nào gọi là điên đảo về thế giới? Do cái năng hữu sở hữu đó từng phần, từng đoạn giả dối sanh ra, vì thế mà không gian được thành lập; do phi nhơn làm nhơn không có năng trụ, sở trụ, nên đời đời không dừng, vì thế mà thời gian thành lập.

Ba đời, bốn phương, hòa hợp xen lẫn với nhau, chúng sanh biến hóa thành mười hai loài.²⁷⁵

Vậy nên trong thế giới nhơn động có tiếng, nhơn tiếng có sắc, nhơn sắc có hương, nhơn hương có xúc, nhơn xúc có vị, nhơn vị biết pháp, sáu thứ vọng tưởng rối loạn tạo thành nghiệp tánh, nên phân chia thành mười hai, do đây mà xoay vần mãi mãi. Vậy nên trong thế gian, những thứ: thanh, hương, vị, xúc biến đổi cùng tột đến mười hai lần thì xoay trở lại.

Dựa trên những tướng điên đảo xoay vần đó, nên trong thế giới có những loài sanh bằng trứng, loài sanh bằng thai, loài sanh nơi ẩm ướt, loài hóa sanh, loài có sắc, loài không sắc, loài có tướng, loài không tướng, hoặc chẳng phải có tướng, hoặc chẳng phải không tướng.

A Nan! Nhơn trong thế giới có “hư vọng” luân hồi, điên đảo về động, nên hòa hợp với khí thành ra tám muôn bốn ngàn loại tướng bay lộn, vì vậy nên có mầm trứng trôi lăn trong cõi nước, các loài cá, chim, rùa đầy dẫy.

Nhơn trong thế giới “tạp nhiễm” luân hồi, điên đảo về dục; nên hòa hợp với tư thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng đi ngang đi thẳng. Vì vậy, nên có bào thai xoay lăn trong cõi nước, các loài người, súc, rồng, tiên đầy dẫy.

Nhơn trong thế giới “chấp trước” luân hồi, điên đảo về đến, nên hòa hợp với hơi ẩm thành ra tám muôn bốn ngàn loại tướng nghiêng ngửa. Vì vậy, nên có tế thi thấp sanh

trôi lặn trong cõi nước, các loài lúc nhúc quây động đầy đầy.

Nhơn trong thế giới “biển dịch” luân hồi, điên đảo về giả, nên hòa hợp với xúc, thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng mới cũ. Vì vậy, nên có tướng yết nam hóa sanh trôi lặn trong cõi nước, các loài lột xác bay đi đầy đầy.

Nhơn trong thế giới “lưu ngại” luân hồi, điên đảo về chướng, nên hòa hợp với trước, thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng tinh diệu. Vì vậy, nên có yết nam sắc tướng trôi lặn trong cõi nước, các loài hưu cữu, tinh minh đầy đầy.

Nhơn trong thế giới “tiêu tán” luân hồi, điên đảo về hoặc, nên hòa hợp với ám thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng thâm ẩn. Vì thế, nên có yết nam vô sắc trôi lặn trong cõi nước, các loài không tán, tiêu, trầm đầy đầy.

Nhơn trong thế giới “vọng tưởng” luân hồi, điên đảo về ảnh, nên hòa hợp với ức thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng tiềm kết. Vì thế có loài yết nam hữu tướng trôi lặn trong cõi nước, các loài thần, quỷ, tinh linh đầy đầy.

Nhơn trong thế giới “ngu độn” luân hồi, điên đảo về si, nên hòa hợp với ngoan thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng khô khao. Vì thế có yết nam vô tướng trôi lặn trong cõi nước, các loài tinh thần hóa làm đất, cây, vàng, đá đầy đầy.

Nhơn trong thế giới “tương đối” luân hồi, điên đảo về nguỵ, nên hòa hợp với nhiễm thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng nhờn y. Vì thế có yết nam chẳng phải có sắc tướng mà có sắc trôi lặn trong cõi nước, các loài thủy mẫu ... lấy con tôm làm mắt đầy đầy.

Nhơn trong thế giới “đuong dẫn” luân hồi, điên đảo về tánh, nên hòa hợp với chú mà thành ra tám muôn bốn ngàn loạn tướng hô triệu. Vì vậy thành có yết nam, chẳng phải không sắc tướng mà không sắc trôi lặn trong cõi nước, chú trớ, yểm sanh các loài đầy đầy.

Nhơn trong thế giới “hợp vọng” luân hồi, điên đảo về vọng, nên hòa hợp với dị mà thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng hồi hồ. Vì vậy có yết nam, chẳng phải có tướng tướng mà thành tướng trôi lặn trong cõi nước, những giống tò vò mượn chất khác thành cái thân của mình đầy đầy.

Nhơn trong thế giới có “oán hại” luân hồi, điên đảo về sát, nên hòa hợp với quái thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng ăn thịt cha mẹ. Vì vậy có yết nam không phải tướng tướng mà không tướng trôi lặn trong cõi nước, như chim thổ cư ấp khối đất làm con và chim phá kính ấp trái cây độc làm con, con lớn lên thì cha mẹ đều bị chúng ăn thịt, các loài ấy đầy đầy.

Ấy gọi là mười hai loài chúng sanh.

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Quyển 8

* * *

Đoạn 4 - Kết luận về bản nhơn điên đảo, dùng để khởi cái nghĩa thứ lớp tu tập

A Nan! Như vậy trong mỗi mỗi loài chúng sanh cũng đều có đầy đủ mười hai thứ điên đảo, cũng như ấn con mắt thì thấy hoa đốm lăng xăng phát sanh. Chơn tâm diệu viên thanh tịnh sáng suốt mà điên đảo thì đầy đủ những thứ tư tưởng càn loạn giả dối như vậy.

Nay ông đi tu chứng Tam Ma Địa của Phật, thì đối những tư tưởng càn loạn làm nguyên nhơn cội gốc của các thứ điên đảo, nên lập ba tiệm thứ mới trừ diệt được, như trong bình sạch trừ bỏ mật độc, dùng nước nóng, các thứ tro, chất thơm rửa sạch bình rồi, sau mới đựng được nước cam lồ.

Đoạn 5 - Khai thị ba món tiệm thứ

Thế nào gọi là ba món tiệm thứ? Một là tu tập trừ bỏ trợ nhơn; hai là tu chơn để gột sạch chánh tánh; ba là tăng tấn trái lại với hiện nghiệp.

Thế nào là trợ nhơn? A Nan! Mười hai loài chúng sanh trong thế giới như thế, không thể tự an toàn, phải nương bốn cách ăn mới sống. Nghĩa là nương theo đoạn thực, xúc thực, tư thực, và thức thực. Thế nên Phật nói, tất cả chúng sanh đều nương nơi cái ăn mà sống còn.

A Nan! Tất cả chúng sanh ăn thức lành thì sống, ăn thức độc thì chết. Vậy chúng sanh cầu Tam Ma Địa, nên dứt bỏ năm thứ rau cay trong thế gian.

Năm thứ rau cay đó ăn chín thì phát lòng dâm, ăn sống thì thân sanh lòng giận. Những người ăn các thứ rau cay đó trên thế gian, dầu giảng nói được mười hai bộ Kinh, thiên tiên trong mười phương ghét mùi hôi đó đều lánh xa, các loài quỷ ... như trong lúc người kia ăn rau cay đó, đến liếm môi mép; người ấy cùng ở chung với quỷ một chỗ, phước đức ngày càng tiêu mòn, hằng lâu không được lợi ích. Người ăn rau cay đó tu Tam Ma Địa, Bồ Tát, thiên tiên, thiện thần không đến giữ gìn ủng hộ; đại lực quỷ vương được phương tiện ấy hiện thân Phật nói pháp cho người kia nghe, khiến chê bai phá giới cấm, khen ngợi dâm dục, nóng giận và si mê, khi mạng chung tự làm quyến thuộc với ma vương. Khi hưởng phước ma hết rồi đọa vào địa ngục vô gián. A Nan! Người tu đạo Bồ Đề, thường phải đoạn hẳn năm thứ rau cay, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ nhất.

Thế nào là Chánh Tánh? A Nan! Chúng sanh tu Tam Ma Địa như vậy, trước hết cần yếu phải nghiêm trì giới luật cho thanh tịnh, đoạn hẳn lòng dâm, không dùng rượu thịt, chỉ ăn đồ trong sạch nấu chín, không ăn đồ sống. A Nan! Người tu hành đó, nếu không đoạn dâm dục và sát sanh mà muốn ra khỏi ba cõi, thì thật không có lẽ ấy. Phải quán sự dâm dục như là rắn độc, như thấy giặc thù. Trước hết giữ gìn giới tứ khí, bát khí của Thanh Văn, giữ thân không lay động. Sau hành trì luật nghi thanh tịnh của Bồ Tát, giữ tâm không dấy khởi. Cấm giới đã thành tựu, thì đối với thế gian hẳn không có những nghiệp sanh sát lẫn nhau. Không làm việc trộm cắp, thì không vay nợ lẫn nhau, đối với thế gian khỏi phải đền trả lại nợ trước. Người thanh tịnh ấy tu Tam Ma Địa, liền chính nơi thân thịt của cha mẹ sanh ra, không cần thiên nhãn, mà tự nhiên xem thấy mười phương thế giới, gặp Phật, nghe pháp, chính mình vâng lãnh thánh chỉ của Phật, được Pháp Đại thân thông, dạo đi trong mười phương cõi nước; tức mạng thanh tịnh, không còn những điều khó khăn hiểm trở; ấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ hai.

Thế nào gọi là hiện nghiệp? A Nan! Người trì giới thanh tịnh như vậy, tâm không tham dâm, thì đối với sáu trần bên ngoài không hay dong ruổi, như không dong ruổi, nên tự xoay trở về tánh bản nguyên. Trần đã không duyên theo, thì căn không ngẫu hợp nơi đâu nữa. Trở ngược dòng về chỗ toàn nhất, sáu dụng không khởi hiện hành, cõi nước mười phương sáng suốt trong sạch, thí như trong ngọc lưu ly có treo mặt trăng sáng. Thân tâm khoan khoái tánh diệu viên bình đẳng, được đại an ổn; tất cả mật viên thanh tịnh nhiệm màu của Như Lai đều hiện trong đó; người ấy tức chứng được Pháp Vô Sanh Nhẫn. Từ đó, lần lượt tu tập tùy theo các hạnh phát ra mà an lập Thánh vị, đó gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ ba.

Đoạn 6 - An lập các thánh vị

A Nan! Thiện nam tử ấy ái dục đã khô cạn, căn, cảnh không phối hợp, thân tâm hiện tiền không còn tiếp tục sanh nữa. Do giữ chặt tâm rộng sáng, thuần là trí huệ, tánh trí huệ được sáng suốt cùng khắp soi thấu mười phương cõi nước, chỉ có huệ khô khan ấy,

nên gọi là “Càn Huệ Địa”, tập khí ngũ dục mới khô cạn, chưa tiếp giáp với dòng nước pháp của Đức Như Lai. Tức lấy tâm ấy đúng ngay nơi chính giữa lần vào, tánh diệu viên khai mở, từ chỗ chơn diệu viên lại phát ra chơn diệu. Tánh diệu tánh thường trụ, tất cả vọng tưởng diệt hết không còn, trung đạo được thuần chơn; gọi là Tín Tâm Trụ. Chơn tín sáng ở, tất cả đều viên thông, cả ba thứ âm, xứ, giới, không thể làm ngại. Như thế cho đến trong vô số kiếp quá khứ, vị lai xả thân, thọ thân, tất cả tập khí đều hiện trước mắt, thiện nam tử ấy thường hay nhớ nghĩ được không quên mất điều gì, gọi là Niệm Tâm Trụ.

Tánh diệu viên thuần chơn, chơn tinh phát, hóa ra các tập khí từ vô thi đều thông vào một tánh tinh minh. Chỉ dùng tinh minh ấy mà tiến đến chỗ chơn tịnh; gọi là Tinh Tấn Tâm.

Tâm tinh hiện tiền thuần dùng trí huệ; gọi là Huệ Tâm Trụ.

Giữ gìn trí huệ sáng suốt lặng trong cùng khắp tánh tịch diệu thường đứng lặng; gọi là Định Tâm Trụ.

Định quang phát sáng đi sâu vào tánh sáng suốt. Chỉ tiến không lùi; gọi là Bất Thối Tâm.

Tâm an nhiên mà tiến tới giữ gìn không cho mất, giao tiếp với khí phần mười phương Như Lai gọi là Hộ Pháp Tâm.

Giữ gìn Tánh Giác Minh, có thể dùng diệu lực xoay từ quang của Phật về nơi mình, hướng về Phật mà an trụ, cũng như hai mặt gương ánh sáng đối nhau, trong đó các bóng nhiệm màu ấy, lớp lớp lồng nhau; gọi là Hồi Hướng Tâm.

Tâm quang thâm xoay trở về được vô thượng diệu tinh thường trụ của Phật, an trụ nơi vô vi không bị sót mất; gọi là Giới Tâm Trụ.

Tự tại an trụ nơi giới, có thể dạo khắp mười phương tùy theo nguyện mà đi; gọi là Nguyện Tâm Trụ.

A Nan! Thiện nam tử đó dùng phương tiện chơn chánh phát mười thứ tâm ấy, tâm tinh đã phát sáng, mười dụng ấy xen lẫn với nhau viên thành một tâm; gọi là Phát Tâm Trụ.

Trong tâm phát ra sáng suốt như ngọc lưu ly trong sạch, bên trong hiện ra vàng ròng; dùng các diệu tâm trước kia sửa sang thành chỗ nương đứng; gọi là Trì Địa Trụ.

Tâm địa biết khắp đều được rõ ràng, dạo đi cả mười phương không gì ngăn ngại; gọi là Tu Hành Trụ.

Hạnh đồng với Phật, nhận khí phần của Phật, như thân trung ấm tự tìm cầu cha mẹ, âm tin thâm thông vào giống Như Lai; gọi là Sanh Quý Trụ.

Đã vào thai đạo, chính mình được nối theo dòng giác, như cái thai đã thành, tương người không thiếu khuyết, gọi là Phương Tiện Cụ Túc Trụ.

Dung mạo như Phật, tâm tướng cũng đồng; gọi là Chánh Tâm Trụ.

Thân tâm hợp thành, mỗi ngày càng tăng trưởng; gọi là Bất Thối Trụ.

Linh tướng mười thân²⁷⁶ một thời đầy đủ; gọi là Đồng Chơn Trụ.

Hình đã thành ra khỏi bào thai, chính mình làm Phật tử; gọi là Pháp Vương Tử Trụ.

Nghi biểu đã thành người lớn, như khi một quốc vương đem các việc nước giao phó cho thái tử kia, lúc thái tử trưởng thành, bày ra lễ quán đảnh; gọi là Quán Đảnh Trụ.

A Nan! Thiện nam tử ấy đã thành Phật tử rồi, đầy đủ không lường diệu đức của Như Lai và tùy thuận mười phương; gọi là Hoan Hỷ Hạnh.

Khéo làm lợi ích cho chúng sanh; gọi là Nhiều Ích Hạnh.

Tự giác, giác tha, được không chống trái; gọi là “Vô Sân Hận Hạnh”.

Theo chủng loại hiện ra sắc thân, tốt mé vị lai, ba đời bình đẳng, mười phương đều thông suốt; gọi là Vô Tận Hạnh.

Tất cả đều hợp đồng, trong mỗi mỗi pháp môn được không sai lầm gọi là “Ly Si Loạn Hạnh”.

Ở trong cái đồng, hiện ra các cái khác, nơi mỗi mỗi tướng khác, mỗi mỗi đều thấy là đồng; gọi là Thiện Hiện Hạnh.

Như vậy, cho đến mười phương hư không đầy khắp vi trần, và trong mỗi mỗi vi trần hiện ra mười phương cõi nước. Hiện vi trần hay hiện cõi nước không ngăn ngại nhau; gọi là Vô Trước Hạnh.

Các thứ hiện tiền đều là đệ nhất ba la mật đa; gọi là Tôn Trọng Hạnh.

Viên dung như thế, có thể thành khuôn phép của chư Phật trong mười phương; gọi là Thiện Pháp Hạnh.

Mỗi mỗi đều là nhứt chơn vô vi thanh tịnh vô lậu, vì tánh bản nhiên là như vậy; gọi là Chơn Thật Hạnh.

A Nan, thiện nam tử ấy đầy đủ thần thông, Phật sự đã thành tựu toàn là một tinh chơn thuần khiết, xa lìa các lỗi lầm, chính khi hóa độ chúng sanh mà diệt tâm năng độ, sở độ. Xoay tâm vô vi hướng về đường Niết Bàn; gọi là Cứu Hộ Nhứt Thiết Chúng Sanh Ly Chúng Sanh Tướng Hồi Hướng.

Diệt hoại cái gì có thể diệt hoại, xa lìa các thứ có thể lìa; gọi là Bất Hoại Hồi Hướng.

Tánh bản giác đứng lạng, giác ngộ bằng với Phật; gọi là Đẳng Nhứt Thiết Phật Hồi Hướng.

Tinh chơn phát ra sáng suốt địa đồng như Phật địa; gọi là Chí Nhứt Thiết Xứ Hồi Hướng.

Thế giới và Như Lai xen lẫn vào nhau không ngăn ngại; gọi là Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hướng.

Nơi đồng với Phật địa, trong ấy phát sanh ra các nhơn thanh tịnh, nương nhơn ấy mà phát huy đi đến đạo Niết Bàn; gọi là Tùy Thuận Bình Đẳng Thiện Căn Hồi Hướng.

Gốc chơn thật đã thành tựu, chúng sanh trong mười phương đều là bản tánh của mình, tánh ấy thành tựu viên mãn, không bỏ sót chúng sanh; gọi là Tùy Thuận Đẳng Quán Nhất Thiết Chúng Sanh Hồi Hướng.

Tức tất cả pháp, ly tất cả tướng, cả tức và ly hai thứ đều không dính mắc; gọi là Chơn Như Tướng Hồi Hướng.

Thật được như như, mùi hương không ngại; gọi là Vô Phược Giải Thoát Hồi Hương.

Thành tựu viên mãn lượng của pháp giới dứt; gọi là Pháp Giới Vô Lượng Hồi Hương. A Nan, thiện nam tử ấy tu hết bốn mươi một tâm thanh tịnh ấy rồi, kể đến thành tựu bốn thứ gia hạnh diệu viên.

Tức là lấy Phật giác dùng làm tâm mình, như ra nhưng chưa ra, cũng như dùi cây ra lửa, mà đốt lại cây, gọi là Noãn Địa.

Lại lấy tâm mình làm chỗ đứng của Phật, hình như nương gá nhưng không phải nương, như lên chót núi cao thân đã vào hư không, nhưng ở dưới còn chút ngăn ngại; gọi là Đỉnh Địa.

Tâm và Phật đồng khéo được Trung Đạo, ví như người biết nhẫn không phải ôm vào, chẳng phải cho ra; gọi là Nhẫn Địa.

Số lượng đều tiêu diệt, mê, giác, và Trung đạo cả hai đều không có gì để gọi; gọi đó là Thế Đệ Nhất Địa.

A Nan, thiện nam tử ấy đối với đại Bồ Tát khéo được thông đạt, chỗ giác ngộ thông suốt với Như Lai, cùng tột cảnh giới của Phật; gọi là Hoan Hỷ Địa.

Tánh khác nhập với đồng cũng diệt; gọi là Ly Cấu Địa.

Thanh tịnh cùng tột sáng suốt phát sanh; gọi là Phát Quang Địa.

Sáng cùng tột, thì giác viên mãn; gọi là Diệm Huệ Địa.

Tất cả đồng khác, không thể đến được, gọi là Nan Thắng Địa.

Bản tánh vô vi, chơn như thanh tịnh tỏ lộ; gọi là Hiện Tiền Địa.

Tột bờ mé chơn như; gọi là Viễn Hành Địa.

Một tâm chơn như; gọi là Bất Động Địa.

Pháp dụng chơn như; gọi là Thiệu Huệ Địa.

A Nan! Các vị Bồ Tát ấy từ đây về trước công hạnh tu tập đã xong, công đức được viên mãn, cũng gọi địa này là tu tập vị, bóng từ²⁷⁷ mây diệu²⁷⁸ trùm khắp che biển Niết Bàn; gọi là Pháp Vân Địa.

Như Lai ngược dòng²⁷⁹ trở lại, vị Bồ Tát đó thuận dòng²⁸⁰ đi tới giác ngộ vào chỗ giao tiếp với nhau; gọi là Đăng Giác.

A Nan! Từ tâm Càn Huệ đến Đăng Giác rồi, giác đó mới bắt đầu được sơ Càn Huệ Địa trong Tâm Kim Cang. Như vậy, lớp lớp tu đơn, tu kép mười hai vị mới cùng tột Diệu Giác, thành đạo Vô Thượng.

Các thứ Địa ấy đều do Trí Huệ Kim Cang Bát Nhã quán sát mười thứ thí dụ như huyền, sâu xa trong Xa Ma Tha, dùng các pháp Tỳ Bát Xá Na của Như Lai mà thanh tịnh tu chứng, lần lượt đi sâu vào.

A Nan! Như thế đều do ba thứ tiệm thứ tăng tiến, nên khéo thành tựu năm mươi lăm vị²⁸¹, trong đường Bồ Đề Chơn Thật.

Quán xét như vậy, gọi là chánh quán, nếu quán khác đi, gọi là tà quán.

Đoạn 7 - Kết chỉ dạy tên kinh

Lúc bấy giờ, ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chơn Phật mà bạch rằng: “Nên gọi Kinh này là gì? Con và chúng sanh phải phụng trì thế nào?”

Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi: “Kinh này tên là “Đại Phật Đảnh²⁸², Tát Đát Đa, Bát Đát Ra Vô Thượng Bảo Ấn, Thập Phương Như Lai Thanh Tịnh Hải Nhân”.

Cũng gọi tên là: “Cứu hộ thân nhơn, độ thoát A Nan, cập thử hội trung tánh Tỳ Kheo Ni đắc Bồ Đề Tâm Nhập Chánh Biến Tri Hải”. Cũng gọi tên là “Như Lai Mật Nhơn Tu Chứng Liễu Nghĩa”. Cũng gọi tên là “Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương, Thập Phương Phật Mẫu Đà La Ni Chú”. Cũng gọi tên là “Quán Đảnh Chương Cú, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm”. Ông nên phụng trì.

Đoạn 8 - Nghe pháp được tăng tiến

Phật nói lời ấy rồi, liền đó ông A Nan và cả đại chúng, được nhờ Như Lai khai thị ý nghĩa mật ấn²⁸³ Bát Đát Ra và nghe được những tên gọi liễu nghĩa của Kinh này, liền ngộ được diệu lý tăng thượng đề tu tiến vào các thánh vị trong thiên na; tâm niệm rỗng rang đứng lặng đoạn trừ sáu phẩm phiền não vi tế của tư hoặc trong tam giới.

Chương IV: Phân biệt chín chấn nghiệp quả, phân tách kỹ về tà ma ngoại đạo

MỤC I: HỎI VỀ VỌNG TƯƠNG TẬP KHÍ SẴN CÓ, SANH KHỞI RA LỤC ĐẠO

Ông A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chơn Phật, chấp tay cung kính bạch rằng: “Đức Thế Tôn có oai đức lớn, dùng từ âm không ngăn che, khéo khai ngộ những thứ mê lầm sâu kín nhỏ nhiệm của chúng sanh, khiến cho chúng con ngày hôm nay thân tâm an ổn thích thú được lợi ích lớn. Bạch Thế Tôn! Nếu Chơn Tâm Diệu Minh trong sạch nhiệm màu này, bản lai cùng khắp viên mãn như thế cho đến đất liền, cỏ cây các loài hàm linh máy động vốn nguyên là Chơn Như, tức là Chơn Thể Thành Phật của Như Lai. Thể tánh của Phật đã chơn thật, tại sao lại có các đường: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la, người, trời ... Bạch Thế Tôn! Các đường ấy bản lai tự có hay do tập khí giả dối của chúng sanh sanh khởi?”

MỤC II: HỎI VỀ VIỆC BÁC KHÔNG NHƠN QUẢ BỊ SA VÀO ĐỊA NGỤC VÀ VỀ NGHIỆP CHUNG, NGHIỆP RIÊNG

Bạch Thế Tôn! Như Tỳ Kheo Ni Bửu Liên Hương²⁸⁴ giữ giới Bồ Tát lén lút làm việc dâm dục, lại nói càn rằng việc dâm dục chẳng phải sát sanh, trộm cắp, không có nghiệp báo. Nói ra lời ấy rồi, trước hết từ nơi nữ căn sanh ra ngọn lửa hồng lớn, về sau từng lóng, từng đốt đều bị lửa đốt cháy, rơi vào địa ngục Vô gián.

Vua Lưu Ly²⁸⁵ và Tỳ Kheo Thiện Tinh²⁸⁶, vua Lưu Ly gết họ hàng Cù Đàm; Thiện Tinh vì nói càn, tất cả pháp đều rỗng không, ngay thân sống sa vào địa ngục A Tỳ.

Các địa ngục đó là có chỗ nhất định hay là tự nhiên, mà khi các người kia gây nghiệp, thì mỗi người đều chịu riêng? Cúi mong Phật dũ lòng đại từ, khai ngộ cho kẻ ngậy thơ, khiến cho tất cả chúng sanh trì giới nghe nghĩa quyết định, vui lòng tôn trọng kính cẩn giữ gìn không trái phạm.

MỤC III: KHAI THỊ PHẦN TRONG, PHẦN NGOÀI CỦA CHÚNG SANH

Đoạn 1 - Nêu chung

Phật bảo: “A Nan! Hay thay, lời hỏi đó, khiến cho các chúng sanh chẳng mắc vào tà kiến, hãy nghe cho kỹ, ta sẽ nói cho ông nghe! ”.

A Nan! Tất cả chúng sanh thật vốn là chơn tánh thanh tịnh, như những vọng kiến kia mà có tập khí hư vọng sanh ra, vì thế nên có chia ra phần trong và phần ngoài.

Đoạn 2 - Phần trong

A Nan! Phần trong tức là trong phần của chúng sanh. Như các thứ ái nhiễm phát khởi ra vọng tình, vọng tình tích chứa mãi không thôi, nên hay sanh ra nước ái. Thế cho nên, trong tâm của chúng sanh nghĩ nhớ đến **thức** ăn ngon, thì trong miệng chảy nước bọt; trong tâm nghĩ đến người trước hoặc thương, hoặc giận thì nước mắt trào ra; tham cầu của báu, thì tâm phát ra nước ái trên thân đều trong sáng; tâm đắm trước hành dâm, thì hai căn của nam nữ tự nhiên dịch khí chảy ra. A Nan, các thứ ái tuy có khác, nhưng kết quả chảy nước là đồng, thấm ướt không bay lên được thì tự nhiên theo đó mà rơi xuống, ấy gọi là phần trong.

Đoạn 3 - Phần ngoài

A Nan! Phần ngoài tức là ngoài phần của chúng sanh. Như lòng khát ngưỡng mà phát ra những hư tưởng, tưởng chất chứa mãi không thôi, có thể sanh ra thặng khí. Thế nên, trong tâm chúng sanh, nếu trì giới cấm, thì toàn thân đều nhẹ nhàng thanh tịnh; tâm trì ấn chú, thì mắt nhìn hùng dũng, nghiêm nghị; tâm muốn sanh lên cõi trời, thì chiêm bao thấy bay lên; để tâm nơi cõi Phật, thì cảnh Phật thâm hiện; phụng thờ thiện tri thức, thì tự xem thường thân mạng. A Nan! Các tướng đó tuy khác nhưng nhẹ nhàng cất lên thì đồng nhau, cất bay không chìm xuống tự nhiên vượt lên ấy là phần ngoài.

Đoạn 4 - Phân biệt tình, tưởng, nặng nhẹ

A Nan! Tất cả thế gian sống chết tiếp nối nhau, là do thuận theo tập quán, chết thì đổi sang dòng khác; khi gần mạng chung chưa hết hơi nóng, việc lành việc dữ trong một đời đồng thời hiện đủ. Nghịch của chết thuận của sống, hai tập khí giao xen lẫn nhau. Thuận tưởng thì bay lên, ắt sanh lên trên các cõi trời. Nếu khi bay lên mà trong tâm gồm có đủ phước đức trí huệ và nguyện thanh tịnh, tự nhiên tâm được khai ngộ, thấy

tất cả Tịnh Độ mười phương chư Phật theo nguyện vãng sanh.

Tình ít tướng nhiều cất lên không xa, liền làm phi tiên, đại lực quỷ vương, phi hành dạ xoa, địa hành la sát, đi khắp bốn cõi trời không bị ngăn ngại. Trong những vị ấy, nếu có tâm tốt, nguyện lành, ủng hộ Phật pháp, hoặc ủng hộ giới cấm theo người trì giới, hoặc ủng hộ thần chú theo người trì chú, hoặc ủng hộ thiên định giữ yên pháp nhẫn, các hạng đó chính mình được ở dưới pháp tòa của Như Lai.

Tình tướng đồng nhau, không bay lên cũng không rơi xuống, sanh ở cõi người, tướng sáng suốt nên thông minh, tình tối tăm nên ngu độn.

Tình nhiều tướng ít, trôi vào các loài hoành sanh; nặng, làm loài có lông, nhẹ, làm loài có cánh.

Bảy phần tình, ba phần tướng chìm xuống dưới thủy luân, sanh nơi mé hỏa luân chịu khí phần của lửa mạnh, thân làm ngựa quỷ, thường bị đốt cháy, vì nước có thể hại mình, nên trải qua trăm ngàn kiếp không ăn không uống.

Chín phần tình một phần tướng chìm xuống thấu qua hỏa luân, giữa giao với phong luân và hỏa luân, nhẹ sanh vào địa ngục hữu gián, nặng sanh vào địa ngục vô gián.

Thuần tình chìm sâu vào địa ngục A Tỳ. Nếu trong tâm chìm sâu đó lại có chê bai Đại Thừa, phá cấm giới của Phật, cuồng vọng thuyết pháp để tham cầu của tín thí, lạm nhận lòng cung kính của người, hoặc phạm ngũ nghịch thập trọng, lại sanh vào địa ngục A Tỳ trong mười phương.

Theo nghiệp ác gây ra, tuy tự chuốc lấy quả báo, nhưng trong chúng đồng phận, vẫn có chỗ sẵn.

MỤC IV: CHỈ RA MƯỜI TẬP NHON, SÁU ĐƯỜNG GIAO BÁO

Đoạn 1 - Nêu chung danh mục

A Nan! Những điều như thế đều do nghiệp báo, các chúng sanh kia tự chiêu cảm lấy, như gây mười tập nhon phải chịu sáu giao báo.

Đoạn 2 - Chính chỉ mười tập nhon

Thế nào là mười tập nhon?

A Nan! Một là tập quán dâm dục cùng giao tiếp nhau phát sanh cọ xát lẫn nhau, cọ xát mãi không thôi; như thế, nên trong ấy có ngọn lửa hồng lớn nổi lên, như người lấy hai bàn tay cọ xát lẫn nhau, có cảm giác nóng hiện ra.

Hai tập khí đốt nhau, nên có những việc giương sát, trụ đồng.

Thế nên, tất cả mười phương các đức Như Lai, nhận xét dâm dục đồng gọi là lửa dục. Bồ Tát đối với dâm dục tránh xa như tránh hầm lửa.

Hai là tập quán tham lam, so đo hơn thiệt, phát sanh hấp thụ lẫn nhau, hấp thụ ôm ấp mãi không thôi, vì thế nên tích tụ hơi lạnh bên trong thành băng cứng làm cho nứt nẻ; ví như có người hút hơi gió vào thì sanh ra cảm giác lạnh. Hai tập lẫn át nhau nên có

những sự tra tra, ba ba, la la, thanh liên, xích liên, bạch liên, hàn băng ... thế nên, mười phương Như Lai nhận xét tham cầu quá nhiều, đồng gọi là nước tham. Bồ Tát đối với lòng tham, tránh như tránh biển độc.

Ba, tập quán ngã mạn lần lượt lẫn nhau, phát sanh ý thế với nhau. Dong ruỗi mãi không ngừng, vì thế nên có bồn ba, sôi nổi, chứa sóng lại thành nước, ví như có người miệng lưỡi tự chép làm cho nước bọt chảy ra. Hai tập khí chọi nhau, nên có các việc: sông máu, sông tro, cát nóng, lặn độc, bắt uống nước đồng chảy... Thế nên, tất cả Như Lai ở trong mười phương nhận xét, lòng ngã mạn gọi là uống nước si mê. Bồ Tát đối với tâm ngã mạn, như tránh vực thẳm.

Bốn, tập quán nóng giận xung đột lẫn nhau, phát sanh chống đối lẫn nhau, chống đối mãi không thôi, tâm nổi nóng phát ra lửa, nên khí nó ngưng tụ thành kim thạch. Vì thế nên có núi đao, đòn sắt, cây gươm, bánh xe gươm, búa, rìu, thương, cưa. Ví như người bị hàm oan thì sát khí nổi lên. Hai tập khí chống chọi nhau, nên có các việc thiên, cắt, chém, chặt, dùi, đâm, đập, đánh. Thế nên tất cả các đức Như Lai mười phương nhận xét sự nóng giận gọi là dao gươm bén, Bồ Tát đối với lòng nóng giận, tránh như tránh chém giết.

Năm, tập quán về giả dối dụ dỗ theo nhau phát sanh lôi kéo lẫn nhau, dẫn dắt mãi không thôi; như vậy, nên có dây, cây, thòng lọng, cặng móc, ví như nước thấm vào ruộng, cỏ cây sanh trưởng. Hai tập khí kéo dài với nhau, nên có các việc gông, cùm, xiềng xích, roi gậy, qua bổng. Vậy nên tất cả các đức Như Lai mười phương nhận xét giả dối đồng làm sàm tặc. Bồ Tát thấy giả dối sợ như beo sói.

Sáu, tập quán về lường gạt lừa dối với nhau, phát sanh phỉnh gạt lẫn nhau. Phỉnh gạt mãi không thôi, phóng tâm vào những điều gian dối như vậy, cho nên có đất bụi, đại tiện, tiểu tiện, các đồ nhơ nhớp không sạch, như bụi theo gió mỗi cái không thấy lẫn nhau. Hai tập khí chìm hại lẫn nhau, nên có các việc chìm đắm, nhảy ném, bay rơi, trôi lăn. Thế nên tất cả các đức Như Lai mười phương nhận xét sự lừa gạt đồng gọi là cướp giết. Bồ Tát đối với sự dối gạt như đập nhằm rắn rết.

Bảy, tập khí thù oán hiềm khích lẫn nhau, phát sanh ôm lòng giận hờn, như thế cho nên có quăng đá, ném gạch, hộp nhót, xe cũi, bình đựng, đẩy bọc, như người hiềm độc ôm ấp điều dữ. Hai tập khí nuốt nhau nên có sự ném, quăng, nắm, bắt, đánh, bắn, gieo, ôm. Vậy nên, tất cả các đức Như Lai mười phương nhận xét sự thù oán gọi là quỷ Vi Hại. Bồ Tát đối với sự thù oán như uống rượu độc.

Tám, tập quán ác kiến tranh cãi với nhau như ngã kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và các nghiệp tà ngộ, phát sanh ra chống trái lẫn nhau, như thế nên có sứ vua chủ lại nắm giữ giấy tờ làm chứng, như người đi đường qua lại gặp nhau. Hai tập khí giao nhau, nên có các việc khám hỏi, mưu mẹo, khảo tấn, hạch hỏi, gạn xét, cứu tra soi sáng và những đồng tử thiện ác, tay cầm sổ sách biện bạch cãi vã. Thế nên, tất cả các đức Như Lai mười phương nhận xét ác kiến đồng gọi là hàm kiến chấp. Bồ Tát đối với các thứ thiên chấp hư dối như đến bên hố độc.

Chín, là tập quán về vu vạ, làm hại lẫn nhau, phát sanh vu báng. Như thế nên có núi ép, đá ép cối xay, cối nghiền, cày bừa, ví như kẻ sàm tặc áp bức vu oan cho người lành. Hai tập khí ấy bài xích lẫn nhau, nên có các việc áp giải, đê đập, ép huyết tuốt mình. Thế nên tất cả các đức Như Lai mười phương nhận xét việc vu vạ đồng gọi là sàm hồ. Bồ Tát đối với vu vạ như bị sấm sét.

Mười, tập quán kiện thưa cãi vã lẫn nhau, phát sanh sự che đậy. Như thế nên có gương soi, đuốc chiếu, như ở giữa ban ngày không thể giấu bóng được. Hai tập khí phô bày lẫn nhau, nên có các việc bần ác, kiếng nghiệp, hỏa châu phơi bày việc xưa để đối nghiệm. Thế nên tất cả các đức Như Lai mười phương nhận xét sự che đậy đồng gọi là giặc ngầm. Bồ Tát đối với sự che đậy như đội núi cao, lội trong biển lớn.

Đoạn 3 - Tóm nêu sáu giao báo

Thế nào gọi là sáu giao báo? A Nan, tất cả chúng sanh đều do sáu thức tạo nghiệp, nên chiêu cảm ác báo, đều từ sáu căn mà ra.

Đoạn 4 - Khai thị về sáu giao báo

Các báo dữ về sáu căn như thế nào? Một, là giao báo về thấy, chiêu cảm quả báo dữ. Khi nghiệp thấy ấy giao báo, thì khi lâm chung, trước hết thấy lửa dữ đầy cả mười phương, thần thức người chết bay rơi theo khói vào địa ngục vô gián, phát ra hai tướng; một là thấy sáng: thấy khắp các vật dữ sanh ra khiếp sợ không lường; hai là thấy tối: lặng im không thấy gì sanh ra hoảng hốt vô hạn. Lửa thấy như thế, đốt cái nghe có thể làm vạc dầu sôi, làm nước đồng chảy. Đốt hơi thở, thì hay làm khói đen, lửa đỏ; đốt cái nếm, thì hay làm viên tròn nung đỏ, làm cơm sắt; đốt cảm xúc, thì hay làm tro nóng, lò than; đốt tâm ý, thì hay sanh ra sao lửa rưới khắp làm rung động cả cõi hư không.

Hai, giao báo về nghe, chiêu cảm quả dữ. Khi nghiệp nghe này giao báo thì khi lâm chung trước thấy sóng cuộn nhận chìm ngập trời đất, thần thức người chết sa xuống theo dòng nước vào ngục vô gián, phát ra hai tướng: một là nghe rõ, nghe tất cả các thứ ồn náo, tinh thần rối loạn; hai là lại điếc hẳn lặng lẽ không nghe gì, thần thức chìm lịm. Sóng nghe như thế rót vào cái nghe, thì hay làm trách làm hỏi; rót vào cái thấy, thì hay làm sấm, làm rống, làm hơi độc dữ; rót vào hơi thở, thì hay làm mưa làm mù, rưới các sâu độc đầy khắp cả thân thể; rót vào vị, thì hay làm mủ làm máu, các thứ như bần; rót vào cảm xúc, thì hay làm súc, làm quỉ, làm phân, làm nước tiểu; rót vào ý nghĩ, thì hay làm chớp, làm mưa đá đập nát tâm thức.

Ba, là giao báo về ngửi chiêu cảm quả dữ, nghiệp ngửi ấy giao báo, khi lâm chung trước thấy hơi độc đầy đầy xa gần, thần thức người chết từ dưới đất vọt lên, vào ngục vô gián, phát ra hai tướng: một là ngửi thông, bị các hơi độc xông tột bực làm cho tâm rối loạn; hai là ngạt mũi, hơi ngạt không thông nằm chết giấc dưới đất. Hơi ngửi như thế xông vào hơi thở, thì làm thông làm ngạt; xông vào cái thấy, thì có thể làm lửa làm

đuốc; xông vào cái nghe, thì có thể làm chìm ngập, làm chết đuối, làm nước lớn, làm nước sôi; xông vào vị, thì có thể làm đói, làm ngấy; xông vào cảm xúc, thì có thể làm xấu làm nát, làm núi thịt lớn có trăm ngàn con mắt ăn hút không lường; xông vào ý, thì có thể làm tro, làm chướng khí, làm gạch, cát, đá bay lên đánh nát thân thể.

Bốn, giao báo về vị chiêu cảm quả dữ. Khi nghiệp vị đó giao báo, thì lúc lâm chung trước thấy lưới sắt nung đỏ, che khắp cả thế giới; thần thức của người chết từ dưới tung lên, mắc lưới treo đầu lộn ngược xuống vào ngục vô gián, phát ra hai tướng: một là hớp hơi vào kết thành giá lạnh, thịt trong thân bị nứt nẻ; hai là phun hơi bay ra làm lửa hồng, đốt cháy rụi xương tủy. Vị nếm như thế qua cái nếm, thì có thể làm nhận làm chịu; qua cái thấy, thì có thể làm các thứ kim thạch đốt cháy; qua cái nghe, thì có thể làm binh khí sắc bén; qua hơi thở, thì có thể làm lồng sắt lớn che trùm cõi nước; qua cái cảm xúc, thì có thể làm cung, làm tên, làm nổ, làm bắn; qua cái ý, thì có thể làm sắt nóng bay từ trên không rưới xuống.

Năm, là giao báo về xúc chiêu cảm quả dữ. Khi nghiệp xúc đó giao báo, thì lúc lâm chung, trước thấy núi lớn bốn mặt đến hợp lại không còn đường ra, thần thức người chết thấy thành sắt lớn, rắn lửa, chó lửa, cọp, sói, sư tử, ngục tốt đầu trâu, la sát đầu ngựa, tay cầm cây thương, xóc, lừa vào cửa thành, hướng về ngục vô gián, phát ra hai tướng: một là hợp xúc, thì núi ép kẹp mình xương thịt nát ra máu; hai là ly xúc thì dao gươm chạm vào mình, tim gan cắt xẻ. Xúc báo như vậy, qua cái xúc, thì có thể làm đao, làm quán, làm sành, làm án, qua cái thấy, thì có thể làm đốt, làm nung; qua cái nghe, thì có thể làm đập, làm đánh, làm đâm, làm bắn; qua hơi thở, thì làm trùm, làm đẩy, làm tra, làm trói; qua cái nếm vị, thì có thể làm cày, làm kềm, làm chém, làm chặt; qua cái ý thì có thể làm rơi, làm bay, làm nấu, làm nướng.

Sáu, là giao báo về suy nghĩ chiêu cảm quả dữ. Khi nghiệp ý giao báo, thì lúc lâm chung trước thấy gió dữ thổi tiêu hoại cõi nước, thần thức của người chết bị gió thổi bay trên không, xoay rơi trên gió, sa xuống địa ngục vô gián, phát ra hai tướng: một là không biết, mê muội cùng tột, hoang mang bỏ chạy không thôi; hai là không mê, tỉnh biết thì khổ bị thiêu đốt không cùng đau đớn thống thiết khó nhẫn chịu. Như thế kết vào ý nghĩ, thì có thể làm phương, làm sớ; kết vào cái thấy, thì có thể làm gương soi, làm chứng cứ; kết vào cái nghe, thì có thể làm đại hợp thạch, làm giá, làm sương, làm đất, làm mù; kết vào hơi thở, thì có thể làm xe lửa lớn, làm thuyền lửa, làm cũi lửa; kết vào cái nếm vị, thì có thể làm kêu la to, làm hối hận, làm khóc lóc; kết vào xúc, thì có thể làm lớn, nhỏ, làm cho một ngày muôn lần sống, muôn lần chết, làm nghiêng làm ngửa.

Đoạn 5 - Kết luận về tập nơn giao báo, khi hoàn toàn, khi thiếu khuyết và đáp lại nghiệp riêng mà có đồng phần

A Nan! Ấy gọi là mười nơn và sáu quả của địa ngục đều do chúng sanh mê vọng mà tạo ra.

Nếu các chúng sanh sáu căn đồng tạo nghiệp dữ, thì vào ngục A Tỳ chịu khổ không lường, trải qua vô lượng kiếp. Nếu từng mỗi căn tạo ra và nghiệp dữ đã làm, gồm cả cảnh và căn, thì người ấy vào tám địa ngục vô gián.

Nếu cả thân, khẩu, ý làm việc sát, đạo, dâm, thì người ấy vào mười tám địa ngục; không đủ cả ba nghiệp thân, khẩu, ý hoặc trong ấy chỉ làm việc sát, hoặc việc đạo, thì người ấy vào ba mươi sáu địa ngục. Chỉ có một căn riêng làm một việc, thì người ấy vào một trăm lẻ tám địa ngục.

Do những chúng sanh ấy riêng gây ra nghiệp, nên vào chỗ đồng phần ấy, đều do vọng tưởng phát sanh chẳng phải bản lai tự có.

Đoạn 6 - Khai thị các đư báo

Lại nữa, A Nan! Các chúng sanh ấy chê bai phá hoại luật nghi, phạm giới cấm Bồ Tát, hủy báng Niết Bàn của Phật và các nghiệp phức tạp khác, sau khi bị đốt cháy trải qua nhiều kiếp đền tội hết rồi phải chịu các hình quỷ.

Nếu nơi bản nhờn do tham vật làm ra tội, người ấy đền tội xong gặp vật thành hình, tên là Quái quỷ; do tham sắc mà làm ra tội, người ấy đền tội xong gặp gió thành hình gọi là Bạt quỷ; tham mê hoặc dối trá làm ra tội, người ấy đền tội xong, gặp giống súc thành hình gọi là My quỷ; do tham nóng giận mà làm ra tội, người ấy đền tội xong, gặp con sâu thành hình gọi là Cổ Độc quỷ; do tham thù oán làm ra tội, người ấy đền tội xong gặp vận suy thành hình gọi là Lệ quỷ; do tham ngã mạn làm ra tội, người ấy đền tội xong gặp khí thành hình gọi là Nga quỷ; do tham lừa gạt làm ra tội, người ấy đền tội xong, gặp u ản thành hình gọi là Áp quỷ; do tham ác kiến làm ra tội, người ấy đền tội xong, gặp tinh hoa thành hình gọi là Vọng Lượng quỷ; do tham vu vạ làm ra tội, người ấy khi đền tội xong, gặp linh hiển thành hình, gọi là Dịch Sử quỷ; do tham bè phái che giấu làm ra tội, người ấy khi đền tội xong, gặp con người thành hình, gọi là Truyền Tống quỷ.

A Nan! Những người ấy đều do thuần tình phải đọa lạc, bị lửa nghiệp đốt khô, thì lên làm quỷ. Những loài như thế đều từ nghiệp vọng tưởng chiêu cảm. Nếu chúng ngộ Bồ Đề, thì tánh Diệu viên minh vốn không thật có.

Lại nữa A Nan! Khi nghiệp quỷ đã hết thì tình và tướng cả hai đều thành không, mới ở thế gian cùng với những người mình đã thiếu nợ cũ oán đối gặp nhau, thân làm súc sanh để trả nợ trước.

Quái quỷ theo vật, vật tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chim kiêu. Quỷ theo gió, gió tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm các loài kỳ dị. My quỷ theo súc, súc chết báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chồn. Cổ quỷ theo sâu, sâu diệt báo hết, phần nhiều sanh nơi thế gian làm loài có độc. Lệ quỷ theo vận suy, suy tốt báo hết sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài côn trùng. Nga quỷ theo khí, khí tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài cung cấp thịt ăn. Áp quỷ theo u ản, u ản tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài đồ mặc. Vọng

Lượng quý theo tinh hoa, tinh hoa báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài cảm ứng. Dịch Sử quý theo sự linh hiển, linh hiển diệt báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm tất cả loài hư trung. Truyền Tống quý theo người, người chết báo hết, sanh nơi thế gian phần nhiều làm các loài quần quít bên người.

A Nan! Bọn ấy đều do lửa nghiệp đốt khô sanh ra loài súc đền trả nợ trước. Như thế, đều do vọng nghiệp của tự mình chuốc lấy. Nếu ngộ tánh Bồ Đề, thì vọng duyên đó vốn không thật có.

Như lời ông nói, bọn Bảo Liên Hương, vua Lưu Ly, Tỳ Kheo Thiện Tinh đều vốn tự tạo nghiệp dữ như thế. Nghiệp ấy không phải từ trên trời rơi xuống, từ dưới đất vọt lên, cũng không phải người khác đưa tới, mà chính do vọng tưởng của tự mình gây ra rồi trở lại tự mình thọ quả báo, đối với tâm Bồ Đề đó chỉ là sự kết đọng của vọng tưởng giả dối.

Lại nữa, A Nan! Từ các súc sanh ấy đã đền trả nợ trước, nếu trong lúc trả nợ mà trả quá nợ cũ, thì các chúng sanh này trở lại làm người đòi lại chỗ thừa kia. Nếu như người ấy có thể lực, lại có cả phước đức, thì ở trong loài người, không xả thân người để hoàn lại chỗ thừa đó; còn nếu không có phước đức phải làm súc sanh để trả nợ đền lại chỗ thừa.

A Nan! Phải biết, nếu dùng tiền của hoặc sai sử sức của chúng, đền đủ thì xong, còn như trong ấy có giết thân mạng hoặc ăn thịt chúng, như thế cho đến ăn nhau giết nhau trải qua nhiều kiếp như số vi trần cũng như bánh xe xoay vần thay đổi bên cao bên thấp không có dừng nghỉ, trừ người được pháp thiên định, hoặc Phật ra đời, thì không thể dừng được.

Nay ông nên biết, loài chim kiêu kia khi đền nợ đủ trở lại hình người, sanh trong nhơn đạo, xen hợp với loài ngoan cố. Giống cưu trung kia, khi đền nợ đủ, trở lại thân người, sanh trong nhơn đạo xen hợp với hạng quái dị. Những loài hổ kia, khi đền nợ đủ trở lại thân người sanh trong nhơn đạo xen hợp với hạng ngu dại. Những loài có độc kia, khi đền nợ đủ, trở lại thân người sanh trong nhơn đạo xen hợp với hạng nham hiểm. Những loài côn trùng kia, khi đền trả nợ đủ, trở lại thân người sanh trong nhơn đạo xen hợp với hạng nhỏ nhoi. Những loài cung cấp thịt ăn kia, khi đền trả nợ đủ trở lại thân người sanh trong nhơn đạo xen hợp với hạng nhu nhược. Những loài cung cấp đồ mặc kia, khi đền trả nợ đủ, trở lại thân người sanh trong nhơn đạo xen hợp với hạng lao lụy. Những loài chim mùa kia, khi đền trả nợ đủ, trở lại thân người sanh trong nhơn đạo xen hợp với hạng văn hoa. Những loài hư trung kia, khi đền trả nợ đủ, trở lại thân người sanh trong nhơn đạo xen hợp với hạng thông minh. Những loài quần quít theo người kia, khi đền trả nợ đủ, trở lại thân người sanh trong nhơn đạo xen hợp với hạng thông đạt.

A Nan! Bọn ấy nợ cũ trả xong, trở lại thân người đều do từ vô thi đến nay điên đảo gây nghiệp mà sanh nhau, sát đi lẫn nhau. Nếu không gặp Như Lai, không nghe chánh pháp, thì ở trong trần lao cứ thế xoay vần mãi mãi. Bọn ấy gọi là thật đáng

thương xót!

MỤC V: TU NHƠN RIÊNG BIỆT, THÀNH QUẢ HƯ VỌNG

Đoạn 1 - Nêu chung

A Nan! Lại có chúng sanh từ loài người không nương theo Chánh Giác tu pháp Tam Ma Địa, lại riêng tu theo vọng niệm để tâm củng cố hình hài vào trong rừng núi, chỗ người ta không đến được, thành mười thứ tiên.

Đoạn 2 - Riêng thành mười thứ tiên

A Nan! Các chúng sanh kia kiên cố dùng đồ bở không dùng nghỉ, khi đạo thực được thành tựu gọi là Địa Hành Tiên²⁸⁷.

Kiên cố dùng cỏ cây không dùng nghỉ, khi đạo thuốc được thành tựu, gọi là Phi Hành Tiên²⁸⁸.

Kiên cố dùng kim thạch không dùng nghỉ khi đạo dùng hóa chất được thành tựu gọi là Du Hành Tiên²⁸⁹.

Kiên cố dùng những động tác không dùng nghỉ, khi khí tinh được thành tựu gọi là Không Hành Tiên²⁹⁰.

Kiên cố luyện nước bọt không dùng nghỉ, khi nhuận đức được thành tựu gọi là Thiên Hành Tiên²⁹¹.

Kiên cố hợp thu tinh hoa không dùng nghỉ, khi hấp thụ được thành tựu gọi là Thông Hành Tiên²⁹².

Kiên cố làm thuật phù chú không dùng nghỉ, khi thuật pháp được thành tựu gọi là Đạo Hành Tiên²⁹³.

Kiên cố chuyên chú tâm niệm không dùng nghỉ, khi chuyên niệm được thành tựu gọi là Chiếu Hành Tiên²⁹⁴.

Kiên cố về thủy hỏa giao cấu không dùng nghỉ, khi cảm ứng được thành tựu gọi là Tinh Hành Tiên²⁹⁵.

Kiên cố về tập luyện biến hóa không dùng nghỉ, khi giác ngộ được thành tựu gọi là Tuyệt Hành Tiên²⁹⁶.

Đoạn 3 - Kết luận về tiên đạo

A Nan! Những bọn ấy ở trong loài người mà luyện tâm, không tu Chánh Giác chỉ riêng được lẽ sống lâu ngàn vạn năm ở ẩn trong núi sâu, hoặc trên đảo giữa biển cả, cách tuyệt chỗ người ở; đó cũng là vọng tưởng luân hồi, lưu chuyển. Nếu không tu pháp Tam Muội, thì khi quả báo hết, trở lại sanh vào trong lục đạo.

MỤC VI: CÁC CÔI TRỜI SAI KHÁC

Đoạn 1 - Dục giới

A Nan! Các người trong thế gian không cầu đạo thường trụ, chưa có thể xả bỏ việc ân ái với vợ của mình, nhưng tâm không buông lung trong việc tà dâm, do tâm đứng lạng sanh ra sáng suốt, sau khi mạng chung ở gần mặt trời, mặt trăng, một hạng như vậy, gọi là Tứ Thiên Vương Thiên.

Đối với vợ mình, dâm ái ít ỏi, trong lúc tịnh cư không được toàn vị, thì sau khi mạng chung vượt khỏi ánh sáng mặt trời, mặt trăng ở trên chớp nhơn gian; một loài như vậy gọi là Đạo Lợi Thiên.

Gặp cảnh dục tạm theo, qua rồi không nhớ nghĩ ở trong nhơn gian động ít tịnh nhiều, thì sau khi mạng chung sáng rõ ở yên trong cõi hư không, ánh sáng mặt trời, mặt trăng không soi đến được, những người như thế, tự mình có ánh sáng; một hạng như thế, gọi là Tu Diệm Ma Thiên.

Lúc nào cũng tĩnh, nhưng khi có cảm xúc đến bên mình cũng chưa chống đối được, thì sau khi mạng chung lên trên chỗ tịnh vi không tiếp với những cảnh nhơn thiên cõi dưới, cho đến gặp kiếp hoại, tam tai cũng không đến được; một loài như thế, gọi là Đầu Suất Đà Thiên.

Chính mình không có tâm dục chỉ đáp ứng với người khác mà làm, trong lúc phô bày, vô vị như ăn sáp, thì sau khi mạng chung vượt lên, sanh vào cảnh biến hóa; một loài như thế, gọi là Lạc Biến Hóa Thiên.

Không có tâm thế gian, chỉ đồng như thế gian làm việc ngũ dục, trong khi làm việc ấy rõ ràng siêu thoát, sau khi mạng chung vượt trên cảnh biến hóa và không biến hóa; một loài như thế, gọi là Tha Hóa Tự Tại Thiên.

A Nan! Sáu cõi trời như thế, hình thức tuy ra khỏi động, nhưng tâm tích còn có dính dấp; từ các cõi ấy trở xuống, gọi là dục giới.

- - Hết quyển 8 - -

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Quyển 9

Đoạn 2 - Sắc giới

A Nan! Tất cả người tu tâm trong thế gian, nếu không nhờ thiên na²⁹⁷, thì không có trí

tuệ.

Người nào giữ được thân không làm việc dâm dục, hoặc trong lúc đi, lúc ngồi cũng không nghĩ nhớ, lòng ái nhiễm không sanh, thì không còn ở trong cõi Dục, người ấy liền đó thân được làm phạm lữ; một loại như thế, gọi là Phạm Chúng Thiên. Tập quán ngũ dục đã trừ, tâm ly dục hiện ra vui vẻ, thuận theo luật nghi, người ấy liền có thể thực hành phạm đức; một loại người như thế, gọi là Phạm Phụ Thiên. Thân tâm hoàn toàn thanh tịnh, oai nghi không thiếu, cấm giới trong sạch, lại có thêm trí sáng, người ấy liền thống lãnh phạm chúng, làm Đại Phạm Vương; một loại người như thế, gọi là Đại Phạm Thiên.

A Nan! Ba loài tốt đó, tất cả khổ não không thể bức bách, tuy không phải chơn chánh tu Tam Ma Địa của Phật, nhưng trong tâm thanh tịnh, những làm lạc của Dục giới không lay động được, nên gọi là Sơ Thiên.

A Nan! Thứ nữa là các hàng Phạm Thiên thống lãnh phạm chúng, lại tu tập phạm hạnh được viên mãn, tâm đứng lặng không lay động do sự đứng lặng ấy mà phát sanh sáng suốt; một loại như thế, gọi là Thiếu Quang Thiên.

Hào quang sáng suốt thêm nhiều chói sáng không cùng, ánh vào mười phương thế giới đều thành ngọc lưu ly; một loài như thế, gọi là Vô Lượng Quang Thiên.

Nắm giữ ánh sáng viên mãn tạo thành giáo thể phát ra sự giáo hóa thanh tịnh ứng dụng không cùng; một loài như thế, gọi là Quang Âm Thiên.

A Nan! Ba loài tốt đó, tất cả lo buồn xa xôi không bức bách được, tuy không phải chơn chánh tu Tam Ma Địa của Phật, nhưng trong tâm thanh tịnh; những làm lạc thô động đã dẹp xuống, nên gọi là Nhị Thiên.

A Nan! Loài trời như thế khi dùng hào quang viên mãn để làm âm thanh giáo hóa, do âm thanh giáo hóa càng rõ nhiệm mầu phát ra hạnh tinh tấn thông với niềm vui yên lặng; một loài như thế, gọi là Thiếu Tịnh Thiên.

Cảnh thanh tịnh rộng rang hiện tiền dần phát không có bờ bến, thân tâm khinh an thành tựu được niềm vui vắng lặng; một loài như thế, gọi là Vô Lượng Tịnh Thiên.

Thế giới và thân tâm tất cả đều thanh tịnh viên mãn, công đức thanh tịnh thành tựu cảnh giới thù thắng giá nơi hiện tiền, trở về với cái vui tịch diệt; một loài như thế, gọi là Biến Tịnh Thiên.

A Nan! Ba loại tốt đó đầy đủ công hạnh, đại tùy thuận thân tâm yên lặng được niềm vui không lường, tuy không phải chơn chánh được pháp Tam Ma Địa của Phật, nhưng trong tâm an ổn hoan hỷ đầy đủ, gọi là Tam Thiên.

A Nan! Lại nữa loài trời đó thân tâm không bị bức bách, nguyên nhơn của khổ đã hết, lại xét cái vui không được thường trụ, lâu cũng phải tiêu tan, nên cả hai tâm khổ vui đồng thời đều phóng xả, những tướng thô trọng đã diệt, phước thanh tịnh sanh ra; một loài như thế, gọi là Phước Sanh Thiên.

Tâm phóng xả được viên mãn, sự nhận hiểu cao xa càng thanh tịnh, trong phước không gì trở ngại đó được sự tùy thuận nhiệm mầu cùng tột mé vị lai; một loài như

thế, gọi là Phước Ái Thiên.

A Nan! Từ cõi trời đó có hai con đường tẻ; nếu dùng tâm sáng suốt thanh tịnh vô lượng trước kia mà tu chứng thì an trụ nơi phúc đức viên mãn sáng suốt; một loài như thế, gọi là Quảng Quả Thiên.

Nếu đối với tâm trước kia nhằm chán cả khổ, vui, tinh cần nghiên cứu tâm phóng xả tương tục không gián đoạn, đi đến cùng tột sự phóng xả, thân tâm đều diệt, ý nghĩ bật mất trải qua năm trăm kiếp. Song người ấy đã lấy sanh diệt làm nhơn, thì không thể phát minh tánh bất sanh bất diệt, nên nửa kiếp ban đầu diệt, nửa kiếp sau lại sanh; một loài như thế, gọi là Vô Tướng Thiên!

A Nan! Bốn loại tốt đó, tất cả các cảnh khổ vui trong thế gian không làm lay động được. Tuy không phải là chỗ chơn thật bất động của đạo vô vi, song nơi tâm có sở đắc công dụng đã thuần thực, nên gọi là Tứ Thiên Thiên. A Nan! Trong đây lại có năm tầng bất hoàn thiên, các vị này đã diệt hết tập khí chín phẩm²⁹⁸ trong cõi dưới, khổ vui đều hết, bên dưới không có chỗ, nên an lập nơi chúng đồng phần của tâm phóng xả.

A Nan! Khổ vui cả hai đều diệt, không còn tâm niệm đấu tranh; một loài như thế, gọi là Vô Phiền Thiên.

Tự tại phóng xả, không còn năng, sở xả; một loài như thế, gọi là Vô Nhiệt Thiên.

Khéo thấy mười phương thế giới thảy đều đứng yên lại không còn tất cả những câu nhiệm trâm trọng của trần cảnh; một loài như thế, gọi là Thiện Kiến Thiên.

Tri kiến thanh tịnh hiện tiền, nhồi nắn hun đúc không ngại; một loài như thế, gọi là Thiện Hiện Thiên.

Quán sát rớt ráo các cực vi cùng tột tánh của sắc pháp vào tánh không bờ bến; một loài như thế, gọi là Sắc Cứu Cánh Thiên.

A Nan! Những bậc Bất Hoàn Thiên đó, bốn vị Tứ Thiên Vương Tứ Thiên chỉ được kính nghe, nhưng không thể thấy biết. Như hiện nay có các đạo tràng của chư Thánh nơi rừng sâu đồng rộng ở thế gian đều là nơi trụ trì của các vị A La Hán, nhưng những người thô thiên ở thế gian không thể thấy được.

A Nan! Mười tám cõi trời đó tâm thường ở trong định, không dính dáng với trần cảnh, song chưa hết cái lụy của hình hài. Từ đây trở lại gọi là sắc giới.

Đoạn 3 - Vô Sắc giới

Lại nữa, A Nan! Từ trong bờ mé sắc của Trời Hữu Đảnh lại có hai đường tẻ. Nếu nơi tâm phóng xả phát minh trí huệ, trí huệ sáng suốt được viên thông, ra khỏi cõi trần, thành A La Hán vào Bồ Tát thừa; một loài như thế, gọi là Hồi Tâm Đại A La Hán.

Nếu nơi tâm phóng xả thành tựu được sự chán xả rồi lại cảm thấy thân thể là ngại, tiêu cái ngăn ngại để vào hư không; một loài như thế, gọi là Không Xứ.

Các chất ngại đã tiêu trừ, nhưng không diệt được cái không ngại, trong ấy chỉ còn lại thức a lại da và còn nguyên vẹn phân nửa vi tế của thức mặt na; một loài như thế, gọi là Thức Xứ.

Sắc và không đã hết, thức tâm đã diệt trừ, mười phương vắng lặng không còn gì nữa, một loài như thế, gọi là Vô Sở Hữu Xứ.

Thức tánh vốn không lay động, lại dùng cái diệt mà diệt đến cùng, trong chỗ không thể hết mà phát minh nhận cho là hết, nên hình như còn mà chẳng phải còn, hình như hết mà chẳng phải hết; một loài như thế, gọi là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ.

Những loài này đã xét cùng tột cái không nhưng không tột lý không; nếu từ thánh đạo cõi Trời Bất Hoàn xét cùng tột thì một loài như thế, gọi là Bất Hồi Tâm Độn A La Hán. Nếu từ cõi trời vô tướng và ngoại đạo mà xét cùng tột cái không, không biết trở về, mê lầm không nghe chánh pháp thì sẽ vào đường trầm luân.

A Nan! Các cõi trời ấy mỗi mỗi đều là những phạm phu hưởng sự báo đáp của nghiệp quả, và khi sự báo đáp hết lại trở vào trong luân hồi. Thiên vương, các cõi kia thường là Bồ Tát dùng pháp Tam Ma Đề lần lượt tiến lên hồi hướng về đường tu hành của Phật đạo.

A Nan! Những cõi Trời Tứ Không ấy, thân tâm diệt hết, định tánh hiện tiền, không có sắc pháp của nghiệp quả; từ đây đến cuối cùng, gọi là Vô Sắc Giới. Những cõi ấy đều do không rõ Diệu Giác Minh Tâm tích chứa cái vọng giả dối phát sanh ra ba cõi, trong đó giả dối theo bảy loài mà chìm đắm và có thể thọ sinh cũng theo từng loại.

Đoạn 4 - Nói thêm về bốn giống A Tu La

Lại nữa, A Nan! Trong tam giới đó, lại có bốn loài A Tu La:

Nếu từ loài quỷ do sức bảo hộ chánh pháp được thần thông vào hư không thì giống A tu la này từ trứng sanh ra thuộc về loài quỷ.

Nếu từ trong loài trời, do đức kém sa đọa chỗ ở gần với mặt trời, mặt trăng; loài A tu la này từ thai sanh ra, thuộc về loài người.

Có vua A tu la nắm giữ thế giới sức mạnh đến chỗ không phải sợ ai, hay tranh quyền cùng với Phạm Vương, Đế Thích, Tứ Thiên Vương. Giống A tu la này như biến hóa mà có thuộc về loài trời.

A Nan! Riêng có một số A tu la thấp kém sanh trong lòng biển lớn, lặn dưới cửa thủy huyệt, ban ngày dạo chơi trên hư không, tối về ngủ dưới nước; giống A tu la này như thấp khí sanh ra, thuộc về loài súc sanh.

MỤC VII: KHAI THỊ CHỖ HƯ VỌNG CỦA BẢY LOÀI, ĐỀ KHUYẾN TU THEO CHÁNH PHÁP

Đoạn 1 - Khai thị chỗ hư vọng

A Nan! Xét rõ bảy loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, thần, tiên, và trời cho đến a tu la như thế, đều là những tướng hữu vi tối tăm giả dối vọng tưởng thọ sanh, giả dối vọng tưởng theo nghiệp; đối với Diệu Viên Minh Bản lai không năng tác sở tác, đều như hoa đốm giữa hư không vốn không dính dáng, chỉ một bề hư vọng chứ không cõi

gốc manh mối gì.

Đoạn 2 - Khai thị về nghiệp nhơn

A Nan! Những chúng sanh đó không nhận được tâm tánh bản lai nên chịu luân hồi, như thế trải qua vô lượng kiếp mà không chứng được chơn tánh thanh tịnh, đều do chúng thuận theo những nghiệp sát, đạo, dâm, hoặc ngược lại ba thứ này thì lại sanh ra không sát, không đạo, không dâm; có gọi loài quỉ, không gọi loài trời, có không thay nhau phát khởi ra tánh luân hồi.

Đoạn 3 - Chỉ rõ sự tu hành chơn chánh

Nếu người khéo tu tập, phát huy pháp Tam Ma Đề, thì bản tánh thường diệu thường tịch, cái có, cái không đều không, không không cũng diệt. Còn không có gì là chẳng sát, chẳng đạo, chẳng dâm, làm sao lại thuận theo việc sát, đạo, dâm được.

Đoạn 4 - Tổng kết về quả báo đồng phân

A Nan! Không đoạn được ba nghiệp thì mỗi mỗi chúng sanh đều có phần riêng, nhơn những cái riêng ấy mà quả báo đồng phân, chung của cái riêng, chẳng phải là không có chỗ nhất định, đó là do vọng kiến của tự mình phát sanh; hư vọng phát sanh vốn không có nhơn, không thể tìm xét nguồn gốc được.

Đoạn 5 - Khuyên đoạn trừ ba thứ mê lầm

Ông khuyên người tu hành muốn được đạo Bồ Đề, cần yếu phải đoạn trừ ba thứ mê lầm²⁹⁹; ba thứ mê lầm nếu không hết dù có được thần thông đều là những dụng công hữu vi của thế gian³⁰⁰. Tập khí mê lầm nếu không dứt trừ phải lạc vào đường ma; tuy muốn trừ vọng lại càng tăng thêm giả dối, Như Lai bảo là rất đáng thương xót. Như thế, đều do vọng kiến tự mình tạo ra chứ không phải lỗi của tánh Bồ Đề.

Người nói như thế ấy, tức là lời nói chơn chánh; nếu nói khác đi tức là lời của ma vương.

MỤC VIII : PHÂN BIỆT CÁC ÁM MA

Đoạn 1 - Nguyên do khởi ra các ma sự

Khi bấy giờ, gần chằm dứt thời thuyết pháp, từ nơi tòa sư tử, đức Như Lai vịn ghế thất bảo xoay về Tử Kim Sơn, trở lại dựa nơi ghế, bảo khắp đại chúng và ông A Nan rằng: “Các ông là hàng Thanh Văn, Duyên Giác học, hôm nay hồi tâm hướng về Vô Thượng Diệu Giác Đại Bồ Đề, và ta cũng đã chỉ dạy pháp tu chơn chánh, nhưng ông còn chưa biết những ma sự nhỏ nhiệm trong lúc tu chỉ, quán. Nếu cảnh ma hiện ra ông không biết được, thì sẽ tu tâm không đúng, và lạc vào tà kiến; hoặc là ma ngũ ám của

ông, hoặc bị Thiên ma, hoặc mắc quỷ thần, hoặc gặp loài ly my, mà trong tâm không rõ, nhận giặc làm con.

Lại nữa, trong đó được chút ít cho là đã đủ, như Tỳ Kheo Vô Văn chứng đệ Tứ Thiên, đốt nát nói là chứng Thánh, khi phước báo cõi trời hết, tướng suy hiện ra, liền phi bóng quả A La Hán, còn phải thọ sanh đọa vào ngục A Tỳ. Nay các ông hãy nghe cho kỹ, ta sẽ vì các ông phân biệt chín chắn”.

Ông A Nan đứng dậy cùng những hàng hữu học trong hội, vui mừng đánh lễ kính vâng nghe lời từ bi chỉ dạy của Phật.

Phật bảo ông A Nan và cả Đại chúng: “Các ông nên biết, mười hai loại chúng sanh trong thế giới hữu lậu, tâm thể giác viên bản giác diệu minh, cùng mười phương Phật không hai không khác, do ông vọng tưởng mê chơn lý thành ra lỗi lầm, si ái phát sanh, sanh mê cùng khắp nên có hư không; hóa mãi cái mê không thôi nên có thế giới sanh ra; các cõi nước như số vi trần trong mười phương trừ cõi vô lậu³⁰¹ đều do vọng tưởng mê lầm mà kiến lập.

Biết hư không sanh trong tâm ông. Ví như mảnh mây điểm trong bầu trời xanh, huông nữa các thế giới sanh trong hư không. Một người trong các ông phát minh chơn lý, trở về bản tánh, thì mười phương hư không đó, thấy đều tiêu mất, làm sao các cõi nước trong hư không kia lại không rung động và tan nát³⁰².

Các ông tu thiền trau giồi pháp Tam Ma Địa, tâm được thông suốt ám hợp với các vị Bồ Tát và những vị Vô Lậu Đại A La Hán nơi mười phương nói đó vắng lặng, tất cả ma vương và các quỷ thần, trời, phàm phu đều thấy cung điện mình không có gì đổ vỡ, đất liền rung động, những loài thủy lục bay nhảy thấy đều kinh sợ, hàng phàm phu tối tăm thì không biết có sự dời đổi. Còn các loài kia đều được năm thứ thần thông trừ lậu tận thông, đương luyến tiếc cảnh trần lao, làm sao lại để cho các ông phá hoại chỗ ở? Vậy nên các loài quỷ thần, thiên ma vọng lượng yêu tinh, trong lúc ông tu pháp Tam Muội đều đến quấy phá ông.

Song các loài ma kia tuy có ~~âm~~ ^{âm} dữ, nhưng bọn chúng ở trong trần lao, các ông ở trong Diệu Giác thì cũng như gió thổi ánh sáng, như dao chém nước, hẳn không đụng chạm nhau được. Các ông như nước sôi, bọn kia như băng cứng, tạm gần hơi nóng thì không bao lâu sẽ tiêu tan, chúng nó luống ỷ nơi thần lục, nhưng chỉ làm người khách, nếu chúng có thể phá rồi được, là do người chủ ngủ ám trong tâm các ông, nếu người chủ mê lầm, thì khách mới được dịp quấy phá.

Đương lúc tu thiền, giác ngộ không lầm, thì ma sự kia không làm gì các ông được. Khi năm ám đã tiêu trừ vào tánh sáng suốt, thì bọn tà ma kia là kẻ tối tăm. Sáng phá được, tối đến gần tự phải tiêu mất, làm sao còn dám ở lại khuấy phá thiền định. Nếu chẳng tỏ ngộ bị ngũ ám làm mê lầm, thì chính ông A Nan ắt phải làm con của ma và thành người ma. Như nàng Ma Đăng Già sức còn hèn kém chỉ dùng chú thuật bắt ông phá luật nghi của Phật, trong tâm muôn hạnh chỉ hủy phạm một giới; nhưng vì tâm ông thanh tịnh nên vẫn chưa bị trầm luân. Bọn ma này thì phá hoại toàn thân bảo giác của

ông. Nhưng quan ễ thần bỗng nhiên bị tước hết, tịch hết linh đình quanh lộn không thể thương cứu.

Đoạn 2 - Khai thị các âm ma

- Tiết 1: Những cảnh thuộc Sắc âm

A Nan nên biết, ông ngồi đạo tràng tiêu hết các niệm, niệm đó nếu hết, thì tâm ly niệm được sáng tỏ tất cả động tịnh không dòi, nhớ quên như một. Đương khi an trụ chỗ đó mà vào Tam Ma Địa, như người sáng mắt ở chỗ rất tối tăm, tánh biết được diệu tịnh, nhưng tâm chưa phát trí sáng suốt, như thế thì gọi là phạm vi của sắc âm.

Nếu con mắt sáng tỏ, mười phương rộng mở không còn tối tăm nữa, gọi là hết sắc âm. Người ấy có thể vượt ra khỏi kiếp trước, xét lại nguyên do, thì cội gốc là vọng tưởng kiên cố.

A Nan! Chính ở trong đây, xét Tánh Diệu Minh, tứ đại không kết hợp, thì trong một thời gian ngắn tâm có thể ra khỏi các ngăn ngại, ấy gọi là tinh minh trào ra tiền cảnh; đó chỉ là do dụng công tạm được như thế, không phải là chứng bậc Thánh, không khởi tâm chứng Thánh gọi là cảnh giới tốt, nếu nghĩ là chứng Thánh, thì liền mắc phải tà kiến.

A Nan! Lại đem tâm ấy chính xét tánh diệu minh, trong thân trở nên rộng suốt, người đó bỗng nhiên từ trong thân lượm ra những con trùng, con sên mà thân vẫn y nguyên không bị tổn thương, ấy gọi là tinh minh tràn vào hình thể. Đây chỉ do tu hành tinh tấn tạm thấy được như vậy, không phải là chứng Thánh. Nếu không khởi tâm chứng Thánh gọi là cảnh giới tốt, nếu nghĩ là chứng Thánh, liền mắc phải tà kiến.

Lại do tâm chính xét trong ngoài, khi ấy ý thức tư tưởng ngoài bản thân ra xen vào các nơi khác đắp đổi làm khách, làm chủ. Bỗng đứng ở giữa hư không nghe tiếng thuyết pháp, hoặc nghe mười phương đồng diễn bày nghĩa thâm mật. Đây gọi là tinh thần đắp đổi khi ly khi hợp thành tựu thiện chủng, tạm được như thế, không phải chứng Thánh; không khởi tâm chứng Thánh là cảnh giới tốt; nếu nghĩ là chứng Thánh liền mắc phải tà kiến.

Lại dùng tâm ấy đứng lặng hiện ra sáng suốt. Tâm quang phát minh khắp cả mười phương thành sắc Diêm Phù Đề, tất cả các loài hóa làm Như Lai, khi ấy bỗng thấy Phật Tỳ Lô Giá Na ngồi trên đài thiên quang ngàn đức Phật vây quanh, trăm ức cõi nước cùng với hoa sen đồng thời hiện ra. Đây là ý thức tiêm nhiễm sự linh ngộ khi tâm quang phát minh, soi các cảnh giới thì tạm thời được như thế, không phải chứng Thánh; chẳng khởi tâm cho là chứng Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là chứng Thánh liền mắc phải tà kiến.

Lại dùng tâm ấy, chính xét tánh diệu minh, quán sát không dừng, đè nén uốn dẹp, dứt trừ thái quá, bấy giờ bỗng nhiên mười phương hư không thành sắc thất bảo, hoặc sắc bách bảo, đồng thời đầy khắp không ngăn ngại lẫn nhau; các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng mỗi thứ thuần hiện ra. Đây gọi là công sức đè nén quá phần nên tạm được như thế,

chẳng phải là chứng Thánh, chẳng khởi tâm chứng Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu nghĩ chứng Thánh, liền mắc phải tà kiến.

Lại dùng tâm ấy lặng suốt, chính xét trong sáng không tán loạn, bỗng ở giữa đêm thấy các thứ vật trong nhà tối, không khác gì ban ngày, mà những đồ vật trong thất tối đó cũng không diệt mất. Ấy gọi là tâm thàm kín lặng đứng cái thấy nhìn suốt chỗ tối tăm, tạm được như thế, không phải chứng Thánh; không khởi tâm chứng Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu nghĩ là chứng Thánh, ắt mắc phải tà kiến.

Lại dùng tâm ấy khắp vào tánh hư dung, toàn thân bỗng nhiên đồng như cỏ cây, lửa đốt, dao cắt cũng không hay biết, khi thì lửa không thể đốt cháy, dù cắt thịt cũng như chẻ cây. Đây gọi là năm trần đều tiêu, khi bài trừ tánh tứ đại, một mặt vào chỗ thuận nhất, tạm được như vậy, không phải chứng Thánh, nếu không khởi tâm chứng Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu nghĩ là chứng Thánh, ắt mắc phải tà kiến.

Lại dùng tâm ấy, thành tựu tánh thanh tịnh, công dụng tịnh tâm đã cùng tột, bỗng thấy đất liền, núi sông, trong mười phương đều thành cõi Phật, đầy đủ bảy báu sáng suốt đầy khắp; lại thấy hằng sa chư Phật Như Lai đầy khắp cõi hư không, lâu đài hoa lệ. Dưới thấy địa ngục, trên thấy Thiên cung được không ngăn ngại. Đây gọi là tư tưởng ưa chán ngưng lắng ngày một sâu, tưởng lâu thành như thế, không phải chứng Thánh, không khởi tâm chứng Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu nghĩ là chứng Thánh, tức mắc phải tà kiến.

Lại dùng tâm ấy nghiên cứu sâu xa, bỗng ở giữa đêm thấy rõ chợ búa, làng mạc, bà con quyến thuộc, phương xa, hoặc nghe lời họ nói. Đây gọi là do dần ép tâm cùng tột mà phóng hện ra, nên thấy được cách xa như thế, không phải chứng Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu nghĩ là chứng Thánh, tức mắc phải tà kiến.

Lại dùng tâm ấy nghiên cứu cùng tột, thấy hình thể vị thiện tri thức biến đổi không duyên cố gì, trong giây lát thay đổi nhiều thứ. Đây gọi là tâm tà, bị loài ly mị và thiên ma nhập vào tâm thức, tự nhiên lại biết thuyết pháp thông suốt các diệu nghĩa, chẳng phải là chứng Thánh; nếu không khởi tâm chứng Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu nghĩ là chứng Thánh, tức mắc phải tà kiến.

A Nan! Mười thứ cảnh hiện ra trong Thiên định như thế, đều do sắc ấm và tâm công dụng giao xen, nên hiện ra những việc ấy. Chúng sanh mê muội không tự xét lường, gặp như duyên này, mê không tự biết cho là chứng Thánh, thành tội đại vọng ngữ, phải đọa vào địa ngục Vô gián. Sau khi Như Lai diệt độ ở trong đời mạt pháp, các ông nương theo lời dạy mà tuyên nói nghĩa này, không để cho Thiên ma được dịp quấy phá; gìn giữ che chở cho chúng sanh thành đạo Vô Thượng.

- Tiết 2: Những cảnh thuộc Thọ ấm

A Nan! Thiện nam tử kia tu pháp Tam Ma Đề, ở trong Xa Ma Tha khi sắc ấm diệt hết, thấy tâm chư Phật như bóng hiện ra trong gương sáng hình như có chỗ được mà chưa có thể dùng, cũng như người bị bóng mộc đề, tay chân y nguyên, thấy nghe

không làm, nhưng tâm bị khách tà mà không cử động được ấy gọi là phạm vi của thọ ấm. Nếu bóng mọc hết đèn, thì tâm rời khỏi thân, trở lại xem được cái mặt, đi ở tự do, không bị ngăn ngại, gọi là hết thọ ấm. Người ấy mới có thể vượt khỏi kiến trước, xét lại nguyên do, cội gốc là vọng tưởng hư minh.

A Nan! Thiện nam tử kia chính khi ở trong đó, tâm rất sáng suốt, do bên trong đèn nén quá phần, bỗng nhiên phát sanh thương xót vô hạn; như thế cho đến xem thấy muỗi mòng như là con đỏ, tâm sanh thương xót, bất giác rơi lệ. Đây gọi là dụng công đèn nén thái quá; nhận biết như thế thì không có lỗi, không phải chứng Thánh, hiểu biết không còn làm lẫn nữa, lâu rồi tự tiêu hết. Nếu nghĩ là chứng ngộ, thì bị giống ma sâu bị nhập vào tim gan, thấy người thì thương xót kêu khóc không thôi, mất hết chánh định sẽ bị trầm luân.

A Nan! Lại các thiện nam tử kia, khi ở trong định, thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm tỏ rõ, cảnh tốt hiện ra trước, cảm kích quá phần, bỗng nhiên ở trong ấy tâm sanh dừng mãnh vô hạn. Tâm mạnh mẽ chí bằng với chư Phật, bảo là ba a tăng kỳ kiếp một niệm có thể vượt khỏi. Đây gọi là dụng công lần lượt thái quá. Nhận biết thì không có lỗi, không phải chứng Thánh, biết rõ không làm, lâu sẽ tự tiêu hết. Nếu nghĩ là chứng ngộ, thì bị giống ma ngông cuồng nhập vào tim gan, thấy người thì khoe khoang, tâm ngã mạn vô kể, cho đến trên không thấy có Phật, dưới không thấy có người, mất hết chánh thọ sẽ bị chìm đắm.

Lại các thiện nam tử! Ở trong định kia, thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm tỏ rõ, trước không có chỗ chứng, mới lui về lại mất chỗ cũ, trí lực suy kém, vào trong chỗ tiêu hủy, bất không thấy gì; trong tâm bỗng nhiên sanh rất khô khao, đối với trong tất cả thời thầm nhớ không thôi, rồi cho như thế là tướng tinh tấn. Đây gọi là tu hành mà không có trí huệ, nên tự sanh làm lạc. Nhận biết thì không lỗi, không phải là chứng Thánh, nếu nghĩ là chứng ngộ, thì bị giống ma nhớ nhập vào tim gan, ngày đêm như nắm cái tâm treo vào một chỗ, mất hết chánh thọ, sẽ bị chìm đắm.

Lại các thiện nam tử! Ở trong định kia thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm tỏ rõ, sức huệ nhiều hơn định, bị cái lỗi quá mạnh mẽ sắc bén; đem cái thắng tánh ô nhiễm trong tâm tự nghĩ mình là Lô Xá Na, được chút ít cho là đã đủ. Đó gọi là dụng tâm quên mất suy xét thường xuyên nên chìm nơi tri kiến. Nhận biết thì không lỗi, chẳng phải chứng Thánh. Nếu nghĩ là chứng ngộ, thì có giống ma hạ liệt dễ thấy là đủ, vào trong tim gan, thấy người thì tự xưng đã được Vô Thượng Đệ Nhất Nghĩa Đế, mất hết chánh thọ sẽ bị chìm đắm.

Lại, các thiện nam tử! Trong định kia, thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm tỏ rõ chỗ chứng mới chưa được, còn tâm cũ đã mất, xem qua hai mé tự cho là nguy hiểm, tâm bỗng nhiên sanh ra buồn vô hạn, như người trên giường sắt, như uống thuốc độc, tâm không muốn sống, thường cầu người khác hại thân mạng mình để sớm được giải thoát. Đây gọi là tu hành sai mất phương tiện; ngộ thì không có lỗi, không phải chứng Thánh. Nếu nghĩ là chứng Thánh, thì có một phần giống ma thường lo rầu vào trong tim gan,

tay cầm đao gươm tự cắt thịt mình, thích được bỏ mạng, hoặc lo rầu, chạy vào trong núi rừng, không thích thấy người, sai mất chánh thọ, sẽ bị chìm đắm. Chỗ chúng mới chưa được, còn tâm cũ đã mất, nên đối trong hai mé tự cho là nguy hiểm.

Lại, các thiện nam tử! Ở trong định kia, thấy sắc ám tiêu, thọ ám tỏ rõ, ở trong chỗ vắng vẻ tâm được an ổn, bỗng nhiên sanh ra vui mừng vô hạn. Trong tâm mừng rỡ không thể tự dừng. Đây gọi là tâm khinh an, nhưng không có trí huệ tự kèm chế; ngộ thì không đi, không phải chứng Thánh. Nếu nghĩ là chứng Thánh thì có một phần giống ma thích vui mừng vào trong tim gan, thấy người thì cười, ở bên đường cái tự ca, tự múa, tự xưng là đã được vô ngại, giải thoát, sai mất chánh thọ, sẽ bị chìm đắm.

Lại, thiện nam tử! Trong định kia, thấy sắc ám tiêu, thọ ám tỏ rõ, tự cho là đã đủ; không duyên ở bỗng khởi đại ngã mạn. Như thế cho đến lòng mạn³⁰³, và mạn quá mạn³⁰⁴, hoặc lòng tăng thượng mạn³⁰⁵, ty liệt mạn một lúc đều phát ra; trong tâm khinh mười phương Như Lai, huống là những quả vị dưới như Thanh Văn, Duyên Giác. Đây gọi là thắng giải quá cao, không có trí huệ tự cứu; ngộ thì không lỗi, không phải chứng Thánh. Nếu nhận là chứng Thánh, thì có một phần giống ma đại ngã mạn vào trong tim gan, không ỷ chùa tháp, phá hủy kinh tượng, bảo đàn viết rằng: đó là vàng đồng, hoặc là cây đất, kinh là lá cây, hoặc là giấy lụa; thân xác thịt là chơn thường mà không tự cung kính, trở lại sùng bái cây đất, thật là điên đảo. Những người quá tin theo lời dạy phá phách hoặc chôn bỏ trong đất, do gây nghi ngờ lầm lạc cho chúng sanh, phải đọa vào địa ngục Vô gián, sai mất chánh thọ, sẽ bị chìm đắm.

Lại, các thiện nam tử! Trong định kia, thấy sắc ám tiêu, thọ ám tỏ rõ. Chỗ tinh minh viên ngộ tinh lý, được pháp đại tùy thuận, tâm bỗng sanh khinh an không lường, bảo mình đã thành bậc Thánh được đại tự tại. Đây gọi là hơn trí huệ mà được các sự khinh thanh; ngộ thì không lỗi, không phải là chứng Thánh. Nếu nhận là chứng Thánh, thì có một phần giống ma thích khinh thanh vào trong tim gan, tự bảo là đầy đủ, lại không cầu tiến lên nữa, những người này phần nhiều như là Tỳ Kheo Vô Văn, gây nghi ngờ lầm lạc cho chúng sanh, đọa vào địa ngục A tỳ, sai mất chánh thọ sẽ bị chìm đắm.

Lại, thiện nam tử! Trong định kia, thấy sắc ám tiêu, thọ ám tỏ rõ, trong chỗ tỏ ngộ được tánh hư minh, lúc ấy bỗng xoay lại hướng về tánh đoạn diệt, bác không hơn quả, một mực hướng về rỗng không, tâm rỗng không hiện tiền, cho đến phát sanh nhập định là đoạn diệt mãi mãi; ngộ thì không có lỗi, không phải chứng Thánh. Nếu nhận là chứng Thánh, thì có giống ma rỗng không vào tim gan, bèn chê bai người giữ giới là Tiểu thừa, Bồ Tát ngộ tánh không thì có gì là trì và phạm. Người ấy ở nhà thiện tín đàn viết uống rượu, ăn thịt, làm nhiều điều dâm uế; hơn có sức ma nhiếp phục người ta không sanh lòng nghi báng, tâm ma thâm nhập lâu ngày, hoặc ăn đại tiện, tiểu tiện và ăn thịt uống rượu ... vì cho tất cả đều không, phá hoại luật nghi của Phật, làm cho người khác lầm lạc mắc tội, sai mất chánh thọ sẽ bị chìm đắm.

Lại, thiện nam tử! Trong định kia, thấy sắc ám tiêu, thọ ám tỏ rõ, nghiền ngẫm

cái hư minh, ghi sâu vào tim cốt, trong tâm bỗng sanh yêu thích vô hạn; yêu thích quá độ đến phát điên, rồi làm việc tham dục. Đây gọi là cảnh trong định an thuận vào tâm, không có trí huệ tự giữ mình, mê lầm vào trong ngũ dục; ngộ thì không có lỗi, không phải chúng Thánh. Nếu nhận là chúng Thánh, thì có giống ma tham dục vào trong tim gan, một bề nói tham dục là đạo Bồ Đề, dạy hàng cư sĩ bình đẳng hành dâm dục, những người hành dâm dục gọi là gìn giữ pháp tử. Do sức của tà ma nhiếp phục kẻ phạm phu trong đời mạt pháp, số đến cả trăm. Như thế cho đến một trăm, hai trăm, hoặc năm trăm, sáu trăm, nhiều đến ngàn vạn. Khi ma sanh chán, rời bỏ thân thể người kia, oai đức đã hết, liền sa vào lưới pháp luật. Do gây nghi lầm cho chúng sanh, nên vào ngục Vô gián, sai mất chánh thọ sẽ bị chìm đắm.

A Nan! Mười thứ cảnh hiện ra trong thiên định như thế, đều do thọ âm và tâm công dụng giao xen, nên hiện ra như vậy. Chúng sanh ngu mê, không biết lượng xét, gặp như duyên đó, mê không tự biết, bảo là chúng Thánh, thành tội đại vọng ngữ, phải sa vào địa ngục Vô gián. Sau khi ta diệt độ, các ông nên đem lời nói này truyền dạy trong đời mạt pháp, khiến cho chúng sanh đều tỏ ngộ nghĩa này, không để cho thiên ma có dịp tiện quấy phá; giữ gìn che chở cho chúng sanh, khiến thành tựu đạo Vô Thượng.

- Tiết 3: Những cảnh thuộc Tướng âm

A Nan! Thiện nam tử kia tu pháp Tam Ma Địa, khi thọ âm đã hết, tuy chưa sạch mê lầm, nhưng tâm đã rời khỏi hình hài, như chim ra khỏi lồng. Điều ấy đã thành tựu, thì từ thân phàm đó tiến lên trải qua sáu mươi Thánh Vị. Bồ Tát được ý sanh thân, tùy ý đi ở, không bị ngăn ngại. Thí như có người ngủ say nói mơ³⁰⁶, người ấy tuy không hay biết gì, nhưng lời nói kia vẫn có âm vận thứ tự, khiến cho người không ngủ đều hiểu biết, ấy gọi là phạm vi của tướng âm; nếu hết động niệm, tư tưởng hư vọng thô phù tiêu trừ, nơi tâm Giác Minh như bỏ bụi nhơ, một dòng sanh tử đầu đuôi soi khắp, gọi là hết tướng âm. Người ấy mới có thể vượt khỏi phiền não trước, xét lại nguyên do cội gốc là vọng tưởng dung thông³⁰⁷.

A Nan! Thiện nam tử kia, thọ âm đã hư diệu không còn mắc các thứ tà lự, phát minh viên minh; trong Tam Ma Địa, tâm lại ưa được viên minh, thúc dục tư tưởng, tham cầu những việc thiện xảo. Khi ấy thiên ma được dịp thuận tiện cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp, người ấy thật không biết là bị ma gá vào, tự nói là được Niết Bàn vô thượng; đến chỗ người thiện nam cầu thiện xảo kia, trải tòa thuyết pháp; thân hình người đó giầy lát hoặc làm Tỳ Kheo, cho người kia thấy, hoặc là Đế Thích, hoặc làm phụ nữ, hoặc Tỳ Kheo Ni, hoặc nằm trong nhà tối, thân có hào quang chói sáng; người tu hành ngu mê, lầm cho là Bồ Tát, tin sự giáo hóa của họ, tâm bị lay chuyển, phá hủy luật nghi của Phật, lên làm việc dâm dục. Miệng ma ưa nói những việc may rủi, biến đổi, hoặc nói Như Lai ra đời chỗ ấy, hoặc nói có kiếp hỏa, hoặc nói có đao binh để khủng bố người, khiến gia sản vô cớ bị hao

mất. Đây gọi là giống quỷ quái tuổi già thành ma, khuấy rối người tu hành, khi ma khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử và thầy đều sa vào lưới pháp luật, ông phải biết trước thì không vào luân hồi; nếu mê lầm không biết thì đọa vào ngục Vô gián.

A Nan! Thiện nam tử kia thọ ẩm hư diệu, không bị các tà lự, tánh viên định phát minh; trong Tam Ma Địa, tâm thích đi dạo chơi, cho tư tưởng bay đi tham cầu trải qua nhiều nơi. Khi ấy Thiên ma được dịp thuận tiện cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp; người đó thật không biết bị ma gá vào, cũng tự bảo đã được Vô Thượng Niết Bàn, và đến chỗ thiện nam tử muốn đi dạo chơi kia, trải tòa thuyết pháp. Tự thân hình người đó không thay đổi, song những người nghe pháp, bỗng đứng tự thấy thân mình ngồi trên đài sen báu, toàn thân hóa thành óng vàng chói sáng, cả chúng nghe pháp mỗi người đều như thế, được việc chưa từng có. Người tu hành ngu mê lầm là Bồ Tát, tâm hóa dâm dật, phá hủy luật nghi của Phật, lén làm việc tham dục, miệng ma ưa nói, chư Phật ứng hóa ra đời ở chỗ này, người ấy chính vị Phật kia, hóa thân đến đây, người ấy tức là vị Bồ Tát ấy ... đến giáo hóa thế gian; vì người tu hành thấy thế tâm sanh hâm mộ, tà kiến âm thầm nổi lên, chủng trí tiêu diệt. Đây gọi là giống Bạt quỷ tuổi già thành ma, khuấy rối người tu hành, khi tâm ma đã nhàm chán, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử và thầy đều sa vào lưới pháp luật, ông nên giác ngộ trước thì không bị luân hồi; nếu mê lầm không biết, sẽ rơi vào địa ngục Vô gián.

Lại, thiện nam tử! Thọ ẩm hư diệu, không bị các tà lự, tánh viên định phát minh; trong Tam Ma Địa, tâm lại ưa thâm hợp tư tưởng đứng lặng, tham cầu khế hợp³⁰⁸. Khi ấy Thiên ma được dịp thuận tiện cho tinh thần bay gá vào người khác, miệng nói kinh pháp; người đó thật không biết bị ma gá vào, cũng tự nói được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu hợp kia, trải tòa nói pháp. Thân hình người đó và những người nghe pháp, bề ngoài không có thay đổi, nhưng lại khiến cho các thánh giả trước khi nghe pháp, tâm tự khai ngộ, niệm niệm đổi dời, hoặc đ ược túc mạng thông, hoặc có tha tâm thông, hoặc thấy địa ngục, hoặc biết các việc hay dở trong nhơn gian, hoặc trong miệng nói kệ, hoặc tự tụng kinh, mỗi mỗi đều vui vẻ, được việc chưa từng có. Người ngu mê lầm cho là Bồ Tát, tâm sanh luôn yêu thích, nên phá hủy luật nghi của Phật, lén làm việc tham dục. Miệng ma ưa nói Phật có Phật lớn, Phật nhỏ; đức Phật ấy là Phật trước, đức Phật này là Phật sau, trong đó cũng có Phật thiệt, Phật giả, Phật nam, Phật nữ, Bồ Tát cũng như thế. Vì người tu hành kia không rửa sạch các tâm trước, dễ vào tà ngộ. Đây gọi là giống quỷ quái tuổi già thành ma khuấy phá người tu hành, khi tâm ma khuấy phá chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử và thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông giác ngộ trước, thì không vào luân hồi; nếu mê lầm không biết, sẽ rơi vào địa ngục Vô gián.

Lại, thiện nam tử! Thọ ẩm hư diệu, không bị các tà lự, tánh viên định phát minh; trong Tam Ma Địa, tâm ưa biết cội gốc, nơi sự vật chuyên hóa, muốn xét biết cùng tột

gốc ngọn trước sau, thúc đẩy tâm sáng suốt thêm, tham cầu nhận biết chia chẻ, khi ấy Thiên ma chờ được dịp, cho tinh thần bay gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó thật không biết bị ma gá vào, cũng tự bảo đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu cội gốc kia, trải tòa thuyết pháp. Người đó thân có oai thần làm cho những người cầu pháp kính phục, khiến cho thánh chúng dưới pháp tòa, tuy chưa nghe pháp, tự nhiên tâm đã kính phục. Tất cả bọn ấy đều cho rằng Niết Bàn, Bồ Đề, Pháp Thân của Phật, tức là cái xác thân thịt hiện tiền của ta đây, cha con sanh nhau đời này đến đời khác, tức là pháp thân thường trụ không mất, đều chỉ hiện tại tức là cội Phật, không riêng có cội tịnh cư và thân kim sắc nào khác. Người tu hành tin nhận những điều đó, bỏ mất tâm trước, đem hết thân mạng mà quy y, cho là được việc chưa từng có. Người đó ngu mê lầm cho là Bồ Tát, suy xét cái tâm như thế, phá hủy luật nghi của Phật, lén làm việc tham dục, miệng ma thường nói: mắt, tai, mũi, lưỡi đều là tịnh độ, hai căn nam nữ là chỗ chơn thật của Bồ Đề Niết Bàn. Bọn người không biết kia đều tin lời nói như bản đó. Đây gọi là giống quý Cơ độc và giống Ác thắng quý, tuổi già thành ma phá khuấy người tu hành. Khi tâm ma nhầm chán, rời bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử và thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nếu giác ngộ trước, thì không bị luân hồi; nếu mê lầm không biết, thì sẽ rơi vào địa ngục Vô gián.

Lại, thiện nam tử! Thọ ám hư diệu, không mắc các tà lự, tánh viên định phát minh; trong Tam Ma Địa, tâm ưa biết các việc trước sau, chính xét cùng khắp, tham cầu thăm cảm, khi ấy Thiên ma chờ có dịp cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó thật không biết ma gá vào, cũng nói tự được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu cảm ứng kia, trải tòa thuyết pháp, có thể khiến cho thánh chúng tạm thấy thân mình như đã trăm ngàn tuổi, tâm sanh ái nhiễm, không thể xả lìa; đem thân làm nô bộc, bốn việc cúng dường không biết mỗi một. Ma lại khiến cho mỗi người dưới pháp tòa, tâm biết đó là vị tiên sư, là vị thiện tri thức, riêng sanh lòng pháp ái dính như keo sơn, được điều chưa từng có, người tu hành ngu mê, lầm cho là Bồ tát, gán gũ tâm ma, phá hủy luật nghi của Phật, lén làm việc tham dục, miệng ma ưa nói, ta ở kiếp trước trong đời nọ, độ người nọ, lúc đó là thê thiếp anh em của ta, nên nay lại đến độ nhau, ta sẽ cùng các người theo nhau về cảnh giới nọ, cúng dường đức Phật kia; hoặc nói có cội trời Đại Quang Minh riêng biệt, Phật ở trong ấy và là chỗ nghỉ ngơi của tất cả các đức Như Lai. Trọn không hay biết, đều tin những lời phỉnh gạt đó, bỏ mất tâm trước. Đây là giống Lê quý tuổi già thành ma khuấy rối người tu hành. Khi tâm ma khuấy rối chán rời, bỏ thân người không gá nữa, thì học trò và thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nếu giác ngộ trước, thì không bị luân hồi; nếu mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục Vô gián.

Lại, thiện nam tử! Thọ ám hư diệu, không bị các tà lự, tánh viên định phát minh; trong Tam Ma Địa, tâm ưa thích đi sâu vào khắc khổ, siêng năng, thích ở chỗ vắng vẻ tham cầu sự yên lặng. Khi ấy Thiên ma chờ được dịp cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó thật không biết bị ma gá vào, cũng nói tự được Vô

Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu chỗ vắng vẻ kia, trải tòa thuyết pháp, khiến người nghe, mỗi người đều biết nghiệp cũ của mình, hoặc ở nơi đó, bảo một người rằng: “Người nay chưa chết đã làm súc sanh”, rồi bảo một người ở sau đập lên đuôi, tức liền làm cho người kia không đứng dậy được. Lúc bấy giờ cả chúng đều hết lòng kính phục. Có một người móng tâm lên thì nó đã biết ý, ngoài luật nghi của Phật, nó lại càng thêm khắc khổ, chê bai Tỳ kheo, mắng nhiếc đồ chúng, phơi bày việc của người khác, không tránh việc chê trách. Miệng ma ưa nói việc họa phước khi chưa đến và khi đã đến rồi thì may may không sai. Đây là giống Đại lực quỷ, tuổi già thành ma khuấy rối người tu hành. Khi ma khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì học trò và thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên giác ngộ trước, thì không vào luân hồi; nếu mê lầm không biết, thì sẽ đọa vào ngục Vô gián. Thiện nam tử ấy, thọ âm hư diệu, không mắc các tà lục, tánh viên định phát minh; trong Tam Ma Địa, tâm lại ưa hiểu biết, siêng năng, khó nhọc, tìm xét, tham cầu biết túc mạng. Khi ấy Thiên ma chờ dịp tiện cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó thật không biết bị ma gá vào, cũng tự bảo ta được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu hiểu biết kia, trải pháp tòa thuyết pháp. Người tu hành bỗng nhiên nơi chỗ nói pháp, được hạt châu lớn, hoặc khi ma hóa làm súc sanh, trong miệng ngậm những vật kỳ lạ, như đồ trân bảo giản sách phù độ, đến trao trước cho người tu hành, rồi sau đeo vào thân thể, hoặc khi ma bảo người nghe pháp có hạt châu minh nguyệt chôn ở dưới đất đương soi sáng chỗ đó, làm cho các thánh giả được điều chưa từng có. Ma thường ăn cây thuốc chứ không ăn cơm, hoặc mỗi ngày chỉ ăn một bữa với một ít mè, ít mạch, do sức của ma giữ gìn, nên thân thể vẫn mập tốt, ma lại chê bai Tỳ kheo, mắng nhiếc đồ chúng, không tránh sự chê trách; trong miệng ma ưa nói, kho báu phương khác và chỗ ẩn cư của mười phương các bậc Thánh Hiền; những người đi sau thường thấy có người kỳ lạ. Đây gọi là giống quỷ thần rừng núi, thổ địa, thành hoàng, sông núi tuổi già thành ma, hoặc có khi kêu gọi làm điều dâm dục, phá giới luật của Phật, cùng với những kẻ thừa sự lén hành ngũ dục, hoặc lại tinh tấn ăn toàn cỏ cây, việc làm không nhất định, cốt khuấy rối người tu hành. Khi ma khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử và thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên giác ngộ trước, sẽ không bị luân hồi, nếu mê lầm không biết, thì đọa vào ngục Vô gián.

Lại, thiện nam tử! Thọ âm hư diệu, không bị các tà lục, tánh viên định phát minh; trong Tam Ma Địa, tâm ưa thần thông và các thứ biến hóa, nghiên cứu nguồn gốc của sự biến hóa, tham cầu có thần lực. Khi ấy Thiên ma chờ có dịp tiện, cho tinh thần bay gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó thật không hay biết bị ma gá vào, cũng nói tự được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu thần thông kia, trải tòa thuyết pháp. Người đó hoặc tay cầm ngọn lửa, nắm chìa ngọn lửa trên đầu, bốn chúng nghe pháp. Ngọn lửa trên đỉnh đầu những người nghe pháp đều dài mấy thước mà cũng không đốt cháy, cũng không nóng. Người đó hoặc đi trên nước như đi trên đất bằng, hoặc ở giữa hư không, ngồi yên không lay động, hoặc vào trong bình, hoặc

ở trong đây, vượt qua cửa sổ, thấu qua tường vách, vẫn không bị chướng ngại, chỉ đối với đao binh thì không được tự tại. Người đó tự bảo là Phật, thân mặc bạch y, chịu Tỳ kheo lễ bái, chê bai Thiên Luật, mắng nhiếc đồ chúng, phôi bày việc của người khác, không tránh việc chê trách. Trong miệng họ thường nói thần thông tự tại, hoặc lại cho người thấy cõi Phật một bên. Đó là do sức quỷ làm mê lầm không có gì chơn thật. Người đó khen ngợi việc hành dâm, không từ bỏ việc làm thô tục, bảo những sự ôm ấp lẫn nhau là truyền pháp. Đây gọi là những giống sơn tinh, hải tinh, phong tinh, hà tinh, thổ tinh, và tất cả những loài tinh mị của cỏ cây đã sống trong nhiều kiếp, có sức lớn trong trời đất; hoặc là vọng mị, hoặc các vị tiên tuổi thọ hết, sống lại làm tinh mị, hoặc quả báo đạo tiên đã hết, kể năm thì phải chết, nhưng hình hài không hư nát, nên loài quái khác gá vào. Ở ấy tuổi già thành ma, khuấy rối người tu hành, khi ma khuấy phá chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử và thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên giác ngộ trước, sẽ không bị luân hồi, nếu mê lầm không biết, thì đọa vào địa ngục Vô gián.

Lại, thiện nam tử! Thọ âm hư diệu, không bị các tà lục, tánh viên định phát minh; trong Tam Ma Địa, tâm ưa vào chỗ diệt hết, nghiên cứu tánh biến hóa, tham cầu cái rỗng không sâu nhiệm³⁰⁹. Khi ấy Thiên ma chờ được dịp tiện, cho tinh thần bay gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó thật không biết bị ma gá vào, cũng nói tự được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu rỗng không kia, trải pháp tòa thuyết pháp. Ở trong đại chúng thân hình của người đó bỗng hóa thành không, cả chúng cũng không thấy gì rồi lại từ hư không bỗng chốc hiện ra, khi mất, khi còn được tự tại; hoặc hiện thân rỗng suốt như ngọc lưu ly, hoặc khi duỗi tay chơn xuống, phát ra mùi thơm chiên đàn; hoặc đại tiểu tiện cứng chắc như đường phèn. Người đó chê bai giới luật, khinh khi người xuất gia, trong miệng thường nói không có nhơn quả, một phen chết rồi mất hẳn không còn thân sau; lại các phạm Thánh tuy được không tịch, vẫn lén làm việc dâm dục và người thọ nhận sự dâm dục đó cũng được tâm rỗng không, bác không có nhơn quả. Đây gọi là những giống tinh khí, nhật nguyệt, bạt thực, kim ngọc, chi thảo, lân, phụng, qui, hạt, trải qua hàng vạn năm không chết làm tinh linh, sanh ra trong các quốc độ, tuổi già thành ma khuấy rối người tu hành, khi ma khuấy phá chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử và thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nếu giác ngộ trước, sẽ khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm không biết, thì đọa vào địa ngục Vô gián.

Lại, thiện nam tử! Thọ âm hư diệu, không bị các tà lục, tánh viên định phát minh; trong Tam Ma Địa, tâm ưa sống lâu, gian khổ, quán sát tinh vi, tham cầu được nhiều tuổi, bỏ cái sống phần đoạn, lại trông mong cái tướng của vi tế biến dịch sanh tử được thường trụ. Khi ấy Thiên ma chờ được dịp, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó hoàn toàn không biết bị ma gá vào, cũng tự bảo được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu sống lâu kia, trải tòa thuyết pháp. Người đó ưa nói qua hai phương khác, không hề chậm trễ, hoặc trải qua muôn dặm khoảng

giây lát đã trở lại và đều lấy được những vật nơi đó, hoặc ở một chỗ hay trong một nhà chỉ trong vài bước, bảo người ta đi từ vách đông sang vách tây, nhưng người đi mau cả năm không đến. Nhơn đó người tu hành tin tưởng, nghi là Phật hiện tiền. Miệng ma thường nói chúng sanh trong mười phương đều là con của ta, ta sanh ra chư Phật, ta sanh ra thế giới, ta là Phật đầu tiên tự nhiên ra đời, không nhơn tu mà đắc đạo. Đây gọi là ma trụ thế Tự Tại Thiên, nó khiến bọn quyền thuộc chưa phát tâm như bọn Giá Văn Trà, Tỳ Xá Đổng Tử, cỡi Tứ Thiên Vương, thích cái hư minh đến ăn tinh khí người tu hành, hoặc không nhơn ông thầy, chính người tu hành tự mình xem thấy. Bọn đó tự xưng là thần Chấp Kim Cang đến cho trường thọ, chúng hiện thân làm gái đẹp, thanh hành việc dâm dục, làm cho chưa đầy một năm mà gan não đã khô kiệt; miệng nó lảm nhảm một mình, nghe như yêu mị, người ngoài chưa rõ nguyên do nên phần nhiều sa vào lưới pháp luật và chưa kịp hình phạt mà đã chết khô trước. Thế là bọn ma khuấy phá người tu kia đều phải bình chết. Ông nên giác ngộ trước, thì không vào luân hồi, nếu mê lầm không biết, sẽ rơi vào địa ngục Vô gián.

A Nan! Nên biết, mười thứ ma ấy trong đời mạt pháp, hoặc xuất gia tu hành trong đạo Phật, hoặc gá thân người, hoặc tự hiện hình đều tự bảo đã thành Chánh Biến Tri Giác, khen ngợi dâm dục, phá luật nghi của Phật, ma thầy trước cùng đệ tử ma, đem sự dâm dục truyền dạy cho nhau. Những thứ tà tinh như thế, mê hoặc tim gan, ít thì chín đời, nhiều đến trăm đời, khiến cho người tu hành chơn chánh đều làm quyền thuộc của ma, sau khi mạng chung ắt phải làm dân của ma, bỏ mất chánh biến tri, đọa vào ngục Vô gián. Nay ông chưa nên vào Niết Bàn, trước dầu được quả vô học, cũng phát nguyện vào trong đời mạt pháp kia, phát lòng đại từ bi cứu độ chúng sanh có lòng thâm tín chơn chánh, khiến cho khỏi mắc tà ma, được Chánh Tri Kiến. Nay ta đã độ ông ra khỏi sanh tử, ông vâng lời Phật dạy, gọi là báo ân Phật.

A Nan! Mười thứ cảnh hiện ra trong Thiên Định như thế, đều do tưởng ám mà tâm công dụng giao xen nên hiện ra cảnh ấy. Chúng sanh ngu mê không biết suy xét tự lường, gặp nhơn duyên đó mê không tự biết, bảo là lên bậc Thánh, thành tội đại vọng ngữ phải đọa vào ngục Vô gián. Sau khi ta diệt độ, các ông cần phải đem những lời dạy của Như Lai đây, chỉ bày cho đời mạt pháp, khiến cho khắp chúng sanh tỏ ngộ nghĩa đó, không để cho Thiên ma được dịp khuấy rối, giữ gìn che chở cho chúng sanh thành đạo Vô Thượng.

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Quyển 10

- Tiết 4: Những cảnh thuộc Hành ẩm

A Nan! Thộn nam tử kia tu pháp Tam Ma Địa, khi tướng ẩm đã hết, những mộng tưởng bình thường của người đó đã tiêu diệt, khi ngủ khi thức luôn luôn một Thể Tánh Giác Minh rỗng lặng như hư không, trong trẻo, không còn những bóng dáng tiền trần thô trọng³¹⁰; xem những núi sông, đất liền trong thế gian, như gương soi sáng, khi đến không dính vào đâu, khi qua không để lại dấu vết, rỗng chịu theo sự vật chiếu ứng; rõ ràng không còn tập quán cũ, chỉ một tánh tinh chơn. Căn nguyên sanh diệt từ đây phơi lộ, thấy được mười hai loài chúng sanh trong mười phương, khắp rõ hết các loài, tuy chưa thông suốt mỗi manh mạng căn của mỗi chúng sanh, nhưng đã thấy cơ sở sanh diệt chung, giống như sóng nắng lóng lánh chớp nhoáng hiện ra, làm các then chốt phát sanh các căn phù trần; ấy gọi là phạm vi hành ẩm. Nếu cội gốc của những lăng xăng, chớp nhoáng uẩn đó vào được tánh đứng lặng bản lai, một phen tập khí bản lai đứng lặng, như sóng mồi diệt hết, hóa thành nước đứng, gọi là hết hành ẩm. Người ấy có thể vượt khỏi chúng sanh trước, xét lại nguyên do cội gốc là uẩn vọng tưởng³¹¹.

A Nan nên biết, các thiện nam tử được sự nhận biết đứng đắn trong Xa Ma Tha đó, chính tâm đứng lặng sáng suốt, mười hai loài thiên ma không có dịp khuấy phá. Trong lúc nghiên cứu tinh vi cùng tột, cội gốc của các loài chúng sanh. Khi cội gốc sanh diệt bản lai lộ ra, xét cái cội gốc thường chuyển động lăng xăng cùng khắp uẩn kia, lại móng tâm so đo chấp trước trong tinh viên nguyên, người ấy rơi vào hai thứ luận vô nhân: Một, người ấy thấy gốc vốn không có nhân. Vì sao? Người ấy đã được cơ sở sanh diệt hoàn toàn lộ ra, nhưng theo tám trăm công đức của nhãn căn mà thấy trong tám muôn kiếp, tất cả chúng sanh đều theo dòng nghiệp báo mà xoay vần, chết đây sanh kia; chỉ thấy chúng sanh luân hồi trong đó, ngoài tám muôn kiếp mờ mịt không thấy gì, bèn khởi nhận định rằng, những loài chúng sanh trong mười phương ở thế gian này, từ tám muôn kiếp trở lại, không nhân gì mà tự có. Do chấp trước, so đo như thế bỏ mất Chánh Biến Tri, sa lạc vào ngoại đạo, làm mất Tánh Bồ Đề³¹². Hai, người ấy thấy ngọn không có nhân. Vì sao? Người ấy đã thấy được cội gốc sanh diệt, biết người sanh ra người, rõ chim sanh ra chim, chim quạ xưa nay đen, chim hạc xưa nay trắng; loài người, loài trời, thân vẫn đứng thẳng, các loài súc sanh, thân vẫn nằm ngang; sắc trắng không phải do rửa mà thành, sắc đen không phải do nhuộm mà có,

suốt tám muôn kiếp không hề thay đổi, hết đời này tốt thân hình này cũng như vậy; từ xưa đến nay không thấy gì là Bồ Đề, làm sao lại còn có việc thành đạo Bồ Đề, rồi nhận định tất cả các vật ngày nay đều không có nguyên nhân gì cả.

Do so đo chấp trước như thế nên bỏ mất Chánh Biến Tri, sa lạc vào ngoại đạo, làm mất tánh Bồ Đề. Ấy là ngoại đạo thứ nhất, lập những luận vô nhân.

A Nan! Các thiện nam tử đó ở trong Tam Ma Địa, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có dịp để khuấy phá; trong lúc xét cùng cội gốc của sanh loại, xem cội gốc thường chuyển động u ẩn kia, lại móng tâm so đo chấp trước trong tánh viên thường, người ấy sa vào bốn lý luận biến thường.

Một, người đó xét cùng bản tánh của tâm và cảnh đều không có nhơn, tu tập có thể biết trong hai muôn kiếp, mười phương chúng sanh có những sự sanh diệt đều xoay vần không hề tan mất, nên chấp cho đó là thường.

Hai, người đó xét cùng cội gốc của tứ đại, thấy tứ đại thường trụ, tu tập biết được trong bốn muôn kiếp, mười phương chúng sanh tuy có sanh diệt, nhưng đều có bản thể thường hằng, không hề tan mất nên chấp cho là thường.

Ba, người đó xét cùng nguyên do bản lai sáu căn của sự chấp thọ bởi thức mạng na và của các tâm ý, ý thức, thấy tánh vẫn thường hằng; tu tập có thể biết được trong tám muôn kiếp, tất cả chúng sanh xoay vần không mất, bản lai thường trụ; rồi xét tốt tánh không mất đó chấp là thường.

Bốn, người đó tưởng ám đã hết, lý sanh không còn chuyển chẳng dừng, tư tưởng sanh diệt đã diệt hết rồi, trong lý tự nhiên thành không sanh diệt; người đó nhơn tâm niệm so đo, như thế chấp là thường.

Do sự chấp thường đó nên bỏ mất chánh biến tri, phải đọa lạc vào ngoại đạo, làm mất tánh Bồ Đề. Ấy gọi là ngoại đạo thứ hai, lập những luận viên thường.

Lại, các thiện nam tử đó, trong Tam Ma Địa chánh tâm đứng lặng, thiên ma không còn dịp khuấy phá. Trong lúc xét cùng cội gốc sanh loại, xét cái cội gốc thường chuyển động u ẩn kia, lại móng tâm so đo chấp trước giữa mình và cái khác, người ấy mắc vào bốn kiến chấp điên đảo, là những luận “Một phần vô thường, một phần thường”.

Một, người ấy xét tánh diệu minh vắng lặng khắp giáp mười phương thế giới, cho là thần ngã rất ráo; do đó chấp cái ta cùng khắp cả mười phương đứng lặng sáng suốt không lay động, còn tất cả chúng sanh ở trong tâm ta, tự sanh tự chết, vậy tâm tánh của ta gọi là thường, còn những cái sanh diệt kia, thì thật là vô thường.

Hai, người ấy không xét cái tâm, lại xét khắp hằng sa quốc độ trong mười phương, thấy có chỗ bị kiếp tai phá hoại, cho là có tánh rất ráo vô thường, còn những chỗ không bị kiếp tai phá hoại, gọi là rất ráo thường³¹³.

Ba, người ấy xét riêng cái tâm mình nhỏ nhiệm tinh tế, giống như vi trần lưu chuyển trong mười phương là tánh không đời đời, lại có thể khiến thân này sanh rồi lại diệt, chấp tánh không mất đó là tánh thường của mình, còn tất cả sự sống chết tự

tánh ấy sanh ra gọi là vô thường.

Bốn, người ấy biết tướng âm hết, thấy dòng hành âm, chấp cái thường lưu chuyển của hành âm là tánh thường, còn những sắc âm, thọ âm, tướng âm ... nay đã diệt hết, gọi là vô thường. Do đây mà chấp trước so đo, “một phần thường, một phần vô thường”, đọa lạc vào ngoại đạo, làm mất tánh Bồ Đề. Ấy gọi là ngoại đạo thứ ba, lập những luận “một phần thường, một phần vô thường”.

Lại, các thiện nam tử kia trong Tam Ma Địa, chánh tâm đứng lặng vững chắc, thiên ma không có dịp khuấy phá, khi xét cùng cội gốc sanh loại, nghiệm xét cội gốc thường chuyển động u ân, lại sanh chấp trước so đo về phần vị³¹⁴, người đó rơi vào bốn thứ luận hữu biên:

Một, người ấy so đo cội gốc sanh diệt, lưu chuyển không dừng, rồi chấp quá khứ, vị lai là hữu biên, chấp tâm tương tục là vô biên.

Hai, người đó xét tám muôn kiếp thấy có chúng sanh, còn trước tám muôn kiếp bật không nghe thấy gì, rồi gọi chỗ không nghe thấy đó là vô biên, còn chỗ có chúng sanh gọi là hữu biên.

Ba, người đó chấp rằng mình biết cùng khắp là được tánh vô biên, còn tất cả các người kia hiện ra trong cái biết của mình, mà mình không hề biết họ, nhận biết cái biết của họ, vậy thì những người kia không được tâm vô biên, chỉ có tánh hữu biên.

Bốn, người ấy khi xét cùng hành âm là không, dùng tri kiến hiện tâm mình, so đo tất cả chúng sanh trong mỗi thân, gồm có phân nửa sanh, phân nửa diệt, và chúng tỏ sự vật có ra trong thế giới, phân nửa tánh hữu biên, phân nửa tánh vô biên.

Do những so đo chấp trước hữu biên, vô biên như thế đọa lạc vào ngoại đạo, làm mất tánh Bồ Đề. Ấy gọi là ngoại đạo thứ tư, lập những luận hữu biên.

Lại, các thiện nam tử! Trong Tam Ma Đề, chánh tâm đứng lặng vững chắc, thiên ma không còn dịp khuấy phá, trong lúc xét cùng cội gốc sanh loại. Xét cội gốc thường chuyển động u ân kia, sanh lòng so đo chấp trước về tri kiến, người đó mắc vào bốn thứ luận hư vọng, biên kế, điên đảo, càn loạn bất tử.

Một, người đó quán sát cội gốc của sự biến hóa, thấy chỗ dời đổi gọi là biến, thấy chỗ tương tục gọi là thường, thấy chỗ thấy được gọi là sanh, chỗ không thấy được gọi là diệt, chỗ các nhơn tương tục không có đứt đoạn gọi là thêm, chính trong cái tương tục, chỗ rời nhau ở giữa gọi là bớt, chỗ mỗi cái sanh ra, là chỗ thường thường mất đi, gọi là không, dùng lý quán sát tất cả và dùng tâm thấy nó sai biệt; có người đến câu pháp, hỏi nghĩa thì đáp: “Nay ta cũng sanh, cũng diệt, cũng có, cũng không, cũng thêm, cũng bớt”. Trong tất cả thời đều nói lộn xộn, khiến cho người nghe không thể hiểu được.

Hai, người ấy chính xét tâm luôn luôn là không, nhơn không mà được chứng; có người đến hỏi chỉ đáp một chữ: “không”, ngoài chữ không ra, không nói gì cả.

Ba, người ấy chính xét tâm mỗi mỗi đều có chỗ, nhơn cái có mà được chứng; có người đến hỏi, chỉ đáp một chữ: “phải”; ngoài chữ phải ra, không nói gì cả.

Bốn, người ấy chấp cả có và không. Do cảnh rời rạc, tâm cũng rối loạn; có người đến hỏi thì đáp rằng: “Cũng có tức là cũng không, trong cái cũng không, không phải là cũng có”; tất cả đều càn loạn không thể nói hết được.

Do so đo chấp trước đó, càn loạn, rỗng không, như thế mà sai lạc vào ngoại đạo, làm Tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ năm, chấp trước hư vọng luận về bốn tánh điên đảo, càn loạn bất tử.

Lại, các thiện nam tử! Trong Tam Ma Địa, chánh tâm đứng lạng vững chắc, thiên ma không còn dịp khuấy phá; trong lúc xét cùng cội gốc sanh loại, xét cội gốc thường chuyển động uẩn kia, sanh tâm so đo chấp trước, nơi lòng sanh diệt vô tận, thì người ấy sa vào tư tưởng điên đảo, chấp sau khi chết có tướng.

Hoặc tự củng cố thân mình, bảo rằng sắc là ta, hoặc khi thấy cái ta bao trùm khắp các cõi nước, rồi bảo rằng ta có sắc, hoặc thấy các tiền trần kia, theo ta mà xoay trở về, rồi bảo: sắc thuộc về ta, hoặc thấy cái ta nương trong hành mà tương tục, rồi bảo ta ở nơi sắc, những người đó đều so đo chấp rằng, sau khi chết có tướng, xoay vần như thế, có đến mười sáu tướng.

Từ đó, hoặc còn chấp rằng rốt ráo phiền não và rốt ráo Bồ Đề, hai tánh ấy cùng đuổi nhau mà không đụng chạm gì nhau.

Do so đo chấp sau khi chết là có tướng như vậy, nên rơi vào ngoại đạo, làm mất Tánh Bồ Đề; ấy gọi là ngoại đạo thứ sáu, lập những luận điên đảo, nhận trong ngũ ấm, sau khi chết có tướng.

Lại, các thiện nam tử! Trong Tam Ma Địa, chánh tâm đứng lạng vững chắc, thiên ma không còn dịp khuấy phá; khi xét cùng cội gốc sanh loại, xét cội gốc thường chuyển động uẩn kia lại sanh tâm so đo chấp trước nơi ba ấm; sắc, thọ, tưởng đã diệt trừ rồi, người đó sẽ sa vào những tư tưởng điên đảo, chấp sau khi chết không có tướng.

Người đó thấy sắc ấm diệt, thân hình không có nhọn vào đâu, xét tướng ấm diệt, tâm không bị ràng buộc vào đâu, biết thọ ấm diệt không còn dính liền vào đâu, tánh các ấm đó đã tiêu tán, dầu có lý sanh mà không thọ, không tưởng đồng như cây cỏ, rồi nghĩ rằng, thể chất hiện tiền còn không thể được, làm sao sau khi chết lại còn có các tướng. Nhọn đó nghiệm xét sau khi chết không có tướng; xoay vần như thế, có đến tám luận vô tướng³¹⁵.

Đây hoặc chấp Niết Bàn, nhọn quả tất cả đều không, chỉ có danh tự suông, rốt ráo đều đoạn diệt.

Do so đo chấp sau khi chết là không có tướng, như vậy nên sa vào ngoại đạo, làm mất tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ bảy, lập những thứ tâm luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, sau khi chết không có tướng.

Lại, các thiện nam tử! Trong Tam Ma Địa, chánh tâm đứng lạng vững chắc, thiên ma không còn dịp khuấy phá; khi xét cùng cội gốc sanh loại, xét cội gốc thường chuyển động uẩn kia, ở trong hành ấm còn và thọ tướng đã diệt, đồng thời khởi so đo

chấp cả hai cái có và không, tự thể phá nhau. Người ấy rơi vào luận điên đảo, chấp sau khi chết không phải có, không phải không.

Người đó thấy những âm: sắc, thọ, tưởng có, nhưng chẳng phải có. Xét trong hành âm chuyển biến, không những chẳng phải không, xoay vần như thế, cùng tột các âm, làm thành tám tướng, tướng không phải có, không phải không, tùy gặp duyên gì đều nói, sau khi chết có tướng, không tướng.

Lại, xét các hành âm sanh diệt thay đổi liên tục, tâm phát tỏ suốt, chấp tất cả đều không phải có, không phải không, lộn lạo hư thật.

Do so đo, chấp sau khi chết đều không phải có, không phải không, như thế mà đường sau mờ mịt, không còn lối đi, sa lạc vào ngoại đạo, làm mất tánh Bồ Đề; ấy gọi ngoại đạo thứ tám, lập những luận điên đảo, chấp trong năm âm sau khi chết, chẳng phải có, chẳng phải không.

Lại, các thiện nam tử! Trong Tam Ma Địa, chánh tâm lóng đứng vững chắc, thiên ma không còn ị khuấy phá; khi xét cùng cội gốc sanh loại, xét cái cội gốc thường chuyển u ẩn kia, sanh tâm so đo chấp mãi, sau này là không, người ấy mắc vào bảy hí luận đoạn diệt.

Hoặc chấp thân này diệt, hoặc chấp ngũ dục tận diệt, hoặc chấp hết khổ tận diệt, hoặc chấp tột vui diệt, hoặc chấp xả tột diệt; xoay vần như thế cùng tột đến bảy mé hiện tiền tiêu diệt, diệt rồi không trở lại nữa.

Do những so đo chấp sau khi chết là đoạn diệt, như thế sa lạc vào ngoại đạo, làm mất tánh Bồ Đề; ấy gọi là ngoại đạo thứ chín, lập những luận điên đảo, chấp trong ngũ âm, sau khi chết là đoạn diệt.

Lại, các thiện nam tử! Trong Tam Ma Địa, chánh tâm đứng lạng vững chắc, thiên ma không còn ị khuấy phá; khi xét cùng cội gốc sanh loại, xét cội gốc thường chuyển động u thanh kia, so đo chấp đời sau này là có; người ấy sa vào các luận, năm thứ Niết Bàn hiện có.

Hoặc nhận dục giới là chuyển y chơn chánh do xem thấy sáng suốt cùng khắp và sanh lòng yêu mến. Hoặc nhận Sơ Thiên là chuyển y chơn chánh, vì tâm không còn lo buồn. Hoặc nhận Nhị Thiên vì tâm không còn khổ thọ. Hoặc nhận Tam Thiên vì tâm rất vui theo. Hoặc nhận Tứ Thiên khổ vui đều hết, vì chấp không còn chịu sanh diệt trong luân hồi này. Người đó làm trong cõi trời hữu lậu, khởi hiểu vô vi làm sự an ổn, năm chỗ ấy là chỗ nương tựa thù thắng, thanh tịnh; xoay vần như thế, rốt ráo có năm chỗ.

Do so đo chấp năm thứ Niết Bàn hiện có như thế, mà sa lạc vào ngoại đạo, làm mất tánh Bồ Đề; ấy gọi là ngoại đạo thứ mười, lập những luận điên đảo chấp trong ngũ âm có năm thứ Niết Bàn hiện có.

A Nan! Mười thứ nhận hiểu cuồng loạn trong Thiên na như thế, đều do hành âm và tâm công dụng giao xen, nên hiện ra những nhận thức đó. Chúng sanh ngu mê không tự xét lường; gặp cảnh ấy hiện ra lại nhận mê làm ngộ, tự bảo là chứng Thánh,

thành tội đại vọng ngữ và sẽ đọa vào địa ngục Vô gián. Các ông phải nên đem lời này của Như Lai: Sau khi ta diệt độ truyền lại trong đời mạt pháp, khiến cho tất cả chúng sanh hiểu rõ nghĩa này, không để cho tâm ma tự gây nên những tội lỗi sâu nặng, giữ gìn che chở cho chúng sanh tiêu hết tà kiến, dạy cho họ thân tâm giác ngộ đạo nghĩa chơn thật đối với đạo Vô Thượng. Không mắc vào các đường tử, cũng chớ để chúng sanh tạm mong được chút ít cho là đã đủ, nêu ra lời chỉ dạy thanh tịnh của vị Đại Giác.

- Tiết 5: Những cảnh thuộc Thức ấm

A Nan! Thiện nam tử kia tu pháp Tam Ma Địa, khi hành ấm hết, then chột lay động uẩn, chúng sanh ra các loài thế gian, bỗng nhiên được xóa bỏ giềng mối vi tế quan hệ sâu xa, gây nghiệp chịu báo của ngã thể chúng sanh, cảm ứng đều bất dứt.

Đối với bầu trời Niết Bàn sắp được rất tỏ sáng. Người đó như khi gà gáy tan, xem qua phương Đông đã có ánh sáng.

Sáu căn rỗng rang thanh tịnh, không còn dong ruổi. Trong ngoài đều lặng sáng, vào được tánh vô sở nhập, thấu suốt nguyên do thọ mạng của mười hai loài chúng sanh trong mười phương. Xét rõ nguyên nhân do chấp trước gây nên, các loài không thể hấp dẫn được nơi mười phương thế giới, đã nhận được tánh đồng; tánh trong sáng ấy không bị chìm mất, phát hiện ra một cách sâu kín, ấy gọi là phạm vi của thức ấm. Nếu đối với các loài chiêu dẫn đã chứng được trong tánh đồng, đã tiêu hóa sáu căn, làm cho khi hợp, khi chia đều được tự tại, cái thấy cái nghe thông nhau, tác dụng thanh tịnh thay thế lẫn nhau, thì mười phương thế giới, cùng với thân tâm đều như ngọc lưu ly; trong ngoài đều sáng suốt; ấy gọi là hết thức ấm. Người ấy mới vượt khỏi mạng trước, xét lại nguyên do, cội gốc là vọng tưởng điên đảo huyền hóa rỗng không.

A Nan! Nên biết các thiện nam tử đó đã xét cùng tánh không của các hành, trở về cội nguồn của thức, sanh diệt đã diệt, mà đối với quả tịch diệt tinh diệu chưa viên mãn. Người đó có thể khiến các căn nơi thân mình khác nhau, khi hợp, khi chia và thông suốt với sự hay biết các loài trong mười phương; cái hay biết đó thông suốt vắng lặng, có thể vào tánh bản viên. Nếu nơi chỗ quay về, lại lập ra cái nhơn chơn thường và quyết định như thế là đúng, người ấy sa vào cái chấp “nhơn sở nhơn”, trở thành bè bạn với bọn Ta Tỳ Ca La; chấp Minh Đế là chỗ trở về, mê muội Bồ Đề của Phật, bỏ mất chánh tri kiến; ấy gọi là bọn thứ nhất lập cái tâm sở đắc, thành quả sở quy, trái xa tánh viên thông, đi ngược với đạo Niết bàn, sanh ra giống ngoại đạo.

A Nan! Lại thiện nam tử kia, xét cùng tột tánh không của các hành, cái sanh diệt đã diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt; nếu nơi chỗ trở về lại bám lấy đó làm tự thể, cho rằng tất cả chúng sanh trong mười hai loài, đều từ trong thân mình sanh ra và quyết định như thế là đúng, thì người đó sa vào cái chấp “năng phi năng”³¹⁶, thành bè bạn với bọn Ma Hê Thủ La³¹⁷, hiện ra thân vô biên³¹⁸ làm mê muội tánh Bồ Đề của Phật, bỏ mất chánh tri kiến; ấy gọi là bọn thứ hai, lập cái tâm năng vi

thành cái quả năng sự, trái xa với tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống Đại mạn thiên³¹⁹, chấp cái ta cùng khắp viên mãn.

Lại, thiện nam tử! Xét cùng tánh không các hành đã dứt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nếu trong chỗ quay về thấy có chỗ nương về, lại tự nghi thân tâm mình từ đó mà sanh ra và cả mười phương hư không đều từ đó sanh khởi, rồi tức cái sanh ra tất cả đó, nhận là cái thể chơn thường không sanh diệt, như thể là trong cái sanh diệt sớm chấp là thường trụ, chẳng những làm tánh bất sanh mà cũng mê tánh sanh diệt, an trụ trong cái mê làm, trầm trọng mà quyết định là đúng. Người ấy sa vào kiến chấp “thường phi thường”, thành bè bạn với những kẻ chấp có Tự Tại Thiên, mê tánh Bồ Đề của Phật, bỏ mất chánh tri kiến; ấy gọi là bọn thứ ba, lập tâm nhơn y, thành quả vọng kế, trái xa tánh viên thường, đi ngược với đạo Niết Bàn, thành ra giống “đảo viên”.

Lại, thiện nam tử! Xét cùng tánh không các hành, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nếu cho hay biết, do hay biết cùng khắp, nên nhận cái biết mà lập thành chỗ nhận hiểu, cỏ cây mười phương đều gọi là hữu tình, cùng với người không khác. Cỏ cây sanh làm người, người chết trở lại làm cỏ cây trong mười phương, nơi cái hiểu biết cùng khắp, không có lựa chọn và quyết định như thế là đúng; người ấy sa vào chấp “tri vô tri”³²⁰, thành bè bạn của bọn Bà Tra³²¹, Tiên Ni³²² chấp tất cả đều có hay biết; mê làm tánh Bồ Đề của Phật, bỏ mất chánh tri kiến; ấy gọi là bọn thứ tư chấp tâm viên tri, thành cái quả sai lầm, hư dối, trái xa tánh viên thông, đi ngược với đạo Niết Bàn, sanh ra giống “đảo tri”.

Lại, thiện nam tử! Xét cùng tánh không của hành ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tánh tịch diệt. Nếu đã được tùy thuận trong căn viên dung, dùng thay lẫn nhau liền trong tánh viên dung, biến hóa tất cả, phát sanh câu cái ánh sáng của hỏa đại, ưa cái thanh tịnh của thủy đại, yêu cái châu lưu của phong đại, xét cái thành trụ của địa đại, rồi sùng phụng mỗi mỗi cái, nhận những tứ đại kia làm bản nhân và lập nó làm cái nhận hiểu thường trụ, thì người đó sa vào cái chấp “Sanh vô sanh”³²³, thành bè bạn với bọn ông Ca Diếp Ba và bọn Bà La Môn, đem hết thân tâm thờ lửa, thờ nước để cầu ra khỏi sanh tử, mê muội tánh Bồ Đề của Phật, bỏ mất chánh tri kiến; ấy gọi là bọn thứ năm chấp trước, phụng thờ, mê tâm theo vật, lập cái nhân mong cầu hư vọng, để cầu cái quả mong mỏi giả dối, tránh xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống “điên hóa”³²⁴.

Lại, thiện nam tử kia! Xét cùng tánh không của các hành, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nếu nơi cảnh viên minh chấp rằng không trong viên minh, bác bỏ tiêu diệt các sự vật biến hóa, lấy tánh tịch diệt hẳn làm chỗ quy y của mình và quyết định như thế là đúng, thì người đó sa vào cái chấp “quy vô quy”³²⁵, thành bè bạn của bọn Thuận Nhã Đa³²⁶ trong Vô Tướng Thiên, mê muội tánh Bồ Đề của Phật, bỏ mất chánh tri kiến; ấy gọi là bọn thứ sáu, viên thành cái tâm hư dối, lập ra cái quả không vọng, trái xa với tánh viên thông, đi ngược với đạo Niết

Bàn, sanh ra giống “đoạn diệt”.

Lại, thiện nam tử kia! Xét cùng tánh không của các hành, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt, nếu nơi cảnh viên thường, củng cố cái thân thường trụ như tánh ấy mãi mãi không suy mất và quyết định như thế là đúng, thì người đó sa vào cái chấp “tham phi tham”³²⁷, thành bè bạn của A Tư Đà³²⁸ cầu trường sinh, mê muội tánh Bồ Đề của Phật, bỏ mất chánh tri kiến; ấy gọi là bọn thứ bảy, chấp trước cội nguồn mạng căn, lập cái nhơn củng cố hư vọng, để đến cái quả kéo dài sự nhọc nhằn, trái xa tánh viên thông, đi ngược với đạo Niết Bàn, sanh ra giống “vọng diên”³²⁹.

Lại, thiện nam tử kia! Xét cùng tánh không của các hành, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt, xét thấy các mạng thông lẫn với nhau, muốn giữ lại cái trần lao, sợ nó tiêu hết, khi ấy bèn ngồi cùng hoa sen, hóa ra bảy thứ trần báu rất nhiều, cùng những gái đẹp, buông lung tâm mình và quyết định như thế là đúng, thì người ấy sa vào cái chấp “chơn vô chơn”³³⁰, thành bè bạn của bọn Ca Chi Ca La³³¹, mê muội tánh Bồ Đề, bỏ mất chánh tri kiến; ấy gọi là bọn thứ tám, lập cái nhơn tà tư, thành cái quả xí trần, trái xa tánh viên thông, đi ngược với đạo Niết Bàn, sanh ra giống “Thiên ma”.

Lại, thiện nam tử kia! Xét tánh không của các hành, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nơi thức thể viên minh cội gốc của sanh mạng phân biệt chỗ tinh, chỗ thô quyết đoán chỗ chơn chỗ ngụy; nơi nhơn quả đền đáp nhau, chỉ cầu cảm ứng, trái với đạo Thanh Tịnh, nghĩa là chỉ thấy khổ đế, đoạn tập đế, chứng diệt đế, tu đạo đế; ở nơi diệt đế đã dứt rồi, lại không cầu tiến thêm nữa, và quyết định như thế là đúng, thì người đó sa vào Định Tánh Thanh Văn³³², thành bè bạn của hàng Vô Văn³³³, tăng thượng mạn; mê muội tánh Bồ Đề của Phật, bỏ mất chánh tri kiến; ấy gọi là bọn thứ chín viên mãn tâm tịnh ứng, thành cái quả thu tịch, trái xa với tánh viên thông, đi ngược với đạo Niết Bàn, sanh ra giống “Triền không”³³⁴.

Lại, thiện nam tử kia! Xét cùng tánh không của các hành, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nếu ở nơi Tánh Giác Minh Thanh Tịnh Viên Dung mà phát minh tánh thâm diệu, liền nhận làm Niết Bàn mà không cầu tiến lên nữa, và quyết định như thế là đúng; người đó sa vào hàng Định Tánh Bích Chi³³⁵, thành bè bạn với các vị Duyên Giác, Độc Giác, không biết hồi tâm hướng về Đại thừa, mê muội tánh Bồ Đề của Phật, bỏ mất chánh tri kiến; ấy gọi là bọn thứ mười Viên thành giác tâm vắng lặng, lập ra quả trạm minh, trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giác ngộ viên minh, nhưng không hóa được tánh viên.

A Nan! Mười thứ Thiên na như thế, giữa đường hóa diên, nhơn nương theo sự mê làm, trong chỗ chưa đủ, lại nhận là đã chứng đầy đủ, đều do thức ám dụng tâm giao xen, nên sanh ngôi vị này. Chúng sanh mê muội không biết tự xét, gặp cảnh đó hiện tiền, mỗi mỗi dùng tâm mê làm ưa thích những tập quán cũ, mà tự dùng nghĩ,

cho đó là chỗ quay về rốt ráo an ổn, tự bảo đã đầy đủ đạo Vô Thượng Bồ Đề, thành tội đại vọng ngữ. Bọn ngoại đạo tà ma, khi nghiệp báo chiêu cảm hết rồi, bị đọa vào ngục Vô gián, hàng Thanh Văn, Duyên Giác thì không tiến thêm được nữa.

Các ông để tâm giữ gìn đạo của Như Lai nên đem pháp môn này, sau khi ta diệt độ, truyền dạy cho đời mạt pháp, khiến cho khắp tất cả chúng sanh hiểu rõ nghĩa này, không để cho những ma tà kiến gây ra nạn lớn cho mình, giữ gìn cứu giúp tiêu hết duyên tà, khiến cho thân tâm được vào tri kiến của Phật, từ lúc bắt đầu đến thành tựu, không gặp các đường tẻ.

Pháp môn như thế, các Đức Như Lai như số vi trần, trong hằng sa kiếp quá khứ, đều nương theo đây mà tâm khai ngộ đạo Vô Thượng.

Thức ám nếu hết rồi, hiện tiền các căn của ông đều được thay dùng lẫn nhau. Từ chỗ các căn thay dùng lẫn nhau, ông sẽ lên bậc Kim Cang Càn Huệ Bồ Tát, Tâm Tịnh Diệu Viên Minh, trong ấy hóa ra như mặt trăng báu, hiện trong ngọc lưu ly trong sạch, rồi cứ như thế mà vượt lên Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Tứ Gia Hạnh Tâm, và Thập Địa Kim Cang của Bồ Tát; tánh Đẳng Giác Viên Minh, vào biển Diệu Trang Nghiêm³³⁶ của Như Lai, viên mãn đạo Bồ Đề³³⁷, về chỗ vô sở đắc³³⁸.

Đoạn 3 - Kết về tu tâm trừ tà, tuân lời Phật dạy

“Đó là những ma sự vi tế, mà các Đức Phật Thế Tôn đời quá khứ trước đã giác ngộ nghiệm xét, phân tích trong lúc tu chỉ, và tu quán. Nếu khi cảnh ma hiện tiền, ông hay biết rõ, thì rửa trừ được tâm cấu nhiễm, không mắc vào các tà kiến; ám ma đều tiêu diệt, thiên ma bị đánh tan, đại lực quỷ thần hoảng hốt chạy trốn, ly vọng lượng không còn sanh ra được, thì đi thẳng đến Bồ Đề không có thiếu sót. Những căn cơ hạ liệt tăng tiến lên, đối với Đại Niết Bàn tâm không mê lầm. Nếu có các chúng sanh ngu độn trong đời mạt pháp chưa biết Thiền na, không hiểu thuyết pháp, ưa tánh tu tam muội, ông e mắc vào tà kiến, thì nên nhất tâm khuyên bảo hộ trì thân chú Phật đánh của ta, nếu không thể tụng được thân chú, thì nên viết trên thiền đường hoặc đeo nơi thân; như thế thì tất cả các ma không thể động đến được. Ông nên kính vâng luôn phép cuối cùng về đường tu tiên rốt ráo của mười phương Như Lai.”

MỤC IX: CHỈ RÕ THỨ LỚP TIÊU DIỆT CÁC ÁM VÀ GIỚI HẠN PHẠM VI CỦA CÁC ÁM

Đoạn 1 - Thỉnh cầu khai thị

Ông A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy nghe Phật dạy bảo đánh lễ kính vâng, ghi nhớ không sót, ở trong đại chúng lại bạch Phật rằng: “Như Phật đã dạy, trong tướng ngũ ám có năm thứ hư vọng, làm tâm tướng cội gốc; chúng con bình thường chưa được nhờ Đức Như Lai khai thị tỉ mỉ như thế. Lại năm thứ ấy là tiêu trừ một lần, hay theo thứ lớp mà hết? Năm lớp như thế đến đâu làm giới hạn? Cúi mong đức Như Lai mở lòng đại từ làm cho tâm và mắt của đại chúng này được trong sáng, để làm đạo

nhân tương lai cho cả chúng sanh trong đời mạt pháp”.

Đoạn 2 - Đức Như Lai đáp thẳng

Phật bảo ông A Nan: “Tánh tinh chơn là diệu minh, tánh bản giác là viên tịnh, không có để lại sự sanh tử và các trần cấu, cho đến cả hư không cũng đều như nơi vọng tưởng mà sanh khởi. Tất cả cái ấy gốc nơi Bản Giác Diệu Minh Chơn Tinh vọng phát sanh ra các khí thể gian, như chàng Diễm Nhã Đạt Đa quên đầu mà nhận bóng. Vọng vốn không có như, ở trong vọng tưởng mà lập ra tánh nhân duyên. Người mê tánh nhân duyên thì cho là tự nhiên. Cả tánh hư không kia còn thật là huyền hóa sanh ra, và nhân duyên, tự nhiên đều là những sự so đo của vọng tâm chúng sanh. A Nan! Biết do vọng sanh khởi mà nói nhân duyên vọng, nếu cái vọng vốn là không, thì nhân duyên vọng đó thật không có gì, huống nữa chẳng biết mà cho là tự nhiên. Thế nên đức Như Lai phát minh cho các ông rằng, bản như của ngũ âm, đồng là vọng tưởng.

Thân thể của ông, trước kia như cái tướng của cha mẹ mà sanh ra. Tâm của ông nếu không phải là tướng, thì không thể đến trong tướng để truyền mạng. Như trước ta đã nói, trong tâm tướng vị chua, thì nước bọt trong miệng chảy ra; tâm tướng lên cao, thì lòng bàn chân nghe ghê rợn. Đốc cao không có, vị chua chưa đến, cái thân thể của ông nếu không phải đến cùng loài hư vọng thì làm sao, như nghe nói chua, trong miệng nước bọt lại chảy ra, vậy nên biết sắc thân hiện tiền của ông, gọi là vọng tướng kiên cố thứ nhất³³⁹.

Tức nơi tâm tướng tướng, việc lên cao vừa nói ở trước, nó có thể khiến thân ông thật chịu ghê rợn. Do như các thọ sanh ra, có thể xúc động sắc thân. Vậy hiện nay hai thứ thọ, thuận thì tăng ích, nghịch thì tổn giảm, cả hai đều hiện đang dong ruổi nơi ông, gọi là vọng tướng hư minh thứ hai³⁴⁰.

Do những ý nghĩ sai khiến sắc thân của ông, nếu sắc thân không phải cùng loài, thì thân ông nhân vì theo ý nghĩ sai khiến nhận các thứ hình tượng sanh tâm, chấp nhận các hình tượng phù hợp với ý nghĩ, lúc thức là tâm tướng, lúc ngủ là chiêm bao. Những vọng tình lay động, tướng nghĩ của ông đó gọi là vọng tướng dung thông thứ ba³⁴¹.

Lý chuyển hóa không dừng, xoay vần âm thầm dời đổi, móng tay dài, tóc mọc ra, khí lực tiêu, da mặt nhăn, ngày đêm thay đổi, mà không hề hay biết. A Nan! Nếu cái đó không phải là ông, thì làm sao thân ông lại dời đổi; nhưng nếu nó thật là ông, thì làm sao ông lại không hay biết? Vậy các hành mỗi niệm không dừng của ông, gọi là vọng tướng uẩn thứ tư.

Lại chỗ tinh minh đứng lặng không lay động của ông, gọi là thường còn, thì thân ông không ra ngoài sự thấy, nghe, hay, biết. Nếu nó thật là tánh tinh chơn, thì không cho huân tập được các điều vọng. Như vì các ông trong mấy năm trước, đã từng xem một vật lạ, trải qua nhiều năm không hề nghĩ đến. Về sau bỗng nhiên lại xem thấy vật lạ đó, thì nhớ lại rõ ràng không có thiếu sót. Vậy trong tánh tinh minh đứng lặng

không lay động ấy, từng niệm, từng niệm chịu sự huân tập không thể tính toán hết được. A Nan! Nếu biết cái đứng lặng đó không phải thật, như dòng nước chảy nhanh, trông như yên lặng, vì chảy quá nhanh mà không thấy, chứ không phải là không chảy. Nếu cội gốc cái đó không phải là vọng tưởng, thì đâu chịu để cho hư vọng huân tập. Nếu sáu căn của ông chưa được tự tại, chia hợp dùng thay lẫn nhau, thì cái vọng tưởng đó, không lúc nào diệt được. Vậy nên hiện nay cái tập khí quán xuyên tập trung những điều thấy, nghe, hay, biết của ông là cái vọng tưởng điên đảo, vi tế huyền hóa rộng không thứ năm, trong tánh trạm liêu của ông.

A Nan! Năm thứ âm đó, là do năm thứ vọng tưởng tạo thành.

Nay ông muốn biết giới hạn cạn sâu, thì chỉ sắc và không là biên giới của sắc âm; chỉ xúc và ly là biên giới của thọ âm; chỉ nhớ và quên là biên giới của tưởng âm; chỉ diệt và sanh là biên giới của hành âm; đứng lặng vào hợp với đứng lặng, trở về bờ mé của thức âm.

Cội nguồn năm âm này vốn trùng điệp sanh khởi. Sanh, như thức âm mà có, diệt, từ sắc âm mà trừ, lý thì ngộ liền, như cái ngộ đều tiêu; sự không phải trừ liền, theo thứ lớp mới diệt hết.

Ta đã chỉ cho ông về cái gút nơi khấn Kiếp Ba La có chỗ nào không rõ mà ông phải hỏi lại. Tâm ông cần phải thông suốt về cội gốc vọng tưởng đó để truyền dạy cho người tu hành trong đời mạt pháp sau này, khiến cho họ biết hư vọng mà tự sanh nhàm chán, và biết rõ có Niết Bàn nên không luyến tiếc ba cõi”.

Phần thứ ba: Lưu thông

Chương 1: Lưu thông của kinh này

MỤC I: ĐƯỢC PHƯỚC HƠN CÁ

A Nan! Nếu như có người đem bảy thứ báu đầy đầy hư không cùng khắp mười phương, dùng dâng lên chư Phật, nhiều như số vi trần, kính thờ cúng dường tâm không lúc nào xao lãng; ý ông nghĩ thế nào, người ấy nhân duyên cúng Phật như thế, được phước có nhiều chăng?

Ông A Nan thưa: “Hư không không hết, trân bảo không cùng; thuở xưa có chúng sanh cúng Phật bảy đồng tiền, đến khi xả thân còn được vị Chuyển Luân Thánh vương; huống nữa hiện tiền dùng thất bảo đầy cả hư không, cúng dường khắp cả các cõi Phật, thì dầu cho suy nghĩ cùng tột cả số kiếp còn không thể thấu được; phước ấy làm sao còn lại có bờ bến.

MỤC II: TIÊU TỘI HƠN CÁ

Phật bảo ông A Nan: “Chư Phật Như Lai lời nói không có hư vọng. Ví như có người gây đủ bốn trọng tội, mười tội Ba La Di, trong khoảng nháy mắt phải trải qua địa ngục A Tỳ, phương này, phương khác cho đến cùng tột các địa ngục Vô gián trong

mười phương, không nơi nào chẳng trải qua. Nếu người đó dùng một niệm, đem pháp môn này ở trong đời mạt pháp khai thị cho người chưa học trong đời mạt pháp, thì tội chướng của người đó liền được tiêu diệt, biến cái nhơn khổ trong địa ngục, thành cái nhơn cõi nước An Lạc, được phước vượt hơn người làm việc bố thí cúng dường trước kia, trăm lần, ngàn lần, ngàn vạn ức lần, như thế cho đến tính toán thí dụ cũng không thể nói hết được.

MỤC III: DỆP TRỪ MA HƠN CÁ

A Nan! Nếu có chúng sanh biết tụng kinh này, biết trì thần chú này, nếu như ta đã nói rộng ra, thì cùng tột các kiếp cũng không thể hết; nương theo lời chỉ dạy của ta, y theo lời dạy đó tu hành thì thẳng đến đạo Bồ Đề không còn có các ma sự”.

Chương 2: Lưu thông chung

Phật nói kinh này rồi, các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, tất cả các loài Trời, Người, A Tu La trong thế gian, các vị Bồ Tát, Nhị Thừa, Thánh Tiên, Đồng Tử cõi khác và các Đại Lực Quỷ Thần mới phát tâm, đều rất vui mừng, phát nguyện vâng làm, đồng lễ Phật rồi lui ra.

- - Hết quyển 10 - -

PHẦN HỒI HƯƠNG KINH BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

Khi Ngài Quán Tự Tại Bồ Tát thực hành sâu xa Pháp Bát Nhã Ba La Mật Đa, Ngài soi thấy năm uẩn đều không, qua hết thảy khổ ách.

"Này Ông Xá Lợi Phất! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng đều như thế”.

"Này Ông Xá Lợi Phất! Tướng không của mọi pháp không sanh, không diệt, không như, không sạch, không thêm, không bớt, nên trong "chơn không", không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức, không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới, không có vô minh, cũng không có cái hết vô minh, cho đến không có già chết, cũng không có cái hết già chết, không có khổ, tập, diệt, đạo, không có trí huệ, cũng không có chứng đắc. Vì không có chỗ chứng đắc, nên Bồ Tát y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa,

tâm không ngăn ngại. Vì không ngăn ngại, nên không sợ hãi, xa hẵn điên đảo, mộng tưởng, đạt tới cứu cánh Niết Bàn. Chư Phật trong ba đời cũng y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, được đạo quả vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nên biết Bát Nhã Ba La Mật Đa là Đại Thần Chú, là Đại Minh Chú, là Vô Thượng Chú, là Vô Đẳng Đẳng Chú, trừ được hết thảy khổ, chân thật không hư"

Vì vậy, liền nói Chú Bát Nhã Ba La Mật Đa: "Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha".

(3 lần, 1 tiếng chuông)

NHU-Ý-BẢO LUÂN-VƯƠNG ĐÀ-RA-NI:

Nam-mô Phật-đà-da.

Nam-mô Đạt-ma-da.

Nam-mô Tăng-dà-da.

Nam-mô Quán-Tự-Tại Bồ-tát Ma-ha-tát, cụ đại-bi tâm giả. Đát diệt tha.

Án chước yết ra phạt đề chấn đa mạc ni, ma ha bát đẳng mế, rô rô rô rô, đề sắc tra thước ra a yết rị, sa dạ hồng phần toá ha.

Án, bát đập ma chấn đa mạc ni, thước ra hồng.

Án bát lạc đà, bát đẳng mế hồng.

(3 lần)

VÃNG SANH QUYẾT ĐỊNH CHƠN NGÔN

Nam mô a di đa bà dạ, đa tha dà đa dạ, đa diệt dạ tha. A di rị đô bà tỳ, a di rị đa tất đam bà tỳ, a di rị đa tỳ ca lan đế, a di rị đa tỳ ca lan đa, dà di nị dà dà na, chỉ đa ca lệ ta bà ha. *(3 lần)*

TÁN PHẬT

Tâm Phật thanh tịnh tự lưu ly,

Trí Phật sáng ngời như trăng sáng,

Phật ở thế gian thường cứu khổ,

Tâm Phật không đâu không từ bi.

Nam mô Đại Từ Đại Bi Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật *(10 lần)*

Nam mô A Di Đà Phật *(10 lần)*

Nam mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lạc Tôn Phật *(10 lần)*

Nam mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát *(3 lần)*

Nam mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát *(3 lần)*

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát

(3 lần)

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát (3 lần)

Nam mô Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ Tát (3 lần)

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát (3 lần)

THẤT PHẬT DIỆT TỘI CHƠN NGÔN

Ly bà ly bà đế, cầu ha cầu ha đế, đà ra ny đế, Ny ha ra đế, Tỳ lê nễ đế, Ma ha già đế, Chơn lăng càn đế, ta bà ha (3 lần)

TỨ HOÀNG THỆ NGUYỆN

Chúng sanh không số lượng,
Thệ nguyện đều độ khắp.
Phiền não không cùng tận,
Thệ nguyện đều dứt sạch.
Pháp môn không kể xiết,
Thệ nguyện đều tu học.
Phật đạo không gì hơn,
Thệ nguyện được viên thành.

HỒI HƯỚNG

Phúng kính công đức, hạnh nhiệm mầu
Thắng phước bao nhiêu con nguyện cầu
Tất cả chúng sanh trong pháp giới
Hướng về Phật pháp tỏ đạo mầu.
Nguyện cho ba chúng tiêu tan
Phiền não dứt sạch, huệ căn sáng ngời
Cầu cho con được đời đời
Hành Bồ tát đạo, cứu người làm than.
Nguyện sanh Tây phương, cõi Lạc bang
Chín phẩm sen vàng, nơi hóa sanh
Hoa nở, thấy Phật, quả viên thành
Các vị Bồ tát bạn lành với ta.
Nguyện đem công đức lành
Đệ tử hướng tâm thành
Cầu cho khắp chúng sanh
Đều chứng thành Phật quả.

TỰ QUY Y

Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sanh, thể theo Đạo cả, phát lòng Vô Thượng.
(1 lạy)

Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sanh, thấu rõ Kinh tạng, trí huệ như biển. (1 lạy)

Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, hết thảy không ngại.
(1 lạy)

HỒI HƯỚNG CHÚNG SANH

Nguyện đem công đức này,
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh,
Đều trọn thành Phật Đạo.

PHÂN THÍCH NGHĨA

¹ TÔI NGHE NHƯ VẬY: Lúc Thế Tôn sắp vào Niết bàn, Ngài A Nan hỏi Phật: “Khi kết tập các kinh điển, mở đầu, nên đề câu nào?” Phật dạy nên đề câu: “Tôi nghe như vậy...”. NHƯ VẬY: là chỉ nghĩa lý kinh nói; TÔI NGHE: là Ngài A Nan đích thân nghe.

² TINH XÁ KỲ HOÀN: “KỲ”: nói đủ là “Kỳ Đà”, cũng gọi là “Thệ Đa”, nghĩa là “chiến thắng”. “Hoàn”: nghĩa là rừng. Vườn Kỳ Đà do ông Trưởng giả Cấp Cô Độc trải vàng mua đất, xây tinh xá thành Phật thuyết pháp, khiến Thái Tử Kỳ Đà cảm động cúng tất cả cây trong vườn, nên có tên gọi như thế: Vườn của Ông Cấp Cô Độc trưởng giả; Cây của Thái tử Kỳ Đà.

³ THẤT LA PHIỆT: Gọi đầy đủ là “Thất La Phiệt Tất Đề” : nghĩa là “Phong Đức”, vì do trong thành bốn thứ: tài báu, ngũ dục, đa văn và giải thoát đều đầy đủ.

⁴ ĐẠI TỶ KHEO: “Đại” có 3 nghĩa: số nhiều, danh trọng và đức thắng. TỶ KHEO: có 3 nghĩa: Khất sĩ, Bồ ma và Phá ác. A LA HÁN: có 3 nghĩa: Ứng cúng, Vô sanh và Sát tặc. XÁ LỢI PHÁT: nghĩa là Thu Tử, vì mắt của mẹ Ngài như mắt chim Thu nên lấy đó mà đặt tên cho Ngài. MA HA MỤC KIÈN LIÊN: “Ma Ha” nghĩa là “đại”. “Mục Kiền Liên” nghĩa là “Thái Thúc Thị” tức là rau đậu. Họ của mẹ Ngài dùng đặt tên cho Ngài. Ngài có thần thông đệ nhất. MA HA CẦU HY LA: nghĩa là “Đại tất” tức là Trường Trảo Phạm Chí”. PHÚ LÂU NA DI ĐA LA NI TỬ: gồm có: PHÚ LÂU NA: nghĩa là “Mãn”: tên của cha Ngài. DI ĐA LA NI: nghĩa là “Tử”: tên của mẹ Ngài. Chung cả tên cha và mẹ gọi là “Mãn Tử Tử”. TU BỒ ĐỀ: nghĩa là “Thiện Kiết” cũng gọi là quán trần không mà đạt Đạo, nên lấy đó đặt tên. THƯỢNG THỦ: là người lãnh giềng mối trong chúng, là người cầm đầu.

⁵ BÍCH CHI PHẬT: “Bích Chi” có 2 nghĩa: “Độc Giác” và “Duyên Giác”. Vị ra đời không gặp Phật, chuyên ở chỗ vắng vẻ quán sát sự sinh hóa của sự vật mà ngộ Đạo gọi là Độc Giác. Vị ra đời gặp Phật, nghe lời Phật dạy, quán lý 12 nhân duyên mà được ngộ Đạo, gọi là Duyên Giác. BỒ TÁT: nói đủ là “Bồ Đề Tát Đỏa” nghĩa là “Giác Hữu Tình”. “Bồ Đề” là “Trí tuệ vô thượng”, “Tát Đỏa” là “Đại tâm chúng sanh”.

⁶ CA LĂNG: tức là CA LĂNG TÀN GIÀ: tên một giống chim ở Ấn Độ, tiếng hót hòa nhã, dùng để dụ cho

tiếng của Phật. **VĂN THÙ SƯ LỢI**: cũng gọi là “Mạn Thù Thất Lợi” có nghĩa “Diệu Cát Tường” hay là “Diệu Đức”. Ngài Văn Thù tiêu biểu cho Căn Bản Trí.

⁷ **BA TƯ NẶC**: nghĩa là “Thắng Quân”, vua nước Xá Vệ. **TRƯỜNG GIẢ**: tiếng gọi người có đủ tài đủ đức. **CU SĨ**: là người giữ Đạo, ít ham muốn. **A NAN**: nghĩa là “Khánh Hỷ. Ngày Phật thành Đạo, bỗng nhiên vua Hộ Phạm được báo tin sanh Hoàng Tử nên đặt tên là A Nan. **A XÀ LÊ**: nghĩa là “Quỹ Phạm”. Luật Phật chế: khi Tăng đi ra cần có 2 vị Thầy đi theo để hàng phục các lỗi lầm sa đọa.

⁸ **ĐÀN VIỆT**: nghĩa là thí chủ. Từ tâm hạnh không lành mà bố thí gọi là “rớt sau”

⁹ **TU BỒ ĐỀ**: Ngài bỏ nhà người nghèo và xin của nhà giàu.

¹⁰ **CA DIẾP**: là “Ám Quang Thị”: Ngài bỏ nhà giàu và xin của người nghèo.

¹¹ **TA TỖ CA LA TIÊN PHẠM THIÊN**: “Ta Tỳ Ca La” nghĩa là “Kim Đầu, tức là ngoại đạo tu theo khổ hạnh, thờ Phạm Thiên mà được thần chú. ¹² **HÀO QUANG VÔ ÚY**: Đức Như Lai không tự nói chú, mà do trên đánh Phật phóng quang hóa Phật tuyên nói, là để chỉ cho tất cả thần thông đều từ trí dụng hiện ra, nhưng trong thế vô tướng chưa từng lay động. **NGÀI VĂN THÙ**: tiêu biểu cho Căn Bản Trí hay hàng phục tà ma ngoại đạo, nên Phật bảo Ngài mang thần chú đến cứu hộ.

¹³ **XA MA THA**: dịch là “Tịch Tĩnh” tức Chi.

¹⁴ **TAM MA**: dịch là “Quán chiếu”.

¹⁵ **THIÊN NA**: dịch là “Tịch chiếu bất nhị”: nghĩa là tịch chiếu không hai, tức là Định - Huệ bình đẳng.

¹⁶ **VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ**: tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của mười phương Như Lai đều do phát minh chơn tánh mà được thành tựu.

¹⁷ **TRỰC TÂM**: trong tâm chân thực, ngoài không giả dối. Sự sống hàng ngày của chúng sanh toàn thân là vọng. Vì thế nên Đức Như Lai đối với việc trước mắt, đặc biệt nêu ra chỗ “trực tâm, cốt yếu trong chỗ đối đáp thô lộ rõ ràng.

¹⁸ **ÔNG ĐEM CÁI GÌ THẤY?**: là gạn xét cái thấy.

¹⁹ **LẤY CÁI GÌ ƯA THÍCH?**: là gạn hỏi tâm.

²⁰ **MƯỜI LOÀI SANH**: nói đủ là 12 loài sanh, ở đây trừ hai loài: “Không và tán” : không có tướng của thân. **TRẦN**: có nghĩa là ô nhiễm. **PHÙ**: là thô phù, không phải “thắng nghĩa căn”.

²¹ **TAM MA ĐỀ**: tức là Tam Ma Địa: Chánh Định, còn gọi là Tam muội Tổng trì. Tam ma đề ở đây chỉ cho “Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Vương” đầy đủ cả muôn hạnh, các Tam ma địa khác đều thâm nhiếp vào Đẳng Trì Vương Diệu Tam Ma Địa này.

²² **ĐÂU LA MIÊN**: “Đâu La” nói đủ là “Đâu Sa La” dịch là “Suong”. “Miên” là lụa mịn. Cánh tay của Phật mềm mại như Đâu La Miên.

²³ **TÂM SANH**: Do tâm sanh nên các pháp sanh, do pháp sanh nên các tâm sanh.

²⁴ **GIỚI THỨ MƯỜI CHÍN**: thí dụ có tên sông mà không có thể thật, vì chỉ có 18 giới: 6 căn + 6 trần + 6 thức.

²⁵ **TRẦN THỨ BẢY**: cũng là một thí dụ có tên sông mà không thật thể.

²⁶ **THẾ TÔN TỪ TRÊN GIỮA 2 CHÂN MÀY PHÓNG CÁC THỨ HÀO QUANG**: trước từ trên đánh

Phật phóng quang là tiêu biểu cho bản thể không thể nói năng. Ở đây Phật phóng quang từ diện môn, khoảng giữa hai chân mày, là tiêu biểu cho căn tánh tròn sáng trong ngoài không thiếu.

²⁷ SÁU THỨ CHẤN ĐỘNG: Phật nói pháp mầu là một nhơn duyên lớn, nên chư Thiên, Ma Phạm, người, phi nhơn, hoặc vui hoặc sợ, thân tâm chấn động nên cõi đất ứng ra chấn động. Sáu thứ chấn động: 1. Tiếng (thinh), 2. Hình tượng (hình), 3. Tiếng rống (hầu), 4. Tiếng đánh (kích), 5. Lay động (khởi), 6. Vọt lên (dũng).

²⁸ ĐỒNG THỜI HIỆN RA...HIỆP THÀNH MỘT CỖI: là cõi nước vốn tự mở hay hợp lại, nhưng vì chúng sanh mê nên bị cách ngại, Phật dùng oai thần khiến cho tạm thấy

²⁹ ÁC XOA: dịch là Tuyến Quán Châu: là dây xâu chuỗi. Tên của một thứ trái cây bên Tây Vực (Ấn Độ) ba trái chung một cuống, dụ cho ba thứ: Hoặc, Nghiệp và Khổ chẳng rời nhau.

³⁰ THỨC TỈNH NGUYÊN MINH: Hai thứ căn bản chơn và vọng từ chúng sanh hiện tiền mà chỉ ra, như việc chuyển động hằng ngày cùng sự vật giao tiếp, nhưng chúng sanh không biết nên cho là tự tánh. Đây là căn bản của sanh tử. Phải biết nó nguyên là Bồ Đề Niết Bàn, thể tánh thanh tịnh, chẳng ngoài cái phân biệt rõ ràng trước mắt, chủ trương muôn duyên mặc tình theo đó, luống tự trái bỏ. Do tự trái bỏ nên tuy hằng ngày ở trong Bồ Đề Niết Bàn thường tự tỉnh sáng, mà lại thường tự mê mờ, nên gọi là Phật tánh bị lưu chuyển. BỒ ĐỀ là trí đức, NIẾT BÀN là đoạn đức. Hai thứ quả đức này ở trong tầng thức chẳng tương ưng với vọng nhiễm, nên gọi là nguyên thể thanh tịnh. Đây gọi riêng chơn tướng của Tầng Thức tại trong động dụng gọi là Thức Tỉnh Nguyên Minh, vì hay buông thả theo muôn vật nên gọi hay sanh các duyên. Đã ở trong các duyên mà không tự biết nên gọi là bỏ sót.

³¹ VÔ SANH PHÁP NHÃN: Phẩm Thập Nhẫn trong Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: “Quán sát tất cả pháp thấy đều nhơn duyên khởi, không sinh nên không diệt, không diệt nên không cùng tận.

³² CỬU THỨ ĐỆ ĐỊNH: Tức là Tứ Thiên và Tứ Không cộng thêm Diệt thọ tướng định. 8 thứ Thiên trước là của phàm phu, ngoại đạo. Thiên thứ chín của quả vị Thánh vô lậu. Ở đây nói: “Chẳng được vô lậu thành A La Hán”, vì quả A La hán của hàng Nhị thừa còn thuộc về quyền dụ, tức trong kinh Pháp Hoa nói chẳng phải chơn thật Niết Bàn. Xét ở đây, chính là chỉ cho Đại thừa, quả vị A La hán trong Đại thừa chính là hàng Thập địa về sau.

³³ CHÀNG CÙNG TỬ BỎ CHA TRỐN ĐI: tức là dụ cùng tử trong kinh Pháp Hoa.

³⁴ TỪ TƯỚNG CHỮ VẠN TRÊN NGỰC CỦA ĐỨC NHƯ LAI PHÓNG RA HÀO QUANG BÁU: Phẩm Tướng Hải trong kinh Hoa Nghiêm nói: Trước ngực Như Lai có tướng Đại Nhơn, hình chữ Vạn, tên là Kiết Tường Hải Vân. Trí đức rộng lớn như biển, che vật cùng khắp như mây. Khi phóng hào quang ấy thì sẽ phát ra tiếng nhiệm mầu (diệu âm) để tuyên dương biển pháp. HÀO QUANG SOI KHẮP CỖI PHẬT: tiêu biểu cho tâm Như Lai Tạng lưu xuất.

³⁵ SOI KHẮP TRÊN ĐÁNH CÁC ĐỨC NHƯ LAI: là tiêu biểu cho chơn tánh của mỗi đức Phật đều đồng.

³⁶ XOAY VỀ SOI ĐẾN ÔNG A NAN VÀ ĐẠI CHÚNG: là tiêu biểu cho mỗi tánh đều bình đẳng.

³⁷ NĂM VỊ TỶ KHEO: 1. Ác Bê (Mã Thắng), 2. Bạt Đề (Tiểu Hiền), 3. Câu Lợi (Ma Ha Nam (Trưởng giả), 4. A Nhã Đa (Giải Bồn Tế), tức là Kiều Trần Như (Hòa Khí), 5. Ca Diếp (Ấm Quang).

³⁸ KHÁCH TRẦN: chỉ cho Tập Đê: Phân biệt phiền não thô động như khách. Câu sanh vi tế như trần, đều là phiền não chướng. Đây chính là lời nói vào thời ấy. Nay nói khách trần là chỉ cho thân và cảnh. Song, thân tức là căn thân, cảnh tức là khí giới. Xét biết căn thân, khí giới nhất như thì khách trần phiền não sở tri đồng thời dứt sạch.

³⁹ CA CHIÊN DIÊN: nói đui là Ca La Cưu Đà Ca Chi ên Diên: dịch là Tiễn Phát. Ngoại đạo này nói: “Giết hại tất cả chúng sanh, nếu không hổ thẹn thì chẳng đọa địa ngục, cũng như hư không chẳng nhận bụi và nước”.

⁴⁰ TỖ LA CHI TỬ: cũng gọi là San Xà Dạ Tỳ La Chi Tử: “San Xà Dạ” dịch là Chánh Thắng: là tên. “Tỳ La Chi” dịch là Bất Tác: là tên của mẹ - Nói gọn là Tỳ La Chi Tử. Thuyết của ngoại đạo này nói: đạo chẳng cần phải cầu, sanh tử nhiều kiếp tự nhiên đắc đạo. Như cuộn chỉ trên núi cao lăn xuống tự nhiên dừng. Cả hai phái trong nhóm Lục Sư (ngoại đạo) đều là đoạn kiến, bác không nhân quả.

⁴¹ SÁT NA: một giây lát, một thời gian thoáng qua mau lẹ vô cùng (Phật Học Tự Điển)

⁴² THẦN KỶ BÀ THIÊN: dịch là Trường Thọ Thiên. Bên Tây Vực, khi sanh con phải đến yết kiến thần Trường Thọ.

⁴³ MẠT GIÀ LÊ: dịch là Bất Kiến Đạo (chẳng thấy Đạo) đều là đoạn kiến ngoại đạo.

⁴⁴ TIẾNG HẢI TRIỀU: Hải Triều Âm: Tiếng sóng biển: tiếng thuyết Pháp của Đức Phật oai mãnh, hùng tráng, vang dội khắp nơi, tỹ như tiếng sóng biển. (Phật Học Tự Điển).

⁴⁵ SẮC: chỉ cho 11 món sắc pháp.

⁴⁶ TÂM: chỉ cho 8 thức tâm vương.

⁴⁷ CÁC DUYÊN: chỉ cho 24 món bất tương ưng hành.

⁴⁸ TÂM SỞ: chỉ cho 51 món tâm sở.

⁴⁹ CÁC SỞ DUYÊN: tức là 6 món vô vi.

⁵⁰ TÂM DIỆU MINH: tức là DIỆU MINH CHƠN TINH DIỆU TÂM: nó vốn diệu mà minh (nhiệm màu và sáng suốt). Đây nói Minh Chơn Tinh là để giản trách nó chẳng phải là hư vọng vậy. Bản Diệu Viên Diệu Minh Tâm là Bản Diệu Tâm viên dung tịch chiếu để giản trách nó chẳng phải là Tánh Giác Minh (vì Tánh Giác Minh có năng, có sở, có hư vọng).

⁵¹ VIÊN ÂM: nghĩa là tất cả thứ tiếng là một thứ tiếng, một thứ tiếng là tất cả thứ tiếng. Lại một khi nói ra là diễn đạt được cùng tột (nghĩa lý) và đều đồng tất cả.

⁵² TRÁI YÊM MA LA: Trái Yêm Ma Lặc giống như trái đào, trái lý xứ ta. Chính khi đó Phật đang cầm trái này nên lấy làm thí dụ.

⁵³ CHUYỂN ĐƯỢC VẬT: Chuyển vật là chuyển tất cả vật làm chính mình. Tất cả muôn pháp chỉ do tâm hiện đều không tự tánh, duy có nhất tâm. Chỉ rời phân biệt tức là Bát Nhã.

^{54a} TRÊN ĐÀU MỘT SỢI LÔNG CÓ THỂ CHỨA ĐỰNG CẢ MƯỜI PHƯƠNG CỠ NƯỚC: Bát Nhã trùm khắp thì thân tâm tròn sáng. Tâm tròn sáng thì nhiếp sự về lý, thường chiếu thường tịch, tám thứ gió không động (Lợi-Suy, Hủy Nhục-Đề Cao, Khen-Chê, Khổ-Vui). Thân tròn sáng thì thể lý đều là sự. Một tức là tất cả, tất cả tức là một. Mấy lông và cội nước bỗng nhiên hiện tiền, chẳng cần nhờ đến thần thông và diệu dụng.

^{54b} Ý thức thì hạn cuộc với thân còn tánh thấy thì trùm khắp. Ông A Nan làm nhận cái ý thức làm tâm mình, cái xác thịt làm thân mình thì cái tánh thấy kia đối với ông lại thành một vật ở trước mắt, chỉ khác một điều là vật đó lại thấy được thân thể của ông.

⁵⁵ KIỂU LOẠN BÁT TỬ: Bốn món kiểu loạn là: cũng thay đổi cũng thường còn, cũng sanh cũng diệt, cũng có cũng không, cũng tăng cũng giảm: là chấp giữ hai bên không có nghĩa quyết định, để rõ ý Phật dạy, thị phi đều lia, tâm cảnh đều bỏ, để hiển bày tánh chơn thật nhiệm màu vốn không hý luận.

⁵⁶ CÁI THẤY NGUYÊN LÀ VẬT GÌ MÀ Ở TRONG ẤY KHÔNG CÓ CÁI “PHẢI” VÀ “CHẲNG PHẢI”: Câu “nguyên là vật gì” là thâm bảo: nguyên là thể giác ngộ thanh tịnh nhiệm màu sáng suốt. Biết đồng một thể thì vật và ngã đều như nhau, không lời có thể nói, không thức có thể phân biệt, nên nói “trong ấy không có cái phải và chẳng phải”.

⁵⁷ CHÁNH ĐỊNH KIA: tức là Chánh Định Thủ Lăng Nghiêm. Bộ Tông Cảnh chép: “Nếu chưa trụ trong Chánh Định (Tam Ma Địa) thì chẳng tin ngoài tâm không có pháp. Do trí phân biệt tâm hiểu biết chưa quên, chỉ duyên cảnh khác, chưa an trụ chỗ của chính mình”.

⁵⁸ CÁI THẤY VÀ CẢNH BỊ THẤY NÀY... “PHẢI” VÀ “CHẲNG PHẢI”: Cái thấy (kiến) chỉ cho “căn”, “cảnh bị thấy” (kiến duyên) là chỉ cho “trần”, “tướng tướng” là chỉ cho “thức”. Căn, trần, thức... cả ba đều như huyền không sanh diệt, vì không tánh và chẳng phải tánh, nên tất cả đều chỉ có tâm. Chỗ đạt được của người trí tuệ, ở trong ấy không khởi tướng, nói và nghĩ đều lìa.

⁵⁹ ĐIỀU ẤY SO VỚI THUYẾT CỦA PHẠM CHÍ --- CÓ GÌ SAI KHÁC?: Ngoại đạo không đạt được tánh chân thật của Duy Thức, luống cho chỗ duy thức biến in tuồng như có cảnh hiện, tức là chấp thức thứ bảy chủ tể, thức thứ sáu duyên tiền trần làm thật ngã khắp tất cả chỗ, dường như lạm dụng chơn giác trùm khắp mười phương thế giới. Chẳng biết ngoại đạo kia lập thuyết minh sơ sanh tánh giác, tức là ở đây nói thức thứ tám bất giác vọng động thành nghiệp tướng. Họ lấy bất giác làm Minh Đế, lấy nghiệp tướng vọng động làm thần ngã, mê làm lý vô tánh, thành ra có cái tai họa về thân kiến, rồi tùy theo chỗ mà đổi dời, chỉ đồng với sanh diệt. ĐẦU HÔI: tức là di chủng của Ta Tỳ Ca la.

⁶⁰ BỌN NGOẠI ĐẠO KIA THƯỜNG NÓI TỰ NHIÊN, CÒN TA (PHẬT) --- NGOẠI ĐẠO KIA: Phật ở nơi núi Lăng Già nói: Do nhân duyên sanh ra các pháp là pháp chấp tự nhiên của ngoại đạo. Cũng ước chỉ chỗ khởi ra có căn thân và thế giới trong thế gian, chứ chẳng phải đệ nhất nghĩa.

⁶¹ NGHĨA ĐỆ NHÚT: ĐỆ NHÚT NGHĨA ĐẾ: Chơn lý có ý nghĩa bậc nhất. Chơn đế là chơn lý thật nghĩa để cho hàng thánh giả, bậc xuất gia xét hoặc nghe, vì ý nghĩa cao siêu huyền diệu, vô vi. Còn gọi là Thắng Nghĩa Đế. (Phật Học Tự Điển).

^{62- 63} KHI NHẬN THẤY TÁNH THẤY, THÌ TÁNH THẤY CHẲNG PHẢI LÀ CÁI THẤY...: chữ Kiến (thấy) trên tức là giác ngộ, nghĩa là thủy giác. Chữ Kiến (thấy) dưới là thấy sáng, thấy tối, thấy hư không, thấy bung bít, mà không phải là sáng tối, hư không, bung bít. Đó là năm thứ hiện lượng (trực giác) không hạn cuộc nơi căn, mà cũng không phải cảnh, thì tánh Như Lai tạng đâu không thường lưu lộ.

⁶⁴ ĐẠI TỔNG TRÌ - ĐÀ RA NI: dịch là Tổng Trì, có Tổng Trì một chữ, nhiều chữ, không chữ khác nhau. Thần chú phía sau thuộc nhiều chữ, nếu hiển bày thật tướng tức là nghĩa không chữ. Thật tướng Đà Ra Ni tức là chân Tam Ma Địa, gồm nhiếp các Tam Ma Địa, nên tất cả sự thanh tịnh trang nghiêm nhiệm màu của Bồ Tát đều nương theo đây mà được thành tựu.

⁶⁵ QUÁN CHIẾU mà nói XA MA THA, bởi vì tịch chiếu rời các phân biệt, nên gọi là “vi mật”.

⁶⁶ VỤNG, THÍCH, BỘI, QUYẾT ... HỒNG NGHÊ: “Vụng, thích, bội, quyết” : đều do hắc khí hiện ra bên mặt trời, mặt trăng. “Vụng” là bao giáp vòng, “Thích” là nhựt thực, nguyệt thực. “Bội quyết” là đồ bằng ngọc, hình dáng như ngọc bội, ngọc quyết. “Tuệ, Bội, Phi Lưu” : đều gọi là “sao yêu”. Sách Nhĩ Nhã nói: “Tuệ Tinh” (sao phước) là Sầm Thương (một tên của sao chổi), “Bội” là sao chổi: hình như cây chổi ngọn xòe ra. “Phi” là bay một đường thẳng. “Phụ nhĩ” là tai khí hướng đến mặt trời hình như treo, như lỗ tai. “Hồng Nghê” do âm dương không hòa hiện ra, “Hồng” là cái cầu vồng, “Nghê” là cái ráng mây sắc đỏ. CHÚNG SANH NƯỚC BÊN KIA VÓN KHÔNG THẤY: là dụ cho không thấy vọng, như mắt trong sáng xem khắp bầu trời trong.

⁶⁷ CÁI THẤY VÀ CẢNH VẬT BỊ THẤY... THÀNH

BỊNH: Dùng mắt xem thấy là căn, núi sông, cõi nước là khí thế gian, chúng sanh tức là chúng sanh thế gian. Cả hai đều chỉ là cảnh. Gồm cả căn và cảnh đều do cái thấy bị bệnh từ vô thủy, gọi là vô minh bất giác vọng động

mà có kiến phần, tức vẫn trước phân biệt cái thấy vọng (sai lầm). Kiến (thấy) tức là mắt thấy, “Kiến duyên” (cảnh bị thấy) tức là cõi nước chúng sanh. Căn và cảnh đều thuộc về tướng phân, nguyên ở trong “Kiến phần” do vọng động mà phát sanh, nên in tuồng như có cảnh hiện tiền, nhưng không phải thật có. “Giác minh” tức là “kiến phần”. “Kiến Sở duyên” tức là năng kiến sở kiến. Đây lại là nguyên do bệnh của năng kiến và sở kiến, ban đầu ở nơi tánh giác minh, để hiển bày căn thân và cảnh giới không lầm lỗi. VỌNG THẤY: là Giác kiến tức là Giác Minh, tức là bệnh.

⁶⁸ TÂM TÁNH NHIỆM MÀU SÁNG SUỐT GIÁC NGỘ VÔ LẬU: Tánh Như Lai tàng do bất giác vọng động mà khởi ra có kiến phần, liền có tướng sanh, căn trần đối hiện, lẫn nhau tăng trưởng lưu chuyển không cùng. Tất cả chúng sanh từ vô thủy cho đến ngày nay không từng tạm dứt. Song bản giác nhiệm màu sáng suốt thường trụ nơi căn. Tuy là bị căn hạn cuộc, vẫn theo cảnh đổi dời mà tánh sáng suốt không phân biệt chưa từng biến đổi. Nghĩa là gá vào căn mà tánh sáng suốt phát hiện, lia trần có tự thể. Tánh vốn như vậy, một phen giác ngộ, chẳng theo công dụng. Tức khi chưa giác ngộ, cũng không thiếu thốn và nhiễm ô, chỉ vì còn ở trong vị trí mê muội không người hiểu biết, luống tự trôi nổi.

⁶⁹ TÁNH GIÁC: GIÁC NGUYÊN: căn nguyên của tánh giác: tức là thủy giác, nghĩa là Bát Nhã vậy. Niết Bàn có 3 đức: Pháp thân, Bát Nhã và Giải Thoát. Pháp thân tức là Bản Giác Diệu Minh. Bát Nhã tức là Thủy Giác vậy.

⁷⁰ BỒ ĐỀ: tức là thi giác. Bồ Đề từ Bản Giác sanh, trở lại chứng Bản Giác, tức là cái “Kiến Tinh” hiện tiền, khi chưa ngộ là căn tánh, đã ngộ tức là Bồ Đề. Do cái Kiến Tinh hiện tiền tức là Bản Giác lưu lộ, tuy là việc hàng ngày của chúng sanh mà chẳng biết, in tuồng như phải nhờ liễu duyên. Song thật do Bản giác huân tu, nên khi còn ở trong mê, trọn phải có thời tiết. Nghĩa là y nơi duyên khởi do tu mà thành, chẳng phải chẳng hợp. Còn khế hợp với Tánh Chơn thì tướng vọng hết chẳng phải hòa hợp.

⁷¹ KIẾN TINH: tức là Bản Giác, là Bồ Đề, là Thi Giác.

⁷² CÁC TƯỚNG HUYỄN HÓA... DIỆT MẮT: Đây là Phật chỉ gốc bệnh cho ông A Nan, đều do chẳng biết tất cả các tướng huyễn hóa nơi tiền trần từ nơi tâm (đương xứ) phát sanh, cũng tùy theo tâm mà diệt mất. Chữ “XÚ” tức là tâm thể. Chẳng biết từ tâm sanh ra, thì thấy ngoài tâm có pháp. Ly hay Tức đều chẳng phải. Ly thì làm chấp làm tự nhiên; Tức thì làm chấp làm nhân duyên. Chẳng biết tùy tâm diệt mất, thì ngoài pháp có tâm, động tĩnh lẫn lộn. Động thì vật ngã đối đãi, Tĩnh thì phân biệt hiện tiền.

⁷³ NGƯỜI KIA VÔ CỐ... GIẢ DỐI LỘN XỘN: Mắt là dụ cho Chơn Trí. Hư Không là dụ cho Chơn Lý, Chơn Trí Không Kiến (Không năng kiến), Chơn Lý Không Cảnh (Không Sở Kiến). “Vô cố nhìn sừng” là dụ cho Bất Giác Vọng Động từ vô thủy, chẳng phải có nguyên nhân. “Trùng” là đáng mạo nhìn thẳng. “Lao” là mệt nhọc. Không thấy mà in tuồng như có thấy, không cảnh mà in tuồng như có cảnh. Nên văn sau gạn cùng để chỉ rõ là hư vọng vậy.

⁷⁴ TAY CHÂN YÊN ÒN, THÂN THỂ ĐIỀU HÒA: “An ổn điều hòa” để chỉ hình dung các thọ khi chưa khởi. “Lấy hai bàn tay” là nói tội cùng vọng động không như, tự sanh xúc thọ vậy.

⁷⁵ HÀNH ÁM: “Hành” là nghĩa vọng tâm dời đổi, trước sau và khoảng giữa niệm niệm chẳng dừng; giống như sanh nối tiếp nhau, cũng như dòng nước dốc trước sau kéo lẫn nhau in tuồng có thứ lớp mà chẳng vượt khỏi nhau, nên nói là thứ lớp.

⁷⁶⁻⁷⁷ HƯ KHÔNG VÀ NƯỚC: “Hư Không” dụ cho Chơn Lý. “Nước” dụ cho Chơn Trí. Đây nói Chơn Lý chẳng sanh làm loạn. Nếu làm loạn nơi Chơn Lý, thì tội xưa nay không có một người có thể chứng lý.

⁷⁸⁻⁷⁹⁻⁸⁰ NGƯỜI LẤY BÌNH TÀNG GIÀ BỊT HAI LỖ LẠI, CHỨA ĐẦY HƯ KHÔNG: “Người” là dụ cho chúng sanh. “Bình” dụ cho nghiệp. “Hư không” dụ cho thức. Chúng sanh bị nghiệp dẫn, thức tùy theo nghiệp mà đi, nhưng bung bình hư không đi. Tiền ám dụ cho “nước này”, Trung ám và Hậu ám dụ cho “nước khác”, hai lỗ dụ cho “Trí và Lý”. Chúng sanh không đạt được trí và lý, giả dối theo nghiệp mà dời, như bịt hai lỗ, bung bình hư không đi xa vậy.

⁸¹⁻⁸² PHƯƠNG KIA... PHƯƠNG NÀY: “Phương kia” dụ cho Tiên âm, “Phương này” dụ cho Trung âm và Hậu âm. Thức tùy theo nghiệp hiện, không có phương kia, phương này, cũng không có ra vào.

⁸³ SÁU NHẬP: tức là 6 căn, nghĩa là căn làm chỗ vào cho trần, nên gọi là 6 nhập.

⁸⁴ NGƯỜI MỎI MỆT... HẾT NHỚ THÌ QUÊN: Tất cả chúng sanh hiện tại ở trong mê, có ý mà không tâm. Ý sanh thì quá khứ, vị lai hiện rõ, ý diệt thì hiện tiền mê tối. Niệm niệm đời đời, trọn đời chẳng biết. Đây tức là ý căn rất dễ thấy rõ. Như việc ngủ thức, nhớ quên lấy làm thí dụ cho toàn thể của ý. Bởi trong khi ngủ nằm mộng để dụ cho “giả có”. Hết mộng bỗng thức giấc để dụ cho “giả không”. Chẳng rõ giả có nên ôm ấp trần cảnh trong mộng mà nghĩ nhớ. Chẳng rõ giả không, khi thức mà không nhớ nên gọi là quên. Ở đây nói trạng thái cùng tốt của ý nhập là giả dối để chỉ ra chỗ thí dụ về ý căn nơi văn sau.

⁸⁵ NGỦ THỨC: tức là tương ứng với hai chữ “nhớ quên”. Trong khi nằm mộng là nhớ, khi thức mà chợt không nhớ là quên, chính khi nhớ là sanh, khi không nhớ là diệt. Ý chẳng đối với trần cảnh thì cái phân biệt từ đâu sanh; rời ý thì chẳng biết, há lại từ hư không sanh.

⁸⁶ MUỖI HAI XỨ: tức là sáu căn và sáu trần: Luận Hiển Tông nói: Xứ là cửa sanh. Tâm vương và tâm sở đều sanh trưởng trong ấy nên gọi là Xứ, bởi do 6 căn, 6 trần là chỗ sanh ra thức.

⁸⁷ CHIÊN ĐÀN -- MỘT THÙ: Chiên Đàn là cây thơm bậc nhất trong các loại cây thơm. “thù”: 24 thù là một lượng.

⁸⁸ VÔ KÝ: 3 tánh: thiện, ác và vô ký (Không thiện, không ác) là chỉ cho pháp trần. “Trong ý” là chỉ cho ý căn. “Pháp tắc” là khuôn phép. Pháp chẳng phải sanh ra hay thành lập, song do tập khí (thói quen) từ vô thi tạo thành nơi ý căn dường như đã khắc định.

⁸⁹ MUỖI TÁM GIỚI: tức 6 căn, 6 trần và 6 thức: “Giới” là giới hạn. Mỗi thứ đều có giới hạn, chẳng xen tạp và làm rối loạn nhau.

⁹⁰ CÂY Y LAN: có mùi hôi. Trong rừng cây Y Lan thường sanh cây Chiên Đàn (mùi thơm). Chiên Đàn khi thành cây thì cây Y Lan không còn mùi hôi nữa.

⁹¹ CÁI THỨC TÂM--- HAY KHÁC NHAU? Cái thức tâm này so sánh với trên nên nói là Ý Thức, hơn dưới nên có suy nghĩ phân biệt cả hai. Do đó nên lấy Suy Nghĩ làm thức thứ Bảy, lấy Phân Biệt làm thức thứ Sáu, đều thuộc về ý căn, mà ý căn nguyên gốc là thức thứ Tám, nên phải nói là thức tâm.

Từ Như Lai Tạng, do bất giác vọng động, tức toàn tâm là thức. Nên biết Tâm và thức vốn đồng, chỉ do mê ngộ mà có khác. Mê thì bám lấy pháp mà thành căn mới có suy nghĩ phân biệt. Đây là trung bày nghĩa đồng và khác. Bởi muốn cho người chẳng rời thức thứ sáu, thức thứ bảy mà ngộ được thức thể, thì Như Lai Tạng chẳng nhọc nhằn, riêng làm việc gánh vác.

^{92 - 93 - 94 - 95 - 96}. SẮC KHÔNG: là sắc trần, ĐỘNG TĨNH: là thanh trần, THÔNG BÍT: là hương trần, HỢP LY: là hai trần vị và xúc, chỉ có SANH DIỆT: là chỉ cho pháp trần. Song Sanh cùng hơn nơi sắc không v.v... các pháp bên ngoài mà sanh; Diệt cũng hơn nơi sắc không v.v... các pháp bên ngoài mà diệt. Ấy là bóng dáng rơi rớt (lạc tạ ảnh tử) của năm trần. Rời các tướng đó ắt không có thực thể. Pháp trần sở hơn đã không thật thể, thì ý thức năng hơn đâu có hình trạng gì? Nếu không có hình trạng giới do đâu mà lập?

⁹⁷ Ý CĂN PHÁP TRẦN....TÁNH TỰ NHIÊN: Bởi từ Như Lai Tạng không có tự tánh, do vọng động mà thành ra “kiến phần”, hơn kiến phần mà có “tướng phần”. Bên trong dường như có căn thân, bên ngoài in tưởng có thể giới. Bên ngoài thì gom góp, bên trong thu hút, dường như sanh phân biệt, hoặc như có hiểu biết, hoặc như không hiểu biết, tựa như chơn nhưng không phải chơn, dường như vọng nhưng không phải vọng; tâm động thành cảnh, cảnh đều là tâm, không thể có thân sơ, khoảng giữa không chủ tể. Kẻ phạm phu vật và ngã không phân, tức thánh hơn sắc tâm không hai. Cho nên Đức Như Lai vì kẻ phạm phu và Tiểu Thừa mà nói do hơn duyên, vì hàng Bồ tát chỉ nói là hý luận. Tất cả đều là phương tiện chưa đúng là lời nói chơn thật (chơn thuyên). Đây là chỗ 18

giới tạo ra đều là Như Lai Tạng, nên rốt sau cho ba Xứ đều không.

^{98 - 99} NGHĨA RỐT RÁO TRUNG ĐẠO: tức là Đệ Nhứt Nghĩa Đế.

¹⁰⁰ CÁI KIẾNG DƯƠNG TOẠI: là cái kiếng lấy lửa.

¹⁰¹ TIÊN CA TỶ LA: dịch là Hoàng Đầu.

¹⁰² CHƯỐC CA LA: dịch là Luân Sơn.

¹⁰³ BÁT ĐẦU MA: dịch là Xích Liên Hoa.

¹⁰⁴ HA TÁT ĐA: dịch là Sự Thủy (thờ nước).

¹⁰⁵ HẠT CHÂU PHƯƠNG CHƯ: là hạt châu để lấy nước

¹⁰⁶ Y TĂNG GIÀ LÊ: dịch là Đại Y

¹⁰⁷ CA SA: dịch là Hoại Sắc, tức chỉ cho Y Tăng Già Lê

¹⁰⁸ SÁT LỢI: dịch là Điền Chủ, tức là dòng vua.

¹⁰⁹ BÀ LA MÔN: dịch là Tịnh Chí

¹¹⁰ TỶ XÁ THỦ ĐÀ LA: “Tỳ Xá”: dịch là Tọa Cố, tức là kẻ mua bán, “Thủ Đà”: dịch là Nùng Giả, tức là người nông phu.

¹¹¹ PHẢ LA ĐỌA: dịch là Lợi Căn, tức là Bà La Môn chuyên cúng kính.

¹¹² CHIÊN ĐÀ LA: dịch là Sát Giả, tức là đồ tể (làm hàng thịt)

¹¹³ KIẾN ĐẠI THÌ CÓ GIÁC QUAN MÀ KHÔNG PHÂN BIỆT, NHƠN CÁC THỨ SẮC KHÔNG MÀ CÓ: Kiến đại có giác mà không biết. Có giác thì không đồng với cây đá, không phân biệt thì chẳng đồng với phân biệt. Ở đây chính là chỉ cho căn; Căn nguyên không tánh nên nhơn sắc và không mà hiển bày. Bốn Đại mà lại thêm Không Đại chính là phản ảnh của chơn không, nên có hiện tiền.

¹¹⁴ THỨC ĐẠI: Tánh của Thức không có nguồn gốc; nghĩa là cái phân biệt này vốn không có tự tánh, nhơn căn trần giả dối có phân biệt, không phải tánh rõ biết mà thật là không có tự thể.

^{115 - 116} CÁI THỨC THÌ ĐỘNG, CÁI THẤY THÌ TỊNH: Thức phân biệt là động cái thấy chiếu soi cảnh vật là tịnh, hai tướng trái nhau, nên nói chẳng phải hòa hợp, không lẽ thức tự phát ra. Đây là thêm một lần nữa gạn cùng cái thức không có nguyên nhơn.

¹¹⁷⁻¹¹⁸ SÁU CÁI THỨC NÀY LÀ ĐỒNG HAY KHÁC...? Kinh Bát Nhã nói: “Sáu thức vốn tự nhứt tâm, do khắp qua cửa sáu căn mà thành sáu thức. Căn, Trần, Thức hòa hợp thành 18 giới, tự tánh đều không. ĐỒNG: nghĩa là đồng với sáu Xứ. KHÁC: nghĩa là khác với sáu Xứ. Vì Đồng nên là Có, vì Khác nên là Không tức là hai cái Cũng (diệt). Chẳng phải ĐỒNG, KHÁC, chẳng phải KHÔNG, CÓ, tức hai cái Chẳng Phải (phi).

¹¹⁹ TÂM TRÙM KHẮP CẢ MƯỜI PHƯƠNG: Biết mà gọi là “tự” như người uống nước, nóng lạnh tự biết. Mười phương tức mười cõi, mười cõi ở trong chơn tâm tùy theo duyên mà có bóng hiện. Ở đây nói “trùm khắp” là ngay nơi “tục đế” mà thấy chơn (Chơn đế). Nêu ra “hư không” gồm tất cả sắc pháp, nên nói: tất cả sự vật hiện có trong thế gian đều là tâm Bồ Đề nhiệm màu sáng suốt sẵn có. Đây tức là ý nói, chỉ do tâm mà hiện có sự vật, chỗ có sự vật chính là tâm.

¹²⁰ ĐẮNG DIỆU TRẠM TỔNG TRÌ BÁT ĐỘNG: đây là lời khen Phật. Ngài chỉ dùng ba thân để giải

thích: Diệu Trạm là Báo Thân, Tổng Trì là Ứng hóa Thân, Bất Động Tôn là Pháp thân.

¹²¹ THỦ LĂNG NGHIÊM VƯƠNG ĐỜI ÍT CỐ: Đây là khen ngợi Pháp Chánh Định Thủ Lăng Nghiêm gồm nhiếp tất cả các Chánh Định nên nói là Vương. Phật là bậc thầy trong ba cõi, nên nói Đấng tôn quý trong đời. Pháp của Phật đủ cả ba: Giáo, Hạnh và Lý, gồm nhiếp cả đại định, nên nói trong đời ít có.

¹²² CHẴNG TRẢI TẶNG KỲ ĐƯỢC PHÁP THÂN: Điền đảo từ vô thi một lúc liền tiêu, đây là từ mê mà được ngộ. Pháp thân sẵn có, chẳng nhơn tu chứng, đây là sau khi ngộ mới biết mê.

A TẶNG KỲ: dịch là vô số. Về Tạng Giáo và Thông Giáo, muốn thành Phật phải tu tập trải qua 3 a tăng kỳ kiếp. Ở đây là chỉ cho hàng Đại Thừa viên chứng. Trong Kinh Hoa Nghiêm, bậc sơ tâm liền đồng với Phật. Tuy viên dung (đốn) hay hàng bồ (tiệm) cả hai đều không ngại. Song lý “Đốn Ngộ” có thể thấy ở đây vậy.

¹²³ BẢO VƯƠNG: cũng gọi là Như Lai

¹²⁴ THÂM TÂM: tức là đủ cả Bi và Trí. Trên thì thờ phụng chư Phật, dưới khai hóa chúng sanh, cùng tột kiếp vị lai, chẳng đối với một việc làm, một chúng sanh, một niệm mà có hơi sanh tâm lười sụt, nên gọi là Thâm tâm.

¹²⁵ ĐẠI HÙNG: Oai đức mạnh mẽ vượt ra ngoài ba cõi, gọi là Đại Hùng

¹²⁶ ĐẠI LỰC: Đây đủ mười nghĩa, hàng phục thiên ma, ngoại đạo, gọi là đại lực.

¹²⁷ ĐẠI TỪ BI: Ban vui gọi là Từ, cứu khổ gọi là Bi. Dùng pháp “Vô Duyên Từ” cứu độ tất cả gọi là Đại Từ Đại Bi.

¹²⁸ HOẶC VI TẾ: tức là sở tri chướng. Hàng Đẳng Giác (Bồ Tát ở vị này cũng gọi Nhứt Sanh Bồ Xứ, như Ngài Di Lặc vậy) còn có cái ngu rất vi tế về sở tri, chỉ có Phật Địa (Diệu Giác, Phật quả) mới hết.

¹²⁹ NGHĨA ĐỆ NHỨT CHON THẬT: Đệ Nhứt Nghĩa Đệ: Ngài Trường Thủy nói: “Như Lai Tạng chẳng phải không; chẳng phải có; tức tánh; tức tướng; gọi là đệ nhứt nghĩa đệ”. Riêng tôi (Ngài Hàm Thị) cho đây là lời chỉ dấu vết; tức khiến cho dứt ý bật lời; còn chưa phải thân chứng. Cần phải biết chỗ thân chứng đến vậy. Chữ “Đệ” tức là chỗ chon thật.

¹³⁰ PHÁP ÂM VI DỆU: Vi Diệu tức là chỉ cho Đệ Nhứt Nghĩa Đệ: Hàng Nhị Thừa chỉ hiểu được Ngã Chấp (nhơn không) mà sở tri chướng chưa phân; nên nghe đến chỗ vốn không; trùm khắp; ví như người điếc ở cách xa ngoài trăm bước mà nghe tiếng kêu của muỗi mòng.

¹³¹ CÁC LẬU: Dục lậu, Hữu lậu và Vô Minh lậu.

¹³² TƯỚNG HỮU VI: là chúng sanh thế gian; Núi sông; đất liền là khí thế gian.

¹³³ NGHĨA ẤY: là hai nghĩa “Vốn không” và “trùm khắp”. Như lai nói “vốn không”, mà đất liền, núi sông trước mắt rõ vậy. Như Lai nói “trùm khắp”; mà đất nước gió lửa tánh tướng trái nhau.

¹³⁴ PHÁP THẮNG NGHĨA: THẮNG NGHĨA ĐỆ: trong Luận Duy Thức nói: “Thắng nghĩa đệ lược có 4 thứ: 1- Thế gian thắng nghĩa: tức là uẩn; xứ; giới; v.v... 2- Đạo lý thắng nghĩa: là khổ v.v... : Tứ Đệ. 3 - Chứng đắc thắng nghĩa: là Nhị Không chon như. 4- Thắng nghĩa thắng nghĩa: là nhứt chon pháp giới; tức là Đệ Nhứt Nghĩa Đệ.

¹³⁵ HÀNG ĐỊNH TÁNH THANH VĂN: Kinh Lăng Già gồm thu 5 tánh: 1- Thịnh Văn tánh; 2- Bích Chi Phật tánh; 3- Như Lai thừa tánh; 4- Bất Định Thừa tánh; 5- Vô tánh, tức là Nhứt Xiển Đề.

¹³⁶ TÁNH GIÁC DIỆU MINH: là tự tánh thanh tịnh tâm; tức là tánh Như Lai Tạng; đồng với chon như tại triền. Bản tánh thanh tịnh không bị phiền não nhiễm ô; gọi là tánh giác.

¹³⁷ BẢN GIÁC MINH DIỆU: đồng với chơn như xuất triền, từ trí vô phân biệt; giác ngộ cùng tột vọng niệm từ vô thủy gọi là cứu cánh giác. Thủ giác tức là bản giác. Ngộ tánh giác sẵn có, nên gọi là bản giác.

¹³⁸⁻¹³⁹⁻¹⁴⁰ CÁI ĐỒNG, CÁI KHÁC... CÁI KHÔNG ĐỒNG KHÔNG KHÁC: “Đồng” là hư không; “khác” là thế giới sắc tướng và hư không đối đãi hiện ra; các loài hàm thức từ đây mà sanh. Nên văn sau nói rằng: cái không đồng không khác kia thật là pháp hữu vi.

¹⁴¹ PHÁP HỮU VI: Những gì là pháp hữu vi? Nghĩa là chúng sanh trong ba cõi.

¹⁴² TÁNH CỨNG CHẮC: Hư không nhơn mê giác tánh mà có giao động; tánh cứng chắc nhơn chấp giữ cái minh mà thành có ngăn ngại. Do dao động chấp giữ mà cái minh giác càng thêm cứng chắc; nên có kim luân ứng ra bên ngoài.

¹⁴³ TÁNH BIẾN HÓA: là biến sống thành chín, hóa vật thành tro.

¹⁴⁴ ĐỒNG NGHIỆP: Ngài Ôn Lăng nói: “Đồng nghiệp tức là thai noãn (sanh bằng bào thai, sanh bằng trứng); nhơn nơi cha mẹ và mình, ba người đồng nghiệp; nên trói buộc dính mắc lẫn nhau mà có sanh. HỢP LY THÀNH HÓA: hợp ly tức là loài sanh nơi ẩm ướt; và loài do biến hóa sanh ra không do nơi cha mẹ; chỉ do nghiệp riêng của mình. Hoặc hợp với chỗ ẩm ướt mà thành hình như loài cựa động. Hoặc rời ra khác loài mà thác hóa; như chư thiên và địa ngục.

¹⁴⁵ YẾT LA LAM: dịch là “ngưng hoạt” (dáng như mờ).

¹⁴⁶ ÁT BỒ ĐÀM: dịch là Bào Trạng (hình trạng như bong bóng) ở trong bào thai năm bảy tháng mới thành.

¹⁴⁷ MƯỜI HAI LOÀI CHÚNG SANH: thai sanh, noãn sanh; thấp sanh; hóa sanh; có sắc, không sắc; có tướng; không tướng; chẳng phải có sắc; chẳng phải không sắc; chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng.

¹⁴⁸ BA THỨ ĐIÊN ĐẢO: là Sát, Đạo, Dâm

¹⁴⁹⁻¹⁵⁰ HƯ KHÔNG... CÁC TƯỚNG: “Hư không” là dụ cho Như Lai Tạng. Các tướng là dụ cho thất đại. Như Lai Tạng bản nhiên thanh tịnh, vốn không phải thất đại; nhưng không giữ tự tánh mà tùy theo duyên biến hiện. Nếu có tự tánh ắt ngăn ngại tánh khác; nên nói rằng không ngăn cản (các tướng phát huy).

¹⁵¹ TÁNH DIỆU MINH: “Ta lấy tánh Diệu Minh không sanh, không diệt hợp với Như Lai Tạng”: nghĩa là Tánh Diệu Minh bất sanh bất diệt này chính là thủ giác trở lại hợp với bản giác. Thủ giác mà gọi là tánh diệu minh; tức là trí Bát Nhã sáng soi vốn sẵn nhiệm mầu, đến chỗ diệu minh thì thường chiếu thường tịch, đây vốn là chỗ bất sanh bất diệt vậy.

¹⁵²⁻¹⁵³ MỘT LÀ VÔ LƯỢNG; VÔ LƯỢNG LÀ MỘT: Trên là nói “Thể” của tánh Diệu Minh. Ở đây là nói “dụng” của tánh Diệu Minh. “Một” nghĩa là “Lý pháp giới”, “Vô lượng” là “Sự pháp giới”. Lý có thể trùm cả sự; nên Một là Vô Lượng; Sự đều quy là Lý; nên Vô Lượng là Một. Lý đều gồm nhiếp nên Lớn; Sự có giới hạn nên Nhỏ. Song Sự tức gồm cả Lý nên trong Nhỏ hiện ra Lớn; Lý có thể nhiếp Sự nên trong lớn hiện ra Nhỏ. Đây là Một, Nhiều tự tại, Sự-Lý vô ngại pháp giới.

¹⁵⁴⁻¹⁵⁵ NHƯ LAI TẠNG... ĐẤT NƯỚC GIÓ LỬA: Đây không phải là thất đại: Tâm tức thất đại, cũng nhiếp “đanh uẩn” trong ngũ ấm; đất, nước, gió, lửa là “sắc uẩn”.

¹⁵⁶ KHÔNG PHẢI LÀ NHÃN THỨC GIỚI... Ý THỨC GIỚI: Đây không phải là sáu nhập, 12 xứ, 18 giới. Từ đây trở về trước là không phải 6 cõi phàm.

¹⁵⁷ KHÔNG PHẢI LÀ MINH... LÃO TỬ: Đây không phải là 12 nhơn duyên lưu chuyển và hoàn diệt, chỉ cảnh giới của Duyên giác.

¹⁵⁸ **KHÔNG PHẢI LÀ KHỔ... LÀ ĐẮC:** Đây không phải là Tứ Đế năng chứng, sở chứng, chỉ cảnh giới của Thanh Văn.

¹⁵⁹ **KHÔNG PHẢI LÀ BỐ THÍ... BA LA MẬT ĐA:** Từ đây về trước là Sáu Độ hay đưa đến thực hành: Lục Độ (Ba La Mật): 1- Đản Na: Bố Thí; 2- Thi La: Trì Giới; 3- Tỳ Lê Gia: Tinh Tấn; 4- Sằn Đề: Nhẫn Nhục; 5- Thiên Na: Tinh Lự; 6-Bát Lặc Nhã: Trí Huệ. “Ba La Mật”: dịch là Đáo Bỉ Ngạn (đến bờ kia); một độ này là chỗ đưa đến lý. Hợp cả hai là chỉ cho cảnh giới của Bồ Tát.

¹⁶⁰ **KHÔNG PHẢI LÀ NHƯ LAI... NGÃ, TỊNH:** “Đát Thát A Kiệt” dịch là Như Lai; “A La Ha” dịch là Ứng Cúng; “Tam Da Tam Bồ” dịch là Chánh Biến Tri. Nêu 3 Danh Hiệu đã gồm đủ 10 Hiệu là người hay chứng: “Niết Bàn” dịch là Không Sanh Diệt. “Thường Lạc Ngã Tịnh” tức 4 đức Niết Bàn; là pháp sở chứng của Như Lai. Đây là chỉ cho cảnh giới của Phật; Từ đây về trước là hết 4 quả Thánh.

¹⁶¹⁻¹⁶² **TỨC VÀ PHI:** Ý ở đây; lại quét sạch các nghĩa “phi và tức” để hiển bày ý chỉ: Phật đóng cửa thất ở Ma Kiệt Đà; Ngài Duy Ma Cật ngậm miệng ở thành Tỳ Da Ly. Hợp ba nghĩa này mở rộng không ngăn che.

¹⁶³ **HẢI ÁN:** Trong kinh Hoa Nghiêm; về phẩm Xuất Hiện có bài kệ nói: “Nhu Hải Án hiện thân chúng sanh; lấy đây mà gọi là “Đại Hải”. Giá khắp, ẩn khắp các tâm hành, thế nên gọi là “Đại Giác”? Nên biết Hải Án là dụ cho Biến Giác; Như Lai ẩn ngón tay liền phát hào quang, chính chẳng phải chỉ để hiển bày thần dụng mà thôi.

¹⁶⁴⁻¹⁶⁵ **ANH DIỄN NHÃ ĐẠT ĐA... CỐ GÌ PHÁT CUỒNG BỎ CHẠY:** “Cái đầu sẵn có”: là dụ cho Tánh Giác. “Soi Gương” là dụ cho Vọng Giác. Cái đầu sẵn có tự như vậy đầu có ngại gì chẳng thấy. Đầu trong gương là vọng hiện, như soi gương sanh cuồng; biết cuồng không manh mối, cái đầu sẵn có nguyên còn đó. Đây dụ cho cái Minh tự sanh Vọng; vốn không có sở như; lời đáp cũng đồng như vậy. “Diễn Nhã Đạt Đa” dịch là Từ Thọ; nghĩa là đến thân miếu xin nuôi dưỡng.

¹⁶⁶ **KIỆP TRƯỚC:** Những sự ác trước trong kiếp. Đứng đầu trong Ngũ Trước (Kiếp Trước; Kiến Trước; Phiền Não Trước; Chúng Sanh Trước và Mạng Trước); có 4 thứ trước sau đây: Trong thời kỳ giảm kiếp; các mối ác trước khởi lên tàn hại chúng sanh: Về thuở đời người giảm còn 30 tuổi; tai nạn đói kém khởi lên. Về thuở đời người giảm còn 20 tuổi, tai nạn tật dịch khởi lên. Về thuở đời người còn 10 tuổi, tai nạn đao binh khởi lên. Chúng sanh trong thế giới không ai chẳng bị hại bởi các tai nạn ấy; nên kêu là Kiếp Trước (Phật Học Tự Điển).

¹⁶⁷ **KIẾN TRƯỚC:** Sự dơ bẩn của kiến thức; ý kiến ô trước. Lúc Chánh Pháp đã diệt mất; vào thời Tượng Pháp và Mạt Pháp; thì tà kiến càng thêm thịnh; con người và chúng sanh phần đông đều có ý kiến xấu xa, độc ác (Phật Học Tự Điển).

¹⁶⁸ **PHIÊN NÃO TRƯỚC:** Sự dơ bẩn ô trước của các phiền não. Con người ta ở đời có rất nhiều mối trước như ái dục; tham, tranh tụng, siểm khúc, hư cuồng, chấp giữ tà kiến. Các mối làm cho dơ bẩn; nhiễm ô thân thể và tinh thần của họ, cho nên kêu là Phiền não trước. Cõi Ta Bà thế giới này có đủ ngũ trước cho nên chúng sanh ở cõi này rất khó tu hành cho đắc đạo (Phật Học Tự Điển)

¹⁶⁹ **CHÚNG SANH TRƯỚC:** Chúng sanh ở thế giới Ta Bà này thật là dơ bẩn, độc ác: họ chẳng hiếu thuận với cha mẹ; chẳng kính bực đáng tôn trọng và có tuổi tác, chẳng sợ luật ác nghiệp quả báo, chẳng tạo ra công đức, chẳng tu pháp tế độ. (Phật Học Tự Điển)

¹⁷⁰ **MẠNG TRƯỚC:** Đời sống ô trước. Thế giới Ta Bà này có đủ ngũ trước. Lại ở vào Kỳ Kiếp này mạng sống con người chẳng qua 100 tuổi, cho nên trong đời họ làm lỗi nhiều, làm ác nhiều, mà làm lành thì ít, cho nên gọi là mạng trước. (Phật Học Tự Điển)

¹⁷¹ **KIẾN SỞ ĐOẠN HOẶC:** “Kiến Đạo Sở Đoạn Chi Hoặc”: nghĩa là phân mê lầm khi thấy Đạo liền đoạn được. “Tur Hoặc” thuộc về phân tu Đạo. Kiến Hoặc và Tur Hoặc đều chỉ cho Thập Sử: Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ; Giới Thủ; Tà Kiến, (là Ngũ Lợi Sử); Tham; Sân; Si; Mạn; Nghi (là ngũ độn sử).

¹⁷² **BỐN TRẦN:** là Sắc, Hương, Vị, Xúc.

¹⁷³ TÁNH GIÁC MINH: tức là Vọng, nguyên nơi Tánh Giác nó là diệu minh mà vọng thấy minh làm giác. Đã có Sở Minh, thì cái diệu minh sáng suốt bị ẩn; không hiện ra được; nên mới có chiếu soi làm dính khăng với cái vọng mà phát ra không hay không biết.

¹⁷⁴ A NA LUẬT ĐÀ: dịch là Vô Diệt. Do ông ngủ nhiều bị Phật quở; liền bảy ngày không ngủ; khiến hai mắt bị mù. Như Lai dạy ông tu chứng được thiên nhãn; có thể xem thấy ba ngàn Đại Thiên thế giới như xem trái cây để trong lòng bàn tay.

¹⁷⁵ RỒNG BẠT NAN ĐÀ: “Bạt” dịch là Thiện; “Nan Đà” dịch là Hoan Hỷ. Anh em của loài rồng này thường ủng hộ nước Ma Già Đà.

¹⁷⁶ THẦN NỮ CĂNG GIÀ: dịch là Thiên Đường Lai; là Thần Nữ Chúa ở dưới sông.

¹⁷⁷ KIỀU PHẠM BÁT ĐỀ: dịch là Ngưu Tướng; nghĩa là do cái lưỡi của ông như lưỡi con trâu; mà có thể phân biệt mùi vị thức ăn của người, nên gọi là mũi khác mà biết vị.

¹⁷⁸ THẦN THUẦN NHÃ ĐA: dịch là Không; tức là vị thần làm chủ hư không. Nhơn ông chủ kia không có sắc chất; người không thể thấy được nên gọi là chất gió; do Phật phóng hào quang ánh ra mà hiện thân; chẳng phải thật không thể chất.

¹⁷⁹ BỒ ĐỀ: là Trí Giác, là trí quả (trí Đức)

¹⁸⁰ NIẾT BÀN: là Tịch Diệt, là đoạn dứt.

¹⁸¹ CHƠN NHƯ: “Chơn” là hiển bày không hư dối. “Như” là hiển bày không thay đổi.

¹⁸² PHẬT TÁNH: là tánh thanh tịnh thường trụ.

¹⁸³ YÊM MA LA THỨC: dịch là Vô Cấu (không nhơ); do lìa chướng mà được hiện ra nên gọi là “Bạch Tịnh Thức”.

¹⁸⁴ KHÔNG NHƯ LAI TẠNG: Kinh Lăng Già gọi là “Vô Sở Hữu Như Lai Tạng môn”.

¹⁸⁵ ĐẠI VIÊN CẢNH TRÍ: thí như gương sáng hiện các sắc tượng. Chỗ thức hiện tiền hiện ra cũng lại như vậy.

¹⁸⁶ TRI KIẾN: là chỉ cho căn. Chử Tri của Lập Tri, chử Kiến của Vô Kiến đều chỉ cho thức thứ Sáu.

¹⁸⁷ NHẬP LƯU: là dựa vào dòng Thánh

¹⁸⁸ THỨC A ĐÀ NA: “Đà Na” dịch là Chấp Trì (nắm giữ) là tên khác của Thức Thứ Tám

¹⁸⁹ TAM MA ĐỀ: dịch là Chánh Thọ, là Tam Muội, tức là như huyễn Tam Muội

¹⁹⁰ NIẾT BÀN TĂNG: Dịch là Lý Y (áo trong)

¹⁹¹ TĂNG GIÀ LÊ: dịch là Đại Y (Y lớn)

¹⁹² KIẾP BA LA: dịch là Thời Phần, tức là Trời Dạ Ma

¹⁹³⁻¹⁹⁴ DƯỢC VƯƠNG, DƯỢC THƯỢNG: Kinh Quán Dược Vương: Thuở quá khứ có Phật hiệu là Lưu Ly Quang, khi ấy có vị Tỳ Kheo tên là Nhựt Tạng tuyên bày Chánh Pháp. Có vị Trưởng Giả tên là Tinh Tú Quang do nghe Phật thu yết Pháp mà đem trái Hơ Lê Lặc và các thứ thuốc cúng dường Nhựt Tạng và Đại Chúng, phát nguyện đời vị lai hay trị lành hai thứ bệnh là thân và tâm của chúng sanh, tất cả đều hoan hỷ, nên được tên là Dược Vương. Người em tên Điền Quang Minh, dùng thuốc Đề Hồ rất quý cúng dường nên được tên là Dược Thượng

¹⁹⁵ BẠT ĐÀ BÀ LA: dịch là Thiện Thủ. Kinh Pháp Hoa: “Thời Phật Oai Âm Vương, có hai vạn ức Đức

Phật ra đời, người ấy ở trong thời Tượng Pháp của Đức Phật, ban đầu là người Tăng Thượng Mạn, hủy nhục Bồ Tát Thường Bất Khinh, do đó bị đọa địa ngục trải qua ngàn kiếp, khi tội chướng hết, được ra khỏi địa ngục, gặp Đức Phật Oai Âm Vương, sau cùng xuất gia và ngộ Đạo. Theo thứ lớp vào nhà tắm, ông quán tánh nước biết rõ không thật, không do nhơn sanh, nên ngộ được nhơn của nước”. “16 VỊ KHAI SĨ” : là các vị tu hạnh Bồ tát ở thành Vương Xá.

¹⁹⁶ TỨC TẬP: là Tập Quán Đời Trước, là sơ phát tâm thời Phật quá khứ, đến nay Phật hiện tại mới được rõ ráo mà không quên tức tập.

¹⁹⁷⁻¹⁹⁸ NGÀI MA HA CA DIẾP VÀ BÀ TỶ KHEO NI TỬ KIM QUANG: “Ca Diếp” dịch là Âm Quang. Trong Phật Pháp có 3 ông Ca Diếp đều là bậc Đại Nhơn cùng tên, nhưng ông là vị lớn hơn hết. Thật hành 12 hạnh Đầu Đà khó làm thì ông Đại Ca Diếp là bậc nhất, nên kêu ông là Đại Ca Diếp. Ông cũng là người được Phật di chúc truyền y vào núi Kê Túc nhập định. BÀ TỶ KHEO NI TỬ KIM QUANG: là phu nhơn của ông Đại Ca Diếp khi còn tại gia.

¹⁹⁹ XÁ LỢI: dịch là Cốt Thân (xương trong thân), cũng gọi là Linh Cốt như hạt châu báu có 5 màu. Đây là do sức Giới, Định, Huệ huân tu vô thượng phước điền của Như Lai.

²⁰⁰ PHÁP TRẦN: “Pháp” là bóng dáng của 5 trần rơi lại, thuộc về cảnh sở duyên của ý thức. Theo Phật Học Tự Điển: Pháp Trần và Cảnh Pháp kêu tắt là Pháp. Pháp Trần đối với ý căn. Pháp trần là tất cả những pháp ở ngoài, chạm vào cái ý căn, liền đó nảy sanh ra cái ý thức. Pháp trần cũng kêu là Pháp Xứ (một trong 12 Xứ), Pháp Giới (một trong 18 Giới), Pháp Cảnh.

²⁰¹ A NA LUẬT ĐÀ: dịch là Vô Bần (không nghèo), là Như Ý, là con của vua Bạch Phạn.

²⁰² NHAO KIẾN CHIẾU MINH KIM CANG TAM MUỘI: “Nhạo Kiến Chiếu Minh”: nghĩa là lấy cái kiến tinh ở trong nhãn căn phản quán tự tánh mà phát minh được bản tánh sáng suốt.

“Kim Cang Tam Muội”: tức là chỉ cho phát minh được bản tánh sáng suốt này. Dứt căn lia Trần, cứng chắc, sâu kín, nên chẳng do nhãn căn mà thấy khắp cả mười phương. Lại nói thấy rỗng suốt tinh tường, để chỉ rõ công hiệu khi xoay cái thấy trở về bản tánh, thì tánh thấy tinh tường thấu triệt, không đồng với tu được.

²⁰³ ÔNG CHÂU LỢI BÀN ĐẶC CA: “Châu Lợi” dịch là Đại Lộ Biên (bên đường lớn). Xưa có một người con gái con của ông Trưởng Giả, theo chồng đến một nước khác, hai lần sanh con trai đều ở một bên đường. Người con lớn là Châu Lợi, dịch là Đại Lộ Biên; người con nhỏ là Bàn Đặc Ca, dịch là Tiểu Lộ Biên. Đây là nói người em mà gồm cả tên người anh, nghĩa là anh em của ông Châu Lợi. Thuở quá khứ, ông làm vị Đại Pháp Sư do bôn xén tiếc giấu Phật Pháp, nên sau mắc quả báo ngu đần. Bởi ông có căn lành đời trước nên gặp được Phật và xuất gia. Năm trăm vị Tỳ Kheo đồng dạy cho ông một quyển Kinh, cả 90 ngày mà học không thuộc.

²⁰⁴ ÔNG KIỀU PHẠM BÁT ĐỀ: dịch là Ngưu Từ. Có chỗ nói là lưỡi trâu, do cái lưỡi ông giống như lưỡi trâu nên có lệnh thường nhơi sông, sau khi ăn, ông thường nhai và chép miệng mãi nên thời nhơn gọi ông là Ngưu Từ.

²⁰⁵ TÁT LĂNG GIÀ BÀ TA: dịch là thần sông Hằng, là Đầy Tớ Nhỏ. Do quá khứ làm Bà La Môn còn tập khí ngã mạn dư thừa, nhơn đây mà đặt tên.

²⁰⁶ TU BỒ ĐỀ: dịch là Không Sanh, từ nhiều kiếp đến nay ông chứng được “Không Tam Muội”, do đây mà đặt tên và cũng thường thật hành Vô Tránh Tam Muội, người đều ưa thích, do ông ưa thích không tịch.

²⁰⁷ TÔN ĐÀ LA NAN ĐÀ: dịch là Đoan Chính, tên của vợ ông. “Nan Đà” dịch là Hoan Hỷ, chính là tên ông. Gọi chung cả tên vợ và tên ông là để giải trạch không phải ông Phóng Ngưu Nan Đà, em họ của Phật.

²⁰⁸ ÔNG PHÚ LẬU NA DI ĐA LA NI TỬ: dịch là Mãn Từ Tử, là con một vị Bà La Môn rất giàu có sang trọng ở thành Ca Tỳ La Vệ, làm Quốc Sư cho vua Tịnh Phạn. Khi đức Thích Ca xuất gia, ông cùng 30 người bạn xuất gia, tu theo phép Ba Lê Bà Già Ca ở núi Tuyết Sơn (Himalaya). Khi Đức Thích Ca thành Phật, thì ông chứng

Tứ Thiên và Ngũ Thông, ông dùng Thiên Nhân Thông, xem thấy Phật thuyết Pháp tại vườn Lộc Dã, bèn bay với các bạn đến chỗ Phật mà nhập môn. Chẳng bao lâu ông đắc quả A La Hán. Phú Lô Na được Phật công nhận là bậc thuyết Pháp bậc nhất trong hàng chư đệ tử. Đức Phật có phái Phú Lô Na sang nước Du Lô Na mà truyền bá đạo Phật, người nước ấy rất hung tợn. Ngài Phú Lô Na sang đó giáo hóa được thành

²⁰⁹ ÔNG ƯU BA LY: dịch là Cận Chấp. Khi Đức Thích Ca còn làm Thái Tử, ông là vị cận thân gần gũi hầu hạ Thái Tử, nên mới nói là người gần gũi hầu hạ. Chính ông được thấy Như Lai xuất gia, siêng tu khổ hạnh, hàng phục các bợn tà ma, đối trị các ngoại đạo, giải thoát các lậu v.v... cho đến Phật dạy giữ giới. Đó là để thấy ông là bậc thượng thủ trước nhất trong hàng đệ tử của Phật

²¹⁰ ĐẠI MỤC KIÊN LIÊN: lẽ ra phải nói “Mục Kiên Liên Câu Luật Đà”, “Mục Kiên Liên” dịch là Thái Thúc Thị: là họ của Ngài “Câu Luật Đà” dịch là Vô Tiếc Thọ: là tên của Ngài.

²¹¹ ÔNG Ô SÔ SẮT MA: dịch là Hỏa Đầu, ông quán tánh lửa ngộ Đạo, nhọn đó mà đặt tên. Do Hỏa Đầu Kim Cang thị hiện làm Chấp Kim Cang Thân, để làm kẻ tùy tùng ủng hộ và giữ gìn Phật pháp, nên không lập bổn tòa.

²¹² NGÀI TRÌ ĐỊA BỒ TÁT: Ngài Giao Quang nói: Trước khi muốn đất bên ngoài bằng phẳng, là nhọn liều đạt được đất tâm, rồi theo đó mà giữ gìn các bản ngộ, mà chúng ngộ viên mãn tạng tâm, nên gọi là Trì Địa. Nhon các đời trước, thân siêng năng cứu giúp loài vật, tuy chưa được ngộ đã thấy Bồ Tát xả mình lợi người, dùng thân tâm này hồi hướng Bồ Đề, không nhận phước điền nên có ý phát minh ở văn sau.

²¹³ NGÀI NGUYỆT QUANG ĐỒNG TỬ: Ngài Trường Thủy nói “Mặt Trăng là Thái Âm hay sanh ra nước. Cùng với chỗ được gặp Phật đều do huân tập mà đặt tên. “Đồng Tử” là do Ngài tu tập từ hồi còn đồng chơn.

²¹⁴ BIỂN HƯƠNG THỦY: so sánh với Kinh Hoa Nghiêm, trong biển Hoa Tàng có hoa Sen lớn. Trong Hoa Sen ấy có các biển Hương Thủy, mỗi biển Hương Thủy là một thế giới chung cõi nước của chư Phật, Hoa Tràng thế giới ở trong biển Hương Thủy, nên nói là “cõi Phù Tràng Vương”. Hai mươi lớp Hoa Tràng chồng cao như cây cột cờ, rất là rộng lớn nên gọi là Vương.

²¹⁵ NGÀI LƯU LY QUANG PHÁP VƯƠNG TỬ: Ngài Trường Thủy nói: “Nói đủ là Phệ Lưu Ly, dịch là Viễn Sơn Bảo, do quán sức gió nơi thân tâm chuyển động, quán thành được dụng thân tâm rộng suốt như ngọc lưu ly, nên lấy đó mà đặt tên.

²¹⁶ HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT: Ngài Thanh Lương nói: “Không ngại trụ nơi bố thí, đồng như hư không, tức là Bồ Tát Kim Cang Bảo, cũng là tên khác của Bồ Tát Hư Không Tạng”

²¹⁷ PHẬT ĐỊNH QUANG: tức là Phật Nhiên Đăng.

²¹⁸ DI LẶC BỒ TÁT: “Di Lặc” nói đủ là Mai Đắc Lợi Duệ Na: dịch là Từ Thị.

²¹⁹ ĐẠI THỂ CHÍ PHÁP VƯƠNG TỬ: Kinh Pháp Hoa Văn Cú nói: “Đại Thế Chí là người có thể lực lớn”. Kinh Tư Ích nói: “Chỗ tôi bước chân, chấn động ba ngàn đại thiên thế giới, và các cung điện của Ma, nên gọi là Đại Thế Chí”. Trong Quán Kinh nói: “Dùng ánh sáng trí huệ chiếu khắp tất cả khiến cho xa rời nơi tam đồ, được sức vô thượng. Thế nên Bồ Tát ấy tên là Đại Thế Chí.

²²⁰ TÙNG VĂN TƯ TU NHẬP TAM MA ĐỊA: “Văn” là nghe : sánh ngang với bậc Thập Tín, “Tu” là suy nghĩ : sánh ngang bậc Thập Trụ, “Tu” : sánh ngang với vị Thập Hồi Hướng, Thập Hạnh và Thập Địa trong kinh Hoa Nghiêm. Bởi do Thập Tín gốc từ nghe mà hiểu, thành tựu được tín tâm đầy đủ mới bắt đầu vào Thập Trụ. Trụ thì an trụ tự tâm phát huệ căn bản, rồi sau mới khởi Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng và Thập Địa cho đến Kim Cang Tam Muội, ấy là Tam Ma Địa.

²²¹ CÁC TƯỚNG NĂNG VĂN, SỞ VĂN ĐÈU HẾT: “Năng Văn” là cái hay nghe. “S Văn” : là cái bị nghe; dứt cả năng, sở vào tự tánh nghe.

²²² NẴNG GIÁC VÀ SỞ GIÁC: cái biết và cái bị biết

²²³⁻²²⁴ ĐỘC GIÁC, DUYÊN GIÁC: dịch từ “Bích Chi” nói đủ là Bích Chi Ca La. “Độc Giác” : chán chỗ ồn náo ưa chỗ vắng lặng, cầu trí huệ tự nhiên. Ngài Trường Thủy nói: “Vị trước Độc Giác, ra đời không gặp Phật, chỉ mình tự ngộ Đạo. Duyên Giác do quán 12 nhân duyên, theo hai chiều lưu chuyển và hoàn diệt; do hai pháp quán mà đoạn được các duyên, thắng tánh hiện bày. Nghĩa là thắng tánh do đoạn các duyên mà hiện bày ra.

²²⁵ THANH VĂN: Bực nghe pháp, nhất là nghe Pháp Tứ Đế. Những vị ấy bèn tham thiền mà đoạn phiền não, đắc các quả Thánh của Thanh Văn thừa. (Phật Học Tự Điển)

²²⁶ PHẠM VƯƠNG: “Đại Phạm” là cõi Trời thứ ba trong quả Sơ Thiên. Kinh Kim Quang Minh nói: “Đại Phạm Thiên Vương” là rút ra ở trong Dục Luận. Hiện thân Phạm Vương, ở đây là thị hiện ở cõi phượng tiện. Bởi căn cứ nơi tâm muốn ngũ dục được tỏ ngộ, khuyến dụ tiến lên liền trở về lý chân thật. Nếu thật báo thân của Phạm vương thì ra khỏi ngũ dục chỉ thành pháp tịnh.

²²⁷ ĐẾ THÍCH: Đế Thích là cõi Trời thứ hai trong Dục Giới. “Thích” dịch là “Năng” (hay). Do hay hàng phục được A Tu La. “Đế” là chúa trong 32 cõi trời. Đế Thích là gồm cả tiếng Trung Hoa và tiếng Phạn.

²²⁸ TRỜI TỰ TẠI: Tức là ở trên đánh cõi trời Dục. Tiếng Phạn là “Đề Bà Bạt Đề” dịch là Tha Hóa Tự Tại thiên. Sai người khác làm đề tạo thành cái vui cho mình, tức là Ma Vương. Hoặc nói trên Lục Dục Thiên, riêng trong cung Ma cũng nhiếp thuộc về Tự Tại Thiên.

²²⁹ ĐẠI TỰ TẠI: Trong Biệt Hành nói: “Đại Tự Tại tức là Ma Hê Thủ La Thiên, trên đánh cõi trời Sắc – Kinh Hoa Nghiêm gọi là Sắc Cứu Cánh Thiên.

²³⁰ THIÊN ĐẠI TƯỚNG QUÂN: tức là tướng thần của trời Đế Thích

²³¹ TỨ THIÊN VƯƠNG: là cõi trời thứ nhất trong Dục giới, nơi núi Tu Di, mỗi vị đều ở một bên. Kinh Đại Kết nghĩa nói: “Tứ Thiên Vương hộ thế, mỗi vị đều có 91 người con, nhan mạo đoan chánh có thể lực lớn đều gọi là vua. Bốn vị Thiên Vương hợp lại có 364 người con, hay ủng hộ mười phương.

²³² BÀ LA MÔN: dịch là Tịnh Hạnh. Ngài La Thập nói: “Học vấn nhiều, cầu tà đạo, tự ý có trí tuệ, kiêu mạn tự tại nên gọi là Bà La Môn. Một trong bốn giai cấp ở Ấn Độ thời xưa.

²³³ ƯU BÀ TẮC: dịch là Cận Sự Nam

²³⁴ ƯU BÀ DI: dịch là Cận Sự Nữ

²³⁵ NỘI CHÍNH: Như Hậu Phi của Vua Văn Vương có đức lớn giáo hóa người.

NỮ CHÚA: tức chỉ cho hậu phi của vua

QUỐC PHU NHÂN: chỉ cho vợ của bậc chư hầu.

MỆNH PHỤ: Vợ của Đại phu, nhận mệnh lệnh của nước

ĐẠI CÔ: như vợ của Tào Thê Thúc, Hoàng Hậu, Quý Nhon đều là những người có tài có đức, nên gọi là Đại Cô.

²³⁶ KHÔNG PHÁ NAM CĂN: nghĩa là từ nhỏ đến lớn không phạm dâm dục. Đây chính là người phát tâm tu tịnh hạnh, hồi hướng về Pháp Xuất Thế.

²³⁷ XỬ NỮ: nữ trinh bạch: tức là người nữ ở trong khuê các, cũng là tên gọi của người phụ nữ chưa có

chồng, ưa thích thân Xứ Nữ, nguyện suốt đời không lấy chồng, không theo sự xâm bạo. Đây đều là những người có ý chí vì Đạo, đối với trong Giáo Pháp của Phật gọi là Đồng Chơn vào Đạo

²³⁸ CHƯ THIÊN MUỐN RA KHỎI LOÀI TRỜI: Đây là do nhầm chán cái vui ở cõi trời không thể tiến tu

²³⁹ THÂN RỒNG: Trong Biệt hành nói : “Rồng có 4 loại: 1- Giữ Thiên cung; khiến chẳng hư mất. 2- Làm mây, làm mưa; để làm lợi ích nhân gian. 3 - Địa Long: đào sông, khai ngòi. 4- Phục Tàng Long: Giữ gìn kho tàng của người có phước lớn “Chuyên Luân Vương”

²⁴⁰ DƯỢC XOA: dịch là Khinh Tật. Dược Xoa có 3 loại: 1- Ở dưới đất: chỉ có bố thí tiền của nên không thể bay lên hư không. 2- Ở trên Hư Không. 3- Ở trên trời: do bố thí xe ngựa nên có thể bay trên hư không. Khi Phật chuyển Pháp Luân, Dược Xoa ở dưới đất kêu lên, Dược Xoa trên hư không nghe tiếng kêu cho nên cũng kêu lên. Tứ Thiên Vương nghe tiếng kêu, như thế cho đến Phạm Thiên.

²⁴¹ CÀN THẮT BÀ: dịch là Tâm Hương, tức nhạc thần của trời Đế Thích ở trong hạ ng Kim Cang, phía nam núi Tu Di. Trong cung trời Đế Thích muốn đánh nhạc thì đốt hương Trầm Thủy, Thần này liền tìm mùi hương mà đến, nên gọi là Tâm Hương. không phải hạnh của chư Thiên. Luận A Tỳ Đàm nói: “Do bố thí sanh sân, không hay nhẫn nại những việc lành, và không có tâm khiêm hạ, xem kỹ mỗi mỗi giáo hóa. Do kiêu mạn, nên không phải người tốt, lại cũng không phải trời, nên gọi là A Tu La.

²⁴² A TU LA: dịch là Phi Thiên. Do lường gạt và dối trá nên không phải hạnh của chư Thiên. Luận A Tỳ Đàm nói: “Do bố thí sanh sân, không hay nhẫn nại những việc lành, và không có tâm khiêm hạ, xem kỹ mỗi mỗi giáo hóa. Do kiêu mạn, nên không phải người tốt, lại cũng không phải trời, nên gọi là A Tu La.

²⁴³ KHẨN NA LA: dịch là Phi Nhơn. Trên đầu có sừng. Cũng là một vị thần giúp vui ở trên trời, thân nhỏ không bằng Càn Thát Bà. Kinh Bồ Tát Xứ Thai nói: “Khẩn Na La ở phía Bắc núi Tu Di, trong khoảng núi thập bát. Bởi xưa có công đức bố thí, nên ở cung điện 7 báu. Thọ mạng rất lâu, do vì giận dữ với Sa Môn, nên 84 kiếp thường không có tay chân. Khi chư Thiên yến hội thì cùng với Càn Thát Bà chia ban trên dưới. Trời muốn tấu nhạc, thì dưới nách chảy mồ hôi, liền tự lên cõi trời. Có Khẩn Na La tên Đầu Lô Ma Cầm ca tụng thật tướng các pháp để tán thán Phật.

²⁴⁴ MA HÔ LÔ GIÀ: dịch là Đại Phúc Thần - Đại Mãn Xà Thần. Ngài La Thập nói là rồng ở dưới nước (Địa Long). Ngài Tăng Triệu nói là rắn lớn đi bằng bụng. Kinh Tịnh Danh nói là thần ở miếu trong thế gian, nhận thịt rượu của người thầy đều cho vào bụng, do hủy giới cấm, tà vạy, nhiều sân, ít bố thí, tham ăn thịt uống rượu, giữ giới sơ sài nên đọa làm quỷ thần. Bởi nhiều nóng giận nên trùng vào thân mà ăn nuốt. Trong Cao Tăng Truyện nói: “Bạn đồng học với Ngài An Thế Cao do nhiều sân nên đọa vào thân rắn lớn, hoặc làm thần ở Động Đình Hồ mà được độ, tức là loài này”

²⁴⁵ LA SÁT: dịch là Khả Úy (đáng ghê sợ). Bạo Ác. Loài hung thần, ác quỷ. Hình tướng và mặt mày rất ghê gớm, thích ăn thịt người. Cảnh giới của chúng ở giữa biển cả và cũng rải rác khắp nơi trên đất liền. (Phật Học Tự Điển)

²⁴⁶ CƯU BÀN TRÀ: dịch là Mộc Trảo. Thần này bóng như cây dừa, đi thì vác trên vai, ngồi thì xoay chơn.

²⁴⁷ TỖ XÁ GIÁ: dịch là Hám Tinh Khí, vì ăn tinh khí loài hữu tình và ngũ cốc.

²⁴⁸ PHÚ ĐƠN NA: dịch là Nhiệt Bình Quỷ (Quỷ làm bệnh nóng)

²⁴⁹ THUẦN MỘT THẬT TƯỚNG CỦA ÂM THANH: là đạt tự tướng của âm thanh không có thuận nghịch, nên gọi là thuần một thật tướng. Do xoay căn nghe trở lại đối với cảnh không có thuận nghịch, thì không có năng đối và sở đối, nên gọi là căn cảnh đều viên dung. Chạy theo căn trần vọng thấy có thuận nghịch, nên mới có sân hận. Trì Danh Hiệu tự xoay trở lại, thì đối đãi liền tiêu. Bồ Tát và chúng sanh đồng một chót, không khác.

²⁵⁰⁻²⁵¹ TIÊU ... NHƯNG KHÔNG HỮY HOẠI THỂ GIỚI: “Dung Hình” là tiêu dung thân căn và hình tướng. “Phục vãn” là xoay trở lại tánh nghe. Mặc tình cho tánh nghe hòa vào trong tất cả thể giới mà không có

người hay vào, nên gọi là Đạo tràng bất động. Tất cả thế giới đều ở trong biển pháp tánh của Bồ tát, không rơi vào có và không mà mỗi mỗi đều tùy thuận, nên gọi là không hủy hoại thế giới.

²⁵² KIM CANG TAM MUỘI: tức là Thủ Lăng Nghiêm. Tất cả chúng sanh xưa nay đầy đủ tự tánh thanh tịnh, một thời đều nhận trở lại bản tâm.

²⁵³ TỶ NẠI GIA: (Vinaya) dịch là Điều phục, nghĩa là điều luyện ba nghiệp, chế phục lỗi lầm.

²⁵⁴ VÔ LẬU: nghĩa là không rơi rớt trong ba cõi.

²⁵⁵ BA TUẦN: dịch là Ác, cũng dịch tên là Ma Vương

²⁵⁶ NGŨ TỊNH NHỤC: 5 THỨ THỊT THANH TỊNH: nghĩa là : thit mình không thấy giết, không nghe giết, không nghĩ giết cho mình ăn, con vật tự chết, thit loài chim ăn còn dư.

²⁵⁷ LÔ XÁ NA PHẬT: dịch là «ếu»: Báo thân Phật, chủ trong pháp giới, ngoài ra mười phương Bồ tát là bạn. Đức Thích Ca là Hóa thân Phật, là chủ hiện nay, đức Di Lặc là chủ đời vị lai.

PHẬT A SÚC: là Phật ở phương Đông, tiêu biểu cho Trí.

PHẬT A DI ĐÀ: là Phật ở phương Tây, tiêu biểu cho Bi.

ĐỨC QUÁN THẾ ÂM: trên đồng với chư Phật, dưới hợp với chúng sanh, cũng tiêu biểu cho Bi và Trí. Do sức giữ gìn bên trong mà được viên thông, ngoài ra đều do sự gia bị bên ngoài vậy.

²⁵⁸ Ô SÔ SẮT MA: là Hỏa Đầu Kim Cang.

²⁵⁹ LAM ĐỊA CA: là Thanh Diện Kim Cang.

²⁶⁰ QUÂN TRÀ LỢI: Kinh Da La Ni tập gọi là «ân Trà Lợi Bồ Tát»: Thần Kim Cang.

²⁶¹ TỶ CÂU CHI: Kinh Nhất Tự Phật Đảnh Luân Vương gọi là «y Câu Chi Bồ tát»: Thần Kim Cang.

²⁶² TÀN NA: là «ư Đầu»: một sứ giả.

²⁶³ DẠ CA: là «ượng Tỷ»: một sứ giả.

²⁶⁴ VÔ KIẾN ĐẢNH TƯỚNG CỦA PHẬT: Đảnh tướng của Phật không thể thấy, tiêu biểu cho Pháp thân Phật, không thể dùng mắt xem thấy, cũng không thể dùng tâm quan sát được. Từ trên đánh quang hiện ra Hóa Phật; lại từ trên đánh Hóa Phật phóng hào quang báu tuyên nói thần chú. Nghĩa là do từ «ể» khởi «dụng»: dụng tức là thể. Thể Phật không nói mà do từ dụng nói, mỗi mỗi việc hóa hiện đều thuộc về diệu dụng nhưng thể vẫn không hề dao động.

²⁶⁵⁻²⁶⁶ TÀN NA, DẠ CA: hai sứ giả.

²⁶⁷ PHÚ ĐƠN NA: dịch là «ân Kỳ Xá Ngạ» nghĩa là hôi hám đói khổ lạ lùng.

²⁶⁸ CA TRA PHÚ ĐƠN NA: là quyển thuộc của Phú Đơn Na.

²⁶⁹ TỘI NGŨ NGHỊCH VÔ GIÁN: trong A Xà Thế Vấn Ngũ Nghịch Kinh có ghi 5 tội ngũ nghịch: 1. Giết cha; 2. Giết mẹ; 3. Hại A La Hán; 4. Đấu loạn chúng tăng; 5. Khởi ác ý đối với sở hành của đức Như Lai. Kẻ năm người nữ nào phạm 5 tội lớn ấy thì phải đọa vào Địa ngục Vô gián, tức là sẽ hành hạ mãi mãi ở địa ngục, không biết đến kỳ hạn nào mới được ra. Vì vậy nên ngũ nghịch tội cũng là Ngũ vô gián tội (Phật Học Từ Điển).

²⁷⁰ TỘI TỬ KHÍ: là Dâm, Sát, Đạo (ăn cắp), Vọng (nói dối).

²⁷¹ **BÁT KHÍ:** của Tỳ Kheo Ni: Dâm, Sát, Đạo, Vọng, Xúc, Kỳ, Phú, Tỳ.

²⁷² **CÀN HUỆ ĐỊA:** Địa vị của người đắc trí huệ khô khan. Đó là địa vị ban sơ của Tam Thừa, trí huệ của hạng người ấy còn khô khan, chưa được tiếp ứng với dòng nước Pháp của đức Như Lai. Tâm lòng tham dục và luyện ái của người ấy đã khô khan, căn trong và cảnh ngoài chẳng còn phối hiệp, chất tàn tạ thì còn nhưng nó chẳng sanh ra nữa. Nhơn đó, được trí huệ còn khô khan, chớ chưa trọn nhuận (Phật Học Tự Điển).

²⁷³⁻²⁷⁴ **BỐN MƯỜI BỐN TÂM:** thứ bậc tu của Bồ tát gồm: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương và Tứ Gia Hạnh. Rồi sau mới vào các Địa (thập Địa) đến Đẳng Giác.

²⁷⁵ **MƯỜI HAI LOẠI CHÚNG SANH:** lấy «ê» (thời gian) xen lẫn với «ương» (không gian), lấy phương xen lẫn với thể, nhân thành 12 (3 thời x 4 phương). Vọng kiến của chúng sanh bị giới (không gian) làm cuộc hạn. Vọng niệm làm đổi dời, nên chỗ cảm của các loài cũng chia thành 12 loại gồm có: 1. Loài noãn sanh, 2. Loài thai sanh, 3. Loài thấp sanh, 4. Loài hóa sanh, 5. Loài có sắc, 6. Loài không sắc, 7. Loài có tướng, 8. Loài không tướng, 9. Loài chẳng phải có sắc, 10. Loài chẳng phải không sắc, 11. Loài chẳng phải có tướng, 12. Loài chẳng phải không tướng.

²⁷⁶ **MƯỜI THÂN:** 10 thân Lô Xá Na: dịch là “Tĩnh Mãn” (thanh tịnh, viên mãn): 1- Thân Thanh Văn, 2- Thân Duyên Giác, 3- Thân Bồ Tát, 4- Thân Như Lai, 5- Pháp Thân, 6- Thân Trí Tuệ, 7- Thân Quốc Độ, 8- Thân Nghiệp Báo, 9- Thân Chúng Sanh, 10- Thân Hư Không.

THÂN NHƯ LAI: cũng tự đầy đủ 10 thứ: 1- Thân Bồ Đề, 2- Thân Nguyên, 3- Thân Hóa, 4- Thân Lực, 5- Thân Trang Thân Pháp, 10- Thân Trí Huệ, một thời đều đủ, đây là 10 điều ứng ở nơi quả vị cao tột, như châu Ma Ni, năm phía đều ánh ra. Nay tuy chưa được nhất thiết chủng trí mà trí thể đã đủ, chứng hết thì hiển bày, tùy theo ngôi vị mà hiện ra.

^{277 - 278} **BÓNG TỪ, MÂY DIỆU:** bóng Từ là Bi, Mây Diệu là Trí, Bi Trí đầy đủ mới hay che mát cho chúng sanh.

^{279 - 280} **NGƯỢC DÒNG và THUẬN DÒNG:** Từ Nhơn vào Quả gọi là thuận dòng. Từ Quả vào Nhơn gọi là nghịch dòng. Quả vị của Như Lai đã chứng đến cùng tột, bởi nghĩ đến chúng sanh còn luân hồi, nên thị hiện báo thân và hóa thân. Từ cảnh giới chơn thật vắng lặng mà vào biển sanh tử, đó là ngược biển. Bồ Tát y lời dạy của Như Lai từ biển sanh tử phát căn bản trí, trải qua 5 ngôi vị tu hành, cho đến Đẳng Giác, ấy là thuận hành.

²⁸¹ **NĂM MƯỜI LĂM VỊ:** Từ Càn Huệ Địa trải qua Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Tứ Gia Hạnh, Thập Địa, cộng tất cả là 55 ngôi vị. Đẳng Giác, Diệu Giác chính là quả, tức là con đường Bồ Đề.

²⁸² **PHẬT ĐÁNH:** Tạng Tánh của Như Lai vốn không thể thấy, tánh tướng không hai, nên gọi là Phật Đánh.

²⁸³ **MẬT ẨN:** là chỉ cho tâm chú Bát Đát Ra này là mật ẩn của mười phương Như Lai.

²⁸⁴ **TỠ KHEO NI BỮU LIÊN HƯƠNG:** có 3 điều trái phạm: 1- Phạm giới dâm, 2- Chê bai giới luật, 3- Gây sự hiểu lầm cho người dần dần cho đến tội rất nặng, nên đọa vào ngục A Tỳ.

²⁸⁵ **VUA LƯU LY:** trong Kinh nói: “Lúc ban đầu ở nước Ca Tỳ La Vệ, có 500 vị Trưởng Giả thuộc dòng quý phái Xá Di, vì trọng kính Phật nên tạo giảng đường và phát nguyện rằng: “Từ hàng Sa Môn Phạm Chí cho đến thường dân (dân đen) không ai được lên giảng đường này trước Phật”. Khi ấy nước Xá Vệ có vị Thái Tử tên Lưu Ly và con một vị Phạm Chí tên là Háo Khô, trên đường về thăm quê ngoại, thấy giảng đường cao rộng, hai người dừng lại vào giảng đường, lên pháp tòa của Phật ngồi, liền bị các người thuộc quý phái mắng rằng: “Đồ sanh vật hạ tiện sao dám lên ngôi tòa này” bèn xô đuổi ra. Thái tử Lưu Ly nói với Háo Khô: Dòng họ Thích làm nhục tôi đến như thế, khi tôi tiếp ngôi vương vị, ông hãy nhắc lại chuyện này cho tôi. Sau khi Thái Tử tức vị, Háo Khô đến báo tập hợp binh chủng đánh nước Ca Tỳ La Vệ, giết 30 vạn người Xá Di. Phật nói: “Sau 7 ngày những người ấy sẽ bị

đọa vào địa ngục”.

²⁸⁶ TỖ KHEO THIỆN TINH: Trong Kinh Đại Niết Bàn Phật nói: “Tỳ Kheo Thiện Tinh tuy đọc tụng 12 bộ Kinh, phá hoại được kiết sử trong dục giới, chứng được Tứ Thiên, nhưng ông không hiểu nghĩa một câu một bài kệ, thường gằn gủi bạn ác thói thất Tứ Thiên. Do Thiên Định bị thói thất rồi sanh ác tâm tà kiến, ông nói như vậy: “Không có Phật, không có Pháp, và cũng không có Niết Bàn. Như Lai tuy vì tôi nói Pháp mà tôi cho là không có non quả.” Nay ông ở gần sông Ni Liên Thiên. Đức Như Lai và Ngài Ca Diếp đến chỗ ở của ông. Thiện Tinh nhìn xa thấy Phật đến liền sanh tâm ác tà kiến. Do ác tâm ấy mà ngay thân còn sống rơi vào địa ngục A Tỳ.

²⁸⁷ ĐỊA HÀNH TIÊN: đâm hợp các thứ thuốc làm cao bô. Cao bô thuộc về ngưng trệ, chỉ có thể kiên cố thân thể được nhiều năm, nhưng không thể nhẹ nhàng bay lên, nên thành Địa Hành.

²⁸⁸ PHI HÀNH TIÊN: Cỏ cây phần nhiều có thể sống nhiều năm, chỉ phải uống lâu ngày mới được thành công. So sánh với uống đồ bô có phần nhẹ nhàng hơn, cho nên được Phi Hành (bay lên).

²⁸⁹ DU HÀNH TIÊN: Kim Thạch như nuôi luyện Châu Sa, chín lần chuyển thành đại hoàn. Từ đây về trước đều là nhờ vào sức thuốc bên ngoài.

²⁹⁰ KHÔNG HÀNH TIÊN: “Động dừng” (động tác), nghĩa là dẫn đường cho tinh khí, như pháp Hùng Kinh, Điều thân, từ đây trở xuống đều chấp đủ nơi thân vậy.

²⁹¹ THIÊN HÀNH TIÊN: “Tân Dịch” tức là chất Phục Tân (uống nước miếng) do nước miếng hóa đá mà mồ hôi tự rút lại, da chon hòa tự đủ, nên gọi là Nhuận Đức.

²⁹² THÔNG HÀNH TIÊN: “Tinh Sắc” tức là hấp thụ tinh của mặt trời, hoa của mặt trăng và các thứ thuộc mây, ráng, mù sương. Ở đây tuy nhờ bên ngoài cũng có pháp phù hợp với bên trong. Nếu không như vậy, thì thành bịnh phong tà. “Thông” nghĩa là cùng với khí âm dương thông với nhau .

²⁹³ ĐẠO HÀNH TIÊN: Đây là dùng phù chú để trị bệnh và giải trừ tai ách mà cũng là trợ giúp cho gia đạo được mở rộng công đức cứu tế, gồm nhiếp sự giữ gìn tĩnh lặng, cũng là lý thu thần và kết tụ tinh, nên gọi là Pháp Phụng Hành; mà thực thì chỉ giúp cho nội lực, nên gọi là thuật. Do những việc ấy, nó phổ cập sự vật, nên cũng gọi là Đạo.

²⁹⁴ CHIẾU HÀNH TIÊN: Đây là dùng tâm niệm ngưng tịch, không khởi tướng khác lẫn lộn, thường ôm giữ một cái tịnh, đạo gia gọi là kiến tánh như mặt trời sáng giữa bầu trời trong; mà chẳng biết ấy đồng là việc suy nghĩ, nhớ tưởng thôi.

²⁹⁵ TINH HÀNH TIÊN: “Giao Cầu” nghĩa là thủy hỏa giao cầu. Chỗ tứ đại tạo ra chỉ là nước lửa giúp nhau, thì đất và gió cũng từ đó mà sanh. Đây là từ vị khảm (cung khảm) mà khởi hỏa thẩu thăng đến thượng quan hóa ra thủy để hội về với ly, theo đây mà cảm ứng xoay vần, tự có thể hóa huyết thành tinh, hóa tinh thành khí, cho đến gọi là nam nữ cầu tinh, thì lại là thuyết của Đạo gia.

²⁹⁶ TUYỆT HÀNH TIÊN: Một thân của con người, nếu có chủ thì biến (thay đổi) không chủ thì hóa. Có biến không hóa thì ngưng trệ nơi hình hài, có hóa không biến thì ngày càng đưa đến tiêu tàn. Ở đây nếu giác ngộ thì dứt hết chỗ nơi mà đi, thời tiết nếu đến tự hay tùy ý ẩn hiện xa gần mà không để lại dấu vết. Duy có một loại Tiên này cùng với vị thứ tám ở trước là chánh truyền của Đạo gia, ngoài ra đều là đường tẻ .

²⁹⁷ THIÊN NA: dịch là “Tĩnh lự”. Tĩnh nghĩa là tịch tĩnh; Lự là xét nghĩ. “Tĩnh” là hay đoạn kiết sử; “Lự” thì hay chánh quán.

²⁹⁸ TẬP KHÍ CHÍNH PHẨM: tức là Dục giới, Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên đều có 9 phẩm. Nhị Thừa đoạn cửu địa tư hoặc trong tam giới: $9 \times 9 = 81$ phẩm, thành A La Hán.

²⁹⁹ BA THỨ MÊ LÂM: là Sát Đạo Dâm

³⁰⁰ PHÁP HỮU VI THỂ GIAN: Tất cả pháp thể gian đều do tâm tạo, từ tâm sanh ra không chỗ nào chẳng hiện, nên nói dù được thần thông đều là pháp hữu vi. Nên biết tâm vốn không sanh, sanh ắt về diệt, khi tạo ra nghiệp hoặc, chỗ tạo trọn không mất. Tâm không biết nghiệp, nghiệp không biết tâm, như quả trước sau, tự thành luân chuyển, chẳng phải chỗ của tâm thọ vậy.

³⁰¹ CÔI VỖ LẬU: là côi thật báo phưng tiện của chư Phật, ngoài ta đều do vọng tưởng kiến lập vậy.

³⁰² BIẾT HƯ KHÔNG SANH ... TAN NÁT: Như mê mà có hư không, như hư không mà có thế giới. Khi ngộ thì hư không đều diệt, thì thế giới đâu còn.

³⁰³⁻³⁰⁴⁻³⁰⁵ MẠN, QUÁ MẠN, TĂNG THƯỢNG MẠN: Ngài Tư Trung nói: “Ở đây có 7 thứ ngã mạn: 1- Ý tài mình lấn lướt người, tánh tình cao cử gọi là Ngã Mạn. 2- Mình và người tương đương, so sánh đức hạnh đồng nhau, thì gọi là Mạn. 3- Đối với người khác mình chỉ bằng họ mà cho là mình hơn họ, gọi là Quá Mạn. 4- Người khác hơn mình mà cho mình hơn người, gọi là Mạn Quá Mạn. 5- Chưa được nói là được, gọi là Tăng Thượng Mạn. 6- Tuy biết là thấp kém mà cố tự kiêu căng, gọi là Ty Liệt Mạn. 7- Nếu phá hủy Kinh Tượng, gọi là Tà Mạn.

³⁰⁶ NGỦ SAY NÓI MỐ: đây là dụ cho Tướng ám che đậy, ban ngày bị vọng tưởng, ban đêm thành ra thấy mộng, tức dễ thiết lập thí dụ, cũng tự có chỗ tiêu biểu.

³⁰⁷ VỌNG TƯỚNG DUNG THÔNG: Tướng hay dung biến khiến tâm theo căn cảnh và cũng khiến căn cảnh theo tâm; như tướng me chua thì nước bọt trong miệng chảy ra. Căn, cảnh, thức, cả ba đồng thời đều biến khắp. Nên nói là vọng tưởng dung ³⁰⁷ KHẾ HỢP: Tâm ưa muốn thâm hợp, là muốn thâm hợp với chơn lý. Người tu thiền sanh tâm muốn thâm khế hợp, nên ma gá vào người, khiến người ấy và thính giả chỉ tự khai ngộ, tự biết tức mạng thông, tự biết tha tâm thông, và mỗi mỗi các việc khác đều tương ứng với chỗ thâm khế hợp.

³⁰⁸ KHẾ HỢP: Tâm ưa muốn thâm hợp, là muốn thâm hợp với chơn lý. Người tu thiền sanh tâm muốn thâm khế hợp, nên ma gá vào người, khiến người ấy và thính giả chỉ tự khai ngộ, tự biết tức mạng thông, tự biết tha tâm thông, và mỗi mỗi các việc khác đều tương ứng với chỗ thâm khế hợp.

³⁰⁹ THAM CẦU CÁI RỘNG KHÔNG SÂU NHIỆM: Đây là do không mà cảm, kia cũng do không mà ứng, đều là do chấp Pháp ngoài tâm, mất hết Tam Muội chơn chánh.

³¹⁰ TIỀN TRẦN THÔ TRỌNG: do khi thức có tướng nên khi ngủ có mộng, nay tướng ám đã hết, thì khi ngủ cũng như khi thức. Do không có tướng nên không có mộng, không mộng nên luôn luôn một thể. «ô trọng» là phiến não.

³¹¹ U ẨN VỌNG TƯỚNG: Hành ám hết, trở về cội gốc, cội gốc đứng lặng, tập khí xoay trở lại, nên nói như sóng mồi diệt, hóa là nước đứng lặng. Chúng sanh sanh diệt không dừng, nên hành ám hết tức vượt khỏi chúng sanh trước. Cái sanh diệt vi tế này rất là u ẩn, nên nói «cội gốc là u ẩn vọng tướng».

³¹² TÁNH BỒ ĐỀ: Kinh Niết Bàn nói: «ê nào gọi là chánh biến tri?» «Ánh» nghĩa là không điên đảo; «ên tri» là đối với bốn món điên đảo (Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã) đều thông đạt. Lại «ánh» nghĩa là gọi trúng với thế giới. «En tri» là biết rốt ráo trúng trong việc tu tập chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay đối việc tu tập bỗng khởi lên vọng chấp, nên nói mất hết tánh Bồ Đề.

³¹³ RỐT RÁO THƯỜNG: Đây là riêng xét về quốc độ, tức là cho cái hoại diệt hiện tiền đó là vô thường. Còn cái không hoại diệt hiện tiền đó là rốt ráo thường. Như từ cội Tam Thiên trở xuống tam tai phá hoại được. Tứ Thiên trở lên tam tai không thể phá hoại, ấy là chỗ rốt ráo Niết Bàn.

³¹⁴ PHẦN VỊ: có bốn: Phần vị tam tế, Phần vị kiến văn, Phần vị bi ngã và Phần vị sanh diệt. Chấp phần vị này cho là vô biên mà thành hữu biên.

³¹⁵ LUẬN VÔ TƯỚNG: Sắc là hình (thân), tướng là tâm. Thọ duyên sắc tâm dính liền lẫn nhau, nay đều đã diệt, nên nói tánh của ám tiêu tán. Sanh lý là chỉ cho hành ám; do không có tướng thọ thì hành không có chỗ gá,

tuy có mà như không cái nhân. Hiện tiền đã không, thì hiện cái quả về sau cũng diệt nên lập thành tám tướng.

³¹⁶⁻³¹⁷⁻³¹⁸⁻³¹⁹ **NĂNG PHI NĂNG....CÙNG KHẮP VIÊN MÃN:** Bám lấy thức làm thể hay sanh ra vạn vật. Trước lấy thức là chỗ trở về, nay lấy ngã làm chỗ năng sanh (hay sanh ra). Đây chính là cái chấp của Đại Tự Tại Thiên. «Ën Vô Biên Thân» nghĩa là mình hay hiện ra vô biên thân của chúng sanh, vọng chấp ngã hay làm (năng), mà không phải thật hay làm, nên gọi là chấp cái Năng Phi Năng. Song đã lập tâm năng vi thì ắt phải thành cái quả năng sự. Sanh Đại Mạn Thiên tức là cái quả năng sự vậy. Đại Mạn tức là Ma Hê, không năng mà gọi là năng, nên gọi là Đại mạn. **MA HÊ THỦ LA THIÊN:** qua khỏi Sắc Cứu Cánh, riêng có một cõi Trời, nên nói cõi Trời ấy ở trên đảnh cõi Sắc, chứ chẳng phải là Sắc Cứu Cánh. Ma Ha Thủ La có 3 con mắt, 8 cánh tay, tức là Đại Tự Tại Thiên, là chỗ tông qui của ngoại đạo.

³²⁰ **CHẤP TRI VÔ TRI:** Quán thức có hiểu biết, thấy tất cả vạn vật đều do thức biến hiện, nên cho rằng cỏ cây muời phương đều là hữu tình, cùng với người không khác. Cỏ cây làm người, người làm cỏ cây, không lựa chọn hữu tình hay vô tình, đều là một tánh hiểu biết cùng khắp. Cỏ cây không có hiểu biết, nên nói chấp Tri Vô Tri.

³²¹⁻³²² **BÀ TRA, TIÊN NI:** là hai vị Phạm Chí. Đức Như Lai vì hai vị ấy mà nói rộng pháp Thường và Vô Thường Niết Bàn là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, nên đều chứng được con mắt Chánh pháp, thành quả A La Hán.

³²³ **CHẤP SANH VÔ SANH:** Đây cũng do chưa thâm đạt được cội gốc của tánh giác, chẳng biết tứ đại chủng tử vọng tưởng sanh, vốn không phải là thường trụ, thì đâu có thể phát sanh ra quả thường trụ, nên nói là chấp «vô sanh».

³²⁴ **ĐIÊN HÓA:** Bởi người tu tâm, mà trở lại theo vật để cầu hiệu nghiệm, thật thể đó là chỗ nói lý «điên đảo hóa».

³²⁵ **CHẤP QUY VÔ QUY:** Đây là ở trong cảnh viên minh của thức âm, thấy sanh diệt đã hết, rỗng không, không hình tượng, chấp cái Không này làm chỗ quy y, liền muốn sa vào chỗ tiêu diệt sự biến hóa (quần hóa). Quần hóa nghĩa là căn thân và khí giới. Đây tức là chur thiên trong tứ không vô tướng. Trở về mà chẳng có chỗ để trở về, nên gọi là chấp Quy vô Quy.

³²⁶ **THUẬN NHÃ ĐA:** là chỗ trống không. Chấp Không làm Niết Bàn nên chỉ thành đoạn diệt.

³²⁷ **CHẤP THAM PHI THAM:** Thức thể viên thường, không phải chơn thật thường trụ, do diệt hết hành âm mà hiện bày cái lặng lẽ, hợp với lặng lẽ làm cho là thường. Đã chẳng phải tỏ ngộ, lại muốn cùng cố cái thân đồng với tinh viên, tham muốn lưu lại mãi cái hư huyền, giả dối, sống lâu nhiều kiếp như số vi trần, nên gọi là chấp Tham Phi Tham.

³²⁸ **TIÊN A TƯ ĐÀ:** dịch là Vô Tỷ. Tên một vị tiên thời xưa.

³²⁹ **VỌNG DIÊN:** Kéo dài sự hư dối.

³³⁰ **CHẤP CHƠN VÔ CHƠN:** Thức là cội gốc của mạng, thông suốt lẫn nhau, có ý liên lạc và giữ gìn, sự thức diệt hết, thân thọ đều mất, nên chỗ mê diệt này, biến hóa ra nhiều dục trần, lấy đó tự cho là yên ổn. Toan muốn trở về chơn, mà trái lại cố lưu giữ nơi tục, nên nói là Chấp Chơn Vô Chơn. Nhơn cái tà chấp này mà khởi lên những việc trần lao.

³³¹ **CA CHỈ CA LA:** ở trên đảnh cõi Tự Tại Thiên Dục giới.

³³²⁻³³³ **ĐỊNH TÁNH THANH VẤN, VÔ VẤN:** Thức là cội gốc của sanh mạng, thể nó tự viên minh nên gọi là mạng minh. Thức viên minh này tự hay phân biệt Khổ Đế và Tập Đế của hữu lậu là thô, là ngục; Đạo đế và Diệt Đế vô lậu là tinh và chơn. Do biết cái nhơn đoạn, nên thành tựu được quả tu chứng. Nhơn cảm quả ứng, đây là Định Tánh Thanh Văn. Lại chẳng cầu tiến thêm nữa nên đức Như Lai gọi là Ngu Pháp, cũng gọi kẻ Tăng Thượng Mạn.

³³⁴ TRIỀN KHÔNG: nghĩa là bị cái Không trói buộc, mê trái với bảo giác, đồng với hàng Vô Văn, là kẻ đáng thương xót vậy.

³³⁵ ĐỊNH TÁNH BÍCH CHI: Kinh Viên Giác nói, người tâm vắng lặng, gọi đây là tánh trạm minh, vì còn sót lại diệu dụng, nên nói rằng giống «ăng hóa viên». Các duyên là Duyên giác, Độc Luân là định tánh Độc Giác. Duyên giác là y nơi giáo lý các duyên, chỉ rời các pháp duyên sanh giả dối, gọi là giải thoát. Định tánh Duyên Giác không nương theo lời Phật dạy, chỉ riêng ở nơi núi rừng, quán sự thanh suy của bốn mùa, liền lập thành Niết Bàn rốt ráo.

³³⁶ BIẾN DIỆU TRANG NGHIÊM: là phước đầy đủ.

³³⁷ VIÊN MÃN BỒ ĐỀ: nghĩa là huệ đầy đủ.

³³⁸ VỀ CHỖ VÔ SỞ ĐẮC: Kinh Bát Nhã dạy: «ở chỗ đức Phật Nhiên Đăng, thật không có một pháp có thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác». Đến đây có thể biết tất cả chúng sanh đã chứng Viên Giác ấy là lời nói chơn, là lời nói thật vậy.

³³⁹ VỌNG TƯỚNG KIÊN CỐ THỨ NHỨT: Thân thể do vọng tưởng sanh (tưởng của mình và tưởng của cha mẹ thành đồng tưởng), thì toàn thể thành vọng. Tưởng vị chua thì trong miệng chảy nước bọt; tưởng lên cao thì trong lòng bàn chân ghê rợn. Đây là để thấy đồng loại hư vọng «vọng tưởng kiên cố», nghĩa là trong cái tưởng yêu và ghét rất là kiên cố; sắc tướng là chất ngại, cũng có nghĩa là «ên cố».

³⁴⁰ VỌNG TƯỚNG HƯ MINH THỨ HAI: Do nhơn thật nhận thọ sự ghê rợn, nên biết thọ hay xúc động thân thể. «Nghịch thuận» tức là hai thọ: Khổ và Vui. «Nên đang dong ruổi nơi ông», cũng là thọ hay xúc động thân thể. «ư» nên hay lãnh nạp, «» nên hay rõ biết vị, đều là trạng thái cùng tột Thọ là Hư Vọng.

³⁴¹ VỌNG TƯỚNG DUNG THÔNG THỨ BA: Đây là nêu lên sắc thân thường bị niệm lự sai khiến, dùng để hiển bày tướng âm dung thông, khắp nơi thân thể, thông cả khi thức, lúc ngủ, toàn thể là giác tâm do vọng tình mà có giao động. Chúng sanh trong mê thật không thể tự giác vậy.